

Số: **11517**/BTC-QLBHHà Nội, ngày **8** tháng **11** năm **2022**


V/v thẩm định hồ sơ dự thảo
Nghị định quy định chi tiết một
số điều của Luật KDBH

Kính gửi: Bộ Tư pháp


Thực hiện Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 3, Bộ Tài chính được giao xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm theo trình tự, thủ tục rút gọn. Đến nay, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị định để hoàn thành hồ sơ dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Quý Bộ hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm để thẩm định. Hồ sơ gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
2. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan, Hiệp hội bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và đối tượng khác chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị định.

Rất mong nhận được sự hợp tác chặt chẽ của Quý Bộ. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLBH. 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Cao Anh Tuấn**

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 2 Điều 88, khoản 1 và 4 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, Khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143, khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe (sau đây gọi là doanh nghiệp bảo hiểm), doanh

ng nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

3. Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

5. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Điều 3. Nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

1. Các loại nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ bao gồm:

a) Bảo hiểm trọn đời;

b) Bảo hiểm sinh kỳ;

c) Bảo hiểm tử kỳ;

d) Bảo hiểm hỗn hợp;

đ) Bảo hiểm trả tiền định kỳ;

e) Bảo hiểm liên kết đầu tư;

g) Bảo hiểm hưu trí.

2. Việc triển khai các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 và 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Các loại nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm:

1. Bảo hiểm tài sản;

2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển;

3. Bảo hiểm hàng không;

4. Bảo hiểm xe cơ giới;

5. Bảo hiểm cháy, nổ;

6. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;

7. Bảo hiểm trách nhiệm;

8. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;

9. Bảo hiểm nông nghiệp;

10. Bảo hiểm bảo lãnh.

11. Bảo hiểm thiệt hại khác.

Điều 5. Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Các loại nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe bao gồm:

1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể;
2. Bảo hiểm chi phí y tế.

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý bảo hiểm do Bộ Tài chính xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất.

2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các thông tin liên quan đã được thu thập, xử lý, số hóa, tích hợp và lưu trữ trên các hệ thống công nghệ thông tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chính sách, thống kê, dự báo và quản lý giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo lập môi trường cho việc áp dụng các mô hình phân tích dữ liệu cơ bản phục vụ hoạt động quản lý, giám sát bảo hiểm.

3. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được cập nhật, duy trì thường xuyên, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Kinh doanh bảo hiểm có trách nhiệm thực hiện kết nối và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp phát hiện thông tin không đầy đủ hoặc không chính xác, tổ chức cung cấp thông tin phải rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và báo cáo Bộ Tài chính.

b) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, thể hiện lịch sử các lần cập nhật, chỉnh sửa thông tin; được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

c) Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, duy trì, nâng cấp và quản lý Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Nội dung Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm:

1. Nhóm thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp), văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam:

a) Các thông tin về giấy phép và điều chỉnh giấy phép;

b) Thông tin về tình hình tài chính và hoạt động nghiệp vụ của Doanh nghiệp:

- Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ, báo cáo tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm, báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro, các báo cáo khác của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 106 của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ, báo cáo đột xuất, cung cấp thông tin, số liệu khác của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ và báo cáo khác theo quy định tại Điều Nghị định số ... quy định về bảo hiểm vi mô.

c) Các thông tin về người quản lý, giám sát doanh nghiệp, gồm: Văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc các lĩnh vực khác tương ứng với từng chức danh quy định tại Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88 và Điều 89 Nghị định này.

2. Nhóm thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và phát sinh mới trong kỳ báo cáo, bao gồm:

a) Đối với bảo hiểm nhân thọ: Thông tin về số lượng người được bảo hiểm (chi tiết theo rủi ro được bảo hiểm, độ tuổi tham gia bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, năm hợp đồng bảo hiểm xảy ra rủi ro, giới tính, thói quen sinh hoạt ảnh hưởng tới sức khỏe), xác suất người được bảo hiểm còn sống theo từng năm và các thông tin khác có liên quan phục vụ xây dựng các tỷ lệ rủi ro bảo hiểm;

b) Đối với bảo hiểm sức khỏe: Thông tin về số lượng hợp đồng bảo hiểm, số lượng người được bảo hiểm, số lượng hồ sơ bồi thường, tổng số tiền chi trả bảo hiểm (chi tiết theo độ tuổi, giới tính, quyền lợi bảo hiểm) và các thông tin khác có liên quan phục vụ xây dựng các tỷ lệ rủi ro bảo hiểm;

c) Đối với bảo hiểm phi nhân thọ: Thông tin về số lượng hợp đồng bảo hiểm, tổng số tiền bảo hiểm, số lượng hồ sơ bồi thường bảo hiểm, tổng số tiền bồi thường bảo hiểm (chi tiết theo đối tượng bảo hiểm; chủng loại và mục đích

sử dụng trong trường hợp đối tượng bảo hiểm là tài sản) và các thông tin khác có liên quan phục vụ xây dựng các tỷ lệ rủi ro bảo hiểm.

3. Nhóm thông tin về đại lý bảo hiểm trong kỳ báo cáo, bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm, tình trạng hoạt động, ngày ký hợp đồng đại lý bảo hiểm, ngày chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm (nếu có);

b) Thông tin về đại lý vi phạm quy định hoạt động, đại lý bảo hiểm bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm.

4. Nhóm thông tin về thi, cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, gồm: Thông tin định danh của người được cấp chứng chỉ; Tên loại chứng chỉ; Tên cơ sở đào tạo; Mã số kỳ thi; Quyết định phê duyệt kết quả thi.

5. Nhóm thông tin quản lý giám sát và xử phạt vi phạm hành chính liên quan hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

6. Nhóm các thông tin, số liệu thống kê về kinh tế, xã hội khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết biểu mẫu các thông tin quy định tại khoản 1 đến khoản 6 Điều này.

Điều 8. Thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

1. Trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin:

a) Thông tin quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 7 Nghị định này do doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam cung cấp;

b) Thông tin quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô cung cấp;

c) Thông tin quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 7 Nghị định này do Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) cập nhật.

d) Các thông tin kinh tế - xã hội khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này được kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức chia sẻ, cung cấp thông tin:

Việc chia sẻ, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện dưới các hình thức trực tuyến (kết nối hoặc đồng bộ hóa) tại Cổng thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử đã được ký số.

3. Thời hạn chia sẻ, cung cấp, cập nhật thông tin:

a) Thông tin quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 5 Điều 7 Nghị định này được cung cấp, cập nhật ngay sau khi phát sinh thay đổi nội dung thông tin hoặc kể từ ngày xử phạt vi phạm hành chính;

b) Thời hạn cung cấp thông tin quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều 106, khoản 5 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm về báo cáo và cung cấp thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Thông tin quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này được cung cấp định kỳ hàng năm, chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

d) Thông tin quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định này được cung cấp, cập nhật định kỳ hàng quý, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

đ) Thông tin quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này được kết nối, chia sẻ theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan các mẫu biểu chi tiết, cấu trúc, định dạng dữ liệu các thông tin cung cấp, chia sẻ, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Điều 9. Sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1. Việc sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bộ Tài chính sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật và thông tin, số liệu thống kê chung về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường bảo hiểm do Bộ Tài chính công khai trong từng thời kỳ

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 10. Kết nối Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Việc kết nối Cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định

tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước.

CHƯƠNG II

DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Mục 1

CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Điều kiện về tài chính để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Tổ chức góp từ 10% vốn điều lệ trở lên thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điều 64, 65, 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về tài chính sau đây:

a) Tổ chức góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu lớn hơn hoặc bằng số vốn dự kiến góp;

b) Trường hợp tổ chức góp vốn là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán thì các tổ chức này phải đảm bảo duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

c) Trường hợp tổ chức góp vốn là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài thì phải đảm bảo duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi các tổ chức này đóng trụ sở chính cho phép việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính không có yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

d) Có báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài khi thành lập chi nhánh tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về tài chính sau đây:

a) Điều kiện quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều này;

b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nơi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đóng trụ sở chính xác nhận đảm bảo duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm, công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin, của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

5. Danh sách thành viên góp vốn và các giấy tờ kèm theo sau đây:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Điều lệ công ty;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm báo cáo tài chính của công ty con đó. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm,

tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đều phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam).

g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

h) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

6. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.

7. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.

8. Biên bản họp của các thành viên góp vốn (đối với hồ sơ đề nghị thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên) về việc:

a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm, kèm theo danh sách các thành viên góp vốn;

b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.

9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đóng trụ sở chính xác nhận:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng

xác nhận việc này;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

10. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

11. Văn bản cam kết của các thành viên góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

12. Văn bản chứng minh tổ chức góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

13. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người đại diện theo

pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

5. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập là cá nhân:

a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định;

b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.

6. Hồ sơ của cổ đông góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Điều lệ công ty;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm báo cáo tài chính của công ty con đó. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đều phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam).

g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

h) Tài liệu chứng minh tổ chức này tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

8. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.

9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng cổ đông, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.

10. Biên bản họp của các cổ đông về việc:

a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông và cổ đông sáng lập ;

b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.

11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

12. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

13. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đóng trụ sở chính xác nhận:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi tổ chức này đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

14. Văn bản cam kết của các cổ đông đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

15. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu đáp ứng điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đã được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phê chuẩn.

3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương thức trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

5. Tài liệu về doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Điều lệ công ty;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài quyết định việc thành lập chi nhánh tại Việt Nam;

d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

e) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ phát sinh của chi nhánh tại Việt Nam;

g) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

6. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn được cấp gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.

7. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đóng trụ sở chính xác nhận:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

8. Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này và các khoản 1, 2 Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

9. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu đáp ứng điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Điều 15. Tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu

1. Hồ sơ, tài liệu nộp Bộ Tài chính phải được lập thành 01 bộ bản chính, trường hợp hồ sơ có tài liệu tiếng nước ngoài thì hồ sơ gồm 01 bản chính tiếng Việt và 01 bản chính tiếng Anh. Hồ sơ, tài liệu phải đáp ứng các quy định sau đây:

a) Các tài liệu có chữ ký, chức danh và con dấu nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại hồ sơ đề nghị phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị, trừ các tài liệu sau đây: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép; Bản sao thẻ căn cước công dân

hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp; Văn bản ủy quyền; Văn bản cam kết;

b) Trường hợp hồ sơ có tài liệu là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc chứng thực;

c) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài, mỗi bộ gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh, trừ các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam;

d) Tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền. Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

đ) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

e) Sơ yếu lý lịch phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 6 tháng;

g) Các xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam quy định tại Nghị định này phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;

h) Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận, giả mạo các giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thì trong vòng 05 năm kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian lận, giả mạo giấy tờ tài liệu tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Bộ Tài chính có quyền từ chối xem xét cấp Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân này.

3. Khi các loại giấy tờ về pháp lý, nhận dạng, cư trú của công dân thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân thì Bộ Tài chính có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; nộp trực tiếp tại Bộ Tài chính hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nếu đủ điều kiện áp dụng.

2. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, nếu hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Thời hạn bổ sung, sửa đổi hồ sơ của chủ đầu tư tối đa là 06 tháng kể từ ngày ra thông báo. Trường hợp chủ đầu tư không bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, Bộ Tài chính có văn bản từ chối xem xét cấp Giấy phép.

Tổng thời gian để tổ chức, cá nhân bổ sung, sửa đổi hồ sơ tối đa là 12 tháng kể từ ngày Bộ Tài chính thông báo lần đầu. Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân không hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, Bộ Tài chính có quyền từ chối xem xét cấp Giấy phép.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do. Bộ Tài chính chỉ được từ chối cấp Giấy phép khi tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn hoặc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam dự kiến thành lập không đáp ứng đủ điều kiện, hồ sơ cấp Giấy phép theo quy định tại Nghị định này hoặc tổ chức, cá nhân gian lận, giả mạo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 17. Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động

1. Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, d và e khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản xác định các hành vi vi phạm (đối với trường hợp quy định tại điểm a, d) hoặc nhận được thông báo về việc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bị phá sản, thu hồi giấy phép, Bộ Tài chính ra công văn yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực hiện các nội dung sau:

- Dừng ngay việc giao kết các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm mới, không được ký mới, ký gia hạn các hợp đồng khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm;

- Thực hiện chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm.

b) Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được công văn của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

nước ngoài phải hoàn thành việc chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 35 Nghị định này.

c) Trong thời hạn 14 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài về việc hoàn thành chuyển giao hợp đồng, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

d) Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các thủ tục giải thể, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 115 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, thủ tục thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 14 làm việc kể từ ngày ký biên bản xác định các hành vi vi phạm (đối với trường hợp quy định tại điểm a, d) hoặc nhận được thông báo về việc doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài bị phá sản, thu hồi giấy phép, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài.

b) Sau khi nhận quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phải dừng ngay việc giao kết các hợp đồng tái bảo hiểm mới, không được ký mới, ký gia hạn các hợp đồng khác. Doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện các thủ tục giải thể, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 115 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện các thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 115 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

4. Đối với các trường hợp bị chia, tách, bị sáp nhập, hợp nhất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh

ngành tái bảo hiểm tham gia hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập đồng thời với việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau chia tách, hợp nhất, sáp nhập.

5. Đối với trường hợp tự nguyện giải thể, chấm dứt hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong thời hạn 14 ngày sau khi nhận được đầy đủ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài về việc hoàn thành chuyển giao hợp đồng và các thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 115 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm của Tòa án có hiệu lực theo quy định pháp luật, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Mục 2

THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 18. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm đặt trụ sở chính (đối với việc thay đổi trụ sở chính);

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 19. Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm muốn tăng vốn điều lệ, chi nhánh nước ngoài muốn tăng vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Việc tăng vốn điều lệ, vốn được cấp được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam;

b) Cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài;

c) Sau khi tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải bảo đảm đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.

Đối với các công ty cổ phần được thành lập trước thời điểm 01/01/2023, việc đáp ứng quy định về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần quy định tại điểm này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2026.

d) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện bổ sung vốn điều lệ từ nguồn vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn mới thì cổ đông, thành viên góp vốn mới này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc để tăng vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm), vốn được cấp (đối với chi nhánh nước ngoài) bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp), trong đó nêu rõ số vốn tăng thêm, phương thức tăng vốn và thời gian thực hiện;

c) Phương án huy động và sử dụng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;

d) Danh sách thành viên dự kiến góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), cổ đông dự kiến sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty cổ phần) sau khi tăng vốn; Tài liệu chứng minh các cổ đông, thành viên góp vốn mới đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật kinh doanh bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối

với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.

3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện phát hành theo quy định của Luật chứng khoán.

5. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoàn thành việc thay đổi vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) theo phương án thay đổi vốn đã được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Xác nhận của ngân hàng về việc các cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn đã nộp đủ số vốn tăng thêm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đã cấp đủ vốn tăng thêm cho chi nhánh nước ngoài (đối với trường hợp tăng vốn) vào tài khoản phong tỏa; hoặc xác nhận đã đăng ký bổ sung chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần;

c) Các tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.

6. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

7. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, nếu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không thực hiện được phương án thay đổi mức vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp bổ sung vốn điều lệ nhằm đáp ứng quy định về quản lý vốn chủ sở hữu tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

Điều 20. Giảm vốn điều lệ, vốn được cấp

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài muốn giảm vốn điều lệ, vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tài chính theo quy định tại Nghị định này.

b) Sau khi giảm vốn điều lệ, vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài vẫn phải đảm bảo các quy định về vốn, biên khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề giảm vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm), vốn được cấp (đối với chi nhánh nước ngoài) bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị được thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc giảm vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, trong đó nêu rõ số vốn giảm, phương thức giảm vốn và thời gian thực hiện.

c) Phương án giảm vốn điều lệ hoặc vốn trong đó chứng minh được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc về việc giảm vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoàn thành việc giảm vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc giảm vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) theo phương án đã được Bộ Tài chính chấp thuận trong đó nêu rõ kết quả các chỉ tiêu tài chính sau khi hoàn thành việc giảm vốn điều lệ.

b) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã hoàn tất việc chi trả, thanh toán cho các cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn; chi nhánh nước ngoài đã chuyển trả doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đủ số vốn giảm (đối với trường hợp giảm vốn);

5. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

6. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị giảm vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, nếu doanh nghiệp bảo

hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không thực hiện được phương án thay đổi mức vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

7. Không thực hiện việc giảm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 21. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài muốn mở rộng nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các quy định về khả năng thanh toán;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin mở rộng nội dung và phạm vi hoạt động;

c) Trường hợp mở rộng nội dung để triển khai sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm bảo hiểm hưu trí, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Trường hợp triển khai bảo hiểm liên kết đầu tư: có biên khả năng thanh toán cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu hai trăm (200) tỷ đồng Việt Nam.

- Trường hợp triển khai bảo hiểm hưu trí: có biên khả năng thanh toán cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu 300 tỷ đồng.

- Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai của từng nghiệp vụ theo hướng dẫn tại Phụ lục 1, 2 Nghị định này.

d) Trong trường hợp mở rộng nội dung để triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm phải có khả năng định giá tài sản và các đơn vị của các quỹ liên kết đơn vị khách quan, chính xác theo định kỳ tối thiểu một (01) tuần một (01) lần và công bố công khai cho bên mua bảo hiểm về giá mua, giá bán đơn vị quỹ; thành lập Hội đồng đầu tư, sử dụng công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát đáp ứng các quy định tại Phụ lục 2 Nghị định này.

đ) Trường hợp mở rộng triển khai các nghiệp vụ bảo hiểm có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn riêng thì thực hiện theo văn bản đó.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam muốn thu hẹp nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hiện tại đối với nhà nước;

b) Việc thu hẹp nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động không gây thiệt hại đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm và các đối tượng khác có liên quan;

c) Đã được Bộ Tài chính chấp thuận việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Các tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp mở rộng nội dung hoạt động để triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:

- Tóm tắt nội dung chính của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư dự kiến triển khai; chính sách đầu tư của quỹ liên kết đầu tư; phương pháp, cơ sở tính phí; tài liệu giới thiệu sản phẩm; tài liệu minh họa bán hàng, mẫu giấy yêu cầu bảo hiểm; mẫu giấy chứng nhận bảo hiểm; bảng phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm của khách hàng và các loại giấy tờ khác mà khách hàng phải kê khai và ký vào khi mua bảo hiểm hoặc khi điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm;

- Giải trình cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm cho việc triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, bao gồm: Hệ thống công nghệ thông tin; hệ thống kế toán, trong đó có mô tả chi tiết phương án xử lý của doanh nghiệp bảo hiểm đối với quỹ liên kết đầu tư trong các trường hợp: khách hàng yêu cầu trả tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm; khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn; khách hàng yêu cầu rút một phần phí bảo hiểm, tạm ứng từ giá trị hoàn lại, đáo hạn hợp đồng bảo hiểm; khách hàng yêu cầu chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị; quỹ liên kết đơn vị bị định giá sai trong trường hợp triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và các trường hợp khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm dự kiến triển khai;

- Quy trình tuyển chọn, đào tạo, quản lý đại lý phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; kênh phân phối và cách thức quản lý các đại lý thực hiện tư vấn, giới thiệu, chào bán và thu xếp việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Đối với trường hợp mở rộng triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm phải cung cấp thêm các tài liệu sau: Danh sách sách quỹ liên kết đơn vị, chính sách đầu tư mà doanh nghiệp bảo hiểm dự kiến áp dụng đối với các tài sản thuộc từng quỹ liên kết đơn vị; Cơ sở phân bổ các khoản phí bảo hiểm và chi phí giữa các quỹ liên kết đơn vị; Phương pháp định giá các đơn vị quỹ liên kết đơn vị; văn bản

chứng minh trình độ, năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của các thành viên Hội đồng đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Phụ lục 2 Nghị định này; Tài liệu chứng minh việc Công ty quản lý quỹ đáp ứng các điều kiện quy định tại Phụ lục 2 Nghị định này.

- Cam kết bằng văn bản kèm theo giải trình chi tiết về việc doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp mở rộng nội dung hoạt động để triển khai nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:

- Tóm tắt nội dung chính của sản phẩm bảo hiểm hưu trí dự kiến triển khai, bao gồm các thông tin về thị trường mục tiêu của sản phẩm, các quyền lợi bảo hiểm dự kiến cung cấp; phương pháp, cơ sở tính phí; tài liệu giới thiệu sản phẩm; tài liệu minh họa bán hàng, mẫu giấy yêu cầu bảo hiểm; mẫu giấy chứng nhận bảo hiểm; và các loại giấy tờ khác mà khách hàng phải kê khai và ký vào khi mua bảo hiểm hoặc khi điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm;

- Giải trình cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm cho việc triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí, bao gồm: hệ thống công nghệ thông tin; hệ thống kế toán; quy trình tuyển chọn, đào tạo, quản lý đại lý phân phối sản phẩm; nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm hưu trí; danh sách và hồ sơ của các cán bộ đào tạo đại lý bảo hiểm hưu trí;

- Chi tiết phương án xử lý và các tài liệu cung cấp cho khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm đối với việc triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện trong các trường hợp: khách hàng yêu cầu trả tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm; khách hàng yêu cầu chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí; đáo hạn hợp đồng bảo hiểm và các trường hợp khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản;

- Cam kết bằng văn bản kèm theo giải trình chi tiết về việc doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị thu hẹp nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thu hẹp nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc thu hẹp nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Các tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Hồ sơ chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ

1. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để chiếm trên 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, Điều 65, Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình doanh nghiệp và Điều 11 Nghị định này;

d) Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.

2. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng phần vốn góp; Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ và doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao dịch chuyển nhượng thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết.

d) Bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc về chuyển nhượng (trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ xin chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đối với các cổ đông là tổ chức; Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng;

e) Văn bản cam kết của các cổ đông đối với việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn ba 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp;

b) Các tài liệu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này đối với trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết;

c) Văn bản xác nhận của các bên về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan trong việc chuyển nhượng phần vốn góp;

d) Xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền;

đ) Xác nhận về việc hoàn thành các nghĩa vụ về thuế liên quan đến việc chuyển nhượng (nếu có).

5. Trường hợp không thực hiện được phương án chuyển nhượng vốn đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài về kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Điều 23. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động doanh nghiệp

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân dự kiến góp vốn vào doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, Điều 65, Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình doanh nghiệp và Điều 11 Nghị định này;

d) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành khi sau chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.

2. Hồ sơ đề nghị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp;

c) Báo cáo về phương án phân chia, xử lý hợp đồng còn hiệu lực với khách hàng, nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ với Nhà nước, cam kết với người lao động khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua, bán, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

d) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động;

đ) Bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc về hợp nhất, sáp nhập (trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

e) Ý kiến của cơ quan thẩm định giá, trong đó nêu rõ việc xác định tỷ lệ chuyển đổi cổ phần hoặc định giá phân vốn góp (đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập); xác định giá trị tài sản phân chia cho các bên (đối với trường hợp chia, tách);

g) Bản sao công chứng báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho ba (03) năm liền kề trước năm xin hợp nhất, sáp nhập của tổ chức sáp nhập, hợp nhất với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

h) Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân góp vốn và doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến được thành lập sau khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Trường hợp không thực hiện được phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm về kết quả thực hiện phương án chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Điều 24. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán.

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm hoặc thay đổi các chức danh sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;
- b) Tổng giám đốc (Giám đốc);
- c) Chuyên gia tính toán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán dự kiến được bổ nhiệm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chuyên gia tính toán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này.

3. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài);

c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Nghị định này; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; sơ yếu lý lịch, bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến

được bổ nhiệm hoặc thay đổi. Trường hợp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch công chứng;

d) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng giám đốc (Giám đốc) và chuyên gia tính toán sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 25. Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính kèm các tài liệu sau:

a) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.

b) Báo cáo trách nhiệm, các vấn đề phát sinh và phương án xử lý khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đảm bảo không gây thiệt hại đến các nghĩa vụ hiện tại đối với nhà nước, quyền lợi của bên mua bảo hiểm và các đối tượng khác có liên quan.

c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện trong trường hợp mở, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 26. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài hoặc chuyển đổi văn phòng đại diện ở nước ngoài thành chi nhánh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu được quy định tại Điều 38 Nghị định này;

b) Đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại thời điểm nộp báo cáo gần nhất;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với tổng số tiền từ 400 triệu đồng trở lên trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Đáp ứng các quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Điều 50 Nghị định này;

đ) Có hồ sơ đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài hoặc chuyển đổi văn phòng đại diện ở nước ngoài thành chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài hoặc chuyển đổi văn phòng đại diện ở nước ngoài thành chi nhánh bao gồm:

a) Văn bản đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định pháp luật;

d) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu và biên khả năng thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Mục 3

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 27. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Có bằng đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Trong vòng một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà soát, bảo đảm đáp ứng quy định này.

3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

6. Kiểm soát viên chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; Ban kiểm soát phải bảo đảm số thành viên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 28. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp. Trong vòng một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà soát, bảo đảm đáp ứng quy định này.

3. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán.

Điều 29. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp.

3. Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.

4. Có tối thiểu 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này có hiệu lực sau 01 (một) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 30. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

2. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 10 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm kể từ khi là thành viên chính thức (Fellow) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.

3. Không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.

4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.

5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Quy định này không áp dụng đối với các chức danh chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

Điều 31. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Là thành viên (Associate) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và có bằng chứng chứng minh đã thi đạt tối thiểu 02 môn thi (exam) của một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc các bằng chứng chứng minh đã thi đạt các môn thi theo khóa học, chương trình đào tạo chuyên ngành tính toán được các Hội trên công nhận tương đương với 02 môn thi của Hội.

Sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tối thiểu là thành viên (Associate) của Hội các nhà

tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.

Sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải là thành viên (Fellow) được đào tạo về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.

3. Không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.

4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Trong vòng một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà soát, bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 32. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán

1. Trường hợp phát hiện Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 82 của Luật Kinh doanh bảo hiểm hoặc không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 81 của Luật kinh doanh bảo hiểm, trong vòng 10 ngày làm việc, Bộ Tài chính tổ chức làm việc với doanh nghiệp bảo hiểm và lập biên bản làm việc.

2. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có phương án điều chỉnh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật kinh doanh bảo hiểm kèm theo biên bản làm việc.

a) Trong vòng 07 ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, ban hành quyết định tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán trong 30 ngày.

b) Hết thời hạn tạm đình chỉ, trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện biện pháp điều chỉnh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật kinh doanh bảo hiểm, trong vòng 07 ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, ban hành quyết định đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.

3. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không có báo cáo về phương án điều chỉnh nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật kinh doanh bảo hiểm kèm theo biên bản làm việc, trong vòng 07 ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, ban hành quyết định đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Điều 33. Thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trước khi triển khai.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;

b) Bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;

c) Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bao gồm tối thiểu các thông tin về công thức, phương pháp và cơ sở để tính phí bảo hiểm; các khoản phí tính cho khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và hưu trí. Tài liệu giải trình phương pháp và cơ sở tính phí theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

3. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận cơ sở và phương pháp tính phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trường hợp thay đổi cơ sở và phương pháp tính phí của sản phẩm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận sửa đổi, bổ sung cơ sở và phương pháp tính phí bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;

b) Tài liệu kỹ thuật giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung.

5. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung cơ sở và phương pháp tính phí của doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

6. Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm hoặc thay đổi quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm ảnh hưởng tới phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định tại Điều này.

7. Biểu phí của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ sẽ được tiếp tục triển khai đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8. Biểu phí của sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống, sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã triển khai trước ngày 01 tháng 10 năm 2012, sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài sẽ được tiếp tục triển khai đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

9. Trong thời gian 2 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện rà soát và đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Bộ Tài chính. Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực đã đáp ứng phương pháp, cơ sở tính phí theo quy định của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không phải thực hiện đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm.

Điều 34. Điều kiện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm đang hoạt động hợp pháp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về khả năng thanh toán theo quy định pháp luật của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

2. Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức

năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm.

3. Trường hợp tái bảo hiểm cho công ty mẹ ở nước ngoài hoặc các công ty trong cùng tập đoàn mà công ty này không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính văn bản của cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài nơi công ty nhận tái bảo hiểm đồng trụ sở chính xác nhận công ty nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài bảo đảm khả năng thanh toán tại năm tài chính liền kề năm nhận tái bảo hiểm.

Mục 5

CHUYỂN GIAO DANH MỤC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 35. Thủ tục và hồ sơ chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chuyển giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp chuyển giao) phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị chuyển giao theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;

b) Kế hoạch chuyển giao gồm các nội dung sau:

- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nhận chuyển giao (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nhận chuyển giao);

- Loại nghiệp vụ bảo hiểm và số lượng hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao;

- Phương thức chuyển giao dự phòng nghiệp vụ và trách nhiệm bảo hiểm liên quan tới các hợp đồng được chuyển giao;

- Thời gian dự kiến thực hiện việc chuyển giao;

- Giải trình chi tiết của doanh nghiệp nhận chuyển giao về việc đáp ứng yêu cầu tài chính sau khi chuyển giao.

c) Hợp đồng chuyển giao bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đối tượng của việc chuyển giao;

- Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia chuyển giao;

- Thời gian dự kiến thực hiện việc chuyển giao;

- Phương thức giải quyết tranh chấp.

d) Cam kết của doanh nghiệp nhận chuyển giao về việc bảo đảm quyền lợi của bên mua bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao sau khi việc chuyển giao có hiệu lực.

d) Các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật kinh doanh bảo hiểm.

2. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chuyển giao, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm phải công bố về việc chuyển giao như sau:

a) Công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp về việc chuyển giao các nội dung chủ yếu sau:

- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp chuyển giao và doanh nghiệp nhận chuyển giao;

- Loại nghiệp vụ bảo hiểm và số lượng hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao;

- Thời gian dự kiến thực hiện việc chuyển giao;

- Địa chỉ giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của bên mua bảo hiểm liên quan đến việc chuyển giao.

b) Gửi thông báo kèm theo tóm tắt kế hoạch chuyển giao cho từng bên mua bảo hiểm. Thông báo gửi cho bên mua bảo hiểm phải nêu rõ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, bên mua bảo hiểm được phép chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nếu không đồng ý với kế hoạch chuyển giao và ngày kế hoạch chuyển giao chính thức có hiệu lực.

c) Gửi văn bản thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm về việc giảm số tiền bảo hiểm hoặc quyền lợi bảo hiểm và các nghĩa vụ khác theo hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bộ Tài chính quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật kinh doanh bảo hiểm mà giá trị tài sản thấp hơn so với dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.

3. Kể từ ngày ký Hợp đồng chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp chuyển giao không được tiếp tục ký kết hợp đồng bảo hiểm mới thuộc nghiệp vụ bảo hiểm chuyển giao. Quy định này chỉ áp dụng đối với trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính phê chuẩn kế hoạch chuyển giao, doanh nghiệp chuyển giao chuyển cho doanh nghiệp nhận chuyển giao:

a) Toàn bộ các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực thuộc kế hoạch chuyển giao đã được Bộ Tài chính phê chuẩn;

b) Các hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, bồi thường chưa giải quyết liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm được chuyển giao;

c) Toàn bộ tài sản, các quỹ và dự phòng nghiệp vụ liên quan đến những hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.

5. Doanh nghiệp nhận chuyển giao có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp chuyển giao trong việc xây dựng kế hoạch chuyển giao, xác định giá trị tài sản liên quan tới các quỹ và dự phòng nghiệp vụ của những hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao và thỏa thuận ngày có hiệu lực của kế hoạch chuyển giao.

6. Kể từ ngày nhận chuyển giao, doanh nghiệp nhận chuyển giao có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao theo đúng các điều khoản đã ký kết giữa doanh nghiệp chuyển giao và bên mua bảo hiểm, kể cả trách nhiệm giải quyết các sự kiện bảo hiểm đã xảy ra nhưng chưa báo cáo. Doanh nghiệp nhận chuyển giao có quyền tiếp nhận tài sản liên quan tới các quỹ, dự phòng nghiệp vụ của hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao và sử dụng tài sản đó để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.

Mục 6

TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 36. Vốn điều lệ tối thiểu

1. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

a) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe: 750 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm hưu trí: 1.000 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí: 1.300 tỷ đồng Việt Nam.

2. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh) và bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 450 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 500 tỷ đồng Việt Nam.

3. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam.

4. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm

a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 500 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 900 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 1.400 tỷ đồng Việt Nam.

5. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều này thì trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải bổ sung đủ vốn điều lệ và ký quỹ theo quy định.

Điều 37. Vốn được cấp tối thiểu

1. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này) và bảo hiểm sức khỏe: 250 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 300 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 400 tỷ đồng Việt Nam.

2. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài

a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 450 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng Việt Nam.

3. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có số vốn được

cấp thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều này thì trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, phải bổ sung đủ vốn được cấp và ký quỹ theo quy định.

Điều 38. Quản lý vốn chủ sở hữu

1. Trong suốt quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải bảo đảm duy trì nguồn vốn chủ sở hữu đáp ứng các nguyên tắc sau:

a) Vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 36 Nghị định này;

b) Bảo đảm biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu.

2. Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải luôn bảo đảm vốn được cấp, vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn được cấp tối thiểu; bảo đảm biên khả năng thanh toán chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu.

3. Hàng quý, căn cứ vào báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện các thủ tục bổ sung vốn theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 19 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc quý.

Điều 39. Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm phi nhân thọ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải trích lập dự phòng nghiệp vụ theo từng nghiệp vụ bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm tương ứng với phân trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh xác nhận.

2. Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

a) Dự phòng phí chưa được hưởng: Được sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;

b) Dự phòng bồi thường: Được sử dụng để bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;

c) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất: Được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi

trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ được phép lựa chọn các phương pháp trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Điều 40 Nghị định này hoặc phương pháp khác thì phải chứng minh cho kết quả dự phòng nghiệp vụ chính xác, đầy đủ hơn và đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định tại Điều 46 Nghị định này trước khi áp dụng.

Điều 40. Phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

1. Dự phòng phí chưa được hưởng:

- a) Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm;
- b) Phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

2. Dự phòng bồi thường:

a) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường, bao gồm: Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết và Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR);

b) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hệ số phát sinh bồi thường.

3. Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Điều 41. Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm nhân thọ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ phải trích lập dự phòng nghiệp vụ cho từng hợp đồng bảo hiểm tương ứng với phần trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh xác nhận.

2. Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

a) Dự phòng toán học: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm đối với những trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

b) Dự phòng phí chưa được hưởng: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;

c) Dự phòng bồi thường: Được sử dụng để trả tiền cho các sự kiện bảo hiểm đã xảy ra chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;

d) Dự phòng chia lãi: Được sử dụng để trả lãi mà doanh nghiệp bảo hiểm đã thỏa thuận với bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm có tham gia chia lãi;

đ) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Được sử dụng để bảo đảm mức lãi suất cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí;

e) Dự phòng bảo đảm cân đối: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ được phép lựa chọn các phương pháp trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại khoản Điều 42 Nghị định này hoặc phương pháp khác thì phải chứng minh cho kết quả dự phòng nghiệp vụ chính xác, đầy đủ hơn và đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định tại Điều 46 Nghị định này trước khi áp dụng.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ phải thường xuyên đánh giá phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ, bảo đảm trích lập đầy đủ dự phòng để đáp ứng trách nhiệm bảo hiểm đã cam kết.

Trường hợp thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định này. Trường hợp thay đổi cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (trừ trường hợp giảm lãi suất kỹ thuật để đáp ứng hướng dẫn của Bộ Tài chính), doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có văn bản đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận trước khi áp dụng, kèm tài liệu chứng minh cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ phù hợp quy định tại Điều 46 Nghị định này.

Điều 42. Phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

1. Dự phòng toán học đối với bảo hiểm từ kỳ, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm trả tiền định kỳ:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ được chủ động lựa chọn phương pháp trích lập dự phòng toán học đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm bảo hiểm trong tương lai như: phương pháp phí bảo hiểm gộp, phương pháp phí bảo hiểm thuần, phương pháp phí bảo hiểm thuần có điều chỉnh Zillmer hoặc các phương pháp khác theo thông lệ quốc tế.

b) Cơ sở trích lập dự phòng của các phương pháp trích lập dự phòng tại điểm a khoản 1 Điều này, bao gồm: Bảng tỉ lệ từ vong CSO1980, lãi suất kỹ thuật dựa trên lãi suất bình quân của Trái phiếu Chính phủ kì hạn từ 10 năm trở lên và các cơ sở kỹ thuật khác tương ứng với từng sản phẩm bảo hiểm.

2. Dự phòng toán học đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí, dự phòng toán học bao gồm:

a) Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

b) Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung (áp dụng đối với bảo hiểm liên kết chung) được tính theo một trong các phương pháp sau:

- Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ.

- Tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá và lựa chọn phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung để bảo đảm các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm.

c) Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết đơn vị (áp dụng đối với bảo hiểm liên kết đơn vị) là tổng số các khoản sau:

- Tổng số các đơn vị đầu tư của bên mua bảo hiểm tại ngày định giá nhân với giá mua của đơn vị quỹ tại ngày định giá;

- Tổng số phí bảo hiểm đã nhận được từ bên mua bảo hiểm tại ngày định giá sau khi trừ đi các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm mà phần còn lại này dùng để mua các đơn vị quỹ nhưng chưa được thực hiện.

d) Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí (áp dụng đối với bảo hiểm hưu trí) là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.

đ) Dự phòng cho các quyền lợi bảo hiểm khác ngoài quyền lợi về rủi ro bảo hiểm và quyền lợi đầu tư.

3. Dự phòng phí chưa được hưởng: được tính trên phí bảo hiểm gộp theo các phương pháp quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định này đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

4. Dự phòng bồi thường:

a) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường, bao gồm: Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết và Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR).

b) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hệ số phát sinh bồi thường.

5. Dự phòng chia lãi bao gồm:

a) Dự phòng cho phần lãi đã công bố là tổng giá trị của các khoản tiền mặt hoặc giá trị hiện tại của các khoản bảo tức tích lũy đã công bố chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm tính đến năm tài chính hiện hành và chưa chi trả.

b) Dự phòng cho phần lãi chưa công bố:

Dự phòng cho phần lãi chưa công bố được trích lập để chi trả lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai được tính bằng tài sản của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi trừ đi công nợ của quỹ, nguồn vốn hỗ trợ từ chủ sở hữu và lãi đã phân bổ trong năm hiện tại.

6. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư dự kiến từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trích lập dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết. Mức trích lập tương ứng với chênh lệch giữa kết quả đầu tư dự kiến từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

7. Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập dựa trên tỉ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Điều 43. Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm sức khỏe

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải trích lập dự phòng nghiệp vụ cho từng hợp đồng bảo hiểm sức khỏe tương ứng với trách nhiệm của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài và phải được chuyên gia tính toán xác nhận.

2. Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

a) Dự phòng toán học: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm cho những trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

b) Dự phòng phí chưa được hưởng: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;

c) Dự phòng bồi thường: Được sử dụng để trả tiền cho các sự kiện bảo hiểm đã xảy ra chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;

d) Dự phòng bảo đảm cân đối: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được chủ động lựa chọn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Điều 44 Nghị định này hoặc các phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ khác chính xác, đầy đủ hơn và

đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn theo quy định tại Điều 46 Nghị định này trước khi áp dụng.

Điều 44. Phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

1. Dự phòng toán học:

Dự phòng toán học được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được chủ động lựa chọn phương pháp trích lập như: phương pháp phí bảo hiểm gộp, phương pháp phí bảo hiểm thuần, các phương pháp khác theo thông lệ quốc tế.

2. Dự phòng phí chưa được hưởng: được tính theo các phương pháp quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định này, áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

3. Dự phòng bồi thường:

a) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường, bao gồm: Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết và Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR);

b) Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hệ số phát sinh bồi thường.

4. Dự phòng đảm bảo cân đối:

a) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được trích lập dựa trên tỉ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài kinh doanh bảo hiểm nhân thọ;

b) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm sức khỏe: Mức trích lập hàng năm theo tỷ lệ phần trăm của phí bảo hiểm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Bộ trưởng Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, minh họa các phương pháp, công thức, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe theo quy định tại Nghị định này.

Điều 46. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện đăng ký phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ với Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

2. Hồ sơ đăng ký hoặc đề nghị thay đổi phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đăng ký hoặc thay đổi phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu giải trình và minh họa về các phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán. Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, tài liệu giải trình phải chứng minh được phương pháp, cơ sở trích lập mới phản ánh chính xác, đầy đủ hơn so với phương pháp, cơ sở trích lập cũ về trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận. Trường hợp từ chối đăng ký, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm không phù hợp với quy định của Nghị định này thì thực hiện đăng ký lại với Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng đối với các sản phẩm bảo hiểm còn lại kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, áp dụng cho năm tài chính từ 1/1/2023. Quy định này không áp dụng đối với dự phòng đối với phần liên kết chung.

5. Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải thực hiện rà soát và đăng ký với Bộ Tài chính phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung đảm bảo giá trị dự phòng theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm đã phát sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được tiếp tục trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

Điều 47. Đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu

1. Việc đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu bằng với vốn điều lệ tối thiểu hoặc biên khả năng thanh toán tối thiểu, tùy theo số nào lớn hơn, được thực hiện tại Việt Nam theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định này.

2. Việc đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu thực hiện theo quy định tại các điều 50, 51 Nghị định này.

Điều 48. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

1. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ các khoản tiền dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm phi nhân thọ, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

2. Khoản tiền dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không thấp hơn 25% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và được gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

3. Khoản tiền dùng để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe không thấp hơn 5% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và được gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Điều 49. Đầu tư vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện đầu tư trực tiếp bởi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoặc thông qua ủy thác đầu tư và chỉ được đầu tư tại Việt Nam trong các lĩnh vực sau:

1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:

a) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế;

b) Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế;

c) Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 35% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;

d) Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản tối đa 10% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

2. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe:

a) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế;

b) Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế;

c) Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ tối đa 50% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (quy định này không áp dụng cho dự phòng nghiệp vụ đối với phân liên kết đơn vị của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị);.

d) Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản tối đa 20% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm;

đ) Góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 20% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

3. Doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện đầu tư tương ứng với loại hình bảo hiểm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chỉ được phép đầu tư chứng chỉ quỹ của các quỹ đầu tư mà danh mục tài sản đầu tư được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 50. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài

1. Thuộc đối tượng được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại pháp luật đầu tư và pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm thực hiện đầu tư ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập bởi các tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Quy định này chỉ áp dụng với đầu tư ra nước ngoài lần đầu.

3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

4. Có quy trình nội bộ, cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. Ngoài quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 51. Hạn mức đầu tư ra nước ngoài

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật đối với phần vốn chủ sở hữu vượt quá mức vốn quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định này.

2. Việc đầu tư ra nước ngoài từ phần vốn chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện dưới các hình thức và hạn mức đầu tư như sau:

a) Thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài: không hạn chế;

b) Hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

- Mua trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của Chính phủ: không hạn chế;

- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của các tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế: Standard & Poor's, Moody's Investors Service và Fitch Ratings: tối đa 50% số tiền đầu tư ra nước ngoài;

- Mua cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ niêm yết: tối đa 15% số tiền đầu tư ra nước ngoài;

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận thực hiện (hoặc điều chỉnh, chấm dứt) hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo Điều lệ công ty về việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tiến hành thực hiện hoặc điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

c) Tài liệu giải trình về việc thực hiện hoặc điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Đối với trường hợp tiến hành thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài, tài liệu phải nêu rõ: Quốc gia dự kiến đầu tư, mục tiêu đầu tư, hình thức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, quy mô vốn đầu tư, tiến độ thực hiện đầu tư, dự kiến hiệu quả đầu tư; hợp đồng hoặc bản thỏa thuận với đối tác (nếu có).

Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô nguồn vốn đầu tư và hình thức đầu tư ra nước ngoài, tài liệu phải nêu rõ tình hình, kết quả thực hiện đầu tư, các khó khăn, thuận lợi (nếu có) và phương án điều chỉnh.

d) Quy trình nội bộ về đầu tư ra nước ngoài, bao gồm nội dung về cơ chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

đ) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam tính tới thời điểm nộp hồ sơ.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận hoặc từ chối. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

5. Đối với các trường hợp đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì thủ tục đề nghị chấp thuận thực hiện hoặc điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 52. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:

a) Doanh thu kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ;

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;

c) Doanh thu hoạt động tài chính;

d) Thu nhập hoạt động khác.

2. Số tiền phải thu phát sinh trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Thu phí bảo hiểm gốc;

b) Thu phí nhận tái bảo hiểm;

c) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;

d) Thu phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%;

đ) Thu phí giám định tổn thất không kể giám định hộ giữa các đơn vị thành viên hạch toán nội bộ trong cùng một doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán độc lập;

e) Thu phí quản lý hợp đồng (leading fee) của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm.

3. Các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Hoàn phí bảo hiểm;

b) Giảm phí bảo hiểm;

c) Phí nhượng tái bảo hiểm;

d) Hoàn phí nhận tái bảo hiểm;

đ) Giảm phí nhận tái bảo hiểm;

e) Hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;

g) Giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

4. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: Thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

5. Doanh thu hoạt động tài chính:

a) Thu hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;

b) Thu lãi trên số tiền ký quỹ;

c) Thu cho thuê tài sản;

d) Thu khác theo quy định pháp luật.

6. Thu nhập hoạt động khác:

a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;

b) Các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được;

c) Thu khác theo quy định pháp luật.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm đối với từng loại hình bảo hiểm.

Điều 53. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ bao gồm:

- a) Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm;
- b) Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;
- c) Chi phí hoạt động tài chính;
- d) Chi phí hoạt động khác.

2. Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: Là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ.

3. Số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Bồi thường bảo hiểm gốc đối với bảo hiểm phi nhân thọ; trả tiền bảo hiểm đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe;

b) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm;

c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ;

d) Chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác. Các khoản chi này phải từ hoạt động đại lý bảo hiểm và được nêu rõ trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, có tiêu chí định lượng cụ thể gắn với kết quả, thành tích về khai thác, duy trì hợp đồng bảo hiểm và chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm.

Các khoản chi thường, hỗ trợ đại lý bảo hiểm, quyền lợi khác phải được nêu rõ trong chính sách khen thưởng, hỗ trợ đại lý, quy chế tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, áp dụng thống nhất giữa các đại lý bảo hiểm và công khai cho tất cả các đại lý bảo hiểm được biết.

đ) Chi cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm: Chi hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi khác theo quy định;

e) Chi giám định tổn thất;

g) Chi phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;

h) Chi xử lý hàng bồi thường 100%;

i) Chi phí quản lý hợp đồng (leading fee) của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm (nếu các bên có văn bản thỏa thuận về khoản chi này);

k) Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm: Chi đào tạo và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng và phát triển đại

lý bảo hiểm cá nhân, chi quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm cá nhân;

l) Chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất tối đa 2% số phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính. Chi phí này để thực hiện các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

m) Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm;

n) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bao gồm: chi tư vấn, chi đánh giá rủi ro bảo hiểm, chi tính toán bảo hiểm, chi giám định tổn thất bảo hiểm, chi hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

o) Các khoản chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.

4. Các khoản giảm chi phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm;

b) Thu đòi người thứ ba bồi hoàn;

c) Thu hàng đã xử lý, bồi thường 100%;

d) Trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần nhượng tái bảo hiểm.

5. Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ để cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

6. Chi phí hoạt động tài chính:

a) Chi phí hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;

b) Thu nhập đầu tư phải trả cho bên mua bảo hiểm theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;

c) Chi phí cho thuê tài sản;

d) Chi thù tục phí ngân hàng, trả lãi tiền vay;

đ) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.

7. Chi phí hoạt động khác:

a) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;

b) Chi phí cho việc thu hồi khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nay thu hồi được;

c) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.

8. Các khoản chi phải đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Điều 54. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký với Bộ Tài chính các nguyên tắc tách, phân bổ

tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trước khi áp dụng.

2. Hồ sơ đăng ký và thay đổi bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đăng ký hoặc thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu giải trình về các nguyên tắc tách, phân bổ dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp. Trường hợp thay đổi thì hồ sơ còn bao gồm tài liệu giải trình sự thay đổi.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận. Trường hợp từ chối ghi nhận, Bộ Tài chính có công văn giải thích rõ lý do.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm không phù hợp với quy định của Nghị định này thì thực hiện đăng ký lại với Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, áp dụng cho năm tài chính từ 01/01/2023.

Điều 55. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Lợi nhuận thực hiện trong năm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm, lợi nhuận hoạt động dịch vụ phụ trợ, lợi nhuận hoạt động tài chính và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Sau khi đáp ứng các quy định về vốn, khả năng thanh toán, dự phòng nghiệp vụ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được phân phối lợi nhuận còn lại theo quy định pháp luật.

Điều 56. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư trong bảo hiểm nhân thọ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải được Bộ Tài chính phê chuẩn phương pháp phân chia thặng dư của quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm có chia lãi trước khi áp dụng. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị áp dụng hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu giải trình về các phương pháp phân chia thặng dư dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có công văn giải thích rõ lý do.

Điều 57. Quỹ dự trữ bắt buộc

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp, vốn được cấp của chi nhánh.

Mục 7

KHẢ NĂNG THANH TOÁN VÀ KHÔI PHỤC KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Điều 58. Khả năng thanh toán

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải luôn duy trì khả năng thanh toán trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được coi là có đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu quy định tại Điều 59 Nghị định này.

Điều 59. Biên khả năng thanh toán tối thiểu

1. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số lớn hơn của một trong hai kết quả tính toán sau:

a) 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;

b) 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

2. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe:

a) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, bằng 1,5% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;

b) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm hưu trí, bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;

c) Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khác và hợp đồng bảo hiểm sức khỏe:

- Có thời hạn 05 năm trở xuống: Bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,1% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;

- Có thời hạn trên 05 năm: Bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.

3. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm bằng tổng của:

a) Tái bảo hiểm phi nhân thọ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm sức khỏe: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 60. Biên khả năng thanh toán

1. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

2. Các tài sản tính biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải bảo đảm tính thanh khoản.

3. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ hoặc một phần khi tính biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 61. Nguy cơ mất khả năng thanh toán

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bị coi là có nguy cơ mất khả năng thanh toán khi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu.

Điều 62. Khôi phục khả năng thanh toán

1. Khi có nguy cơ mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chủ động thực hiện ngay các biện pháp tự khôi phục khả năng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về thực trạng tài chính, nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán và phương án khôi phục khả năng thanh toán.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không tự khôi phục được khả năng thanh toán thì Bộ Tài chính có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện khôi phục khả năng thanh toán, gồm những biện pháp sau:

- a) Bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu;
- b) Tái bảo hiểm; thu hẹp nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động; đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động;
- c) Củng cố tổ chức bộ máy và thay đổi người quản trị, điều hành của doanh nghiệp;
- d) Yêu cầu chuyển giao hợp đồng bảo hiểm;
- đ) Các biện pháp khác.

3. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không khôi phục được khả năng thanh toán theo yêu cầu của Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thành lập và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát khả năng thanh toán để áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán theo quy định tại Điều 80 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

Điều 63. Điều kiện, hồ sơ và thủ tục giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được giải thể, chi nhánh nước ngoài chỉ được chấm dứt hoạt động khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể bao gồm:

- a) Giấy đề nghị chấp thuận giải thể;
- b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua việc giải thể, phương án giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Phương án giải thể phải bao gồm các nội dung xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng còn hiệu lực, hợp đồng lao động, kèm theo danh sách các doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

c) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã thực hiện hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và cam kết không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài:

- a) Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;
- b) Quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài về việc thông qua phương án chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài. Phương án chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài phải bao gồm các nội dung xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng còn hiệu lực, hợp đồng lao động, kèm theo danh sách các doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

c) Bằng chứng chứng minh chi nhánh nước ngoài đã thực hiện hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và cam kết không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo phương án đã được phê duyệt; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trình tự thanh lý và phân chia tài sản cho cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật kinh doanh bảo hiểm.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý tài sản, hoàn trả đầy đủ các khoản nợ, phân chia tài sản cho các cổ đông, thành viên góp vốn, người đại diện theo pháp luật của công ty phải báo cáo kết quả thanh lý tài sản cho Bộ Tài chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo về việc thanh lý tài sản của công ty, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, các khoản nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; danh sách cổ đông, thành viên góp vốn, tỷ lệ vốn góp và số tiền, khối lượng tài sản đã thanh toán;

b) Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;

c) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế; văn bản xác nhận đã nộp con dấu của cơ quan có thẩm quyền; bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép sửa đổi, bổ sung.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Bộ Tài chính có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát (nếu có), Tổng giám đốc (Giám đốc) chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể công ty. Trường hợp hồ sơ giải thể có thông tin không chính xác, tài liệu giả mạo, thì những cá nhân nêu trên phải liên đới thanh toán các khoản nợ chưa thanh toán, nghĩa vụ tài sản phát sinh quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nộp hồ sơ báo cáo kết quả thanh lý tài sản cho Bộ Tài chính.

Mục 8

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 64. Hồ sơ, trình tự và thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, tổ chức tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác doanh nghiệp nước ngoài;

c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập doanh nghiệp nước ngoài trong 3 năm tài chính liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;

d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện;

đ) Bản giới thiệu về doanh nghiệp nước ngoài;

e) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép doanh nghiệp nước ngoài đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

2. Tiêu chuẩn hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Thời hạn cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 65. Cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp nước ngoài làm thủ tục cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Doanh nghiệp nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.

4. Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét cấp bản sao giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp nước ngoài phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong những trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi tên gọi, quốc tịch, địa chỉ của doanh nghiệp nước ngoài;
- b) Thay đổi tên gọi của văn phòng đại diện;
- c) Thay đổi nội dung hoạt động của văn phòng đại diện.

d) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp chứng minh sự thay đổi trường hợp doanh nghiệp nước ngoài thay đổi tên gọi, quốc tịch, địa chỉ;

c) Văn bản do cấp có thẩm quyền theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp nước ngoài ban hành, trong đó, thể hiện rõ quyết định thay đổi tên gọi hoặc nội dung hoạt động của văn phòng đại diện hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh đáp ứng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

4. Doanh nghiệp nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.

5. Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 67. Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau đây:

a) Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoạt động;

b) Doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại thời điểm đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nước ngoài trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn;

d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện (nếu có thay đổi);

đ) Văn bản báo cáo về hoạt động hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh đáp ứng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

4. Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết hạn của Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.

5. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 68. Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị của doanh nghiệp nước ngoài;
- b) Khi doanh nghiệp nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép;
- c) Hết thời hạn hoạt động mà không đề nghị gia hạn hoặc không được Bộ Tài chính chấp thuận gia hạn.

2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện nước ngoài gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam;
- c) Bản gốc giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các quyết định gia hạn giấy phép (nếu có);
- d) Bản gốc các giấy phép, quyết định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

d) Văn bản ủy quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức tại Việt Nam thay mặt cho doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ chưa hoàn thành với người lao động, với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam và thực hiện các thủ tục hành chính với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có) đối với trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, doanh nghiệp nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.

4. Trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi hết thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản gửi đến văn phòng đại diện nước ngoài, đồng gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, thông báo về việc văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động kể từ ngày hết hạn Giấy phép và yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện.

b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, doanh nghiệp nước ngoài phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này đến Bộ Tài chính.

c) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.

d) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản thông báo về việc văn phòng đại diện nước ngoài chấm dứt hoạt động, doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện theo ủy quyền phải báo cáo Bộ Tài chính về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam kèm theo các tài liệu chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

đ) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn 01 năm theo quy định nêu trên, trường hợp chưa hoàn thành các nghĩa vụ với người lao động và tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam thì doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện theo ủy quyền phải có văn bản báo cáo Bộ Tài chính lý do. Khi hết thời hạn 05 ngày làm việc nêu trên mà chưa nhận được văn bản báo cáo này, Bộ Tài chính sẽ có công văn gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nơi doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài đặt trụ sở chính thông báo về việc doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

e) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản xác nhận doanh nghiệp nước ngoài đã hoàn thành thủ tục đóng cửa văn phòng đại diện tại Việt Nam.

5. Khi chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện đầy đủ thủ tục và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì doanh nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ chưa hoàn thành với người lao động và các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam khi đóng cửa văn phòng đại diện.

Điều 69. Thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện trong trường hợp hoạt động không đúng với nội dung quy định trong giấy phép đặt văn phòng đại diện.

2. Hồ sơ thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam gồm:

a) Các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam;

b) Bản gốc giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các quyết định gia hạn giấy phép (nếu có);

c) Bản gốc các giấy phép, quyết định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

d) Văn bản ủy quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức tại Việt Nam thay mặt cho doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ chưa hoàn thành với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và các thủ tục hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có).

3. Việc thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi doanh nghiệp nước ngoài bị buộc thu hồi Giấy phép đặt Văn phòng đại diện, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời gửi quyết định này đến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, doanh nghiệp nước ngoài phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Bộ Tài chính có quyết định thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện theo ủy quyền phải báo cáo Bộ Tài chính về việc đã hoàn thành nghĩa vụ với người lao động và các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam kèm theo các tài liệu chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn 01 năm theo quy định nêu trên, trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện theo ủy quyền phải có văn bản báo cáo Bộ Tài chính lý do. Khi hết thời hạn 05 ngày làm việc nêu trên mà chưa nhận được văn bản báo cáo này, Bộ Tài chính sẽ có công văn gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính thông báo về việc doanh nghiệp nước ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

e) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo tài liệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản xác nhận doanh nghiệp nước ngoài đã hoàn thành thủ tục đóng cửa văn phòng đại diện tại Việt Nam.

5. Khi bị thu hồi giấy phép, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện đầy đủ thủ tục và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Doanh nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ chưa hoàn thành với người lao động, với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam và thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước liên quan (nếu có) khi văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép.

Chương III

ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM

Mục 1

ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Điều 70. Điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm

Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các điều kiện sau:

1. Đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Phải thành lập bộ phận chuyên trách để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm;

b) Người đứng đầu bộ phận chuyên trách thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành khác và chứng chỉ bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Tại mỗi chi nhánh của tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải đảm bảo tối thiểu 3 nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà tổ chức tín dụng làm đại lý. Tại mỗi phòng giao dịch của tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải đảm bảo tối thiểu 1 nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà tổ chức tín dụng làm đại lý;

d) Có hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, bảo đảm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm khai thác qua tổ chức đại lý;

đ) Có quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng việc thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm của các nhân viên trong tổ chức đại lý. Quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng phải đảm bảo các nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý tuân thủ đúng các nguyên tắc hoạt động đại lý, các nội dung được ủy quyền tại hợp đồng đại lý và quy định của pháp luật có liên quan; cho phép doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát đối với chất lượng hoạt động đại lý của nhân viên trong tổ chức đại lý; việc xử lý vi phạm đối với các nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý khi trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý;

e) Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác trong đó

bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu áp dụng đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ.

2. Đối với các tổ chức khác hoạt động đại lý bảo hiểm:

a) Tổ chức phải có tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm;

b) Có quy trình giám sát việc tuân thủ nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với các nhân viên trong tổ chức thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm.

3. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải duy trì và tuân thủ các điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp không đáp ứng một trong các điều kiện thì tổ chức đó không được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài trong vòng 5 ngày kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm. Sau 6 tháng kể từ ngày thông báo mà tổ chức đó vẫn không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định thì doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm.

4. Tổ chức đang thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều này kể từ ngày 01/07/2023.

Mục 2

DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Điều 71. Điều kiện về tài chính để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Tổ chức góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức tham gia góp vốn từ 10% vốn điều lệ trở lên phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

2. Tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu phải bảo đảm vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ trừ đi vốn điều lệ tối thiểu lớn hơn hoặc bằng số vốn dự kiến góp.

3. Trường hợp tổ chức tham gia góp vốn là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán thì các tổ chức này phải bảo đảm duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho phép tham gia góp vốn theo quy định pháp luật chuyên ngành.

4. Trường hợp tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải đảm bảo không có lỗ lũy kể đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có tổng tài sản không thấp hơn 2 triệu Đô la Mỹ vào năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

5. Tổ chức góp từ 10% vốn điều lệ trở lên phải có báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần; Tổ chức góp dưới 10% vốn điều lệ phải có báo cáo tài chính năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Điều 72. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động dự kiến triển khai và hiệu quả kinh doanh của việc thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.

5. Danh sách cổ đông, thành viên sáng lập hoặc cổ đông, thành viên góp từ 10% vốn điều lệ trở lên và các giấy tờ kèm theo sau đây:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Điều lệ công ty;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm ;

d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép;

e) Tài liệu chứng minh tổ chức tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

6. Hồ sơ của cổ đông, thành viên góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

hoặc tài liệu tương đương khác;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Trường hợp tổ chức nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải nộp bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác; báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của công ty con đó.

8. Tài liệu đối với cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân:

a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định;

b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.

9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 89 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.

10. Biên bản họp của tổ chức, cá nhân góp vốn về việc:

a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần môi giới bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông, thành viên sáng lập hoặc cổ đông, thành viên góp từ 10% vốn điều lệ trở lên;

b) Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty.

11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy phép.

12. Trường hợp tổ chức nước ngoài đang trực tiếp thực hiện môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đóng trụ sở chính xác nhận:

a) Tổ chức nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

b) Tổ chức nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực môi giới bảo hiểm;

c) Tổ chức nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh môi giới bảo hiểm của nước tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liền kể trước năm nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép.

13. Trường hợp tổ chức nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đóng trụ sở chính xác nhận:

a) Tổ chức nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

b) Tổ chức nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh môi giới bảo hiểm của nước tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liền kể trước năm nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép.

14. Văn bản cam kết của tổ chức, cá nhân góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 71 Nghị định này và Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

15. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định pháp luật chuyên ngành.

16. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu đáp ứng khoản 3 Điều 71 Nghị định này.

Điều 73. Tiêu chuẩn hồ sơ, tài liệu, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Tiêu chuẩn hồ sơ, tài liệu, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều 15, 16 Nghị định này.

Điều 74. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Hồ sơ thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm đặt trụ sở chính (đối với việc thay đổi trụ sở chính);

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 75. Tăng vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn tăng vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện bằng Đồng Việt Nam;

b) Cổ đông, thành viên góp vốn không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc để tăng vốn điều lệ đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi vốn điều lệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số vốn tăng thêm, phương thức tăng vốn và thời gian thực hiện.

c) Phương án huy động và sử dụng vốn điều lệ;

d) Danh sách cổ đông hoặc thành viên dự kiến sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi tăng vốn; tài liệu chứng minh các cổ đông hoặc thành viên này đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 71 Nghị định này. Quy định này không áp dụng đối với các cổ đông hoặc thành viên đã sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trước khi tăng vốn và không áp dụng đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải hoàn thành việc tăng vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo phương án tăng vốn đã được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Xác nhận của ngân hàng về việc các cổ đông hoặc thành viên góp vốn đã nộp đủ số vốn tăng thêm cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm vào tài khoản

phong tòa hoặc xác nhận đã đăng ký bổ sung chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

c) Các tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.

6. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thành việc tăng vốn, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

7. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc tăng vốn điều lệ, nếu doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thực hiện được phương án thay đổi mức vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

Điều 76. Giảm vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn giảm vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn điều lệ sau khi giảm phải đáp ứng quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 89 Nghị định này;

b) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc để giảm vốn điều lệ đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị giảm vốn điều lệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc giảm vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số vốn giảm, phương thức giảm vốn và thời gian thực hiện.

c) Phương án giảm vốn điều lệ, trong đó chứng minh được doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc về việc giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoàn thành việc giảm vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc giảm vốn điều lệ theo phương án đã được Bộ Tài chính chấp thuận trong đó nêu rõ kết quả các chỉ tiêu tài chính sau khi hoàn thành việc giảm vốn điều lệ;

b) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đã hoàn tất việc chi trả, thanh toán cho các cổ đông hoặc thành viên góp vốn đủ số vốn giảm;

5. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo hoàn thành việc giảm vốn, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

6. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị giảm vốn điều lệ, nếu doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thực hiện được phương án giảm vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

7. Không thực hiện việc giảm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 77. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn mở rộng nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người đứng đầu bộ phận nghiệp vụ mở rộng phải đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 88 Nghị định này (đối với việc mở rộng nội dung, phạm vi hoạt động);

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu được quy định tại Điều 89 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn thu hẹp nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động phải bảo đảm không gây thiệt hại đến các nghĩa vụ hiện tại đối với nhà nước, quyền lợi của bên mua bảo hiểm và các đối tượng khác có liên quan.

3. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Các tài liệu chứng minh doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 78. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ

1. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 71 Nghị định này;

2. Hồ sơ đề nghị, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

d) Bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (trừ trường hợp doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán)

đ) Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân góp vốn đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Hồ sơ báo cáo hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

b) Báo cáo hoàn thành nghĩa vụ thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp.

4. Trường hợp không thực hiện được phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp môi giới về kết quả thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích lý do.

Điều 79. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân dự kiến góp vốn vào doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 71 Nghị định này;

d) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành khi sau chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Hồ sơ đề nghị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức bao gồm:

a) Văn bản đề nghị được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp;

c) Báo cáo về phương án phân chia, xử lý hợp đồng còn hiệu lực với khách hàng, nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ với Nhà nước, cam kết với người lao động khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

d) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức;

đ) Bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức;

e) Ý kiến của cơ quan thẩm định giá, trong đó nêu rõ việc xác định tỷ lệ chuyển đổi cổ phần hoặc định giá phần vốn góp (đối với trường hợp hợp nhất,

sáp nhập); xác định giá trị tài sản phân chia cho các bên (đối với trường hợp chia, tách);

g) Bản sao công chứng báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm liền kề trước năm xin hợp nhất, sáp nhập của tổ chức sáp nhập, hợp nhất với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

h) Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân góp vốn, người quản trị điều hành và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập sau khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Trường hợp không thực hiện được phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm về kết quả thực hiện phương án chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 80. Điều kiện, hồ sơ và thủ tục giải thể doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận giải thể;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua việc giải thể, phương án giải thể doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Phương án giải thể phải bao gồm các nội dung xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng còn hiệu lực, hợp đồng lao động;

c) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đã thực hiện hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và cam kết không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận nguyên tắc việc giải thể doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc việc giải thể, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thực hiện các thủ tục để hoàn tất việc giải thể. Trường hợp không thực hiện được phương án giải thể đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh lý tài sản, hoàn trả đầy đủ các khoản nợ, phân chia tài sản cho các cổ đông, thành viên góp vốn, người đại diện theo pháp luật của công ty phải báo cáo kết quả cho Bộ Tài chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo về việc thanh lý tài sản của công ty, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, các khoản nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; danh sách cổ đông, thành viên góp vốn, tỷ lệ vốn góp và số tiền, khối lượng tài sản đã thanh toán;

b) Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;

c) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế; văn bản xác nhận đã nộp con dấu của cơ quan có thẩm quyền; bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy phép điều chỉnh.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Bộ Tài chính có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính có văn bản nêu rõ lý do.

7. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể công ty. Trường hợp hồ sơ giải thể có thông tin không chính xác, tài liệu giả mạo, thì những cá nhân nêu trên phải liên đới thanh toán các khoản nợ chưa thanh toán, nghĩa vụ tài sản phát sinh quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nộp hồ sơ báo cáo kết quả thanh lý tài sản cho Bộ Tài chính.

Điều 81. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc)

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản khi bổ nhiệm, thay đổi các chức danh sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên;

b) Tổng Giám đốc (Giám đốc).

2. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Nghị định này; Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; sơ yếu lý lịch đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định này; bản sao văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Hợp đồng lao động dự kiến giữa doanh nghiệp môi giới bảo hiểm với người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng giám đốc (Giám đốc);

đ) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi sẽ làm việc cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận;

e) Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc) phải đáp ứng quy định tại các điểm a, b, d, h khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 82. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu được quy định tại Điều 89 Nghị định này;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Có Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác;

d) Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 88 Nghị định này;

đ) Được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài;

e) Đáp ứng quy định pháp luật của nước ngoài nơi doanh nghiệp mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các hiện diện thương mại khác;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác theo quy định pháp luật;

d) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Nghị định này; Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;; sơ yếu lý lịch đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định này; bản sao văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện.

đ) Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài phải đáp ứng quy định tại các điểm a, b, d, h khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc việc doanh nghiệp môi giới bảo hiểm mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Sau khi hoàn thành việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 83 Nghị định này.

Điều 83. Hồ sơ, trình tự, thủ tục ghi nhận thông báo về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Hồ sơ thông báo về việc mở chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện; nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện; thông tin của Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, các thông tin thay đổi đối với chi nhánh, văn phòng đại diện.

a) Báo cáo về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp môi giới bảo hiểm về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Điều 84. Tiêu chuẩn chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng bộ phận nghiệp vụ, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

Điều 85. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên

1. Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 84 Nghị định này.
2. Có bằng đại học trở lên.
3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu 05 năm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; tối thiểu 03 năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên.
4. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam.

Điều 86. Tiêu chuẩn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 84 Nghị định này.
2. Có bằng đại học trở lên.
3. Có chứng chỉ bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp đã có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm.
4. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, trưởng bộ phận nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm tại doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước hoặc nước ngoài; hoặc Giám đốc chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các điều kiện về việc đảm nhiệm chức vụ sau đây:

a) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam;

b) Chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa 01 (một) chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

c) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 87. Tiêu chuẩn của Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 84 Nghị định này.

2. Có bằng đại học trở lên.

3. Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

4. Có chứng chỉ bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp đã có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm.

5. Đối với kế toán trưởng, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của kế toán trưởng quy định tại các văn bản pháp luật về kế toán.

Điều 88. Tiêu chuẩn đối với trưởng bộ phận nghiệp vụ, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện

1. Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 84 Nghị định này.

2. Có bằng đại học trở lên.

3. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

4. Có chứng chỉ bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp đã có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm.

5. Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm tối đa Giám đốc của 01 chi nhánh hoặc

Trường 01 văn phòng đại diện hoặc Trường 01 bộ phận nghiệp vụ của cùng một doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Điều 89. Vốn của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:

a) Kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc hoặc môi giới tái bảo hiểm: 05 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm: 10 tỷ đồng Việt Nam.

2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn điều lệ phù hợp với nội dung hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định trong suốt quá trình hoạt động.

3. Hàng quý, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thực hiện thủ tục đề nghị tăng vốn trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc quý và phải hoàn thành việc tăng vốn bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc quý.

4. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bảo hiểm được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều này thì trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải hoàn thành việc bổ sung vốn điều lệ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 90. Doanh thu của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Doanh thu của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:

1. Doanh thu hoạt động môi giới bảo hiểm:

Thu hoa hồng môi giới bảo hiểm, hoa hồng môi giới tái bảo hiểm: Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hạch toán hoa hồng môi giới bảo hiểm vào doanh thu tương ứng với thời điểm hạch toán doanh thu phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

Đối với các khoản phải chi để giảm thu như giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm, hoàn hoa hồng môi giới bảo hiểm: hạch toán vào giảm doanh thu ngay khi hoạt động kinh tế phát sinh, có bằng chứng chấp thuận của các bên, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền.

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hạch toán vào doanh thu khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

3. Thu từ thực hiện các công việc khác liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm: hạch toán vào doanh thu khi hoàn thành

việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

4. Doanh thu hoạt động tài chính: Theo quy định chung về chế độ kế toán doanh nghiệp đối với doanh thu hoạt động tài chính.

5. Thu nhập khác: Theo quy định chung về chế độ kế toán doanh nghiệp đối với thu nhập khác.

Điều 91. Chi phí của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Chi phí của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là các khoản phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định pháp luật, bao gồm:

1. Chi phí hoạt động kinh doanh;
2. Chi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.
3. Chi phí hoạt động tài chính;
4. Chi phí khác;
5. Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.

Mục 3

DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM

Điều 92. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

1. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:

a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;

b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ tư vấn bảo hiểm do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện tư vấn.

2. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động đánh giá rủi ro bảo hiểm phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:

a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;

b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện đánh giá rủi ro.

3. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tính toán bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn tại các khoản 2, 3 Điều 30 và các khoản 2, 3 Điều 31 Nghị định này.

4. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tổn thất bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn như sau:

a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực giám định;

b) Có chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp tương ứng với nghiệp vụ bảo hiểm thực hiện giám định tổn thất bảo hiểm.

c) Có ít nhất (03) ba năm công tác trong lĩnh vực giám định.

5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:

a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên;

b) Có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều 93 Nghị định này cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện hỗ trợ giải quyết bồi thường.

Điều 93. Cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo trong nước là cơ sở có chức năng đào tạo về bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở đào tạo do cơ quan nhà nước thành lập: các Viện, học viện, trường đại học;

b) Cơ sở đào tạo thuộc hoặc trực thuộc các đơn vị do cơ quan nhà nước thành lập;

c) Cơ sở đào tạo khác có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Cơ sở đào tạo nước ngoài là cơ sở có chức năng đào tạo về bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở đào tạo thuộc hoặc trực thuộc cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm; hoặc cơ sở đào tạo do cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm ủy quyền thực hiện đào tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực bảo hiểm;

b) Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS); Học viện nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm ASEAN (AITRI); Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế;

c) Các tổ chức đào tạo thuộc các quốc gia có thỏa thuận thừa nhận chứng chỉ bảo hiểm lẫn nhau với Việt Nam;

d) Các cơ sở đào tạo thuộc các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tái bảo hiểm nước ngoài;

đ) Các tổ chức đào tạo quốc tế khác: Viện Bảo hiểm và Tài chính Úc và New Zealand (ANZIIF), Viện Bảo hiểm Hoàng gia Anh (CII), Viện Đào tạo bảo hiểm Canada (IIC), Viện Quản trị rủi ro Anh (IRM), Viện Quản trị rủi ro Úc (RMIA), Viện Giám định Hoàng gia Anh (CILA), Viện Giám định Hoàng gia Úc (AICLA), Học viện Hàng hải Lloyd, Hiệp hội Cơ quan quản trị bảo hiểm nhân thọ (Life Office Management Association - LOMA), Hiệp hội Nghiên cứu và Tiếp thị Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance Marketing and Research Association - LIMRA).

Chương IV

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BẢO HIỂM QUA BIÊN GIỚI

Điều 94. Đối tượng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới

1. Đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới (sau đây gọi là cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới) là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài có trụ sở chính tại quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó đã ký kết các điều ước quốc tế về thương mại trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

2. Đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm cung cấp qua biên giới là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3. Các dịch vụ tái bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải quốc tế, bảo hiểm hàng không quốc tế, môi giới tái bảo hiểm quốc tế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và thông lệ tốt nhất.

Điều 95. Các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Các điều kiện chung:

a) Có Giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính cho phép thực hiện các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến cung cấp qua biên giới tại Việt Nam và chứng minh doanh nghiệp đang hoạt động hợp pháp ít nhất 10 năm tính tới thời điểm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;

b) Có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính cho phép cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam và xác nhận không vi phạm các quy định pháp luật về hoạt

động kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và các quy định pháp luật khác của nước ngoài trong thời hạn 03 năm liền kể trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

2. Các điều kiện về năng lực tài chính:

a) Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 02 tỷ đô la Mỹ đối với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài; tối thiểu tương đương 100 triệu đô la Mỹ đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài vào năm tài chính trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;

c) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

3. Các điều kiện về khả năng xử lý tổn thất:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài phải ký quỹ tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam tại ngân hàng được cấp Giấy phép tại Việt Nam và có thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đó cam kết thanh toán trong trường hợp trách nhiệm của các hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua biên giới tại Việt Nam vượt quá mức ký quỹ bắt buộc. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài mất khả năng thanh toán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Tiền ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được rút toàn bộ tiền ký quỹ khi chấm dứt trách nhiệm đối với các hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài phải có quy trình giải quyết bồi thường trong đó nêu rõ thủ tục, trình tự xử lý tổn thất và thời hạn trả tiền bồi thường cho bên mua bảo hiểm tại Việt Nam. Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài hoặc đại diện được ủy quyền phải có mặt tại nơi xảy ra tổn thất trong thời hạn bốn mươi tám giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo tổn thất. Thời hạn giải quyết bồi thường tối đa theo quy định tại Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm;

c) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp môi giới bảo hiểm cho trách nhiệm cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

Điều 96. Điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới

1. Cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều 97. Phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài khi cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải thực hiện thông qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải môi giới cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

3. Cá nhân, tổ chức nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam.

Cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới cho các cá nhân, tổ chức không phải là doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam thì phải hợp tác với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 98. Trách nhiệm của đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới

1. Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam có tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 97 Nghị định này các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 95 Nghị định này.

Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới, tổ chức trong nước tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 96 Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quy định về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Điều 141, Điều 142 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới gửi cho Bộ Tài chính báo cáo tài chính của năm trước liền kề có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập và văn bản nhận xét của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật của doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới; cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới có trách nhiệm nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam theo quy định pháp luật về thuế

Điều 99. Trách nhiệm của các đối tượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới

Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 97 Nghị định này có các trách nhiệm sau:

1. Lưu giữ các tài liệu chứng minh đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam mà mình cùng tham gia cung cấp bảo hiểm đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 95 Nghị định này; lưu giữ các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 96 Nghị định này và cung cấp cho cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

2. Hằng quý, báo cáo Bộ Tài chính việc tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, việc sử dụng và tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới thực hiện trong kỳ tại Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Mẫu báo cáo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

3. Sử dụng hoặc tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới với cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 95 Nghị định này.

Chương V

PHỐI HỢP QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TRA ĐỐI VỚI CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 100. Cơ chế phối hợp về quản lý, giám sát chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài thông qua việc chia sẻ thông tin quản lý giám sát đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm và bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

2. Việc chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài được thực hiện trên cơ sở đề nghị, yêu cầu bằng văn bản đối với từng trường hợp, vụ việc cụ thể hoặc theo cơ chế hợp tác thông qua việc ký kết, tham

gia các thỏa thuận quốc tế về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài có chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

3. Nội dung, phạm vi thông tin chia sẻ giữa Bộ Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài cơ quan thực hiện theo quy định sau:

a) Căn cứ yêu cầu quản lý, giám sát theo từng trường hợp, vụ việc cụ thể, Bộ Tài chính xác định rõ nhu cầu đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài có chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

b) Trong trường hợp nhận được yêu cầu chia sẻ thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài, Bộ Tài chính đánh giá, xác định rõ mức độ, phạm vi nội dung thông tin có thể chia sẻ cho từng đề nghị, yêu cầu cụ thể, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và bí mật kinh doanh.

c) Trong trường hợp chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn theo quy định, Bộ Tài chính có thể chủ động thông tin, chia sẻ cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài về các biện pháp can thiệp sớm, biện pháp kiểm soát áp dụng đối với chi nhánh nước ngoài.

4. Việc ký kết thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài có thể thực hiện song phương, nhiều bên hoặc đa phương theo các khuôn khổ hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế của Hiệp hội các cơ quan quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS), bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế.

5. Nội dung của các thỏa thuận quốc tế hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài bảo đảm có các quy định sau:

a) Nguyên tắc, phạm vi hợp tác, chia sẻ thông tin;

b) Cách thức đề nghị, yêu cầu cung cấp thông tin;

c) Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của các bên tham gia thỏa thuận;

d) Cung cấp thông tin trong một số trường hợp đặc thù, bao gồm trường hợp doanh nghiệp phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài hoặc chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam của các doanh nghiệp này không bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn; trường hợp có khủng hoảng tài chính;

đ) Quy định về bảo mật thông tin và quy định về tham vấn, rà soát định kỳ nội dung thỏa thuận.

Điều 101. Thanh tra, kiểm tra chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau:

1. Bộ Tài chính Việt Nam thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam như sau:

a) Trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính;

b) Sau khi kết thúc thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính.

Chương VI

QUỸ BẢO VỆ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 102. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm

1. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm do Bộ Tài chính quản lý, quyết định sử dụng đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng mục đích.

2. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được quản lý và sử dụng riêng theo từng loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

3. Hoạt động đầu tư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được thực hiện như sau:

a) Nguồn tiền nhàn rỗi của Quỹ chỉ được thực hiện đầu tư tại Việt Nam để mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh, gửi tiền tại các ngân hàng thương mại.

Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực thi hành, toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được thực hiện đầu tư tại Việt Nam để mua trái phiếu Chính phủ.

b) Bộ Tài chính tự thực hiện hoặc ủy thác cho một tổ chức thực hiện đầu tư nguồn tiền nhàn rỗi của Quỹ. Trường hợp ủy thác đầu tư, tổ chức nhận ủy thác đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện hoạt động nhận ủy thác đầu tư phù hợp với nội dung nhận ủy thác đầu tư.

4. Trường hợp cần sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo quy định tại khoản 5 Điều này, Bộ Tài chính thành lập Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm với thành phần và nhiệm vụ như sau:

a) Thành phần Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm gồm: đại diện Bộ Tài chính, đại diện Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, đại diện doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm (trong trường hợp Bộ Tài chính chỉ định doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyên giao hợp đồng bảo hiểm từ doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản, mất khả năng thanh toán).

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm: kiểm tra hồ sơ đề nghị chi trả bảo hiểm; xây dựng phương án sử dụng Quỹ trình Bộ Tài chính phê duyệt (bao gồm phương án chi trả các hợp đồng bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản hoặc mất khả năng thanh toán và phương án sử dụng tài sản Quỹ để thực hiện nhiệm vụ được giao).

Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm được sử dụng dịch vụ thuê ngoài để thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm được phép sử dụng con dấu của cơ quan nhà nước được giao quản lý Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán và đã áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán nhưng vẫn không khắc phục được, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo quyết định của Bộ Tài chính về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán.

b) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản và Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được sử dụng kể từ thời điểm Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản.

c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán thì Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được sử dụng nhằm bảo đảm bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng.

6. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được sử dụng để trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản và thực hiện một lần đối với mỗi hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, trả giá trị hoàn lại, trả tiền bồi thường bảo hiểm hoặc hoàn phí bảo hiểm; bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu

hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.

7. Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nợ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm sau ngày 31/12/2022:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải chịu lãi suất chậm bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm các doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nộp Quỹ tính trên số tiền chậm nộp và thời gian chậm nộp.

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải hoàn thành việc nộp Quỹ và số tiền lãi tại điểm a khoản này trước ngày 01/01/2024. Sau thời gian này, nếu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài vẫn chưa hoàn thành số tiền chậm nộp Quỹ và số tiền lãi do chậm nộp, Bộ Tài chính yêu cầu tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nêu trên đang mở tài khoản thực hiện phong tỏa tài khoản để truy thu số tiền nợ Quỹ và số tiền lãi do chậm nộp.**Điều 103. Nội dung chi của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm**

1. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được chi cho các nội dung sau:

a) Trả tiền bảo hiểm, trả giá trị hoàn lại, trả tiền bồi thường bảo hiểm hoặc hoàn phí bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán tại thời điểm Bộ Tài chính có quyết định về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc tại thời điểm Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);

b) Bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán;

c) Chi quản lý Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, bao gồm: Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí dịch vụ, chi trả phí dịch vụ ủy thác và các khoản chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chi thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm do Bộ Tài chính quyết định tại phương án sử dụng tài sản Quỹ để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 102 Nghị định này.

2. Việc chi trả tiền từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Quỹ chi trả đối với hợp đồng bảo hiểm gốc và chi trả một lần đối với mỗi hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, trả giá trị hoàn lại, trả tiền bồi thường bảo hiểm hoặc hoàn phí bảo hiểm;

b) Trường hợp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm từ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác, số tiền do Quỹ chi trả theo hạn mức quy định tại Điều 104 Nghị định này được chuyển trực tiếp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nhận chuyển giao;

c) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bị mất khả năng thanh toán, Quỹ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải trả theo hợp đồng bảo hiểm và số tiền người được bảo hiểm được nhận từ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;

d) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản, Quỹ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền doanh nghiệp bảo hiểm phải trả theo hợp đồng bảo hiểm và số tiền người được bảo hiểm được nhận theo quy định pháp luật về phá sản;

đ) Trường hợp người được bảo hiểm có nghĩa vụ trả nợ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và quy định pháp luật, Quỹ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền người được bảo hiểm được nhận theo hạn mức quy định tại Điều 104 Nghị định này và số tiền người được bảo hiểm còn nợ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Điều 104. Hạn mức chi trả của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm

1. Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Quỹ chi trả tối đa 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng. Mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tương ứng với từng trường hợp được quy định như sau:

a) Đối với các hợp đồng đã xảy ra sự kiện bảo hiểm nhưng chưa được chi trả quyền lợi bảo hiểm, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm là quyền lợi bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

b) Đối với các hợp đồng mang tính tiết kiệm, có giá trị hoàn lại và đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với giá trị hoàn lại của hợp đồng tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

c) Đối với các hợp đồng chỉ mang tính bảo vệ, không có giá trị hoàn lại và đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng phần phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;

d) Đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản của khách hàng tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

đ) Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có nhiều người được bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa của Quỹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này được áp dụng đối với từng người được bảo hiểm, trừ trường hợp giữa những người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận khác tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, Quỹ chi trả tối đa 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng. Mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tương ứng với từng trường hợp được quy định như sau:

a) Đối với các hợp đồng đã xảy ra sự kiện bảo hiểm nhưng chưa được chi trả quyền lợi bảo hiểm, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài là quyền lợi bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

b) Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tương ứng với phần phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;

c) Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có nhiều người được bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa của Quỹ được áp dụng đối với từng người được bảo hiểm, trừ trường hợp giữa những người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có thỏa thuận khác tại hợp đồng bảo hiểm.

3. Đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ:

a) Đối với hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, Quỹ chi trả tối đa mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thuộc phạm vi bảo hiểm theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Đối với hợp đồng bảo hiểm thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm khác theo quy định pháp luật, Quỹ chi trả tối đa 80% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

c) Mức trách nhiệm đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài gồm quyền lợi bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 105. Thủ tục chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phá sản hoặc mất khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị sử dụng Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 Nghị định này.

b) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm đã được thực hiện xong (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản).

c) Bảng thống kê danh sách người được bảo hiểm và các hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không có khả năng thanh toán; các khoản phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm; thu đòi người thứ ba tại thời điểm Bộ Tài chính có quyết định về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc tại thời điểm đã thực hiện xong phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản).

d) Tài liệu thống kê về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng dự kiến chuyển giao của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản, số tiền bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, Bộ Tài chính thành lập Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm theo quy định tại khoản 4 Điều 102 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài để

xác định chính xác số tiền chi trả; kiểm tra hồ sơ về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng đối với trường hợp chi định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm;

b) Xây dựng phương án chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường.

4. Sau khi phương án chi trả tiền bảo hiểm được Bộ Tài chính phê duyệt, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Tài chính chấp nhận phương án chi trả bảo hiểm, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thông báo công khai việc chi trả cho người được bảo hiểm trên các báo hàng ngày (ít nhất trên một tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh và địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài) bằng tiếng Việt trong 03 số liên tiếp, đồng thời niêm yết danh sách các đối tượng được chi trả tại trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Nội dung thông báo phải nêu rõ địa điểm, thời gian, phương thức chi trả tiền của Quỹ.

5. Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện chi trả tiền bảo hiểm từ nguồn kinh phí Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo đúng phương án chi trả tiền bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê duyệt.

6. Các đối tượng được Quỹ chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tên trong bảng thống kê danh sách kèm theo hồ sơ đã được Bộ Tài chính phê duyệt chi trả;

b) Có các giấy tờ chứng minh quyền lợi hợp pháp đối với các khoản tiền chi trả của Quỹ bao gồm: Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác; hợp đồng bảo hiểm; giấy ủy quyền nhận tiền (nếu có).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 106. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Nghị định này thay thế các văn bản sau:

a) Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

b) Chương III Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

c) Điều 1 Nghị định số 80/2019/NĐP-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực;

d) Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện;

đ) Thông tư số 130/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện;

e) Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai và tham gia các sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội trong thời kỳ tới.

4. Các điều 62, 63, 64, 65, 66 của Nghị định này hết hiệu lực thi hành từ ngày 31/12/2027.

Điều 107. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC 1

(ban hành kèm Nghị định số... ngày ...tháng ...năm 2022)

Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí

I. Bảo hiểm hưu trí

1. Bảo hiểm hưu trí bao gồm bảo hiểm hưu trí cho từng cá nhân và bảo hiểm hưu trí cho nhóm người lao động. Trường hợp bảo hiểm hưu trí cho nhóm người lao động (sau đây gọi là bảo hiểm hưu trí nhóm), bên mua bảo hiểm là chủ sử dụng lao động, người lao động sẽ được nhận toàn bộ quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm sau một thời hạn nhất định theo thỏa thuận giữa các bên và được ghi nhận tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, người được bảo hiểm bắt đầu nhận quyền lợi bảo hiểm hưu trí khi đạt đến tuổi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, nhưng không thấp hơn độ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại văn bản pháp luật về độ tuổi nghỉ hưu.

3. Quyền lợi bảo hiểm cơ bản bao gồm quyền lợi hưu trí định kỳ và quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Cơ cấu phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hưu trí được tách bạch giữa phí đem đi đầu tư và phí ban đầu theo quy định tại điểm a khoản 4 mục IV Phụ lục này;

4. Mỗi người được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm hưu trí cá nhân hay hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm có một tài khoản bảo hiểm hưu trí riêng theo quy định tại Phụ lục này.

II. Quỹ hưu trí tự nguyện

1. Quỹ hưu trí tự nguyện được hình thành từ phí bảo hiểm và nguồn đóng góp của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ quy định tại điểm a khoản 1 Phần V phụ lục này.

2. Khi triển khai bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm phải thiết lập quỹ hưu trí tự nguyện, theo dõi, tách và hạch toán riêng doanh thu, chi phí, tài sản và nguồn vốn của quỹ hưu trí tự nguyện với các quỹ chủ hợp đồng khác và quỹ chủ sở hữu.

III. Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm khi triển khai nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí phải đảm bảo yêu cầu sau:

1. Đảm bảo theo dõi và quản lý chi tiết từng giao dịch của tài khoản bảo hiểm hưu trí;

2. Đảm bảo việc kết nối dữ liệu kịp thời, chính xác giữa các bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong doanh nghiệp về thông tin liên quan tới hợp đồng bảo hiểm, bảo đảm việc trích lập dự phòng nghiệp vụ, ghi nhận doanh thu và chi phí theo quy định tại Nghị định này.

IV. Quy định về sản phẩm bảo hiểm hưu trí

1. Quyền lợi bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bảo hiểm hưu trí

a) Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động thiết kế sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhưng phải bao gồm quyền lợi hưu trí định kỳ và quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 mục IV Phụ lục này.

b) Đối với quyền lợi hưu trí định kỳ, doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm:

- Quyền lợi hưu trí được chi trả định kỳ đến khi người được bảo hiểm tử vong hoặc tối thiểu 10 (mười) năm, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

- Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận về mức hưởng quyền lợi hưu trí mỗi kỳ, số kỳ nhận quyền lợi hưu trí;

- Tính lãi tích lũy từ phần quyền lợi hưu trí chưa chi trả cho bên mua bảo hiểm, nhưng không thấp hơn lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

c) Đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro, doanh nghiệp bảo hiểm phải cung cấp trong thời hạn đóng phí bảo hiểm và có thể tiếp tục cung cấp quyền lợi này trong thời gian nhận quyền lợi hưu trí, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro bao gồm tối thiểu các quyền lợi sau:

- Quyền lợi trợ cấp mai táng:

Khi nhận được yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm tử vong, bất kể thuộc phạm vi bảo hiểm hay không, doanh nghiệp bảo hiểm phải chi trả ngay khoản trợ cấp mai táng cho người thụ hưởng số tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

+ Khi người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn thuộc phạm vi bảo hiểm và trong thời hạn quy định, doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho người thụ hưởng số tiền bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

+ Bên mua bảo hiểm được lựa chọn số tiền bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh số tiền bảo hiểm trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ

a) Ngoài quyền lợi bảo hiểm cơ bản, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp thêm các quyền lợi bảo hiểm bổ trợ.

b) Phương thức đóng phí bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm bổ trợ sẽ do các bên thỏa thuận khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép khấu trừ phí bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm bổ trợ từ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí.

3. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hưu trí bao gồm phí bảo hiểm cơ bản đối với hợp đồng bảo hiểm đóng phí định kỳ, phí bảo hiểm một lần với hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần và phí bảo hiểm đóng thêm.

a) Phí bảo hiểm cơ bản là khoản đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện định kỳ hoặc một lần theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

b) Phí bảo hiểm đóng thêm là phần đóng góp ngoài phần phí bảo hiểm cơ bản hoặc phí bảo hiểm đóng một lần đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm phí bảo hiểm để đầu tư vào quỹ hưu trí tự nguyện.

4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm

a) Doanh nghiệp bảo hiểm được khấu trừ các loại phí sau đây:

- Phí khấu trừ từ phí bảo hiểm thu được, trước khi phân bổ vào tài khoản bảo hiểm hưu trí:

Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ % phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm thực hiện đóng phí bảo hiểm, được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của doanh nghiệp bảo hiểm. Phần phí bảo hiểm sau khi khấu trừ phần phí ban đầu là phần phí đem đi đầu tư và được phân bổ vào quỹ hưu trí tự nguyện để thực hiện đầu tư phù hợp với những mục tiêu của quỹ hưu trí tự nguyện trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm nhận được phí bảo hiểm.

- Các loại phí khấu trừ từ tài khoản bảo hiểm hưu trí:

+ Phí rủi ro là khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

+ Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;

+ Phí quản lý quỹ xác định bằng tỷ lệ % giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí tự nguyện được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện và được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý quỹ.

+ Phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí là khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hiện đang quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí khi thực hiện chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí sang doanh nghiệp bảo hiểm mới.

+ Các khoản phí khác (nếu có) theo đăng ký với Bộ Tài chính tại phương pháp và cơ sở tính phí của từng sản phẩm;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm phải tính toán chính xác, công bằng và hợp lý các khoản phí nêu trên, phù hợp với phương pháp và cơ sở tính phí sản phẩm đã đăng ký với Bộ Tài chính và thông báo cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

c) Hợp đồng bảo hiểm hưu trí phải quy định rõ các khoản phí tối đa áp dụng cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải công khai rõ ràng, đầy đủ các loại phí, cách xác định và tỷ lệ các khoản phí áp dụng cho bên mua bảo hiểm trong các tài liệu giới thiệu sản phẩm và tài liệu minh họa bán hàng.

V. Thiết lập và quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

1. Thiết lập và quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

a) Khi thiết lập quỹ hưu trí tự nguyện, doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng quỹ chủ sở hữu đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện không thấp hơn 200 (hai trăm) tỷ đồng và phải duy trì tối thiểu 200 (hai trăm) tỷ đồng tại quỹ này. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng phần lãi suất đầu tư đối với phần đóng góp này tương ứng với lãi suất đầu tư công bố của quỹ hưu trí tự nguyện.

b) Quỹ hưu trí tự nguyện được quản lý và sử dụng đầu tư phù hợp quy định về chế độ tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và quy định tại Phụ lục này.

c) Tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện bao gồm tài sản hình thành từ nguồn phí bảo hiểm, nguồn đóng góp của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ quy định tại điểm a khoản 1 này và tài sản hình thành từ lợi nhuận đầu tư của các nguồn trên.

Doanh nghiệp bảo hiểm không được sử dụng tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện để chi trả các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật, các khoản nợ và các giao dịch không liên quan đến quỹ hưu trí tự nguyện.

d) Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của quỹ hưu trí tự nguyện thuộc về người được bảo hiểm.

e) Người đại diện trước pháp luật, chuyên gia tính toán và kế toán trưởng của doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc tách quỹ, xác định nguyên tắc phân bổ các giao dịch phát sinh về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí liên quan đến từng quỹ.

2. Quy định về đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện

a) Việc đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện phải tuân thủ quy định pháp luật, tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư, bảo đảm tính an toàn, hiệu quả, phân tán rủi ro, thanh khoản, giá trị tài sản đầu tư tương xứng với trách nhiệm và đặc thù rủi ro của sản phẩm bảo hiểm hưu trí.

b) Tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện không được trực tiếp đầu tư vào bất động sản, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý; không được đầu tư vào cổ phiếu của các công ty chứng khoán, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

c) Danh mục và hạn mức đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện cụ thể như sau:

- Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế, nhưng không quá 20% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện vào một tổ chức tín dụng;

- Mua công cụ nợ của Chính phủ không hạn chế, nhưng không thấp hơn 40% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện;

- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm không vượt quá 25% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện;

- Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa không quá 20% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện.

Việc đầu tư vào cổ phiếu đã phát hành của một doanh nghiệp, trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 5% khối lượng mỗi lần phát hành và không được vượt quá 5% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện.

- Tùy vào sự thay đổi của thị trường tài chính và hoạt động đầu tư, Bộ Tài chính có thể điều chỉnh danh mục và hạn mức đầu tư quy định tại Khoản này.

3. Công ty quản lý quỹ

a) Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí được quyền chủ động quản lý, đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện hoặc uỷ thác cho công ty quản lý quỹ đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện hoặc thuê công ty quản lý quỹ quản lý danh mục đầu tư các tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện theo đúng hạn mức, mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện và quy định của pháp luật hiện hành.

b) Khi tham gia nhận uỷ thác hoặc quản lý danh mục đầu tư các tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện, công ty quản lý quỹ phải có tối thiểu 03 (ba) nhân viên có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm quản lý quỹ hưu trí hoặc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm hoặc kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư có thời hạn đầu tư bình quân trên 05 (năm) năm. Các nhân viên này phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành tài chính hoặc đầu tư.

c) Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản riêng để quản lý tách biệt các tài sản đầu tư từ quỹ hưu trí tự nguyện của doanh nghiệp bảo hiểm với các quỹ khác của doanh nghiệp bảo hiểm và của các khách hàng khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện để thực hiện bất kỳ giao dịch hay mục đích nào khác ngoài nội dung quy định tại hợp đồng uỷ thác hoặc quản lý danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm.

d) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm với bất kỳ sai sót hoặc tổn thất nào gây ra từ việc uỷ thác hoặc quản lý danh mục đầu tư các tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện.

VI. Tài khoản bảo hiểm hưu trí

1. Tài khoản bảo hiểm hưu trí

a) Tài khoản bảo hiểm hưu trí là tập hợp các khoản phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi phí ban đầu, được doanh nghiệp bảo hiểm mở, theo dõi và quản lý tách bạch cho từng người được bảo hiểm.

b) Doanh nghiệp bảo hiểm phải cam kết lãi suất đầu tư tối thiểu của tài khoản bảo hiểm hưu trí tại hợp đồng bảo hiểm. Cuối mỗi năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm công bố lãi suất đầu tư và giá trị tài khoản tích lũy đến thời điểm đó theo quy định tại khoản 1 Phần VII phụ lục này. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm sử dụng tài sản của quỹ chủ sở hữu để bù đắp cho từng tài khoản bảo hiểm hưu trí phần thâm hụt so với lãi suất đã cam kết. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc tích lũy các quyền lợi bảo hiểm vào giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí, phần quyền lợi này vẫn được hưởng các quyền lợi về lãi suất đầu tư theo quy định tại Phụ lục này.

c) Người được bảo hiểm không được rút trước hạn tài khoản bảo hiểm hưu trí khi chưa đạt đến độ tuổi nhất định theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Mục VI Phụ lục này.

2. Rút trước tài khoản bảo hiểm hưu trí

Người được bảo hiểm được quyền yêu cầu rút trước và doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm trả một phần hoặc toàn bộ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí trong các trường hợp sau đây:

a) Người được bảo hiểm bị suy giảm khả năng lao động 61% trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật.

c) Người được bảo hiểm là công dân Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép định cư hợp pháp tại nước ngoài.

d) Người được bảo hiểm được rút trước tài khoản hưu trí để thanh toán các khoản vay (trừ các khoản vay tiêu dùng) của cá nhân tại ngân hàng với điều kiện hợp đồng vay phải có hiệu lực ít nhất 24 tháng trước khi được rút tài khoản hưu trí.

3. Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí

a) Khi người được bảo hiểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc mất việc và không còn là thành viên của hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm, người được bảo hiểm có quyền sau đây:

- Chuyển giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí từ hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí cá nhân với giá trị tương ứng tại cùng doanh nghiệp bảo hiểm, hoặc

- Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm của doanh nghiệp mới. Hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm mới có thể tại cùng doanh nghiệp bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm khác, tùy thuộc doanh nghiệp mới.

b) Đối với trường hợp chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí trong cùng doanh nghiệp bảo hiểm, căn cứ vào văn bản xác nhận đóng phí của bên mua bảo hiểm và văn bản đề nghị chuyển tài khoản của người được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm chuyển tài khoản theo yêu cầu của người được bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép thu phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí.

c) Đối với trường hợp chuyển sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm tại doanh nghiệp bảo hiểm mới, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận

được yêu cầu chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí, bằng chứng chứng minh người được bảo hiểm không tiếp tục tham gia hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm tại doanh nghiệp cũ và là thành viên của hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm mới, doanh nghiệp bảo hiểm phải chuyển toàn bộ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tích lũy đến thời điểm nhận được yêu cầu chuyển tài khoản sang doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao sau khi trừ đi phí chuyển tài khoản (nếu có).

d) Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí được chuyển giao sẽ tích lũy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm mới.

e) Doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao không được phép tính phí ban đầu đối với giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí được chuyển giao.

4. Quy định về tạm thời đóng tài khoản bảo hiểm hưu trí

a) Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thể thỏa thuận về việc tạm thời đóng tài khoản bảo hiểm hưu trí trong trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm.

b) Trong thời gian tạm thời đóng tài khoản bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm không được phép tính bất kỳ khoản phí nào cho bên mua bảo hiểm.

Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí được tích lũy theo tỷ suất đầu tư do doanh nghiệp bảo hiểm công bố hàng năm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không có nghĩa vụ chi trả quyền lợi bảo hiểm trong thời gian này, trừ trường hợp chi trả quyền lợi hưu trí định kỳ khi người được bảo hiểm đạt đến độ tuổi nhất định hoặc chi trả toàn bộ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tích lũy đến thời điểm người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

c) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm khôi phục lại tài khoản bảo hiểm hưu trí và tiếp tục đóng phí bảo hiểm.

VII. Trách nhiệm công bố thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm

1. Thông tin về bảo hiểm hưu trí

a) Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm công bố chính xác, đầy đủ và kịp thời cho bên mua bảo hiểm các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hưu trí đã giao kết. Thông tin cung cấp cho bên mua bảo hiểm phải phù hợp với sản phẩm bảo hiểm hưu trí được Bộ Tài chính phê chuẩn.

b) Doanh nghiệp bảo hiểm phải thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng, chuyên trả lời, giải đáp thắc mắc liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

c) Sau khi được Bộ Tài chính phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng website về bảo hiểm hưu trí:

- Hướng dẫn bên mua bảo hiểm tự thiết lập kế hoạch hưu trí của mình;

- Bên mua bảo hiểm có thể tự kiểm tra thông tin của hợp đồng bảo hiểm hưu trí và các thông tin tư vấn của đại lý;

- Người được bảo hiểm có thể kiểm tra giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí cá nhân tại từng thời điểm;

- Các quyền lợi minh họa cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải phân biệt rõ giữa quyền lợi bảo đảm và quyền lợi giả định;

- Công khai và cập nhật toàn bộ quy tắc, điều khoản đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện trong 05 (năm) năm liên tiếp gần nhất.

d) Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp đầy đủ thông tin và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm để nhận thức được các rủi ro liên quan khi giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

đ) Doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính kết quả hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện định kỳ hàng năm theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

2. Hợp đồng bảo hiểm hưu trí

Hợp đồng bảo hiểm hưu trí phải phù hợp với quy định của pháp luật và có đầy đủ các thông tin dưới đây:

a) Các khoản phí bảo hiểm đóng góp của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm;

b) Thời hạn hợp đồng bảo hiểm hưu trí bao gồm thời hạn đóng phí, tích lũy các khoản phí bảo hiểm và thời gian nhận quyền lợi bảo hiểm cơ bản;

c) Trách nhiệm của các bên có liên quan trong trường hợp tham gia bảo hiểm hưu trí nhóm;

d) Các lựa chọn và quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp tham gia hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm;

đ) Tỷ lệ, số tiền cụ thể, mức tối đa và cách thức tính toán các khoản phí liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hưu trí;

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật;

- g) Đính kèm bảng minh họa quyền lợi hưu trí tại hợp đồng bảo hiểm;
- h) Quy định quyền chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí theo quy định tại khoản 3 Mục VI Phụ lục này.

3. Tài liệu giới thiệu sản phẩm

a) Tài liệu giới thiệu sản phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các thông tin sau đây:

- Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của quỹ hưu trí tự nguyện;
- Tỷ lệ và mức tối đa của phí ban đầu, phí rủi ro, phí quản lý hợp đồng, phí quản lý quỹ hưu trí tự nguyện, phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí và các khoản phí khác;
- Lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết với bên mua bảo hiểm đối với phần phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản bảo hiểm hưu trí;
- Cơ sở và định kỳ xác định giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí;
- Thông tin rõ ràng cho bên mua bảo hiểm biết việc giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí là một cam kết dài hạn và không được rút trước tài khoản bảo hiểm hưu trí trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Mục VI Phụ lục này.

b) Thông tin trong tài liệu giới thiệu sản phẩm chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực và phù hợp với phương pháp và cơ sở tính phí đăng ký với Bộ Tài chính.

4. Tài liệu minh họa bán hàng

Tài liệu minh họa bán hàng đáp ứng các quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

- a) Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải được cung cấp cho bên mua bảo hiểm trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và có các thông tin tối thiểu theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;
- b) Thuyết minh rõ cho bên mua bảo hiểm các quyền lợi mà khách hàng có thể được nhận khi giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí, bao gồm quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi hưu trí định kỳ;
- c) Các khoản phí và các hạn mức tối đa mà bên mua bảo hiểm phải trả được thể hiện rõ trên cơ sở tách bạch giữa phí bảo hiểm cho các quyền lợi bảo hiểm rủi ro và các khoản phí khác;

d) Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm hưu trí có quyền lợi bảo hiểm bổ trợ, doanh nghiệp bảo hiểm phải thuyết trình rõ trong tài liệu minh họa bán hàng các quyền lợi bổ trợ đó và tác động đối với bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm;

đ) Tài liệu minh họa bán hàng phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

5. Thông báo về tình trạng hợp đồng bảo hiểm

a) Thông báo về tài khoản bảo hiểm hưu trí:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc năm hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho người được bảo hiểm về tình trạng của hợp đồng bảo hiểm hưu trí. Thông báo về tài khoản bảo hiểm hưu trí phải đảm bảo tối thiểu các nội dung sau:

- Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí đầu kỳ;
- Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm;
- Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ;
- Các khoản chi phí liên quan (phí ban đầu, phí rủi ro, phí quản lý hợp đồng bảo hiểm, phí quản lý quỹ, phí chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí,...);
- Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí cuối kỳ.

b) Thông báo về kết quả hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm về các nội dung sau:

- Thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;
- Tình hình hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện trong 05 (năm) năm gần nhất hoặc thời gian tồn tại thực tế của quỹ nếu thời gian hoạt động của quỹ chưa đủ 05 (năm) năm;
- Chi tiết về các quyền lợi đầu tư đã chia và dự kiến sẽ phân bổ vào tài khoản bảo hiểm hưu trí trong năm báo cáo;
- Xác nhận của công ty kiểm toán độc lập về những thông tin nói trên.

6. Ngôn ngữ sử dụng

~~Ngôn ngữ sử dụng tại các tài liệu, thông tin liên quan đến sản phẩm bảo hiểm hưu trí là tiếng Việt. Đối với tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, phong chữ sử dụng là Time New Roman, cỡ chữ tối thiểu là 13 (mười ba) hoặc phong chữ khác với cỡ chữ tương đương và phải phù hợp với quy định tại Phụ lục này.~~

IX. Phân phối bảo hiểm

1. Hoa hồng bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép chi trả hoa hồng bảo hiểm đối với trường hợp bên mua bảo hiểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hiện có và tham gia hợp đồng bảo hiểm hưu trí mới tại doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ

Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải ban hành cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí, theo dõi, quản lý việc thực hiện cẩm nang này, bao gồm hoặc đính kèm các tài liệu dưới đây:

- a) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí;
- b) Thống kê số lượng và tình trạng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đã giao kết với bên mua bảo hiểm trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí;
- c) Tài liệu chứng minh khách hàng đã đọc, được tư vấn và hiểu về sản phẩm bảo hiểm hưu trí;
- d) Quy trình và yêu cầu kiểm tra chéo kết quả tư vấn của doanh nghiệp bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm hưu trí;
- đ) Quy trình nghiệp vụ liên quan đến việc phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí;
- e) Kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với việc triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí theo quy định pháp luật;
- g) Quy định về trách nhiệm trong việc nâng cao nhận thức cho khách hàng về sản phẩm bảo hiểm hưu trí bảo đảm khách hàng phải nhận thức được việc đóng góp, tích lũy tài khoản bảo hiểm hưu trí, các thuật ngữ, các loại phí, điều kiện, điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

3. Phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí

Tổ chức, cá nhân phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật đối với hoạt động bảo hiểm, hợp đồng ký kết với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành;

b) Tư vấn đúng quy trình đã được hướng dẫn và các quy trình khác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành;

c) Bảo đảm có văn bản chứng minh khách hàng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu biết và được giải thích rõ về quyền lợi của sản phẩm, nhận thức được các đặc thù của sản phẩm đã lựa chọn trước khi ký vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;

d) Báo cáo doanh nghiệp bảo hiểm kết quả tư vấn khách hàng theo hướng dẫn nghiệp vụ. Báo cáo này là một phần trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

X. Giám sát và xử lý vi phạm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu sự giám sát của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí theo quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm không được giới thiệu, chào bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không thuộc nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí theo quy định tại Thông tư này với tên thương mại là bảo hiểm hưu trí hoặc các tên gọi khác gây hiểu nhầm cho khách hàng là các sản phẩm này cung cấp thu nhập bổ sung cho người được bảo hiểm khi hết tuổi lao động.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân phân phối sản phẩm bảo hiểm hưu trí có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật đối với hoạt động bảo hiểm, hợp đồng ký kết với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành;

b) Tư vấn đúng quy trình đã được hướng dẫn và các quy trình khác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành;

c) Bảo đảm có văn bản chứng minh khách hàng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu biết và được giải thích rõ về quyền lợi của sản phẩm, nhận thức được các đặc thù của sản phẩm đã lựa chọn trước khi ký vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;

d) Báo cáo doanh nghiệp bảo hiểm kết quả tư vấn khách hàng theo hướng dẫn nghiệp vụ. Báo cáo này là một phần trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

X. Giám sát và xử lý vi phạm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu sự giám sát của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí theo quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm không được giới thiệu, chào bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không thuộc nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí theo quy định tại Thông tư này với tên thương mại là bảo hiểm hưu trí hoặc các tên gọi khác gây hiểu nhầm cho khách hàng là các sản phẩm này cung cấp thu nhập bổ sung cho người được bảo hiểm khi hết tuổi lao động.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 2

TRIỂN KHAI NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ

(ban hành kèm theo Nghị định số.../2022/NĐ-CP ngày .../2022 của Chính Phủ)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư

Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và có các đặc điểm sau:

a) Quyền lợi bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư được tách bạch giữa quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư. Bên mua bảo hiểm không được lựa chọn chi tham gia quyền lợi đầu tư mà không tham gia quyền lợi bảo hiểm rủi ro;

b) Cơ cấu phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư được tách bạch giữa phí đem đi đầu tư và phí ban đầu theo quy định tại điểm a khoản 4 mục I Phụ lục này;

c) Minh bạch các khoản phí tính cho khách hàng tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư;

d) Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ phần phí đem đi đầu tư sau khi khấu trừ các khoản phí quy định tại điểm b, c, d khoản 4 mục I Phụ lục này;

đ) Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng các khoản phí tính cho khách hàng theo quy định tại khoản 4 mục I Phụ lục này và trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 41 Nghị định này.

2. Khi triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo duy trì điều kiện triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

2. Quyền lợi bảo hiểm liên kết đầu tư

a) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro: bao gồm quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro nhưng phải đảm bảo quyền lợi tối thiểu trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn theo quy định sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 125% của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí định kỳ: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc năm (05) lần của số phí bảo hiểm cơ bản, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;

- Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp quyền lợi bảo hiểm rủi ro với số tiền bảo hiểm thấp hơn mức tối thiểu quy định như trên đối với người được bảo hiểm từ 60 tuổi trở lên, nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng;

- Quy định về quyền lợi bảo hiểm rủi ro tối thiểu không áp dụng đối với khoản phí bảo hiểm đóng thêm quy định tại điểm b khoản 3 mục I Phụ lục này;

b) Quyền lợi đầu tư: Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư của quỹ liên kết đầu tư sau khi trừ đi phí quản lý quỹ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm có thể bổ sung các quyền lợi thường khác nhằm tăng giá trị tài khoản trong hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.

d) Trong thời hạn 2 năm, doanh nghiệp bảo hiểm được tiếp tục được cung cấp các quyền lợi bảo hiểm, các quyền lợi khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực

3. Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư

Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm phí bảo hiểm cơ bản đối với hợp đồng bảo hiểm đóng phí định kỳ, phí bảo hiểm một lần với hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần và phí bảo hiểm đóng thêm.

a) Phí bảo hiểm cơ bản là khoản phí bảo hiểm được xác định dựa trên số tiền bảo hiểm do khách hàng lựa chọn và được quy định tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.

Doanh nghiệp bảo hiểm có thể thỏa thuận thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư nhưng không được vượt quá 4 năm. Việc xác định thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu phải đảm bảo phù hợp với sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho khách hàng và các quy định tại Phụ lục này. Trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và không có giao dịch rút trước giá trị tài khoản trong thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư không bị mất hiệu lực trong thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu.

b) Phí bảo hiểm đóng thêm: Ngoài phần phí bảo hiểm cơ bản hoặc phí bảo hiểm đóng một lần đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm phí bảo hiểm để đầu tư vào quỹ liên kết chung hoặc để mua các đơn vị quỹ liên kết đơn vị. Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư không được vượt quá mười (10) lần mức phí bảo hiểm cơ bản năm đầu đối với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc không quá phí bảo hiểm một lần đối với hợp đồng đóng phí một lần.

4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện việc tính toán các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm phải đảm bảo chính xác, công bằng, hợp lý và các quy định sau:

a) Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ % phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm thực hiện đóng phí bảo hiểm, được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của doanh nghiệp bảo hiểm. Phần phí bảo hiểm sau khi khấu trừ phần phí ban đầu là phần phí đem đi đầu tư và được phân bổ vào quỹ liên kết đầu tư để thực hiện đầu tư phù hợp với những mục tiêu của quỹ liên kết đầu tư trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm nhận được phí bảo hiểm;

b) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ từ giá trị tài khoản của khách hàng, được dùng bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;

c) Phí rủi ro được khấu trừ từ giá trị tài khoản của khách hàng, được dùng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm;

d) Phí quản lý quỹ xác định bằng tỷ lệ % giá trị tài sản ròng của quỹ liên kết đầu tư, được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ liên kết đầu tư và được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý quỹ;

đ) Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, được trừ từ giá trị tài khoản khi khách hàng chấm dứt hợp đồng trước ngày đáo hạn để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan;

e) Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị là khoản phí tính cho khách hàng khi thực hiện chuyển đổi tài sản đầu tư giữa các quỹ liên kết đơn vị;

g) Các khoản phí khác (nếu có) theo đăng ký với Bộ Tài chính tại phương pháp và cơ sở tính phí của từng sản phẩm;

h) Trong quá trình thực hiện hợp đồng và trong hạn mức tối đa đã được thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể thay đổi các mức phí và tỷ lệ các khoản phí áp dụng cho bên mua bảo hiểm sau khi thông báo cho bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất ba (03) tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

5. Giá trị tài khoản và giá trị hoàn lại

a) Giá trị tài khoản hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư được hình thành từ phí đem đi đầu tư trên cơ sở phí bảo hiểm đã đóng của bên mua bảo hiểm, các quyền lợi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

b) Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung là giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm sau khi trừ phí chấm dứt hợp đồng.

c) Giá trị hoàn lại của một hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được xác định dựa trên giá mua đơn vị quỹ liên kết đơn vị vào ngày định giá kế tiếp ngay sau ngày hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trừ đi phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

6. Thời hạn bảo hiểm

- a. Thời hạn bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí định kỳ tối thiểu là 10 năm.
- b. Thời hạn bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí một lần tối thiểu là 5 năm.

7. Phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm của khách hàng

Trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm của khách hàng trên cơ sở có đầy đủ các tài liệu sau:

- a. Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của bên mua bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung về tình hình tài chính của bên mua bảo hiểm, khoản phí bảo hiểm cơ bản dự kiến tham gia theo định kỳ hoặc đóng thêm và thời gian đóng phí dự kiến. Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính phải có xác nhận của bên mua bảo hiểm;

- b. Bảng câu hỏi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải bao gồm tối thiểu các nội dung đánh giá về khẩu vị rủi ro, mức độ tổn thất tối đa khách hàng có thể chấp nhận đối với phần phí đem đi đầu tư. Bảng câu hỏi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư phải có xác nhận của bên mua bảo hiểm;

- c. Báo cáo kết quả tư vấn sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng do đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm hoặc nhân viên của công ty (trong trường hợp bán hàng trực tiếp) lập trên cơ sở thông tin do bên mua bảo hiểm cung cấp. Báo cáo kết quả tư vấn sản phẩm bảo hiểm phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau: tư vấn về quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư mà khách hàng có thể gặp phải khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, thông tin về các khoản phí mà doanh nghiệp bảo hiểm tính cho khách hàng và điều kiện để nhận các quyền lợi bảo hiểm. Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, báo cáo kết quả tư vấn sản phẩm bảo hiểm phải có thêm nội dung về việc xác định mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng, chi tiết tối thiểu theo năm (05) nhóm khách hàng sau: Nhóm thận trọng về đầu tư; Nhóm tương đối thận trọng về đầu tư; Nhóm cân bằng về đầu tư; Nhóm tương đối mạo hiểm về đầu tư và Nhóm mạo hiểm về đầu tư. Tương ứng với mỗi nhóm khách hàng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tư vấn quỹ liên kết đơn vị trong sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp nhiều quỹ liên kết đơn vị phải xác định mức độ chấp nhận rủi ro và phân loại nhóm khách hàng tương ứng với từng quỹ liên kết đơn vị. Báo cáo kết quả tư vấn phải có sự xác nhận của khách hàng.

8. Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm khi triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư phải đảm bảo yêu cầu sau:

a. Đảm bảo theo dõi và quản lý chi tiết từng giao dịch của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư;

b. Đảm bảo việc kết nối dữ liệu kịp thời, chính xác giữa các bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong doanh nghiệp về thông tin liên quan tới hợp đồng bảo hiểm, bảo đảm việc trích lập dự phòng nghiệp vụ, ghi nhận doanh thu và chi phí theo quy định tại Nghị định này.

c. Đảm bảo hệ thống hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu thông tin, số liệu về giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, số lượng đơn vị quỹ của từng quỹ liên kết đơn vị, khoản phí bảo hiểm chờ phân bổ với số phí bảo hiểm khách hàng đã đóng tính tới thời điểm kết thúc năm tài chính và thời điểm kết thúc năm hợp đồng; theo dõi chi tiết giao dịch bán và mua các đơn vị quỹ của hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị khi thực hiện triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

9. Công khai thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư

Doanh nghiệp bảo hiểm công khai thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp bảo hiểm và bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a. Xây dựng bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm tóm tắt tương ứng với từng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư trước khi bán hợp đồng bảo hiểm đầu tiên để khách hàng có thể truy cập và tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư dự kiến tham gia theo các yêu cầu tối thiểu sau:

+ Lựa chọn về khoản phí bảo hiểm cơ bản, phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) với ít nhất 02 mức lãi suất đầu tư minh họa (bao gồm mức lãi suất cam kết đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và mức lãi suất giá định do bên mua bảo hiểm lựa chọn) để đánh giá giá trị tài khoản trong suốt thời gian hợp đồng bảo hiểm liên kết chung;

+ Lựa chọn về khoản phí bảo hiểm cơ bản, phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) mức lãi suất dự kiến, các quỹ liên kết đơn vị dự kiến đầu tư tương ứng với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến tham gia để đánh giá giá trị tài khoản trong thời gian tối đa 20 năm;

+ Mức lãi suất dự kiến được lựa chọn không vượt quá mức lãi suất tối đa sử dụng trong bảng minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư tương ứng.

+ Số liệu minh họa đảm bảo thể hiện rõ ràng các dữ liệu tối thiểu sau: quyền lợi bảo hiểm, các khoản phí tính cho khách hàng và phí bảo hiểm theo từng năm hợp đồng.

Quy định tại điểm này áp dụng kể từ ngày 01/01/2024.

b. Cập nhật kết quả đầu tư và lãi suất đầu tư công bố của quỹ liên kết chung và các quỹ liên kết đơn vị trong 05 (năm) liên tiếp gần nhất;

c. Cập nhật quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, tài liệu giới thiệu sản phẩm, mẫu tài liệu minh họa bán hàng của các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư;

d. Cập nhật mức lãi suất minh họa dự kiến sử dụng trong tài liệu minh họa bán hàng trong từng thời kỳ và cung cấp thông tin có liên quan để xây dựng giả định về mức lãi suất minh họa này.

đ. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện công khai website của doanh nghiệp về giá bán, giá mua đơn vị của quỹ liên kết đơn vị; giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị của quỹ liên kết đơn vị chậm nhất vào ngày làm việc ngay sau ngày định giá. Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm khách hàng tra cứu được trên website của doanh nghiệp thông tin về giá trị đơn vị quỹ của các tuần liên kế của ba (03) năm trước đó.

10. Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ

a. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp thêm sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ cho sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư. Việc tham gia sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính.

b. Phương thức đóng phí bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ sẽ do các bên thoả thuận khi giao kết hợp đồng.

c. Doanh nghiệp bảo hiểm không được tự động khấu trừ từ giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ.

d. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể thiết kế sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ với phương pháp tính phí bảo hiểm, phương pháp xác định các khoản phí tính cho khách hàng và phân bổ phí bảo hiểm tương tự với sản phẩm bảo hiểm chính và đảm bảo các yêu cầu sau:

- Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng các khoản phí ban đầu, phí rủi ro của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ, phí quản lý quỹ, phí hủy bỏ hợp đồng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm hỗ trợ.

- Phí ban đầu của sản phẩm hỗ trợ không bao gồm chi phí cố định đã được tính trong cơ sở tính phí của sản phẩm bảo hiểm chính;

- Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ và việc khấu trừ phí rủi ro của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ làm ảnh hưởng tới giá trị tài khoản của sản phẩm chính, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo tình trạng hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm để quyết định tiếp tục tham gia các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ trong thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

- Các khoản phí khác tính cho bên mua bảo hiểm không được vượt quá mức phí, tỷ lệ phí tối đa áp dụng tại hợp đồng bảo hiểm chính.

11. Chế độ báo cáo

a. Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định về chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b. Định kỳ hàng tháng, Chuyên gia tính toán có trách nhiệm đánh giá việc tuân thủ các quy định tại Phụ lục này của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình kinh doanh sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Trong trường hợp phát hiện sai phạm của doanh nghiệp bảo hiểm, chuyên gia tính toán phải báo cáo Bộ Tài chính trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày vi phạm được phát hiện.

II. SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

1. Thành lập và quản lý quỹ liên kết chung

a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thành lập một quỹ liên kết chung cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm các tài sản hình thành từ quỹ liên kết chung phải được tách và quản lý riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác.

b. Quỹ liên kết chung được thành lập trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được giao kết và phải bảo đảm tổng giá trị của quỹ liên kết chung luôn không thấp hơn 50 tỷ đồng.

c. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào việc thành lập quỹ liên kết chung theo mức lãi suất công bố áp dụng cho các chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu vẫn đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50 tỷ đồng.

d. Bên mua bảo hiểm được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với giá trị tài khoản của khách hàng tại quỹ liên kết chung trong mỗi năm tài chính và không thấp hơn tỷ suất đầu tư tối thiểu quy định tại hợp đồng bảo hiểm.

đ. Quỹ liên kết chung được quản lý và sử dụng đầu tư phù hợp với chế độ tài chính áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải phù hợp với quy định của pháp luật và có đầy đủ các thông tin dưới đây:

a. Chính sách đầu tư, mục tiêu, cơ cấu đầu tư tài sản của quỹ liên kết chung;

b. Tỷ lệ, số tiền cụ thể và mức tối đa của các khoản phí liên quan đến hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được tính cho khách hàng;

c. Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm để đầu tư vào quỹ liên kết chung;

d. Cách thức xác định quyền lợi đầu tư từ quỹ liên kết chung;

đ. Các lựa chọn để bên mua bảo hiểm thay đổi quyền lợi rủi ro và thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm.

3. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm quy định tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, bên mua bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyền của bên mua bảo hiểm:

- Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp Bảng phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm, tư vấn đầy đủ thông tin và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm để nhận thức được các rủi ro bảo hiểm và rủi ro đầu tư trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung hoặc khi nhận chuyển giao hợp đồng bảo hiểm liên kết chung theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm liên kết chung;

- Tạm ngưng đóng phí bảo hiểm sau khoảng thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Sau khi khách hàng ngưng đóng phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, các khoản phí rủi ro, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị tài khoản hàng tháng của khách hàng. Khi giá trị tài khoản của không đủ để khấu trừ các khoản phí hàng tháng này thì thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm là 60 ngày;

- Rút một phần hoặc toàn bộ giá trị tài khoản của hợp đồng;

- Thay đổi số tiền bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm đang trong thời gian tạm ngưng đóng phí bảo hiểm;

- Thay đổi phí bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm. Việc tăng hoặc giảm phí bảo hiểm có hiệu lực sau khi được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận. Việc giảm phí bảo hiểm trong mọi trường hợp đều không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tối thiểu theo quy định của doanh nghiệp bảo hiểm;

- Nhận các báo cáo thường niên liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quỹ liên kết chung và các thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Các quyền khác quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

b. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm:

- Đọc kỹ các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, các tài liệu khác do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp và xác nhận vào các tài liệu do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp;

- Đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

- Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại Điều 20 Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyền của doanh nghiệp bảo hiểm

- Thu các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

b. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm

- Thực hiện các cam kết theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết chung;

- Khi giá trị tài khoản của khách hàng không đủ để thanh toán cho khoản phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng cho tháng kế tiếp, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo cho khách hàng về tình trạng hợp đồng bảo hiểm;

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về các thông tin của từng khách hàng liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết chung;

- Cung cấp thông tin về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, hạn mức đầu tư và các rủi ro đầu tư của quỹ liên kết chung.

5. Tài liệu giới thiệu sản phẩm

Ngoài các quy định chung của pháp luật về tài liệu giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, tài liệu giới thiệu sản phẩm bảo hiểm liên kết chung phải đảm bảo thông tin tối thiểu sau đây:

a. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của quỹ liên kết chung;

b. Tỷ lệ và mức tối đa của phí ban đầu, phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng, phí quản lý quỹ liên kết chung, phí huỷ bỏ hợp đồng và các khoản phí khác;

c. Lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết với bên mua bảo hiểm đối với phần phí bảo hiểm được phân bổ để đầu tư vào quỹ liên kết chung;

d. Cơ sở và định kỳ xác định quyền lợi đầu tư của hợp đồng bảo hiểm từ quỹ liên kết chung;

6. Tài liệu minh họa bán hàng

Ngoài các quy định chung của pháp luật về tài liệu minh họa bán hàng, tài liệu minh họa bán hàng bảo hiểm liên kết chung phải phù hợp với các quy định dưới đây:

a. Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung phải được cung cấp cho khách hàng trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và phải có thông tin tối thiểu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp bảo hiểm được bổ sung thêm các thông tin khác nhằm cung cấp rõ ràng hơn thông tin về sản phẩm bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.

b. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thuyết minh rõ cho bên mua bảo hiểm các quyền lợi mà khách hàng có thể được nhận khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, bao gồm quyền lợi bảo hiểm rủi ro, quyền lợi nhận được từ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và các điều kiện để nhận các quyền lợi này.

c. Các khoản phí và các hạn mức tối đa mà bên mua bảo hiểm phải trả;

d. Đối với các sản phẩm bảo hiểm cho phép linh hoạt đóng phí sau thời gian đóng phí bắt buộc, minh họa bán hàng minh họa rõ quyền lợi của khách hàng trong ít nhất hai (02) trường hợp: bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí theo thời hạn hợp đồng; bên mua bảo hiểm chỉ đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc.

đ. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm liên kết chung có quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ, doanh nghiệp bảo hiểm minh họa rõ các quyền lợi sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ tại bảng minh họa bán hàng khi bán kèm với sản phẩm bảo hiểm chính.

e. Thông tin rõ ràng cho bên mua bảo hiểm biết việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung là một cam kết dài hạn và bên mua bảo hiểm không nên huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm vì các khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.

7. Thông báo cho bên mua bảo hiểm về tình trạng hợp đồng

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc năm hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm về các nội dung sau:

a. Tình trạng của hợp đồng bảo hiểm bao gồm thông tin sau:

- Quyền lợi bảo hiểm rủi ro;
- Giá trị hoàn lại vào đầu năm và cuối năm báo cáo;
- Các khoản phí phát sinh trong năm chi tiết theo phí rủi ro bảo hiểm và

các khoản phí khác;

- Tổng số phí bảo hiểm đã đóng và số phí bảo hiểm được phân bổ vào quỹ liên kết chung trong năm báo cáo;

- Kết quả đầu tư và lãi suất đầu tư công bố từ phần phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết chung.

b. Kết quả hoạt động của quỹ liên kết chung với các nội dung sau:

- Thông tin về tình hình tài chính của quỹ liên kết chung trong năm tài chính gần nhất thời điểm thông báo theo hướng dẫn về chế độ kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ;

- Tình hình hoạt động của quỹ liên kết chung trong năm (05) năm gần nhất hoặc thời gian tồn tại thực tế của quỹ nếu thời gian hoạt động của quỹ chưa đủ năm (05) năm;

- Chi tiết về các quyền lợi đầu tư đã chia và dự kiến sẽ cho bên mua bảo hiểm trong năm báo cáo;

III. SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Tên gọi và thiết kế sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

a. Tên của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phù hợp với tính chất của sản phẩm bảo hiểm và phải đảm bảo có thành tố “Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị” trong tên của sản phẩm bảo hiểm.

b. Tên của các quỹ liên kết đơn vị phải rõ ràng, phù hợp với chính sách, mục tiêu đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị; bảo đảm bên mua bảo hiểm có thể phân biệt các quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm triển khai.

c. Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đóng phí một lần, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thiết kế sản phẩm bảo hiểm bảo đảm phí bảo hiểm của bên mua bảo hiểm chỉ được mua các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị có tỷ trọng đầu tư không thấp hơn 60% tổng giá trị tài sản của quỹ liên kết đơn vị đó vào danh mục tiền gửi ngân hàng và các chứng khoán có thu nhập cố định khác.

2. Thành lập quỹ liên kết đơn vị

a. Quỹ liên kết đơn vị có mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư vào từng danh mục tài sản đầu tư khác nhau. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thành lập tối thiểu hai (02) quỹ liên kết đơn vị dành cho mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

b. Trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản của quỹ liên kết đơn vị phù hợp với mục tiêu, chính sách đầu tư của từng quỹ và phải bảo đảm giá trị của mỗi quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam.

c. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bổ sung quỹ liên kết đơn vị mới và quỹ liên kết đơn vị này do Công ty quản lý quỹ trực tiếp quản lý, doanh nghiệp phải bảo đảm giá trị của mỗi quỹ liên kết đơn vị mới này không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam.

d. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào quỹ liên kết đơn vị. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu giá trị của quỹ liên kết đơn vị lớn 50 tỷ đồng. Khi giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng quỹ chủ sở hữu để đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn 30 tỷ đồng.

đ. Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm các tài sản hình thành từ các quỹ liên kết đơn vị phải được tách và quản lý riêng khỏi quỹ chủ sở hữu, các quỹ chủ hợp đồng khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thành lập các quỹ liên kết đơn vị và các quỹ liên kết đơn vị này do Công ty quản lý quỹ trực tiếp quản lý, doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm các tài sản hình thành từ các quỹ liên kết đơn vị này phải được tách và quản lý riêng với các quỹ liên kết đơn vị khác.

e. Trong mọi trường hợp, quỹ liên kết đơn vị phải được quản lý và sử dụng đầu tư phù hợp với mục tiêu, chính sách đầu tư và chế độ tài chính áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Mục tiêu của các quỹ liên kết đơn vị

a. Mục tiêu hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị phải rõ ràng, chi tiết để bên mua bảo hiểm có thể đánh giá một cách khách quan về thực trạng hoạt động của quỹ liên kết đơn vị cũng như tính chất các tài sản có trong quỹ liên kết đơn vị và những rủi ro mà quỹ liên kết đơn vị có thể gặp phải.

b. Doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo rằng quỹ liên kết đơn vị được đầu tư phù hợp với các mục tiêu đã công bố và tuân thủ những hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định tại Phụ lục này.

c. Các mục tiêu, cách thức phân bổ các tài sản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị phải được thông báo đầy đủ, rõ ràng trong tài liệu giới thiệu sản phẩm và hợp đồng bảo hiểm.

4. Hạn mức đầu tư của quỹ liên kết đơn vị

a. Danh mục đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ liên kết đơn vị phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư quy định tại cơ sở tính phí của sản phẩm đã đăng ký với Bộ Tài chính. Danh mục đầu tư của quỹ liên kết đơn vị phải đảm bảo tuân thủ quy định chung về nguyên tắc đầu tư tại khoản 2 Điều 99 Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

b. Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ liên kết đơn vị phải bảo đảm tuân thủ các điều kiện sau đây:

- Mỗi quỹ liên kết đơn vị không được đầu tư vào quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

- Mỗi quỹ liên kết đơn vị không được đầu tư vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành trừ công cụ nợ của Chính phủ;

- Tài sản của quỹ liên kết đơn vị không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý;

- Mỗi quỹ liên kết đơn vị không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.

- Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

c. Cơ cấu đầu tư của quỹ liên kết đơn vị có thể sai lệch so với các hạn mức đầu tư quy định tại điểm b khoản 4 mục III Phụ lục này do kết quả của việc

tăng hoặc giảm giá trị của các tài sản đầu tư, và các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ liên kết đơn vị, và hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành. Trong trường hợp này, quỹ liên kết đơn vị không được tiến hành đầu tư vào các tài sản đang có sai lệch và trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh doanh nghiệp bảo hiểm phải yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đảm bảo các hạn mức đầu tư quy định tại mục này.

Doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính và công bố thông tin cho bên mua bảo hiểm về nguyên nhân của các sai lệch trên, các biện pháp khắc phục và kết quả của việc khắc phục.

d. Trường hợp sai lệch là do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Phụ lục này hoặc mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ liên kết đơn vị nêu tại phương pháp và cơ sở tính phí của sản phẩm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

đ. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị trong trường hợp:

- Không tuân thủ mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại phương pháp và cơ sở tính phí đã đăng ký với Bộ Tài chính;

- Đầu tư vào các tài sản bị hạn chế hoặc đầu tư vượt các hạn mức đầu tư theo quy định tại Phụ lục này.

e. Mức đền bù cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế phát sinh. Trường hợp các hoạt động đầu tư theo điểm đ mục này có phát sinh lợi nhuận, doanh nghiệp bảo hiểm phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận cho quỹ liên kết đơn vị.

5. Định giá quỹ liên kết đơn vị

a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải định giá tài sản của quỹ liên kết đơn vị theo định kỳ tối thiểu một tuần một lần, theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ liên kết đơn vị. Doanh nghiệp bảo hiểm phải quy định cụ thể ngày định giá trong quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm để thực hiện giao dịch mua, bán các đơn vị quỹ liên kết đơn vị. Trường hợp ngày định giá trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện xác định ngày định giá vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ đó.

b. Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ liên kết đơn vị phải tuân thủ các nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Ngân hàng giám sát được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phê duyệt việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ liên kết đơn vị.

d. Doanh nghiệp bảo hiểm, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp

đ. Doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp có sai sót khi định giá đơn vị của quỹ liên kết đơn vị và phải bồi thường cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị các sai lệch phát sinh từ việc mua, bán các đơn vị quỹ do sai sót trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai lệch như sau:

- Đạt từ 0,5% giá trị tài sản ròng trở lên đối với quỹ liên kết đơn vị đầu tư cổ phiếu. Quỹ liên kết đơn vị đầu tư cổ phiếu có chính sách đầu tư không thấp hơn 70% tổng giá trị tài sản vào danh mục cổ phiếu;

- Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên đối với quỹ liên kết đơn vị đầu tư trái phiếu. Quỹ liên kết đơn vị đầu tư trái phiếu có chính sách đầu tư không thấp hơn 70% tổng giá trị tài sản vào danh mục trái phiếu;

- Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên đối với các quỹ liên kết đơn vị khác của doanh nghiệp bảo hiểm.

e. Trường hợp giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt tới các mức quy định tại điểm đ mục này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại theo trình tự sau:

- Xác định lại giá trị tài sản ròng tại từng ngày giao dịch quỹ liên kết đơn vị trong thời gian thời gian quỹ bị định giá sai;

- Xác định các khoản đền bù cho quỹ và các khoản đền bù cho bên mua bảo hiểm chịu thiệt hại từ việc định giá sai tài sản của quỹ tại từng ngày giao dịch. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải đền bù cho bên mua bảo hiểm đối với các giá trị sai lệch ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tương ứng với giá trị sai lệch ít hơn 100.000 đồng này phải được đưa vào quỹ.

g. Mức đền bù thiệt hại cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị từ việc mua bán đơn vị quỹ trong trường hợp có sai sót khi định giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị được xác định như sau:

- Trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị được xác định như sau:

- + Nếu phí bảo hiểm được phân bổ để mua đơn vị quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán đơn vị quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù cho bên mua bảo hiểm được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà bên mua bảo hiểm đã bán;

- + Nếu phí bảo hiểm được phân bổ để mua đơn vị quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục nắm giữ sau thời gian quỹ bị định giá sai: Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm đền bù cho quỹ liên kết đơn vị, mức đền bù

được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà bên mua bảo hiểm đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.

- Trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị được xác định như sau:

+ Nếu phí bảo hiểm được phân bổ để mua đơn vị quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán đơn vị quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm đền bù cho quỹ liên kết đơn vị, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ bên mua bảo hiểm đã bán trong thời gian bị định giá sai;

+ Nếu phí bảo hiểm được phân bổ để mua đơn vị quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục nắm giữ sau thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù cho bên mua bảo hiểm được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ bên mua bảo hiểm đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.

- Mọi chi phí đền bù cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị không được hạch toán vào chi phí của quỹ liên kết đơn vị của doanh nghiệp bảo hiểm.

h. Doanh nghiệp bảo hiểm phải có báo cáo phương án khắc phục sai sót khi định giá đơn vị quỹ, phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, bên mua bảo hiểm trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, mức độ thiệt hại của bên mua bảo hiểm, kèm theo danh sách bên mua bảo hiểm có quyền lợi bị ảnh hưởng dự kiến được đền bù và mức đền bù của từng bên mua bảo hiểm cho Bộ Tài chính chậm nhất là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện sai sót. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành đền bù thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm và quỹ liên kết đơn vị.

6. Xác định giá bán và giá mua các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị

a. Giá bán là giá một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị khi doanh nghiệp bảo hiểm bán cho bên mua bảo hiểm tại ngày định giá.

b. Giá mua là giá một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị khi doanh nghiệp bảo hiểm mua của bên mua bảo hiểm tại ngày định giá.

c. Đơn vị của quỹ liên kết đơn vị là tài sản của quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau

d. Giá bán và giá mua các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị được xác định dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi đơn vị của quỹ liên kết đơn vị vào ngày định giá ngay sau ngày khi doanh nghiệp bảo hiểm nhận được yêu cầu mua hoặc bán đơn vị của quỹ liên kết đơn vị. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua đơn vị của một quỹ liên kết đơn vị không được vượt quá 5% của giá bán.

đ. Giá trị tài sản ròng của mỗi đơn vị của quỹ liên kết đơn vị bằng tổng giá trị của các tài sản có trong quỹ liên kết đơn vị trừ đi các công nợ có liên quan chia cho tổng số đơn vị của quỹ liên kết đơn vị.

7. Mua và bán các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị

a. Bên mua bảo hiểm có quyền mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị cho doanh nghiệp bảo hiểm.

b. Bên mua bảo hiểm thực hiện mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị khi đáp ứng điều kiện sau:

- Hợp đồng bảo hiểm của bên mua bảo hiểm còn hiệu lực và số tiền yêu cầu mua thêm đáp ứng quy định tại Phụ lục này;

- Có yêu cầu mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị theo mẫu của doanh nghiệp bảo hiểm, trong đó nêu rõ số tiền muốn mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị, tỷ lệ % vào mỗi quỹ liên kết đơn vị và xác nhận trên yêu cầu mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị.

c. Bên mua bảo hiểm thực hiện bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị khi đáp ứng điều kiện sau:

- Hợp đồng bảo hiểm của bên mua bảo hiểm còn hiệu lực và số đơn vị quỹ muốn bán đáp ứng quy định về số tiền tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm về việc bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị của bên mua bảo hiểm;

- Có yêu cầu bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị theo mẫu của doanh nghiệp bảo hiểm, trong đó nêu rõ số đơn vị quỹ liên kết đơn vị muốn bán hoặc tỷ lệ % vào mỗi quỹ liên kết đơn vị muốn bán và xác nhận trên yêu cầu bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị.

d. Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện giải quyết yêu cầu mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị tại ngày định giá kế tiếp. Giá mua hoặc giá bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị được xác định theo quy định tại điểm mục Phụ lục này.

đ. Giá trị tài khoản theo hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị của bên mua bảo hiểm thay đổi theo yêu cầu mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị được tính từ thời điểm doanh nghiệp bảo hiểm xác định giá mua hoặc giá bán và hoàn tất việc mua, bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải quy định rõ giao dịch bán và giao dịch mua từ hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị.

e. Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép từ chối việc bên mua bảo hiểm mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị khi bên mua bảo hiểm đã đáp ứng các điều kiện điểm b và điểm c mục này.

8. Hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị

Hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị phải phù hợp với quy định của pháp luật và có đầy đủ các thông tin dưới đây:

a. Các quyền lợi và cơ chế gắn kết các quyền lợi đó với kết quả hoạt động của từng quỹ liên kết đơn vị mà bên mua bảo hiểm lựa chọn;

b. Mục tiêu, chính sách đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị;

c. Các quỹ liên kết đơn vị do bên mua bảo hiểm lựa chọn và tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm để mua các đơn vị quỹ liên kết đơn vị;

d. Tỷ lệ, số tiền cụ thể, mức tối đa, cách thức và mô tả phương pháp tính toán các khoản phí liên quan đến hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị; quy định rõ các giao dịch được xác định là giao dịch mua và giao dịch bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị;

đ. Phương pháp và định kỳ định giá đơn vị của quỹ liên kết đơn vị;

e. Các lựa chọn để bên mua bảo hiểm thay đổi quyền lợi rủi ro, tỷ lệ phí bảo hiểm phân bổ vào quỹ liên kết đơn vị, phí bảo hiểm, việc chuyển đổi giữa các quỹ liên kết đơn vị và thời gian gia hạn nộp phí bảo hiểm;

g. Khôi phục hiệu lực hợp đồng và các khoản phí khách hàng phải trả khi thực hiện khôi phục hiệu lực hợp đồng.

h. Quy định rõ các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm được phép áp dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của bên mua bảo hiểm:

- Đóng quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một quỹ liên kết đơn vị mới có cùng các mục tiêu đầu tư;

- Thay đổi tên của quỹ liên kết đơn vị;

- Chia tách hoặc sáp nhập các đơn vị quỹ liên kết đơn vị hiện có;

- Ngừng định giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch liên quan đến hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở giao dịch chứng khoán mà quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;

- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

9. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm quy định tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, bên mua bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyền của bên mua bảo hiểm:

- Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp Bảng phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm, tư vấn đầy đủ thông tin và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm để nhận thức được các rủi ro liên quan và lựa chọn các quỹ liên kết đơn vị phù hợp trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc khi nhận chuyển giao hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị;

- Tạm ngưng đóng phí bảo hiểm sau khoảng thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Sau khi khách hàng ngưng đóng phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, các khoản phí rủi ro, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị tài khoản hàng tháng

của khách hàng. Khi giá trị tài khoản của không đủ để khấu trừ các khoản phí hàng tháng này thì thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm là 60 ngày.

- Rút một phần hoặc toàn bộ giá trị tài khoản của hợp đồng thông qua việc bán các đơn vị quỹ theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

- Chuyển đổi đơn vị quỹ của quỹ liên kết đơn vị bằng cách chuyển một phần hoặc toàn bộ giá trị các đơn vị quỹ của hợp đồng bảo hiểm từ quỹ liên kết đơn vị này sang quỹ liên kết đơn vị khác với tỷ lệ phân bổ do bên mua bảo hiểm yêu cầu;

- Thay đổi tỷ lệ đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Việc thay đổi được áp dụng cho các khoản phí bảo hiểm đã nộp sau khi có yêu cầu thay đổi và theo tỷ lệ đã được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận;

- Thay đổi số tiền bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm đang trong thời gian tạm ngưng đóng phí bảo hiểm;

- Thay đổi phí bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm. Việc tăng hoặc giảm phí bảo hiểm có hiệu lực sau khi được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận. Việc giảm phí bảo hiểm trong mọi trường hợp đều không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tối thiểu theo quy định của doanh nghiệp bảo hiểm;

- Nhận các báo cáo thường niên liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, các quỹ liên kết đơn vị và các thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Các quyền khác quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

b. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm:

- Đọc kỹ các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, các tài liệu khác do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp và xác nhận vào các tài liệu do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp;

- Đóng phí bảo hiểm theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

- Các nghĩa vụ khác theo thoả thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại Điều 20 Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyền của doanh nghiệp bảo hiểm

- Thu các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

b. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm

- Thực hiện các cam kết theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị;

- Khi giá trị tài khoản của khách hàng không đủ để thanh toán cho khoản phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng cho tháng kế tiếp, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo cho khách hàng về tình trạng hợp đồng bảo hiểm;

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về các thông tin của từng khách hàng liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị;

- Lưu trữ và bảo mật các tài liệu, dữ liệu liên quan tới quá trình đại lý bảo hiểm hoặc nhân viên trong đại lý tổ chức thực hiện một trong các hoạt động tư vấn, chào bán và thu xếp việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị theo quy định tại tiết d điểm 17 Mục III Phụ lục này trong thời gian ít nhất 5 năm kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm đó hoặc nhân viên trong đại lý tổ chức đó thực hiện có hiệu lực. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích đánh giá chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm, giải quyết các phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động phòng chống gian lận trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Thông báo cho bên mua bảo hiểm khi có thay đổi về đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị;

- Tư vấn và thông tin cho bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Phụ lục này khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị có sự thay đổi về bên mua bảo hiểm;

- Cung cấp thông tin về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, hạn mức đầu tư và các rủi ro đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị khi khách hàng dự kiến chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị

- Kiểm tra toàn bộ kết quả cung cấp thông tin, tư vấn, chào bán và thu xếp hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị cho khách hàng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và quy trình nội bộ của doanh nghiệp về việc triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

11. Tài liệu giới thiệu sản phẩm

Tài liệu giới thiệu sản phẩm do doanh nghiệp bảo hiểm biên soạn và sử dụng phải phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định dưới đây:

a. Thông tin trong tài liệu giới thiệu sản phẩm phải chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực và phải phù hợp với quyền lợi của từng sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

b. Ngoài các quy định chung trong bảo hiểm nhân thọ, tài liệu giới thiệu sản phẩm liên kết đơn vị phải có những thông tin tối thiểu sau đây:

- Giới thiệu đặc tính cơ bản của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị;
- Các loại quỹ liên kết đơn vị hiện có của doanh nghiệp bảo hiểm, chính sách đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị, các loại tài sản đầu tư, tỷ lệ phân bổ tài sản đầu tư của từng quỹ và tính chất của các rủi ro đầu tư;
- Các quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị sẽ biến động theo kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị và khẳng định bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và sẽ chịu toàn bộ rủi ro đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với giá trị của hợp đồng trong các quỹ liên kết đơn vị;
- Những trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có thể tạm ngừng việc bán hoặc mua lại các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị;
- Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm để mua các đơn vị quỹ liên kết đơn vị và cách thức tính toán và hạn mức tối đa các khoản phí ban đầu, phí quản lý quỹ, phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng bảo hiểm và các khoản phí khác. Những thông tin nói trên phải kèm theo ví dụ minh họa về cách thức phân bổ phí bảo hiểm để mua các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị;
- Tất cả các quyền lợi đảm bảo cho bên mua bảo hiểm và điều kiện nhận được các quyền lợi này phải được nêu rõ, bao gồm quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi đáo hạn và hủy bỏ hợp đồng hoặc các quyền lợi khác cam kết trong hợp đồng bảo hiểm. Đối với các quyền lợi không được đảm bảo, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo rõ cho bên mua bảo hiểm biết;
- Cơ sở và định kỳ định giá các tài sản của các quỹ liên kết đơn vị;
- Kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị hiện có trong năm (05) năm tài chính gần nhất, hoặc toàn bộ thời gian mà quỹ đã được thành lập và hoạt động nếu ngắn hơn năm (05) năm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải nêu rõ thông tin trên là kết quả hoạt động trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị trong tương lai. Các kết quả đầu tư trong quá khứ được sử dụng làm tham chiếu phải phù hợp với sản phẩm liên kết đơn vị và các quỹ liên kết đơn vị đang được giới thiệu;
- Thông tin rõ ràng cho bên mua bảo hiểm biết việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn và bên mua bảo hiểm không nên hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm vì các khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng;
- Thông tin cảnh báo bên mua bảo hiểm phải tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để nhận được các quyền lợi bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

12. Tài liệu minh họa bán hàng

Tài liệu minh họa bán hàng phải đáp ứng các quy định của pháp luật và các quy định dưới đây:

a. Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải được cung cấp cho khách hàng trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và phải có thông tin tối thiểu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính;

b. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thuyết minh rõ cho bên mua bảo hiểm các quyền lợi mà khách hàng có thể được nhận khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, bao gồm quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi có thể nhận được từ các quỹ liên kết đơn vị, kể cả trong trường hợp thu nhập của quỹ liên kết đơn vị bị âm;

c. Tỷ suất đầu tư thực tế của mỗi quỹ liên kết đơn vị phải được tính theo năm và có sự khác nhau cho từng quỹ liên kết đơn vị. Các tỷ suất đầu tư thực tế được tính trên cơ sở lãi ròng của quỹ liên kết đơn vị trong năm (05) năm trước hoặc thời gian tồn tại thực tế của quỹ liên kết đơn vị nếu thời gian hoạt động của quỹ chưa đủ năm (05) năm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm biết việc liệt kê các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không được minh họa quyền lợi đầu tư dài hơn 20 năm;

d. Các khoản phí và các hạn mức tối đa mà bên mua bảo hiểm phải trả phải được thể hiện rõ, trên cơ sở tách bạch giữa phí cho các quyền lợi bảo hiểm rủi ro và các khoản phí khác;

đ. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị có quyền lợi bảo hiểm bổ trợ, doanh nghiệp bảo hiểm phải thuyết trình rõ trong tài liệu minh họa bán hàng các quyền lợi bổ trợ đó và tác động của chúng đối với bên mua bảo hiểm;

e. Tài liệu minh họa bán hàng phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và không làm cho bên mua bảo hiểm kỳ vọng không thực tế vào số tiền có thể được nhận;

13. Thông báo cho bên mua bảo hiểm về tình trạng hợp đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc năm hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm về các nội dung sau:

- Tình trạng của hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị bao gồm thông tin sau:
 - + Số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ năm giữ đầu năm báo cáo;
 - + Tổng số phí bảo hiểm đã đóng và số phí bảo hiểm đã phân bổ để mua các đơn vị quỹ trong năm báo cáo;
 - + Chi tiết từng khoản phí tính cho khách hàng trong năm và số lượng đơn vị quỹ đã bị trừ tương ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (nếu có);
 - + Số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ được mua, bán trong năm báo cáo;

+ Số tiền khách hàng đã rút ra từ giá trị tài khoản hợp đồng, các khoản vay từ hợp đồng bảo hiểm (nếu có);

+ Giá đơn vị quỹ, số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ cuối năm báo cáo;

+ Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào đầu năm báo cáo;

+ Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào cuối năm báo cáo.

- Kết quả hoạt động của mỗi quỹ liên kết đơn vị mà bên mua bảo hiểm đang nắm giữ các đơn vị quỹ với các nội dung sau:

+ Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của quỹ liên kết đơn vị theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Phân tích kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị, bao gồm các nội dung sau:

- Mục tiêu đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị và cách thức phân bổ tài sản tại thời điểm báo cáo;
- Các thay đổi về mục tiêu đầu tư (nếu có), những hạn chế của quỹ liên kết đơn vị trong năm;
- Phân tích về tình hình hoạt động của quỹ liên kết đơn vị trong năm (05) năm gần nhất về tỷ suất đầu tư ròng của quỹ liên kết đơn vị hoặc thời gian tồn tại thực tế của quỹ liên kết đơn vị nếu thời gian hoạt động của quỹ chưa đủ năm (05) năm;
- Các khoản chi phí phải trả liên quan đến quỹ liên kết đơn vị và các khoản chi phí phát sinh trong năm;
- Chi tiết về các khoản lãi chia đã thực hiện và dự kiến thực hiện trong năm báo cáo; các tác động về giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ liên kết đơn vị trước và sau khi thực hiện các khoản chia lãi;
- Đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị, liệt kê một số trường hợp điển hình làm thay đổi đánh giá triển vọng này;
- Các chỉ số liên quan trong những lĩnh vực đầu tư mà quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư;
- Xác nhận của công ty kiểm toán độc lập về những thông tin nói trên.

14. Hội đồng đầu tư

a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thành lập Hội đồng đầu tư để tiến hành các hoạt động sau đây:

- Phê duyệt quy chế, chính sách, quy trình đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn các tài sản của quỹ liên kết đơn vị và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị đã công bố với khách hàng. Thống nhất số tay định giá khi sử dụng nhiều hơn

một (01) Công ty quản lý quỹ liên kết đơn vị. Mọi thay đổi trong quy chế, chính sách và quy trình đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị phải được Hội đồng đầu tư thông qua trước khi áp dụng;

- Quyết định việc đóng quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một quỹ liên kết đơn vị mới có cùng các mục tiêu đầu tư; thay đổi tên của quỹ liên kết đơn vị; chia tách hoặc sáp nhập các đơn vị quỹ liên kết đơn vị hiện có hoặc ngừng định giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch liên quan đến hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp đặc biệt được quy định tại hợp đồng bảo hiểm nhằm đảm bảo quyền lợi cho bên mua bảo hiểm;

- Phê duyệt việc lựa chọn tài sản đầu tư phù hợp với quy định về các hạn mức đầu tư Phụ lục này.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b. Hội đồng đầu tư có ít nhất ba (03) thành viên, trong đó có:

- Một (01) thành viên là chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm;

- Một (01) thành viên là người lao động trong doanh nghiệp bảo hiểm hoặc công ty mẹ của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Công ty quản lý quỹ có chứng chỉ phân tích đầu tư tài chính (CFA) hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp hoặc bằng cấp chuyên ngành tương đương và có kinh nghiệm tối thiểu ba (03) năm quản lý hoạt động của quỹ mở hoặc quỹ liên kết đơn vị.

- Một (01) thành viên là luật sư của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc công ty mẹ của doanh nghiệp bảo hiểm; có trình độ chuyên môn về pháp luật trong lĩnh vực đầu tư hoặc có thời gian tối thiểu 5 năm trực tiếp làm việc lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

c. Hội đồng đầu tư phải họp định kỳ hàng quý và có thể họp bất thường theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm. Quyết định của Hội đồng đầu tư được thông qua biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn, hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

15. Công ty quản lý quỹ

a. Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải uỷ thác cho công ty quản lý quỹ đã có kinh nghiệm quản lý quỹ thành viên hoặc quỹ mở để tiến hành đầu tư các tài sản từ các quỹ liên kết đơn vị theo đúng hạn mức, mục tiêu, chiến lược đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và quy định của pháp luật hiện hành.

b. Công ty quản lý quỹ, quản lý tách biệt các tài sản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị của doanh nghiệp bảo hiểm với các quỹ khác của doanh nghiệp bảo hiểm và của các khách hàng khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản

của quỹ liên kết đơn vị để thực hiện bất kỳ giao dịch hay mục đích nào khác ngoài nội dung quy định tại hợp đồng uỷ thác của doanh nghiệp bảo hiểm.

c. Định kỳ tối thiểu hàng tuần hoặc thời gian ngắn hơn theo thoả thuận tại hợp đồng uỷ thác và trước thời điểm định giá kế tiếp, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin và giá trị các tài sản đầu tư cho doanh nghiệp bảo hiểm, phối hợp cùng ngân hàng giám sát và doanh nghiệp bảo hiểm định kỳ đánh giá giá trị tài sản ròng của quỹ liên kết đơn vị và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị và báo cáo về danh mục đầu tư, về định giá và tình hình hoạt động của quỹ liên kết đơn vị theo quy định tại Phụ lục này.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đối chiếu các khoản đầu tư của công ty quản lý quỹ và tài khoản lưu ký tại ngân hàng, đảm bảo luôn luôn khớp tổng số dư các tài khoản cá nhân và giá trị tài sản ròng của quỹ liên kết đơn vị tại từng thời điểm.

d. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm với bất kỳ sai sót hoặc tổn thất nào gây ra do việc định giá sai theo hợp đồng uỷ thác của doanh nghiệp bảo hiểm về quản lý quỹ liên kết đơn vị.

16. Ngân hàng giám sát

a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng ngân hàng giám sát để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lưu ký tài sản của các quỹ liên kết đơn vị phải tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý quỹ mở;

- Giám sát việc quản lý tài sản của các quỹ liên kết đơn vị của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc công ty quản lý quỹ được doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền thực hiện theo đúng hạn mức đầu tư, mục tiêu, chính sách đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm và quy định của pháp luật hiện hành tại mọi thời điểm. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định pháp luật và hợp đồng uỷ thác đầu tư, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

- Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và mục tiêu đầu tư của quỹ;

- Phối hợp với doanh nghiệp bảo hiểm và công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát giá trị tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị, bảo đảm các giá trị này được tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ liên kết đơn vị trong các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm được phép áp dụng các biện pháp trên;

b. Các tài sản của quỹ liên kết đơn vị để ở ngân hàng giám sát đăng ký sở hữu dưới tên của doanh nghiệp bảo hiểm là tài sản thuộc sở hữu của quỹ liên kết đơn vị, không phải của ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát không được sử dụng tài sản của quỹ liên kết đơn vị để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba.

c. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động đầu tư của công ty quản lý quỹ và doanh nghiệp bảo hiểm so với các mục tiêu đầu tư của quỹ liên kết đơn vị và quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính.

17. Khai thác sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

Đại lý bảo hiểm cá nhân hoặc nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải thực hiện theo quy định sau:

a. Tuân thủ quy định của pháp luật đối với hoạt động đại lý bảo hiểm, hợp đồng đại lý bảo hiểm ký kết với doanh nghiệp bảo hiểm và quy định nội bộ có liên quan cả doanh nghiệp bảo hiểm.

Trong quá trình tư vấn cho khách hàng, đại lý bảo hiểm phải cung cấp thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được đăng tải trên website của doanh nghiệp bảo hiểm và thực hiện phân tích thông tin khách hàng bao gồm nhu cầu và khả năng tài chính của khách hàng, thực hiện khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng từ đó đưa ra tư vấn sản phẩm phù hợp dành cho khách hàng;

b. Bảo đảm tất cả các khách hàng phải được giải thích rõ về quyền lợi của sản phẩm, nhận thức được các rủi ro đặc thù của sản phẩm đã lựa chọn trước khi xác nhận vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trên cơ sở phân tích nhu cầu khách hàng và mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư;

c. Tuân thủ quy định về báo cáo kết quả tư vấn khách hàng; đồng thời tường thuật quá trình tư vấn, giới thiệu, chào bán và thu xếp hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm thông qua các tài liệu, dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình quy định điểm d khoản này;

d. Thu âm hoặc thu hình hoặc thực hiện thu âm và thu hình quá trình thực hiện các hoạt động tư vấn, chào bán và thu xếp việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và thông báo với khách hàng trước khi thực hiện. Quy định này áp dụng từ ngày 31/12/2023.

đ. Không được tác động, xúi giục khách hàng thay thế hoặc huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm hiện tại để tham gia hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị;

e. Không được tự ý sử dụng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị trước đây để minh họa kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị trong tương lai cho khách hàng.

g. Không được so sánh hoặc đảm bảo chắc chắn kết quả đầu tư của một quỹ liên kết đơn vị này là tốt hơn so với quỹ liên kết đơn vị khác hoặc của doanh nghiệp bảo hiểm khác.

18. Hướng dẫn nghiệp vụ

Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai, phân phối sản phẩm sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải ban hành cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, theo dõi và quản lý việc thực hiện cẩm nang này, bảo đảm các yêu cầu sau:

a. Cẩm nang phải được đính kèm với quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, nhằm bảo đảm không xảy ra những hành vi sai trái trong phân phối bảo hiểm liên kết đơn vị;

b. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của khách hàng phải bao gồm tài liệu chứng minh khách hàng đã đọc, được tư vấn và hiểu về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị mà mình lựa chọn và các tài liệu liên quan tới phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm của khách hàng;

c. Bao gồm quy trình và yêu cầu kiểm tra chéo kết quả tư vấn của doanh nghiệp bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị;

d. Bao gồm quy trình nghiệp vụ liên quan đến việc phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị;

đ. Bao gồm kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với việc triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị theo quy định pháp luật;

e. Bao gồm quy định thống nhất sở tay định giá và cách tính giá đơn vị quỹ;

g. Bao gồm quy định về trách nhiệm trong việc nâng cao nhận thức cho khách hàng về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải nhận thức được đặc điểm rủi ro của sản phẩm, các thuật ngữ, các loại phí, điều kiện, điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

19. Thông tin, quảng cáo sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

a. Ngoài các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, doanh nghiệp bảo hiểm được thông tin, quảng cáo về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp.

b. Tài liệu quảng cáo phải được trình bày bằng ngôn ngữ tiếng Việt, dễ hiểu, không đa nghĩa, không gây hiểu nhầm; thông tin trung thực, khách quan, chính xác và cập nhật tới thời điểm gần nhất. Các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn phải được chú thích đầy đủ.

c. Tài liệu quảng cáo có nội dung rõ ràng, không gây hiểu nhầm quỹ liên kết đơn vị là các công cụ tài chính có thu nhập cố định hoặc đảm bảo về lợi nhuận. Tài liệu quảng cáo, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị không được bao hàm các nhận định khiến khách hàng hiểu nhầm là giá trị khoản đầu tư luôn luôn gia tăng hoặc được đảm bảo về kết quả đầu tư; không được cam kết hoặc dự báo kết quả đầu tư của quỹ liên kết đơn vị luôn tích cực trong tương lai.

d. Khi sử dụng các ý kiến đánh giá, nhận xét của bên thứ ba hoặc kết quả bình chọn, xếp hạng kết quả hoạt động để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, doanh nghiệp bảo hiểm, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải bảo đảm:

- Ý kiến đánh giá, nhận xét hoặc kết quả bình chọn, xếp hạng phải đáng tin cậy, khách quan, dựa trên sự so sánh, dữ liệu và sự kiện có thật;

- Ý kiến đánh giá, nhận xét hoặc kết quả bình chọn, xếp hạng phải được công bố công khai hoặc thực hiện công khai bởi tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin tài chính và thống kê đã được công nhận;

- Nêu rõ nguồn tham chiếu bao gồm tên tài liệu, tên tổ chức xuất bản và thời gian xuất bản;

- Kết quả bình chọn, xếp hạng không quá một năm (12 tháng) kể từ ngày sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được bình chọn, xếp hạng hoặc nhận giải thưởng.

đ. Thông tin, quảng cáo về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị không được hàm ý cơ quan quản lý nhà nước bảo đảm về nội dung thông tin, quảng cáo cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ liên kết đơn vị, bảo đảm về tài sản của quỹ liên kết đơn vị, giá trị đơn vị quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro của quỹ liên kết đơn vị. Thông tin, quảng cáo về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị không được chứa đựng các thông tin dẫn đến việc khách hàng hiểu không đúng về khả năng sinh lời của quỹ liên kết đơn vị và quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

Doanh nghiệp bảo hiểm không được sử dụng danh nghĩa, thông tin, biểu tượng, hình ảnh, địa vị, uy tín, thư tín của các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước, thư cảm ơn của khách hàng để quảng cáo, giới thiệu, chào mời mua sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

e. Tài liệu thông tin, quảng cáo về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải in đậm nét, rõ ràng, cỡ chữ không nhỏ hơn các nội dung khác tại ấn phẩm thông tin, quảng cáo với các khuyến cáo dưới đây:

- Khách hàng cần đọc kỹ tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, quy tắc, điều khoản trước khi mua sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và lưu ý các khoản phí của sản phẩm;

- Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị là sản phẩm khác biệt với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, khách hàng phải chịu toàn bộ rủi ro đầu tư tương

ứng với phần phí bảo hiểm đã đóng theo loại hình rủi ro của quỹ liên kết đơn vị khách hàng đã lựa chọn;

- Giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm của khách hàng có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường và khách hàng có thể chịu thiệt hại về số phí bảo hiểm đã nộp trong trường hợp đầu tư thua lỗ;

- Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị trước đây (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là các quỹ này sẽ sinh lời cho khách hàng trong tương lai.

- Lãi suất minh họa tại các quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai.

BỘ TÀI CHÍNH



GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số:...../GP/KDBH

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP/KDBH

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Xét đơn và hồ sơ ngày... tháng.... năm... của (các) chủ đầu tư xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động [tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Cho phép [Tên chủ đầu tư/sáng lập viên công ty]

- Nếu là cá nhân phải ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi thường trú, số Căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

- Nếu là doanh nghiệp, tổ chức phải ghi rõ:

+ Tên và địa chỉ giao dịch;

+ Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập;

+ Họ tên, chức vụ của người đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức đó.

được thành lập [tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có); địa chỉ giao dịch; tư cách pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập (trường hợp thành lập chi nhánh thì ghi rõ tên, địa chỉ giao dịch của chi nhánh)] để kinh doanh bảo hiểm/tái bảo hiểm/nhượng tái bảo hiểm/môi giới bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định khác của pháp luật và các quy định tại Giấy phép này.

Doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của

pháp luật Việt Nam (đối với trường hợp thành lập doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm).

Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài/Chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài/ doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài bảo đảm và chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam (trường hợp thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài/Chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài).

Điều 2. Vốn

Vốn điều lệ của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập]; (hoặc vốn được cấp của [tên chi nhánh nước ngoài được thành lập]) là:.... (nêu bằng số và bằng chữ), trong đó:

Tên chủ đầu tư	Số vốn góp tính bằng tiền	Tỷ lệ %
----------------	---------------------------	---------

a. Cổ đông (thành viên) sáng lập góp từ 10% vốn điều lệ trở lên:

.....
.....

b. Cổ đông (thành viên) (không phải là cổ đông (thành viên) sáng lập góp từ 10% vốn điều lệ trở lên):

.....
.....

Điều 3. Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động

[Tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh sau:

3.1. Lĩnh vực kinh doanh: [bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm].

3.2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

[Kinh doanh bảo hiểm]:

[Kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm]:

[Đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất]:

[Giám định tổn thất]:

[Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn]:

[Quản lý quỹ và đầu tư vốn]:

[Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật]:

[Hoạt động môi giới bảo hiểm: chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

[Hoạt động phụ trợ bảo hiểm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm]

-

3.3. Địa bàn hoạt động: [trên phạm vi cả nước hay trong những khu vực địa lý nhất định]

3.4. Đối tượng khách hàng.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

[Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép hoạt động trong thời hạn [] năm.

Điều 5. Điều kiện hoạt động

Trong quá trình hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ của doanh nghiệp/Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh.

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này có hiệu lực từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật và phải thông báo kết quả tiến hành các thủ tục trên cho Bộ Tài chính.

Điều 8. Cấp Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này được lập thành 8 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập/doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xin thành lập chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài xin thành lập chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]; 4 bản lưu tại Bộ Tài chính; 1 bản gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh đặt trụ sở chính; 1 bản gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 1 bản gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

BỘ TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 5
*(Ban hành kèm theo Nghị định
số /2022/NĐ-CP
ngày /2022 của Chính phủ)*

....., ngày.... tháng.... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI TÊN/THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐƯỢC CẤP)/THAY ĐỔI
ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH/THAY ĐỔI NỘI DUNG, PHẠM VI VÀ THỜI HẠN
HOẠT ĐỘNG/BỘ NHIỆM, THAY ĐỔI CHỦ TỊCH/TỔNG GIÁM ĐỐC/CHUYÊN GIA
TÍNH TOÁN/CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN DỰ PHÒNG VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN
CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM/CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI/DOANH NGHIỆP
MÔI GIỚI BẢO HIỂM**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp tái bảo hiểm có chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp tái bảo hiểm có chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...] được thay đổi các nội dung dưới đây [chỉ ghi các nội dung thay đổi]:

1. Đổi tên như sau:

1.1. Tên cũ:

+ Tên đầy đủ của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:

+ Tên giao dịch:

+ Tên viết tắt:

+ Tên bằng tiếng nước ngoài:

1.2. Tên mới:

+ Tên đầy đủ của doanh nghiệp bảo hiểm/ doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:

+ Tên giao dịch:

+ Tên viết tắt:

+ Tên bằng tiếng nước ngoài:

1.3. Lý do thay đổi:

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

2. Thay đổi vốn Điều lệ/vốn được cấp như sau:

- Vốn Điều lệ/vốn được cấp cũ:

- Vốn Điều lệ/vốn được cấp mới:

- Lý do thay đổi:

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

3. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh nước ngoài như sau:

- Địa điểm cũ:

- Địa điểm mới:

- Lý do thay đổi:

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

4. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

- Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép Điều chỉnh (nếu có):

- Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi:

- Lý do thay đổi:

- Cách thức giải quyết các cam kết, trách nhiệm với khách hàng, người lao động, Nhà nước và các đối tượng khác có liên quan (đối với trường hợp thu hẹp nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động)

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

5. Bổ nhiệm, Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán như sau:

a) Bổ nhiệm

- Tên Chủ tịch/Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán:

- Lý do bổ nhiệm:

b) Thay đổi

- Tên Chủ tịch/Tổng Giám đốc (Giám đốc) cũ:

- Tên Chủ tịch/Tổng Giám đốc (Giám đốc) mới:

- Lý do thay đổi:

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của Đơn này và hồ sơ kèm theo. Công ty cam kết Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán đáp ứng tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành theo quy định tại Điều 31/Điều 32 Nghị định số và hồ sơ kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (PHẦN VỐN GÓP)

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Vốn Điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho cổ đông (thành viên) của công ty chúng tôi là [tên cổ đông (thành viên) có cổ phần (vốn góp) chuyển nhượng] được chuyển nhượng cổ phần (phần vốn góp) với số lượng cổ phần [], trị giá chuyển nhượng [] (tính theo VNĐ) cho bên mua là [tên cá nhân, tổ chức], Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức), số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu (đối với cá nhân), nơi cấp.....

Chúng tôi sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan, cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 7
(Ban hành kèm theo Nghị định
số /2022/NĐ-CP
ngày /2022 của Chính phủ)

..., ngày.... tháng.... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT,
CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Vốn Điều lệ/Vốn được cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức như sau:

- Tóm tắt nội dung chính của việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức:

- Lý do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức:

Chúng tôi sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG/THAY ĐỔI
PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam/doanh nghiệp tái bảo hiểm;

Giấy phép thành lập và hoạt động số... do Bộ Tài chính cấp ngày....

Đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ với nội dung như sau:

1. Loại dự phòng nghiệp vụ có phương pháp trích lập dự phòng thay đổi
2. Phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ cũ, phương pháp trích lập dự phòng mới
3. Lý do áp dụng/thay đổi, trong đó nêu rõ cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ, mức trích lập dự phòng nghiệp vụ do thay đổi phương pháp trích lập dự phòng

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, phù hợp của hồ sơ đề nghị áp dụng/thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ với quy định pháp luật hiện hành./.

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

Lưu ý: Phụ lục này không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đăng ký áp dụng, thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ khi đăng ký áp dụng, thay đổi cơ sở, tính phí bảo hiểm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày.... tháng.... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Vốn điều lệ đã góp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho (tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm) đầu tư ra nước ngoài với nội dung cụ thể như sau:

1. Địa điểm đầu tư:
2. Nội dung đầu tư:
3. Thời gian đầu tư:
4. Nguồn vốn đầu tư:
5. Số vốn đầu tư:

Chúng tôi sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan, cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG PHÁP
PHÂN CHIA THẶNG DƯ**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm;

Giấy phép thành lập và hoạt động số... do Bộ Tài chính cấp ngày....

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp phân chia thặng dư với những nội dung như sau:

1. Tên phương pháp phân chia thặng dư

2. Cơ chế xác định thặng dư và công bố cho chủ hợp đồng. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi phương pháp xác định thặng dư, doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện so sánh hai phương pháp và bảo đảm quyền lợi tối đa cho khách hàng tham gia bảo hiểm.

3. Cách xác định thặng dư của quỹ tham gia chia lãi và thặng dư đem chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm tại mỗi năm tài chính

4. Tiêu thức phân loại nhóm hợp đồng tham gia chia lãi và việc bảo đảm công bằng giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi

5. Thặng dư phân chia cho các chủ hợp đồng bảo hiểm theo tiêu thức phân loại, chủ sở hữu trong năm tài chính, việc trích lập dự phòng chia lãi tương ứng

5. Bù đắp thâm hụt quỹ tham gia chia lãi và việc phân chia thặng dư cho chủ sở hữu

6. Minh họa phương pháp phân chia thặng dư trên quy mô quỹ và hợp đồng bảo hiểm theo các trường hợp có thể phát sinh và phương pháp, mức trích lập dự phòng chia lãi tương ứng.

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo;

Trong mọi trường hợp, lãi chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm không thấp hơn 70% thặng dư của lãi đem chia.

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GHI NHẬN ÁP DỤNG/THAY ĐỔI NGUYÊN TẮC
PHÂN BỐ TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, DOANH THU, CHI PHÍ CHUNG
LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ CHỦ SỞ HỮU VÀ QUỸ CHỦ HỢP ĐỒNG**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm;

Giấy phép thành lập và hoạt động số... do Bộ Tài chính cấp ngày....

Đề nghị Bộ Tài chính ghi nhận áp dụng/thay đổi nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng với nội dung như sau:

1. Cơ cấu quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm (liệt kê các quỹ của Công ty)

2. Nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp tái bảo hiểm (theo tài liệu đính kèm hoặc liệt kê cụ thể tại công văn).

3. Hệ thống kế toán tách quỹ (ghi khái quát về hệ thống kế toán tách quỹ theo quy định pháp luật)

4. Trường hợp thay đổi nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng, doanh nghiệp phải nêu rõ:

- Nguyên tắc cũ, nguyên tắc mới
- Tiêu thức phân bổ cũ, tiêu thức phân bổ mới
- Lý do thay đổi kèm theo tài liệu giải trình kỹ thuật liên quan.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và phù hợp với quy định pháp luật đối với hồ sơ đề nghị ghi nhận nguyên tắc tách quỹ.

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**KÊ TOÁN
TRƯỞNG**

*(Ký và ghi rõ
họ tên)*

**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
GIẤY HẠN GIẤY PHÉP/CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi : Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài:

- Địa chỉ của trụ sở chính, số điện thoại, fax:

- Vốn điều lệ (vốn đăng ký):

- Cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày cấp và số của Giấy phép thành lập và hoạt động;

- Ngày thành lập, ngày đăng ký kinh doanh và ngày bắt đầu hoạt động;

- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngày và số của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Nội dung hoạt động chủ yếu :

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được đặt văn phòng đại diện/gia hạn Giấy phép/thay đổi hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam như sau (chi liệt kê các nội dung đề nghị):

1. Cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của văn phòng đại diện tại Việt Nam:

- Địa điểm dự kiến đặt văn phòng đại diện:

- Mục đích chủ yếu xin thành lập hoạt động của văn phòng đại diện:

- Số người làm việc tại văn phòng đại diện, trong đó:

+ Số người nước ngoài (tối đa):

+ Số người Việt Nam (tối thiểu):

- Thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến là ... năm.

- Họ tên, năm sinh, quốc tịch, số điện thoại, email của Trưởng văn phòng đại diện.

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Đơn và các tài liệu kèm theo.

- Nếu được cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép đặt văn phòng đại diện.

2. Gia hạn Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của văn phòng đại diện tại Việt Nam:

- Số Giấy phép đặt văn phòng đại diện đã được cấp:

- Địa điểm đặt văn phòng đại diện:

- Số người làm việc tại văn phòng đại diện, trong đó:

+ Số người nước ngoài (tối đa):

+ Số người Việt Nam (tối thiểu):

- Thời hạn đề nghị gia hạn của văn phòng đại diện dự kiến là ... năm.

- Họ tên, năm sinh, quốc tịch, số điện thoại, email của Trưởng văn phòng đại diện:

- Lý do gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Đơn và các tài liệu kèm theo.

- Nếu được gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép đặt văn phòng đại diện, Quyết định gia hạn.

3. Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của văn phòng đại diện tại Việt Nam:

- Số Giấy phép đặt văn phòng đại diện đã được cấp:

- Quyết định gia hạn văn phòng đại diện (nếu có):

- Địa điểm đặt văn phòng đại diện:

- Lý do đóng cửa văn phòng đại diện:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Đơn và các tài liệu kèm theo.

- Hoàn thành nghĩa vụ với các bên liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam trước khi đóng cửa văn phòng đại diện.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN)**

(Ký tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH



GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM

Số: /GP/VPĐD

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP/VPĐD

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định .../2022/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Xét đơn và hồ sơ xin cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại [nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện] của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài] ngày... tháng.... năm ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát bảo hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập văn phòng đại diện

Cho phép [Tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài]

+ Địa chỉ giao dịch:

+ Quốc tịch:

+ Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập:

được đặt văn phòng đại diện tại [ghi rõ địa chỉ dự kiến đặt văn phòng đại diện]

Điều 2. Tên chính thức của Văn phòng đại diện

.....

Điều 3. Số lượng nhân viên của Văn phòng đại diện

Là..... người, trong đó:

- Số người nước ngoài (tối đa): người;

- Số người Việt Nam (tối thiểu): người.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện:

- Làm chức năng văn phòng liên lạc của [tên doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài];

- Nghiên cứu thị trường;

- Xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư của [tên doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài];

- Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện các dự án do [tên doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài] tài trợ Việt Nam.

2. Văn phòng đại diện [tên của văn phòng đại diện] không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Giấy phép này có giá trị đến ngày tháng năm

Điều 6. Cấp Giấy phép

Giấy phép này được lập thành 5 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài]; 3 bản lưu tại Bộ Tài chính; 1 bản gửi cho Sở Công thương nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở.

BỘ TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài:
- Giấy phép đặt văn phòng đại diện số..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận việc cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam với những nội dung dưới đây [chỉ ghi các nội dung thay đổi]:

1. Cấp lại Giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam

Lý do cấp lại:

2. Thay đổi tên gọi của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài như sau:

- Tên gọi cũ:

- + Tên đầy đủ của doanh nghiệp nước ngoài:
- + Tên giao dịch:
- + Tên viết tắt:
- + Tên bằng tiếng nước ngoài:

- Tên gọi mới:

- + Tên đầy đủ của doanh nghiệp nước ngoài:
- + Tên giao dịch:
- + Tên viết tắt:

+ Tên bằng tiếng nước ngoài:

3. Thay đổi quốc tịch của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài như sau:

- Quốc tịch cũ:
- Quốc tịch mới:
- Lý do thay đổi:

4. Thay đổi địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài như sau:

- Địa điểm cũ:
- Địa điểm mới:
- Lý do thay đổi:

5. Thay đổi tên gọi văn phòng đại diện như sau:

- Tên cũ:
- Tên mới:
- Lý do thay đổi:

6. Thay đổi nội dung hoạt động của văn phòng đại diện như sau:

- Tên cũ:
- Tên mới:
- Lý do thay đổi:

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH



**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

Số: .../GPĐC.../VPĐD

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../GPĐC.../VPĐD

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 16/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định /2022/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính ;

Xét đề nghị của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài] tại văn bản số [] ngày [] và hồ sơ kèm theo, nộp ngày [];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép [tên doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài] được sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính với nội dung như sau:

.....
.....

Điều 2.

Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh những nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.

Giấy phép điều chỉnh này được lập thành 5 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài]; 3 bản lưu tại Bộ Tài chính; 1 bản gửi cho Sở Công thương nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.

BỘ TRƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG QUỸ BẢO VỆ
NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Vốn Điều lệ/Vốn được cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm để thực hiện các nội dung sau:

- Lý do sử dụng Quỹ:

- Tóm tắt việc sử dụng quỹ bảo vệ người được bảo hiểm:

- Liệt kê chi tiết số tiền phải sử dụng:

1. Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ:

1.1. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Tình trạng hợp đồng	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm của DNBH	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNDBH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)- (8)	(10)	(11)
1										
2										
3										
...										
	Tổng cộng									

2.2. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân) /Mã số thuế (đối với tổ chức)	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Nghiệp vụ bảo hiểm	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm giữ lại của DNBH	Số tiền đã được nhận từ thanh lý tài sản	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNDBH	Số tiền phải thu nhượng tái bảo hiểm	Số tiền phải thu đòi người thứ ba
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7)- (8)-(9)	(11)	(12)
1											
2											
3											
...											
	Tổng cộng										

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày.... tháng.... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MỞ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CÁC
HÌNH THỨC HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI KHÁC TẠI NƯỚC NGOÀI
CỦA DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....
- Vốn điều lệ đã góp:
- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho [tên doanh nghiệp môi giới bảo hiểm] mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài với nội dung cụ thể như sau:

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài dự kiến mở:

Địa điểm dự kiến mở:

Nội dung, phạm vi hoạt động:

Lý do mở rộng:

Chúng tôi sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan, cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác và tuân thủ quy định pháp luật của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2022

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).
3. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).
4. Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

II. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) quy định **22 TTHC**:

- (1) Cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 71, 72 và 73 dự thảo Nghị định)
- (2) Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động (Điều 17 dự thảo Nghị định)
- (3) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 18, 74 dự thảo Nghị định).

- (4) Tăng, giảm vốn điều lệ tối thiểu, vốn được cấp tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 19, 20, 75, 76 dự thảo Nghị định).
- (5) Thay đổi nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 21, 77 dự thảo Nghị định).
- (6) Chuyên nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ (các điều 22, 78 dự thảo Nghị định).
- (7) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 23, 79 dự thảo Nghị định).
- (8) Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 24, 81 dự thảo Nghị định).
- (9) Thủ tục ghi nhận thông báo mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 25, 83 dự thảo Nghị định).
- (10) Mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (các điều 26, 82 dự thảo Nghị định).
- (11) Đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm (Điều 34 dự thảo Nghị định).
- (12) Chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm (Điều 36 dự thảo Nghị định).
- (13) Đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ (Điều 47 dự thảo Nghị định).
- (14) Thực hiện (hoặc điều chỉnh, chấm dứt) hoạt động đầu tư ra nước ngoài (các điều 50, 51 dự thảo Nghị định).
- (15) Đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm (Điều 54 dự thảo Nghị định).
- (16) Phê chuẩn hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư trong bảo hiểm nhân thọ (Điều 56 dự thảo Nghị định).

- (17) Giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam (các điều 63, 80 dự thảo Nghị định).
- (18) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (các điều 64, 65, 66 dự thảo Nghị định).
- (19) Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Điều 67 dự thảo Nghị định)
- (20) Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Điều 68 dự thảo Nghị định)
- (21) Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Điều 69 dự thảo Nghị định)
- (22) Chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm (Điều 105 dự thảo Nghị định)

Trong số 22 TTHC nêu trên: Có 1 TTHC được bổ sung so với quy định của pháp luật hiện hành là cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Điều 65 dự thảo Nghị định). Các TTHC còn lại được giữ nguyên như quy định của Nghị định/Thông tư hiện hành.

(Xin gửi kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động 01 TTHC được bổ sung).

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SDBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 03/ĐGTD-QĐCT/SDBS

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo: **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM.**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1. Chi tiết khoản 2 Điều 77 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm n. và tên văn bản quy định)</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể tại Điều 65. Cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

<p>ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?</p>	<p>Nêu rõ lý do: Nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện cũng như sự quản lý của cơ quan nhà nước</p>
<p>b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ và đơn giản trình tự, thủ tục thực hiện. Giữa các bước thực hiện có sự logic; đối tượng không gặp khó khăn khi thực hiện.</p>
<p>c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đây là TTHC độc lập nên không cần phải áp dụng cơ chế liên thông</p>
<p>d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Lý do quy định:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

3. Cách thức thực hiện

a) Nộp hồ sơ:

Trực tiếp

Bưu chính

Điện tử

b) Nhận kết quả:

Trực tiếp

Bưu chính

Điện tử

- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có Không

Nêu rõ lý do: Được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 65: "Doanh nghiệp nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính".

- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có Không

Nêu rõ lý do:

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ 1:

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép đặt văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này

- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng áp dụng

- Yêu cầu về hình thức:

Lý do quy định:

b) Tên thành phần hồ sơ n:

- Nêu rõ lý do quy định:

- Yêu cầu về hình thức:

Lý do quy định:

<p>c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu rõ:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>5. Thời hạn giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 11 ngày làm việc</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng áp dụng</p>
<p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p> <p>.....</p>

của từng cơ quan và thời hạn chuyên giao hồ sơ giữa các cơ quan?

6. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thực hiện:

- Tổ chức: Trong nước Nước ngoài

Mô tả rõ: Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

.....
Lý do quy định: Thực tế đã có văn phòng đại diện bị mất giấy phép mà chưa có căn cứ pháp lý để cấp lại. Do đó, cần bổ sung thủ tục này

- Cá nhân: Trong nước Nước ngoài

Mô tả rõ:

.....
Lý do quy định:

.....
- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:

Có Không

Nêu rõ lý do:

.....
.....

b) Phạm vi áp dụng:

- Toàn quốc Vùng Địa phương
- Nông thôn Đô thị Miền núi
- Biên giới, hải đảo
- Lý do quy định:

- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:

- Có Không

Nêu rõ lý do:

Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:

7. Cơ quan giải quyết

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?

- Có Không

Lý do quy định:

b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?

- Có Không

Nêu rõ lý do:

8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)

a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?

- Lệ phí: Không Có

Nếu Có, nêu rõ lý do:

- Phí: Không Có

Nếu Có, nêu rõ lý do:

- Chi phí khác: Không Có

Nếu Có, nêu rõ lý do:

- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):

+ Mức phí (hoặc định kèm biểu phí):

+ Mức lệ phí (hoặc định kèm biểu lệ phí):

+ Mức chi phí khác:

+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có Không

Lý do:

- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:

b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?

Có Không

Nội dung quy định:

Lý do quy định:

9. Mẫu đơn, tờ khai

a) Có quy định về mẫu đơn, Có Không

tờ khai không?

Lý do: Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:

- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

+ Nội dung thông tin 1:

Lý do quy định:

+ Nội dung thông tin n:

Lý do quy định:

- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có Không

Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:

Lý do quy định:

c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1:
	Lý do quy định:
	+ Nội dung thông tin n: Lý do quy định:
	- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):

10. Yêu cầu, điều kiện

Có quy định yêu cầu, điều kiện không?

Có Không

Lý do quy định:

a) Yêu cầu, điều kiện 1:

- Lý do quy định:

- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có Không

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có Không

+ Thực hiện công việc khác (nếu rõ):

b) Yêu cầu, điều kiện n:

- Lý do quy định:

- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có Không

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

- + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có Không
- + Thực hiện công việc khác (nếu rõ):

11. Kết quả thực hiện

a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?

- Giấy phép
- Giấy chứng nhận
- Giấy đăng ký
- Chứng chỉ
- Thẻ
- Quyết định hành chính
- Văn bản xác nhận/chấp thuận
- Loại khác: Đề nghị nêu rõ: Bản sao giấy phép từ sổ gốc

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy Bản điện tử

b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?

- Có Không

Lý do:

c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu

- Có Không

Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm.

Nếu Không, nêu rõ lý do:

có)?
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền:
Điện thoại cố định:; Di động:
E-mail:

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Bao gồm 70 đơn vị: 17 Bộ, ngành (Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, Thanh tra Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng nhà nước, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Ủy ban pháp luật, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Công thông tin điện tử Chính phủ); 08 đơn vị trong Bộ (Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ Hợp tác quốc tế, Kho bạc Nhà nước, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Cục Kế hoạch tài chính, Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Tổng Cục thuế); 02 Hiệp hội (Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam); 03 Công ty kiểm toán (PWC, EY, KPMG); 23 DNBH PNT và TBH (VBI, ABIC, AIG, Bảo Minh, Bảo Việt, BIC, BSH, Fubon, HDI, Liberty, MIC, MSIG, OPES, PAC, PJICO, PTI, PVI, SGI, SVI, TMIV, UIC, XTI, Vinare); 14 DNBH NT (AIA, BVNT, Cathay Life, Hanwha Life, Chubb Life, Daiichi, Fubon Life, FWD, FWDA, Manulife, MB Ages, Prudential, Phú Hưng Life, MAP Life); 02 DNMGBH (Hưng Nghiệp, Willis Tower Watson); 01 VPDD (Gallagher)

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
I	TỜ TRÌNH VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM	<p>UBGSTCQG: Đề nghị bổ sung lý do dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết các nội dung tại Luật Kinh doanh bảo hiểm giao Chính phủ quy định chi tiết (khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 89; khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 145; Điều 146; khoản 3 Điều 148; khoản 2, 3 và 5 Điều 149; khoản 5 Điều 149; khoản 5 Điều 150).</p>	<p>Giữ nguyên. Theo Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 1/8/2022, các khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 89; khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 145; khoản 2 Điều 146; khoản 3 Điều 148; khoản 2, 3 và 5 Điều 149; khoản 5 Điều 150 có Nghị định riêng đề hướng dẫn.</p>
	<p>I. SỰ CÁN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN</p>	<p>Vụ CST: Đề nghị giải thích mức trích lập dự phòng bảo đảm cân đối từ lợi nhuận trước thuế tại tờ trình Chính phủ.</p>	<p>Giữ nguyên. Dự phòng bảo đảm cân đối đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm từ năm 2002 và không thay đổi mức trích lập. Dự thảo Nghị định kế thừa quy định này</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Bộ Kế hoạch và đầu tư: Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ đề làm rõ khó khăn, tồn tại và nguyên nhân.</p>	<p>Giải trình: Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã bổ sung nhiều nội dung mới so với Luật năm 2000. Theo đó, Nghị định đã quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Kinh doanh bảo hiểm để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp và đồng bộ trong hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm với hệ thống pháp luật khác có liên quan.</p>
		<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung nào của dự thảo Nghị định quy định chi tiết điều khoản nào của Luật Kinh doanh bảo hiểm và đảm bảo Nghị định chi quy định đúng và đầy đủ nội dung mà Luật Kinh doanh bảo hiểm đã giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>	<p>Giải trình: Tại mục IV Dự thảo Trình Chính phủ về Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã liệt kê các nội dung quy định tại Nghị định là quy định chi tiết điều khoản nào của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng đã rà soát các quy định tại Nghị định để đảm bảo chi quy định đúng và đầy đủ các nội dung mà Luật giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
	<p>IV. BỒ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</p>	<p>KBNN: dự thảo tờ trình đề cập trong Mục 4, chương II dự thảo Nghị định bao gồm nội dung quy định chi tiết khoản 2 Điều 88 Luật KDBH nhưng dự thảo Nghị định hiện không có nội dung này</p>	<p>Giải trình: Dự thảo Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp được tách riêng khỏi Nghị định chung</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Bộ VHTTDL: Rà soát và thực hiện theo quy định theo Mẫu số 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Chính sửa thống nhất tên của Nghị định tại dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình, đảm bảo tính đồng bộ.</p>	<p>Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và hoàn chỉnh lại đề thống nhất và phù hợp với quy định</p>
II	<p>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị định này quy định chi tiết thi hành Khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm d khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 2 Điều 88, khoản 1 và 4 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, Khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143, khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị rà soát lại các nội dung quy định kế thừa quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 156 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>Bộ VHTTDL: Đề nghị rà soát lại danh sách liệt kê các điều khoản điểm tại Luật KDBH giao Chính phủ quy định chi tiết như Điều 143, Điều 156 Luật KDBH để đảm bảo tính chính xác hoặc cân nhắc điều chỉnh lại câu chữ tại dự thảo Nghị định như sau: Nghị định này quy định chi tiết một số Điều của Luật KDBH</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị giải trình rõ lý do trong Tờ trình Chính phủ về việc không quy định chi tiết khoản 3 Điều 12 Luật Kinh doanh bảo hiểm về những vấn đề mới phát sinh liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát các quy định kế thừa quy định cũ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 trong giai đoạn chuyển tiếp.</p> <p>Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa lại tên là: “<i>Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</i>”</p> <p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: - Khoản 3 Điều 12 Luật KDBH: “<i>Chính phủ quy định những vấn đề mới phát sinh liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động</i>”</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Bộ GTVT: Đề nghị rà soát tham chiếu đến khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156 Luật KDBH để đảm bảo tính chính xác vì hai điều khoản này không giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau:</p> <p>- Khoản 1 Điều 152: “<i>Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài trong việc quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ</i>”.</p> <p>- Khoản 3 Điều 156: “<i>3. Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) Khoản 1 Điều 157 của Luật này;</p> <p>b) Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83, 94 và 98 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027”. Theo đó, các điều 77, 78, 94, 98 Luật Kinh</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p> <p><i>kinh doanh bảo hiểm</i>”. Do đó, dự thảo Nghị định không quy định chi tiết nội dung này do chưa có văn đề mới phát sinh liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Ngoài ra, Quyết định số 917/QĐ-TTg cũng không giao quy định chi tiết khoản 3 Điều 12 Luật KDBH.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Bộ Kế hoạch và đầu tư: Khoản 2 Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm là về bảo hiểm vi mô, do đó đề nghị rà soát để đảm bảo thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp.</p> <p>Vụ HTQT: Đề nghị rà soát lại dự thảo Nghị định đảm bảo chi tiết các quy định tại khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 102 Luật Kinh doanh bảo hiểm</p> <p>Thanh tra Bộ: Đề nghị bổ sung quy định về mức tổng tài sản tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Luật KDBH</p>	<p>doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 có giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>Do đó, Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Chính phủ đã giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì soạn thảo quy định chi tiết các nội dung trên.</p> <p>Giai trình. Cơ quan chủ trì xin báo cáo như sau: Điều 88 quy định về sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của Nhà nước. Do đó, dự thảo Nghị định quy định chi tiết các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai và tham gia các sản phẩm bảo hiểm như bảo hiểm nông nghiệp có sự hỗ trợ của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.</p> <p>Giai trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 65 và điểm đ khoản 1 Điều 67 Luật KDBH quy định Chính phủ quy định cụ thể mức tổng tài sản tối thiểu phù hợp với từng thời kỳ. Do đó, dự thảo Nghị định không quy định về mức tổng tài sản tối thiểu do mức tổng tài sản tối thiểu tại Luật KDBH hiện đang phù hợp với thời kỳ hiện tại. - Khoản 4 Điều 71 Luật KDBH về cấp lại giấy phép - Khoản 4 Điều 97 Luật KDBH: Dự thảo Nghị định đã quy định về phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với tái bảo hiểm, nhân nhượng

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Điều 3. Nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ</p> <p>Điều 4. Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ</p> <p>Điều 5. Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe</p>	<p>Bộ GTVT: Đề nghị sắp xếp lại thứ tự các điều 3, 4, 5 cho phù hợp với khoản 1 Điều 7 Luật KDBH:</p> <p>"1. Các loại hình bảo hiểm bao gồm:</p> <p>a) <i>Bảo hiểm nhân thọ;</i></p> <p>b) <i>Bảo hiểm sức khỏe;</i></p> <p>c) <i>Bảo hiểm phi nhân thọ</i>"</p> <p>- Đồng thời rà soát, bổ sung vào Điều 4 các loại hình bảo hiểm đang được quy định tại Luật Dương Thúy nội địa, Luật Dương sắt, Bộ luật hàng hải, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Giao thông đường bộ.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị thuyết trình rõ hơn cơ sở của việc quy định các nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm tại dự thảo Nghị định. Trong đó, có nêu rõ những quy định mang tính kế thừa quy định hiện hành, các nghiệp vụ bảo hiểm mới nếu có và bổ sung một điều tại dự thảo Nghị định đề quy định về giải thích thuật ngữ nhằm làm rõ nội hàm đối với từng loại nghiệp vụ bảo hiểm, tạo cách hiểu chính xác, đầy đủ, đảm bảo sự thông nhất trong quá trình thực hiện.</p>	<p>tại bảo hiểm đối với loại hình bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe tại Điều 42, 43, 44.</p> <p>- Khoản 2 Điều 102 Luật KDBH: Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết về chế độ tài chính của doanh nghiệp bao gồm doanh thu, chi phí, lợi nhuận tại Điều 55, 56, 57, 60.</p> <p>Giải trình. Các sản phẩm bảo hiểm hiện đang được quy định tại Luật Dương thúy nội địa, Luật Dương sắt, Bộ luật hàng hải, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Giao thông đường bộ đã nằm trong các nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm.</p> <p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau:</p> <p>- Các nghiệp vụ bảo hiểm tại dự thảo Nghị định về cơ bản kế thừa các nghiệp vụ bảo hiểm tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Bên cạnh đó, đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã tách riêng hợp đồng bảo hiểm tại sản và hợp đồng bảo hiểm thiệt hại. Do đó, dự thảo Nghị định đã tách riêng nghiệp vụ bảo hiểm tại sản và bảo hiểm thiệt hại đảm bảo phù hợp với Luật KDBH 2022.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Bộ VHTTDL: Đề nghị bổ sung Điều 4 nghiệp vụ bảo hiểm: “Bảo hiểm tác phẩm nghệ thuật” để tạo hành lang pháp lý phát triển các sản phẩm bảo hiểm nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu thực tế, tính đặc thù của lĩnh vực nghệ thuật.</p> <p>Thanh tra Chính phủ: Đề nghị rà soát, nghiên cứu, cân nhắc bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm khác để đảm bảo sự tương thích, đáp ứng được xu thế phát triển đa dạng của lĩnh vực bảo hiểm trong thời gian tới.</p>	<p>Ngoài ra, không nhất thiết phải định nghĩa các nghiệp vụ bảo hiểm do thị trường bảo hiểm đã phát triển hơn, các khái niệm về nghiệp vụ bảo hiểm đã được quy định từ năm 2000 và các doanh nghiệp đã quen thuộc với các khái niệm này.</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do bảo hiểm tác phẩm nghệ thuật chỉ là một sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm tài sản.</p> <p>Giải trình. Quy định tại Nghị định đã dựa trên việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc phân loại các nghiệp vụ bảo hiểm. Đây là những nghiệp vụ đã tồn tại và có tính ổn định trong thời gian dài của thị trường bảo hiểm thế giới. Trong thời gian tới, thị trường bảo hiểm có thể phát sinh thêm các sản phẩm bảo hiểm mới nhưng vẫn sẽ nằm trong các nghiệp vụ này.</p>
	<p>Điều 3. Nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ</p>	<p>Bộ Kế hoạch và đầu tư: Đề nghị rà soát, bổ sung các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và sự phát triển của các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm</p> <p>Generali: Đề nghị bổ sung định nghĩa các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ để doanh nghiệp làm căn cứ xác định và triển khai.</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát quy định về nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Các nghiệp vụ bảo hiểm này đã được giữ ổn định từ năm 2000 và không phát sinh vướng mắc gì trên thực tế.</p>
	<p>Điều 4. Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ</p> <p>1. Bảo hiểm tài sản;</p> <p>2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên;</p>	<p>Vụ HTQT: Đề nghị xem xét, bổ sung bảo hiểm hàng hải quốc tế vào nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ</p> <p>SGI: Đề nghị bổ sung quy định tiêu chí phân loại</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã phân loại các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Theo đó, bảo hiểm hàng hải quốc tế đã nằm trong</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>3. Bảo hiểm hàng không; 4. Bảo hiểm xe cơ giới; 5. Bảo hiểm cháy, nổ; 6. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; 7. Bảo hiểm trách nhiệm; 8. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; 9. Bảo hiểm nông nghiệp; 10. Bảo hiểm bảo lãnh. 11. Bảo hiểm thiệt hại khác.</p>	<p>các nghiệp vụ bảo hiểm để doanh nghiệp có căn cứ thông kê số liệu chính xác. ABIC: Đề nghị bổ sung bảo hiểm thiệt hại do dự thảo chưa quy định. Về bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm trách nhiệm: Nên quy định tiêu thức để xếp nhóm để thuận tiện trong việc thông kê. Như đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới nên xếp vào bảo hiểm trách nhiệm hay bảo hiểm xe cơ giới</p>	<p>nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển và bảo hiểm tàu, thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu.</p>
	<p>Điều 5. Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe Các loại nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe bao gồm: 1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể; 2. Bảo hiểm chi phí y tế.</p>	<p>Tbanh tra Chính phủ: Đề nghị hiệu chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 5 về “<i>bảo hiểm chi phí y tế</i>” thành “<i>bảo hiểm y tế</i>” PVT: Đề nghị làm rõ sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong tại khoản 3 Điều 63 Luật KDBH thuộc loại hình bảo hiểm nào? Có được xếp vào nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe hay không? BM: Đề nghị bổ sung thêm nghiệp vụ bảo hiểm có rủi ro tử vong từ 01 năm trở xuống để phù hợp với khoản 3 Điều 63 Luật KDBH hoặc tách thành 1 sản phẩm bảo hiểm đặc thù nhưng tuân theo cơ chế của nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe PVT: Đề nghị làm rõ bảo hiểm du lịch sẽ đưa vào loại hình bảo hiểm nào, có được coi là bảo hiểm thiệt hại hay không?</p>	<p>Giai trình. Đề nghị giữ nguyên quy định để phân loại việc áp dụng bảo hiểm trùng tại Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Theo đó, sản phẩm bảo hiểm chi phí y tế được áp dụng bảo hiểm trùng. Giai trình. Bảo hiểm cho rủi ro tử vong là nghiệp vụ bảo hiểm từ kỳ thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ.</p> <p>Giai trình. Tùy theo tính chất của bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện phân loại theo quy định của pháp luật. Hiện nay, các sản phẩm bảo hiểm du lịch đang được xếp vào bảo hiểm sức khỏe do đối tượng chính của sản phẩm là sức khỏe và tai nạn con người.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>cách hiểu.</p> <p>Bộ Y tế: Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét kỹ đảm bảo sự đồng bộ, ổn định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể tại Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục ngành sản phẩm Việt Nam thi dịch vụ bảo hiểm sức khỏe: cấp 4 (65130) gồm 3 loại hình là: Dịch vụ bảo hiểm y tế, dịch vụ bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe khác trừ bảo hiểm tai nạn.</p> <p>HHBH: Thực tế hiện nay đa phần sản phẩm bảo hiểm liên quan đến sức khỏe, thân thể đều bảo hiểm cho chi phí y tế. Đề nghị làm rõ để doanh nghiệp thuận tiện trong việc phân tách số liệu, thực hiện báo cáo và xây dựng số liệu tính toán.</p> <p>TMIV: Đề nghị giải thích sự khác biệt giữa 2 nghiệp vụ bảo hiểm. Ngoài ra, bảo hiểm trong trường hợp người bị thương tật, tai nạn sẽ nằm trong nghiệp vụ bảo hiểm nào?</p>	<p>sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe, thân thể, và Bảo hiểm y tế đòi tên sản phẩm thành Bảo hiểm chi phí y tế.</p> <p>Quy định này để phân loại việc áp dụng nguyên tắc khoán và bảo hiểm trùng tại khoản 3 Điều 16 và Điều 49 Luật KDBH. Theo đó, sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe, thân thể sẽ được áp dụng nguyên tắc khoán và nguyên tắc trùng, còn sản phẩm Bảo hiểm chi phí y tế không được áp dụng nguyên tắc trùng.</p>
	<p>Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý bảo hiểm do Bộ Tài chính xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các thông tin liên quan; đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chính sách, thống kê, dự báo và quản lý giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo lập môi trường cho việc áp dụng các mô hình phân tích dữ liệu cơ bản phục vụ hoạt động quản lý, giám sát bảo hiểm.</p> <p>3. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các</p>	<p>Đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định theo nguyên tắc tự động hóa tối đa việc cung cấp (thu thập), sửa đổi, cập nhật, trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu của CSDL này (Bộ TTTT).</p>	<p>Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau: "2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các thông tin liên quan đã được thu thập, xử lý, số hóa, tích hợp và lưu trữ trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ, vật mang tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chính sách, thống kê, dự báo và quản lý giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo lập môi trường cho việc áp dụng các mô hình phân tích dữ liệu cơ bản phục vụ hoạt động</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>quản lý dữ liệu để tránh việc lạm dụng những thông tin nhạy cảm của khách hàng. Đề nghị nghiên cứu và áp dụng chuẩn mực chung về tự động hóa hệ thống báo cáo trong lĩnh vực bảo hiểm trên cơ sở để cao tính bảo mật của hệ thống (AIA).</p>	<p>khoản 3 Điều 11 Luật KDBH 2022 và điểm c khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>
		<p>Đề nghị có hướng dẫn quy định tại khoản 1, bao gồm số liệu cụ thể cần cung cấp. Nếu chỉ là các số liệu cần cung cấp theo các Phụ lục mẫu biểu báo cáo được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư thì đề nghị ghi rõ (PTT).</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau: Nội dung thông tin cần cung cấp đã được quy định tại Điều 7 và Phụ lục về CSDL và không chi bao gồm các mẫu biểu báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư hướng dẫn Luật KDBH.</p>
		<p>Tại khoản 2: 1. Đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: “2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm ... phục vụ hoạt động quản lý, giám sát bảo hiểm, <u>tra cứu, định phí của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật</u>” nhằm khẳng định quyền được tra cứu tồn thất của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật, tương tự mô hình tra cứu thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (BIC). 2. Mục đích của CSDL tại khoản 2 chỉ liên quan đến công tác quản lý nhà nước, không bao gồm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm quy định tại Điều 11 Luật KDBH số 08 (FWD). 3. Tại khoản 2, đề nghị bổ sung thêm mục đích hoạt động của CSDL là phòng, chống gian lận bảo hiểm. Đây là vấn đề nổi cộm trên thị trường bảo hiểm hiện nay do các doanh nghiệp chưa có một</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau: 1. Luật KDBH quy định CSDL nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Bộ Tài chính sẽ công bố các thông tin và số liệu thông kê về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường bảo hiểm. 2&3. Việc xây dựng CSDL là nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, không trực tiếp phục vụ mục đích phòng chống gian lận, trực lợi bảo hiểm. Đề báo mật thông tin cá nhân khách hàng cũng như bí mật kinh doanh của DN thì các DNBH không được trực tiếp khai thác, sử dụng thông tin của CSDL (ngoài các thông</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>2. Đề nghị có hướng dẫn về vấn đề bảo mật thông tin, trong đó làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính đối với việc bảo mật thông tin cá nhân của khách hàng trên CSDL này như thế nào? Trách nhiệm và biện pháp xử lý của các cơ quan chức năng trong trường hợp hợp thông tin bị rò rỉ trong CSDL này; phải có cơ chế bảo vệ, bảo đảm bí mật, tránh không để lộ lọt thông tin có tính chất riêng tư, đời tư liên quan đến khách hàng và doanh nghiệp (Bộ Tư pháp, PTT).</p> <p>3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ giới hạn phạm vi nội hàm của các nhóm thông tin như: "tình hình tài chính và hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp; thông tin về quản trị doanh nghiệp", "lich sử tham gia bảo hiểm; lịch sử bồi thường và chi trả bảo hiểm; lịch sử hoạt động của đại lý bảo hiểm..." tránh quy định quá chung chung và rộng, gây khó khăn, lúng túng trong áp dụng pháp luật cũng như có thể làm tăng chi phí tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>3 Điều 6 dự thảo Nghị định.</p> <p>3. Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, bổ sung quy định làm rõ nhóm thông tin "tình hình tài chính và hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp"; "thông tin quản trị doanh nghiệp"... lịch sử hoạt động của đại lý bảo hiểm..." và sửa điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 3, khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>"b) Thông tin về tình hình tài chính và hoạt động nghiệp vụ của Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ, báo cáo tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phi bảo hiểm, báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro, các báo cáo khác của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 106 của Luật Kinh doanh bảo hiểm; - Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ, báo cáo đột xuất, cung cấp thông tin, số liệu khác của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>4. Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng cần làm rõ cách tính giai đoạn lịch sử này như tính từ thời điểm nào, có áp dụng hồi tố các dữ liệu được tạo lập trước ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định này có hiệu lực không? Các xác định thời hạn và thời gian đề chia sẻ, cung cấp và cập nhật thông tin? Thông tin nào do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp đưa vào CSDL, loại thông tin nào doanh nghiệp cung cấp đối với các loại thông tin quy định tại điểm b, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định (Bộ tư pháp).</p>	<p><u>đồng và phát sinh trong kỳ báo cáo.</u></p> <p>- Thông tin quy định tại điểm b, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định đã quy định rõ do doanh nghiệp cung cấp.</p>
		<p>Một số ý kiến khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại điểm c khoản 1: Thông tin về quản trị doanh nghiệp là những thông tin gì? Luật KDBH 2022 có một số khái niệm như “quản trị doanh nghiệp, “quản trị rủi ro” nhưng chưa có giải thích cụ thể “thông tin về quản trị doanh nghiệp” là những thông tin gì (BVNT, TMIV). 2. Khoản 2, 3: Cụm từ “thông tin định danh” phải được định nghĩa vì mỗi qui định của mỗi ngành khác nhau sẽ có định nghĩa khác nhau về thông tin định danh. Đề nghị chi cần xác định thông tin cá nhân của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm và đại lý bảo hiểm (FWD). 3. Tại điểm a: Đề nghị giải thích thế nào là “đặc điểm kinh tế kỹ thuật” của đối tượng bảo hiểm. Việc thu thập những thông tin này cho mục tiêu lập CSDL vô cùng khó khăn (TMIV). 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu và quy định chi tiết các thông tin cần cung cấp tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7 đã tiếp thu ở trên. 2. Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa theo phương án 2: không thu thập thông tin định danh về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm; quy định rõ thông tin định danh đối với đại lý bảo hiểm ở phần Phụ lục. 3. Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa theo phương án 2: không thu thập thông tin chi tiết về đặc điểm kinh tế kỹ thuật của từng đối tượng bảo hiểm.
Điều 8. Nguồn thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm		Đề nghị cân nhắc giữa tên của Điều và nội hàm quy định chi tiết tại khoản 1. khoản 2 Điều này	<p>Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa lại tên Điều 8 như sau:</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			<p><i>nhất cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh-bảo hiểm-cung cấp.</i>"</p> <p>- Điều a khoản 3 Điều 8 sửa thành: "3. Thời hạn chia sẻ, cung cấp, cấp nhất thông tin: a) Thông tin quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 5 Điều 7 Nghị định này được cung cấp, cấp nhất ngay sau khi phát sinh thay đổi nội dung thông tin hoặc kể từ ngày xử phạt vi phạm hành chính".</p>
	<p>Khoản 2 Điều 8</p> <p>2. Hình thức chia sẻ, cung cấp thông tin: Việc chia sẻ, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện dưới các hình thức sau: a) Trực tuyến tại Cổng thông tin của Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; b) Dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử; c) Bảng văn bản.</p>	<p>1. DNBH quan ngại về hình thức chia sẻ thông tin có đảm bảo tính bảo mật hay không và yêu cầu thể nào về yêu cầu kỹ thuật, công nghệ trong việc gửi đi (ví dụ: mã hóa dữ liệu) hoặc khi tiếp nhận, lưu trữ thông tin (TMIV).</p> <p>2. Tại điểm a: Đề nghị xem xét làm rõ nội dung về "Cổng thông tin", được hiểu là "Cổng thông tin" hay "Cổng thông tin điện tử"? Ngoài ra, đề nghị bổ sung định nghĩa, nội hàm, cơ quan chủ quản;</p>	<p>1. Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện khoản 2 Điều 8 như sau: "2. Hình thức chia sẻ, cung cấp thông tin: Việc chia sẻ, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện dưới các hình thức trực tuyến (kết nối hoặc đồng bộ hóa) tại Cổng thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử đã được ký số".</p> <p>Ngoài ra, các quy định về bảo mật dữ liệu đã có tại khoản 3 Điều 11 Luật KDBH 2022 và điểm c khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định.</p> <p>2. Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung, hoàn thiện điểm a, khoản 2: "a) ...<i>tại Cổng thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>". Đây là Cổng thành phần</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Điều 9. Sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1. Việc sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a) Bộ Tài chính sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>b) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền.</p> <p>c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; sử dụng thông tin, số liệu thống kê về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường bảo hiểm do Bộ Tài chính công bố trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm qua Cổng dữ liệu quốc gia, Công dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và các hình thức khác do Bộ Tài chính cung cấp.</p>	<p>1. Đề xuất bổ sung quy định để Bộ Tài chính cũng như doanh nghiệp bảo hiểm có thể chia sẻ dữ liệu nhằm mục đích phòng chống gian lận, trục lợi bảo hiểm nếu đã có được chấp thuận của chủ sở hữu thông tin (ví dụ: bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm...) (FWD).</p> <p>2. Tại điểm c khoản 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị cho phép DNBH bên cạnh việc được phép khai thác, sử dụng thông tin của mình còn được phép khai thác (tra cứu) thông tin của khách hàng liên quan đến lịch sử tham gia bảo hiểm và lịch sử chi trả bảo hiểm tại doanh nghiệp khác nếu doanh nghiệp được sự đồng ý của khách hàng và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc này sẽ giúp cho các doanh nghiệp chính xác hơn trong việc thăm định cũng như là công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng chống gian lận bảo hiểm (Công ty Generali). - Với quy định này thì cơ chế nào để DNBH có thể phát hiện có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm? Và đảm bảo đại lý chỉ hoạt động cho 1 DNBH? (Cathay Life) - Đề nghị cho phép mọi doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng các thông tin đã được công bố, công khai trên CSDL, không giới hạn trong “thông tin của mình” để đảm bảo công bằng và cạnh tranh lành mạnh giữa các DNBH (Công ty Chubb Việt 	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xây dựng CSDL là nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, không trực tiếp phục vụ mục đích phòng chống gian lận, trục lợi bảo hiểm. Để bảo mật thông tin cá nhân khách hàng cũng như bí mật kinh doanh của DN thì các DNBH không được trực tiếp khai thác, sử dụng thông tin của CSDL (ngoài các thông tin của mình). Việc phòng chống gian lận, trục lợi bảo hiểm được thực hiện thông qua nhiều biện pháp khác nhau, trong đó các thông tin cảnh báo có thể có được từ CSDL chỉ là một biện pháp. - CSDL có thể phục vụ cho mục đích kiểm soát/đảm bảo đại lý cá nhân chỉ hoạt động cho 1 DNBH.

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>do cá nhân cung cấp? hay bao gồm cả thông tin có liên quan đến doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân đó? (Bộ Tư pháp, OPES, VBI)</p> <p>2. Việc thông tin do Bộ Tài chính công bố từng thời kỳ cũng cần được cân nhắc kỹ theo hướng làm rõ phạm vi loại/nhóm thông tin nào được công bố, tránh vô hình chung để lọt, lộ thông tin/dữ liệu của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức.</p>	<p>đó, cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trên cơ sở đó Cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thiện dự thảo điểm c khoản 1 Điều 9 như sau:</p> <p>“c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật và thông tin, số liệu thống kê chung về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường bảo hiểm do Bộ Tài chính công khai trong từng thời kỳ”.</p> <p>2. Giải trình: Việc công khai thông tin, số liệu thống kê về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường bảo hiểm của Bộ Tài chính thực hiện theo quy định của khoản 2 Điều 17 Luật tiếp cận thông tin, theo đó, cần cử vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cũng như hoạt động của các doanh nghiệp (ví dụ các tỷ lệ rủi ro phục vụ cho việc tính phí bảo hiểm); Nội dung, hình thức, thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin và thực tiễn hoạt động quản lý, giám sát của Bộ Tài chính và đề xuất của doanh nghiệp báo</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>không chỉ ảnh hưởng phân cấp phép mà cả những phần khác có liên quan đến Giấy phép.</p> <p>Bộ TTTT: Đề nghị cần nhắc dẫn chiếu cụ thể quy định để dễ dàng áp dụng trên thực tế và phù hợp với khoản 6 Điều 69 Luật KDBH: “<i>Chính phủ quy định tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</i>”.</p> <p>Bộ GTVT: Đề nghị rà soát, làm rõ tiêu chí chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm vì Luật Phòng chống rửa tiền chỉ mới dùng lại khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị quy định rõ tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm cho phù hợp với khoản 6 Điều 69 Luật KDBH, không tiếp tục dẫn chiếu sang pháp luật về phòng chống rửa tiền. Ngoài ra, quy định nội dung này ở mục 1 Chương II dự thảo Nghị định là không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của mục 1 Chương II.</p>	<p>hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ của pháp nhân đó.</p> <p>Bên cạnh đó, Sở tay giám sát của Ngân hàng Nhà nước cũng có tài liệu về tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi.</p> <p>- Hiện tại Luật Phòng, chống rửa tiền đang trình Quốc hội, các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống rửa tiền trong đó quy định về tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi cũng sẽ thay đổi theo. Pháp luật về phòng, chống rửa tiền được áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>- Theo Quyết định 941/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có nội dung:</p> <p>+ Giao Ngân hàng Nhà nước nhiệm vụ “<i>Nghiên cứu, đề xuất sửa Luật Phòng, chống rửa tiền</i>” trong đó quy định “<i>chi tiết về thời điểm và cách thức áp dụng các tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi</i>”;</p> <p>+ Giao Bộ Kế hoạch đầu tư nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo trách nhiệm quản lý</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>quyền chấp thuận cho phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành;</p> <p>3. Có báo cáo tài chính 03 năm liền kê trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.</p>	<p>VACPA: Tại các Khoản 3 Điều 12; Khoản 6đ Điều 14; Khoản 5đ Điều 15; Khoản 2c Điều 72; Khoản 5 Điều 76 Dự thảo Nghị định: Đề nghị làm rõ BCTC được kiểm toán độc lập là BCTC riêng hay BCTC hợp nhất, các BCTC này lập theo quy định nào, vì đây là doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức tham gia góp vốn là doanh nghiệp nước ngoài thì BCTC được lập theo quy định nào, ví dụ theo chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS); hoặc nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của Hoa Kỳ (US GAAP); hoặc các quy định khác.</p> <p>AIA: Một số quốc gia không quy định vốn điều lệ tối thiểu, do đó quy định tại khoản 2 điều này chưa phù hợp thông lệ quốc tế, đề nghị nêu rõ quy định tại khoản 1, 2 Điều này chỉ áp dụng tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam</p> <p>UBGSTCQG: Khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 76 (Điều kiện về tài chính để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm): Xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: "<i>Tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kê trước</i></p>	<p>tham gia bảo hiểm. Do đó, các chủ đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm phải có tiềm lực kinh tế vững mạnh, đảm bảo khả năng bổ sung nguồn lực tài chính cho DNBH khi xảy ra những biến động lớn để đảm bảo các cam kết đối với bên mua bảo hiểm.</p> <p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì lý do như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Về báo cáo tài chính theo VACPA: <ul style="list-style-type: none"> Việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán mà chủ đầu tư tuân thủ theo quy định pháp luật nước ngoài xử. Chủ đầu tư nào đứng tên thì nộp báo cáo tài chính của chủ đầu tư đó. Về vốn điều lệ tối thiểu theo ý kiến của AIA: Quy định chi áp dụng đối với những ngành nghề có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu, ví dụ như ngân hàng, bảo hiểm, v.v... Đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đa phần các nước đều có quy định về vốn điều lệ tối thiểu (Mỹ, Nhật, Anh, Úc, Canada, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan, v.v...) vì kinh doanh bảo hiểm là kinh doanh có điều kiện. Việc xác định yêu cầu về vốn được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán. Vì vậy không cần thiết phải quy định thêm nội dung như UBGSTC đề nghị.

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>góp từ 10% vốn điều lệ trở lên và các giấy tờ kèm theo sau đây:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì cung cấp cả báo cáo tài chính của công ty con đó;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đôi với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam).</p> <p>g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm</p>	<p>hồ sơ xin cấp phép thành lập. Đề nghị sửa điểm b) như sau: b) Tổ chức nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam. Trường hợp tổ chức nước ngoài không đang trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam nhưng có công ty con trong cùng tập đoàn đáp ứng Điều kiện này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65, tổ chức nước ngoài nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi công ty con đóng trụ sở chính xác nhận nội dung này.</p> <p>UBGSTCQG: Khoản 3 Điều 13: Đề nghị bổ sung như sau: "Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm" để thống nhất với Điều 69 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>Khoản 6 Điều 13 (Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm, công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm): Xem xét bổ sung các nội dung nêu tại điểm e, g, h khoản 5 vào khoản 6 do thành viên góp vốn dưới 10% vốn điều lệ có thể bao gồm tổ chức nước ngoài.</p> <p>Bộ GTVT: Đề nghị rà soát các quy định chi tiết về hồ sơ cấp phép này để không vượt quá các thành phần hồ sơ quy định tại Điều 69 Luật KDBH</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của UBGSTCQG, bổ sung "các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai" vào phương án 5 năm đầu.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của UBGSTC, cơ quan soạn thảo đã gộp hai khoản 5 và 6 bổ sung này phù hợp với quy định tại Điều 65 Luật KDBH.</p> <p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát các thành phần hồ sơ tại dự thảo Nghị định là quy định chi tiết Điều 69 Luật KDBH</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>10. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức nước ngoài góp vốn đóng trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;</p> <p>b) Tổ chức nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Tổ chức nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</p> <p>11. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật chuyên ngành.</p> <p>12. Văn bản cam kết của các thành viên góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện đề được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều ... Nghị định này và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>13. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều ... Nghị định này.</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu do pháp luật quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.</p> <p>6. Hồ sơ của cổ đông sáng lập hoặc góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì cung cấp cả báo cáo tài chính của công ty con đó;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyển thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu</p>		<p>phép.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>10. Biên bản họp của các cổ đông về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty có phân bảo hiểm, công ty có phân tái bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông sáng lập hoặc góp từ 10% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.</p> <p>12. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật chuyên ngành.</p> <p>13. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức nước ngoài góp vốn đóng trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức nước ngoài đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;</p> <p>b) Tổ chức nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Tổ chức nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nước nơi tổ chức</p>	<p>HNNHVN: khoản 13: Đề nghị xem xét bỏ quy định “văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức nước ngoài góp vốn đóng trụ sở chính” như dự thảo vì nhiều nước không có cơ quan có thẩm quyền để xác nhận các nội dung</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định. Các nước đều có cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm hoặc Chính quyền địa phương thực hiện quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm nên từ trước đến nay vẫn luôn có cơ quan xác nhận các nội dung này</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Tài liệu về doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài quyết định việc thành lập chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;</p> <p>e) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ phát sinh của chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>g) Tài liệu chứng minh tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam theo mẫu do Bộ Tài chính quy định về mức vốn được cấp gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu. Trong đó, nêu</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>bộ trong đó có 01 bộ là bản chính, 02 bộ là bản sao. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải đáp ứng các quy định sau đây:</p> <p>a) Các tài liệu có chữ ký, chức danh và con dấu nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ để nghị cấp giấy phép, trừ các tài liệu sau đây: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép; Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp; Văn bản ủy quyền; Văn bản cam kết.</p> <p>b) Các bản sao phải được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao là đúng với bản chính;</p> <p>c) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của tổ chức, cá nhân nước ngoài, mỗi bộ gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh, trừ các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam.</p> <p>d) Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam xác nhận theo quy định pháp luật về công chứng. Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận, giả mạo các giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ để nghị cấp giấy phép thì Bộ Tài chính có văn bản từ chối xem xét cấp Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân này trong vòng 5 năm kể từ thời</p>	<p><i>trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ thi không phải hợp pháp hóa lãnh sự khi chứng thực bản sao từ bản chính. Trường hợp yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch trên bản dịch các giấy tờ này cũng không phải hợp pháp hóa lãnh sự."</i></p> <p>Do đó, các loại giấy tờ đang được loại trừ trong Điều 16 của bản dự thảo Nghị định chưa đầy đủ và thống nhất với quy định của Bộ Tư pháp, dẫn đến doanh nghiệp có thể sẽ gặp khó khăn trong quá trình áp dụng quy định pháp luật và thực tiễn. Đề nghị bổ sung thêm các giấy tờ trên.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: "<i>Trong trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu chứng thực bản sao</i>".</p> <p>Do đó, dự thảo Nghị định không mâu thuẫn với quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ: "<i>Hợp pháp hóa lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam</i>".</p> <p>Việc quy định các tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự là để nhằm đảm bảo tính hợp pháp của các tài liệu nước ngoài khi sử dụng tại Việt Nam. Hiện nay, hồ sơ cấp phép đối với cá nhân nước ngoài khá đơn giản, tương tự như đối với cá nhân tại Việt Nam. Do đó, để tránh rủi ro pháp lý trong quá trình cấp phép cho các tổ chức cá nhân nước ngoài,</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>hồ sơ của chủ đầu tư tối đa là 06 tháng kể từ ngày ra thông báo. Trường hợp chủ đầu tư không bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, Bộ Tài chính có văn bản từ chối xem xét cấp Giấy phép.</p> <p>3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do. Bộ Tài chính chỉ được từ chối cấp Giấy phép khi tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn hoặc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam dự kiến thành lập không đáp ứng đủ điều kiện, hồ sơ cấp Giấy phép theo quy định tại Nghị định này hoặc tổ chức, cá nhân gian lận, giả mạo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>này trên môi trường mạng để đáp ứng yêu cầu của TTCP tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030” và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</p>	<p>“Tô chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại các điều... Nghị định này và; nộp trực tiếp tại Bộ Tài chính hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nếu đủ điều kiện áp dụng”.</p>
	<p>Khoản 4 Điều 18 (Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động)</p> <p>“4. Đối với các trường hợp bị chia, tách, bị sáp nhập, hợp nhất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tham gia hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập đồng thời với việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau chia tách, hợp nhất, sáp nhập.”</p>	<p>UBGSTCQG:</p> <p>Xem xét bổ sung thời hạn Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tham gia hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Đối với trường hợp thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 75, Luật KDBH, dự thảo Nghị định đã quy định thời điểm ra quyết định thu hồi Giấy phép là cùng thời điểm với việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp hình thành sau chia tách, hợp nhất.</p>
	<p>Khoản 6 Điều 18. Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động</p> <p>“6. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản</p>	<p>FWD: Quyết định tuyên bố phá sản là đối tượng bị kháng cáo, kháng nghị, do vậy đề nghị Ban soạn thảo xem xét điều chỉnh lại quy định này theo hướng chi ra Quyết định hồi Giấy phép sau khi quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực pháp</p>	<p>Tiếp thu và sửa lại khoản 6 Điều 18 như sau:</p> <p>6. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong thời hạn 14</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>“Điều 21. Tàng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài”</p>	<p>Điều 21. Tàng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài”</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm muốn tăng vốn điều lệ, chi nhánh nước ngoài muốn tăng vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p>
<p>Điểm b khoản 1 Điều 21 (Tàng vốn điều lệ, vốn được cấp)</p> <p>“b) Cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài;”</p>	<p>UBGSTCQG:</p> <p>Xem xét bổ sung như sau: “Cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài không được sử dụng vốn vay, bao gồm nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu riêng lẻ; nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài” nhằm đảm bảo an toàn của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nói riêng và hệ thống tài chính nói chung.</p>	<p>Giai trình:</p> <p>Đề nghị giữ nguyên quy định vì trái phiếu là một loại chứng khoán nợ, nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu cũng là một nguồn vốn vay, do đó, không nhất thiết bổ sung một trường hợp cụ thể của nguồn vốn vay.</p>	
<p>Khoản 1, Điều 21:</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài muốn tăng vốn điều lệ, vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>...</p> <p>c) Sau khi tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải bảo đảm đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh</p>	<p>MIC:</p> <p>Theo quy định tại Điều 66 Luật KDBH 2022 thì Doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo có tối thiểu 02 cổ đông là tổ chức và góp vốn từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>Do cổ đông thì luôn luôn biến động: + Cổ phiếu lên sàn thì việc mua bán sẽ theo thị trường;</p>	<p>Giai trình:</p> <p>Đây là nội dung cũ tại nghị định 73/2016/NĐ-CP.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Điều 22, Khoản 1, Điểm b</p>	<p>Hiệp hội NH VN:</p> <p>Việc giảm vốn điều lệ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính của công ty CP nên Công ty CP phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.</p> <p>Đề nghị sửa như sau:</p> <p>“b) Sau khi giảm vốn điều lệ, vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài vẫn phải đảm bảo các quy định về vốn, biên khả năng thanh toán <u>đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn</u> theo quy định của pháp luật và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình phân quy định tại điểm này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2026”.</p>
	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 23</p> <p>Điều 23. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động</p> <p>“1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài muốn mở rộng nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động phải đáp ứng các Điều kiện sau</p> <p>a) Đáp ứng các quy định về khả năng thanh toán;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p>	<p>AIA: Chúng tôi nhận thấy Điều kiện không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động chỉ nên áp dụng khi doanh nghiệp có yêu cầu mở rộng nội dung và phạm vi hoạt động.</p> <p>Chúng tôi kính đề nghị yêu cầu này không áp dụng khi doanh nghiệp xin gia hạn thời hạn hoạt động do: Doanh nghiệp có thể gặp nguy cơ không thể gia hạn thời hạn hoạt động nếu có bất kỳ quyết định xử phạt nào trong thời gian 12 này, Điều này sẽ tạo ra sự khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp cũng như gây hoang mang cho khách hàng. Hậu quả lớn hơn có thể dẫn đến việc doanh nghiệp</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>“b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin mở rộng nội dung và phạm vi và thời hạn hoạt động”;</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Đề nghị làm rõ và bổ sung quy định trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn thay thế biên khả năng thanh toán để tránh khoảng trống pháp lý và đảm bảo tính ổn định, lâu dài của Nghị định.</p> <p>- Đề nghị thống nhất việc sử dụng thuật ngữ “biên khả năng thanh toán”, “tỷ lệ an toàn vốn” do hiệu lực thi hành của các quy định liên quan là khác nhau theo khoản 2, khoản 3 Điều 156 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	
	<p>Điểm c, Khoản 2, Điều 23</p>	<p>Bộ TN & MT: Đề nghị rà soát, bổ sung số của Điều, số của Phụ lục áp dụng tại dự thảo Nghị định (điểm c, Khoản 2, Điều 23,... đang đề trình số)</p>	<p>Tiếp thu. Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện dự thảo.</p>
<p>Điều 23. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động bao gồm:</p> <p>.....</p> <p>d) Trường hợp mở rộng nội dung hoạt động để triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:</p> <p>- Quy trình tuyển chọn, đào tạo, quản lý đại lý phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai; danh sách và hồ sơ của các đơn vị đại lý bảo hiểm và hồ sơ liên kết đầu tư; kênh phân phối và cách thức quản lý các đại lý thực hiện việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.</p>	<p>FWDA: Theo nội dung tại gạch đầu dòng thứ 3, Điểm d, Khoản 3, Điều 23 thì yêu cầu cung cấp “nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai...” là chỉ áp dụng cho sản phẩm liên kết đơn vị.</p> <p>Như vậy, chúng tôi có thể hiểu yêu cầu này không áp dụng cho sản phẩm liên kết chung không?</p> <p>Làm rõ yêu cầu về cấp “nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai...” là chỉ áp dụng cho sản phẩm liên kết đơn vị hay là áp dụng chung cho sản phẩm liên kết đầu tư (bao gồm sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị).</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa gạch đầu dòng thứ 2 nhất điểm d khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>- Quy trình tuyển chọn, đào tạo, quản lý đại lý phân phối sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; nội dung và chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; danh sách và hồ sơ của các đơn vị đại lý bảo hiểm và hồ sơ liên kết đầu tư; kênh phân phối và cách thức quản lý các đại lý thực hiện việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 23. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động</p>	<p>FWDA: Theo nội dung tại gạch đầu dòng thứ 4, Điểm d, Khoản 3, Điều 23, đối với trường hợp mở rộng kinh doanh sản phẩm liên kết đơn vị, doanh</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm d khoản 3 Điều 23 dự</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>ché tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>Quy định này không áp dụng đối với Công ty có phần vốn của Nhà nước thực hiện chủ trương thoái vốn theo quy định của Nhà nước.</p>	<p>như dự thảo.</p> <p>Đây cũng là quy định cũ tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP</p>
	<p>Điểm (c) khoản 2 Điều 24</p> <p>Điều 24. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;</p> <p>b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) về việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng phần vốn góp; Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ và doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p><u>Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao dịch chuyển nhượng thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết.</u></p>	<p>FWD: Đề nghị làm rõ đoạn trích gạch chân áp dụng cho cả 3 điểm (a), (b) và (c).</p> <p>MIC:</p> <p>Vậy theo quy định này thì mua bán trên sàn sẽ không phải làm thủ tục chuyển nhượng?</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa lại điểm c, khoản 2 Điều 24 để làm rõ đoạn gạch chân chi áp dụng với điểm c như sau:</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng phần vốn góp; Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ và doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. <i>Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao dịch chuyển nhượng thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết.</i></p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>c) Tổ chức, cá nhân dự kiến góp vốn vào doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức phải đáp ứng các Điều kiện quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, Điều 65, Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình doanh nghiệp và Điều.... Nghị định này;</p>	<p>hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p>tái bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:</p>
	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 26</p> <p>Điều 26. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài);</p>	<p>AIA: Tại điểm b Điều 26.3 “<i>Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài)</i>”, chúng tôi hiểu rằng quy định này trong bản dự thảo đang muốn đề cập đến văn bản về việc bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc các quy định nội bộ có liên quan;</p> <p>Do vậy, chúng tôi kính đề nghị Điều chỉnh nội dung của quy định này như sau:</p> <p>“<i>Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm), Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) hoặc các văn bản nội bộ có liên quan</i>”</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì việc cấp có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch, Tổng là một nội dung được quy định trong Điều lệ của Công ty</p>
	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 26</p> <p>Điều 26. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán</p> <p>c) Lý lịch tư pháp theo mẫu do pháp luật quy định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp, bản sao thẻ căn cước công dân công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; <u>sơ yếu lý lịch</u>, bản sao <u>vấn bằng</u>, chứng chỉ chứng minh trình độ, năng</p>	<p>Bảo Việt, Cathay, Daichi, HHH, MSIG, MIC, MAP Life: Nội dung gạch chân đang bị trùng lặp</p> <p>Đề xuất rà soát và soạn lại nội dung này.</p> <p>SunLife: Đề xuất điều chỉnh quy định “lý lịch tư pháp theo mẫu do pháp luật quy định” tại Điểm c Khoản 3 thành “lý lịch tư pháp có giá trị pháp lý” vì đối với nhân sự là người nước ngoài việc tuân thủ theo mẫu do pháp luật quy định ko có căn cứ</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa lại điểm c, khoản 3 Điều 26 như sau:</p> <p><i>“Lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương do pháp luật quy định trong thời hạn 6/2 tháng kể từ ngày cấp; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; sơ yếu lý lịch; bản sao vấn</i></p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>- Người dự kiến được bổ nhiệm có thể thuộc trường hợp người lao động nước ngoài <i>đi chuyên trong nội bộ doanh nghiệp</i> theo quy định của pháp luật về lao động, theo đó sẽ không có ký kết hợp đồng lao động.</p> <p>- Hợp đồng lao động của Tổng giám đốc, chuyên gia tính toán hay bất kỳ người lao động nào trong doanh nghiệp bảo hiểm (và mọi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức) <u>đều có những thông tin nhạy cảm về lương, thưởng, chế độ phúc lợi của từng người lao động khác nhau</u>, việc chứng minh một người là người lao động của công ty có thể được thể hiện thông qua xác nhận làm việc của công ty, không nhất thiết phải yêu cầu cung cấp hợp đồng lao động của người đó;</p>	
	<p>Điểm đ Khoản 3 Điều 26</p> <p>đ) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p>MVI, AJA, Generali, MSIG, Liberty, Bảo Minh, HHHB: Đề nghị không yêu cầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên (HDTV) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) phải có văn bản cam kết cư trú tại Việt Nam vì trên thực tế chức danh Chủ tịch HDTV/HDQT không điều hành công việc hàng ngày của doanh nghiệp như Tổng Giám đốc nên không cần thiết phải cư trú ở Việt Nam. Ngoài ra, quy định tại Điều 81.2 Luật kinh doanh bảo hiểm cũng không yêu cầu người nắm chức danh Chủ tịch HDTV/HDQT phải cư trú tại Việt Nam.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm đ, khoản 3 Điều 26 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>đ) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là <i>Tổng giám đốc (Giám đốc) và chuyên gia tính toán</i> sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>
	<p>Điều 26. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán.</p> <p>Điều 26, Khoản 1</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi</p>	<p>Liberty:</p> <p>Làm rõ để có cơ sở thực hiện.</p> <p>Theo khoản 4 Điều 13 của Dự thảo, hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các tài liệu cá nhân của Người đại</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Khi thay đổi người đại diện theo pháp luật thì không cần được Bộ Tài chính phê chuẩn</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>doanh bảo hiểm 2022 và căn cứ vào quy định trong bản dự thảo Nghị định, mặc dù chúng tôi hiểu rằng công văn ghi nhận của Bộ Tài chính sau khi nhận được hồ sơ thông báo của doanh nghiệp chỉ nhằm mục đích ghi nhận doanh nghiệp có những thay đổi nào, không nhằm yêu cầu doanh nghiệp phải Điều chỉnh hay giải trình thêm gì về các nội dung đã thay đổi trong thông báo, cũng không phải là văn bản chấp thuận. Chúng tôi nhận thấy quy định này chưa được phù hợp với tinh thần tinh giản thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm mà quý Bộ áp dụng rất mạnh mẽ trong thời gian vừa qua và đã cụ thể hóa tại Luật kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>Chúng tôi kính đề nghị không quy định nội dung tại khoản 2, Điều này.</p> <p>MIC:</p> <p>Việc ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện có tác dụng gì?</p> <p>Bộ Tài chính sẽ không xem xét hồ sơ mà chỉ ghi nhận?</p> <p>BIC:</p> <p>BIC hiểu là DN chủ động mở và đưa chi nhánh vào hoạt động mà không cần BTC phê duyệt.</p> <p>Đề nghị BTC có hướng dẫn, làm rõ nội dung này để DN thực hiện.</p>	
	<p>Điểm b khoản 1 Điều 28</p> <p>Điều 28 (Mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm) và Điều 40 (Quản lý vốn chủ sở hữu)</p>	<p>UBGSTCOG:</p> <p>Xem xét thay thế các thuật ngữ “tỷ lệ an toàn vốn”, “biên khả năng thanh toán” thành “đủ khả năng thanh toán theo quy định” nhằm nâng cao</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa điểm b, khoản 1, Điều 28 như sau:</p> <p>b) Đáp ứng các quy định về tỷ lệ an toàn vốn và biên khả năng thanh toán;</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Mục 3: TỜ CHỨC HOẠT ĐỘNG</p> <p>Điều 29. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>2. Có bằng đại học trở lên trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;</p>	<p>Cathay Life: Ban kiểm soát gồm Trưởng BKS, KSV không bắt buộc phải thành lập đối với công ty TNHH MTV theo điều 79 Luật DN</p> <p>PJICO: Đề nghị sửa cho rõ nghĩa: “Có bằng đại học trở lên <u>của một</u> trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>Bộ Nội vụ: “Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng,..” là chưa thống nhất với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>PJICO: Đề nghị sửa cho rõ nghĩa: “3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo</p>	<p>Giải trình: Theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật KDBH: “Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tại bảo hiểm có thể quyết định thành lập Ban kiểm soát bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, trường hợp DNBH thành lập Ban kiểm soát thì phải đáp ứng điều kiện theo quy định.</p> <p>Tiếp thu và sửa lại như sau:</p> <p>“2. Có bằng đại học trở lên của <u>một</u> trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.”</p>
		<p>Bộ Nội vụ: “Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng,..” là chưa thống nhất với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>PJICO: Đề nghị sửa cho rõ nghĩa: “3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo</p>	<p>1. Giải trình ý kiến của Bộ Nội vụ: điểm c khoản 4 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm là quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 80 Luật KDBH, Trưởng ban kiểm soát thuộc chức danh người kiểm soát.</p> <p>2. Tiếp thu ý kiến của PJICO, điều chỉnh như sau:</p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong <u>một hoặc các lĩnh vực</u> bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ <u>một trong các</u> vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>HHBH, BVTN, MSIG, PTL, PVI: Đề xuất bỏ sung “thành viên Hội đồng thành viên”</p>	<p>BVTN, MSIG, PTL, PVI, điều chỉnh quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>
	<p>5. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p>	<p>BVNT: Đề nghị tách thành 2 khoản độc lập để tránh hiểu lầm quy định “trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác” là áp dụng với cả ý “không phải là người quản lý công ty” vì KSV là vị trí có chức năng độc lập để kiểm soát hoạt động quản lý nói chung.</p> <p><i>5. Không phải là người quản lý công ty;</i></p> <p><i>6. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác</i></p>	<p>Giải trình ý kiến BVNT: Nội dung này được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên. Ngoài ra, giữa 2 điều kiện đã được ngăn cách bằng dấu “;” bảo đảm rõ ràng, minh bạch.</p>
	<p>6. Trường Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>VBI, Bảo Minh, PVI: Đề nghị bỏ quy định này do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định Trường ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại công ty; tuy nhiên tại Điều 168 Luật doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định này. - Quy định pháp luật hiện hành, bao gồm pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và Luật KDBH 2022 đã lược bỏ các quy định về điều kiện Trường Ban kiểm soát phải làm việc tại doanh nghiệp. Việc quy định điều kiện nói trên tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Dự thảo Nghị định dự kiến ban hành sẽ gây ra khó khăn cho các DNBH trong công tác bỏ nhiệm cán bộ. 	<p>Tiếp thu, bỏ khoản 6 Điều 29</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			<p>mang tính chất quá đặc thù và phù hợp với yêu cầu công việc; công tác đào tạo trong và ngoài nước bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực cho các vị trí này cho thị trường.</p>
	<p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p>		
	<p>2. Có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm, kiểm toán. Trường hợp không có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bảng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp;</p>	<p>PJICO, AIA, FWD, Liberty, MSIG, PTI, SSVN, HHHB, PVI, OPES: Đề nghị sửa đề rõ nghĩa hơn về bảng đại học bảo hiểm và/hoặc kiểm toán;</p> <p>2. Có bảng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kiểm toán. Trường hợp không có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm, kiểm toán thì phải có bảng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>Hoặc:</p> <p>2. “Có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm, kiểm toán. Trường hợp không có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bảng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>AIG: Đề nghị bỏ yêu cầu về chuyên ngành bảo hiểm hoặc có chứng chỉ bảo hiểm. Đây không phải là điều kiện thiết yếu để một kiểm toán viên nội bộ hoặc Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ</p>	<p>1. Tiếp thu ý kiến của PJICO, AIA, FWD, Liberty, MSIG, PTI, SSVN, HHHB, PVI, OPES, PTI, Liberty điều chỉnh như sau:</p> <p>“2. Có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bảng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp;”</p> <p>2. Giai trình ý kiến của AIG:</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, tiêu chuẩn của người làm công tác kiểm toán nội bộ “Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị”. Do đó, quy định này là phù hợp, bảo đảm người làm công tác kiểm toán nội bộ có kiến thức, hiểu biết về lĩnh vực bảo hiểm.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>sung khoản 4: Quy định này không áp dụng đối với cá nhân đã được bổ nhiệm trước ngày ND này có hiệu lực</p> <p>MSIG, PTI: Khoản 3: Không thể phân biệt được “trực tiếp làm việc” với “gián tiếp làm việc”. Đề nghị bỏ.</p>	<p>về tiêu chuẩn của người quản trị điều hành.</p> <p>Thuật ngữ trực tiếp làm việc cũng được sử dụng đối với tiêu chuẩn người quản lý tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng.</p>
<p>Điều 31. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ</p>	<p>OPES, Bảo Minh: Đây là quy định hoàn toàn mới. Thực tế có nhiều DNBH đã bỏ nhiệm chức danh này và đã thực hiện công việc này được nhiều năm nhưng có thể không đáp ứng yêu cầu của quy định mới, gây khó khăn cho DNBH trong việc điều chuyển/thời việc/vi phạm hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến uy tín của DNBH. Do đó, đề nghị bỏ sung khoản 5: Quy định này không áp dụng đối với những cá nhân đã được bổ nhiệm trước ngày ND này có hiệu lực hoặc làm đến hết nhiệm kỳ</p>	<p>Giai trình ý kiến của OPES, bảo Minh:</p> <p>Đối với các chức danh Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, tuân thủ, các điều kiện, tiêu chuẩn đặt ra cơ bản tương đồng với các chức danh quản lý khác (bằng đại học, chứng chỉ bảo hiểm), không đặt ra các yêu cầu, tiêu chuẩn nào mang tính chất quá đặc thù, phù hợp với yêu cầu công việc; ngoài ra, công tác đào tạo trong và ngoài nước bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực cho các vị trí này cho thị trường.</p>	
<p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro, tính toán bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp;</p>	<p>PJICO, AIA, FWD, HHHB, OPES: Đề nghị làm rõ chi căn cứ 1 trong 2 bằng đại học hay phải đồng thời có cả 2.</p> <p>Đề xuất sửa như sau: 2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro, tính toán bảo hiểm. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, tính toán bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế</p>	<p>1. Tiếp thu ý kiến của PJICO, AIA, FWD, HHHB, OPES, UIC, AIG điều chỉnh như sau:</p> <p>“2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm hoặc <u>định phí bảo hiểm</u>. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm thi phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p><i>toán.</i></p> <p><i>Trường bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bảng từ đại học trở lên"</i></p> <p>Chubb Life: Đề nghị áp dụng thống nhất điều kiện "...có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp" (tương tự như điều kiện đối với Trường bộ phận Kiểm toán nội bộ và Trường bộ phận Kiểm soát tuân thủ tại Điều 30 và 31 dự thảo"), vì các chức danh này đều là "Người kiểm soát" của doanh nghiệp bảo hiểm. Hơn nữa, việc quy định "<u>có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm</u>" đối với Trường bộ phận Quản trị rủi ro sẽ khó áp dụng (do không hoặc ít có cơ sở đào tạo và cấp chứng chỉ riêng về quản trị rủi ro, hoặc chưa rõ như thế nào là "chứng chỉ về tính toán bảo hiểm") và như vậy doanh nghiệp bảo hiểm sẽ gặp khó khăn trong tuyển dụng vị trí Trường bộ phận Quản trị rủi ro này.</p> <p>FWD: Đề nghị cân nhắc điều kiện yêu cầu về bằng cấp đối với Trường bộ phận quản trị rủi ro. Hiện tại, việc tìm kiếm ứng viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm với đầy đủ kinh nghiệm để lãnh đạo Bộ phận quản trị rủi ro là rất khó. Với các vị trí lãnh đạo của Bộ phận kiểm soát rủi ro, kiểm soát tuân thủ, đề nghị Bộ cho phép có thời gian chuyển tiếp 1 - 2 năm để doanh nghiệp có thể thu xếp đào tạo bổ sung hoặc kiếm người thay thế. Hoặc cân nhắc cho phép kế thừa như khoản 6 - Điều 32</p> <p>Liberty: Đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>2. Trường bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro, tính toán bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ</p>	<p>minh hoàn thành khóa học, tin chỉ, môn học,...</p> <p>4. Giải trình ý kiến của SGI: Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, theo đó bao gồm các bộ phận quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ.</p> <p>5. Giải trình ý kiến của MIC, OPES: "chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp". Khái niệm về các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp được kể từ Nghị định 73. Việc không quy định chi tiết, liệt kê các cơ sở đào tạo nhằm tạo điều kiện cho DNBH trong quá trình thực hiện.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>3. Trường bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bảng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p>	<p>đào tạo để học</p> <p>Bảo Việt: Điều 90 Luật KDBH năm 2020 cho phép các DNBH được thuê ngoài, trừ các hoạt động: Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, Tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm. Bản chất của việc kiểm soát tuân thủ là kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật, quy trình quy chế.</p> <p>Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc sửa như sau: 2. ... Trường bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bảng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm, <u>luật</u>.</p>	<p>Giai trình ý kiến Bảo Việt: Bản chất việc kiểm soát tuân thủ là quy định pháp luật về bảo hiểm. Do đó, tiêu chuẩn về bảng đại học bảo hiểm hoặc chứng chỉ bảo hiểm là phù hợp với chức danh người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp, trường bộ phận kiểm soát tuân thủ không có bảng đại học về bảo hiểm thì phải có chứng chỉ bảo hiểm và có bằng từ đại học trở lên về các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, <u>luật</u>, kế toán, kiểm toán</p>
	<p>4. Có tối thiểu 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>Khoản 2 Điều 32</p> <p>Điều 32. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>2. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 10 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm kể từ khi là thành viên (Fellow) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành</p>	<p>ABIC, BIDV Metlife:</p> <p>Chúng tôi đề nghị nên giữ nguyên tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán trong doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tương tự theo quy định hiện tại trong Nghị định 73/2016/ND-CP.</p> <p>Tức là, chỉ nên yêu cầu Điều kiện là có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 10 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và là thành viên (Fellow) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi HOÀC có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe kể từ khi là thành viên (Fellow) của một trong các Hội này.</p> <p>Với quy định trong bản dự thảo hiện nay, thì điều</p>	<p>Giai trình:</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo đề nâng cao chất lượng của đội ngũ chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, đáp ứng được các vai trò, nhiệm vụ độc lập của chuyên gia tính toán theo quy định của pháp luật. Bên cạnh việc đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp còn cần có số năm kinh nghiệm làm việc nhất định kể từ khi là thành viên chính thức của các hội tính toán.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>2. Là thành viên (Associate) của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và có bằng chứng chứng minh đã thi đạt tối thiểu 02 môn thi (exam) của một trong các Hội sau: Hội các nhà tinh toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tinh toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tinh toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tinh toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc các bằng chứng chứng minh đã thi đạt các môn thi theo khóa học, chương trình đào tạo chuyên ngành tinh toán được các Hội trên công nhận tương đương với 02 môn thi của Hội;</p> <p>Sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tinh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tối thiểu là thành viên (Associate) của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm quốc tế.</p> <p>Sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tinh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải là thành viên (Fellow) được đào tạo về tinh toán trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm quốc tế.</p>	<p>PJICO, PTI, MIC, SSVN: Quy định 2 năm, 5 năm là quá khó để thực hiện. Khoản thời gian 02 năm khó hoàn thành 03 môn học. Theo chương trình học để trở thành thành viên là Associate của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm tối thiểu 7 năm để hoàn thành và thi đậu 13 môn hoặc Fellow của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm tối thiểu 10 năm để hoàn thành và thi đậu 22 môn</p> <p>Do đó nhiều DNBH đề xuất tăng thời gian áp dụng hoặc thay đổi điều kiện về môn thi, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để đạt tối thiểu 05 môn (exam): 2 năm (PJICO) - Thời gian để đáp ứng điều kiện là thành viên (Associate): 3 năm (VBI), 5 năm (PJICO, PTI), 7 năm (MIC, SSVN) - Thời gian để đáp ứng điều kiện là thành viên Fellow: 11 năm (SSVN) - MIC: Đề nghị bổ sung thêm nội dung: Sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tinh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tối thiểu là thành viên (Associate) của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tinh toán bảo hiểm quốc tế và có <u>tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.</u> 	<p>Giải trình ý kiến của PJICO, PTI, MIC, SSVN: Các quy định nhằm thực hiện cơ chế quản lý trên cơ sở rủi ro tại Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2028. Do đó, việc quy định lộ trình như trên là phù hợp.</p> <p>Ngoài ra, lộ trình trên cũng phù hợp với lộ trình đào tạo về tinh toán bảo hiểm hoặc hoàn thành các kỳ thi theo yêu cầu của các Hội tinh toán bảo hiểm (CAS).</p>
	<p>3. Không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tinh toán bảo hiểm;</p>		
	<p>4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>AIG, HHBH, MIC, MSIG, PTI, Liberty, PVI: Đề nghị bỏ khoản 4,5 và giữa nguyên quy định về Chuyên gia tinh toán như ND/73</p>	<p>1. Giải trình ý kiến của AIG, HHBH, MIC, MSIG, PTI, Liberty, PVI, Bảo Việt và AIG: Quy định này</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>với hoạt động tính toán bảo hiểm, Luật KDBH không cấm DNBH thuê ngoài. Đề nghị bổ sung quy định cho phép DNBH PNT được thuê actuary:</p> <p><i>"4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoặc thuê ngoài;</i></p> <p>Liberty: Điều 32 Dự thảo có quy định các trường hợp không áp dụng điều này đối với Chuyên gia tính toán của nhân thọ. Đề nghị bổ sung nội dung này tương tự cho chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Đề xuất bổ sung nội dung sau: <i>Quy định này không áp dụng đối với các chức danh chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.</i></p> <p>PTI: Thuật ngữ "người lao động" này có đồng nghĩa với "trực tiếp làm việc" tại các Điều khoản 29, 30, 31 không? Đề xuất bỏ 2 yêu cầu này hoặc cần có lộ trình thực hiện trong 3-5 năm</p> <p>SGI: Chi nhánh nước ngoài có quy mô nhỏ, là đơn vị phụ thuộc, trực thuộc trực tiếp Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài nên đồng thời phải tuân thủ các quy định của Công ty mẹ lần các quy định tại bản địa, do đó, kiến nghị xem xét được phép sử dụng Chuyên gia tính toán của công ty mẹ.</p>	
	<p>Điều 34. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán</p> <p>1. Trường hợp phát hiện Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	giám đốc, Chuyên gia tính toán.		
	Mục 4 HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ		
	Điều 35. Thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm		
	<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trước khi triển khai.</p>	<p>TMIV: Dù thủ tục đăng ký sản phẩm đã bỏ nghĩa vụ của DNBH trình Bộ Tài chính về quy tắc bảo hiểm, nhưng nếu trong hồ sơ xin đăng ký vẫn yêu cầu cung cấp Quyền lợi bảo hiểm và điểm loại trừ và Bộ Tài chính vẫn cho ý kiến chi tiết tới phần nội dung này (về mặt câu chữ) sẽ làm chậm quá trình đăng ký của doanh nghiệp bảo hiểm. Do đó, đề xuất Bộ Tài chính đánh giá phân công thức, phương pháp cơ sở tính phí bảo hiểm Bên cạnh đó, đề nghị giải thích thêm, DNBH có thể trình một sản phẩm tổng thể toàn diện các quyền lợi bảo hiểm sau đó được kết hợp tùy chọn trong số các quyền lợi bảo hiểm để tạo ra gói bảo hiểm khác nhau theo nhu cầu triển khai Đối với sản phẩm đề cập ở khoản 6, nếu có thay đổi về quy tắc nhưng không thay đổi về cơ sở biểu phí thì có phải làm thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm lên bộ tài chính hay không</p>	<p>Giải trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị doanh nghiệp cung cấp quyền lợi, điều khoản loại trừ để Bộ Tài chính có cơ sở xem xét, đối chiếu sự phù hợp với phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm. - Bộ Tài chính không xem xét câu chữ trong quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm
	<p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí theo mẫu do Bộ Tài chính quy định;</p> <p>b) Bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;</p> <p>c) Công thức, phương pháp, cơ sở để tính phí bảo hiểm</p>	<p>Bảo Việt:</p> <p>Các sản phẩm liên kết chung, liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí không có "phí bảo hiểm thuần, phí bảo hiểm gộp" mà chỉ có phí bảo hiểm rủi ro và các loại phí khác,</p> <p>Đề xuất sửa đổi quy định này để có thể bao hàm được quy định về tính phí bảo hiểm cho các loại sản phẩm này</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm c khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>c) Công thức, phương pháp, cơ sở để tính phí bảo hiểm bảo hiểm thuần, phí bảo hiểm gộp, các khoản phí tính cho khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và hưu trí và tài liệu giải</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>hiện hành của pháp luật thì có phải giải trình lại Phí không? Hoặc trường hợp có thay đổi về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ nhưng không thay đổi về cơ sở phương pháp tính phí thì DNBH có cần đăng ký, giải trình lại phí bảo hiểm không?</p> <p>Đề nghị làm rõ, vì quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật KDBH năm 2022 chỉ quy định: “3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.”</p> <p>Sai lỗi chính tả</p> <p>Đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>b) Bàn tóm tắt <u>tất</u> các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;</p> <p>PVI: Theo Khoản 2 b Điều 35, Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>b) <u>Bàn tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai</u>;</p> <p>Nhưng tại Khoản 4 Điều 35 Quy định chưa đặt ra cơ chế quản lý đối với trường hợp DNBH điều chỉnh, thay đổi quyền lợi</p>	
	<p>3. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận cơ sở và phương pháp tính phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài</p>	<p>PTI, OPES: Quy định “Bộ tài chính có văn bản ghi nhận...” không hiệu như thế nào? Có chấp thuận hay không? Có gửi cho DNBH hay không?</p> <p>Đề nghị sửa: Bộ Tài chính có văn bản chấp</p>	<p>Tiếp thu: Sửa lại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 35 thành: “Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>tính phí bảo hiểm</p> <p>5a. Trường hợp điều chỉnh quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm đang triển khai nhưng không làm thay đổi cơ sở và phương pháp tính phí của sản phẩm đó thì doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thông báo Bộ Tài chính bằng văn bản, kèm theo bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm sau khi điều chỉnh, trong vòng 15 ngày kể từ ngày thực hiện việc điều chỉnh.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận việc điều chỉnh quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm.”</p> <p>Bảo Viêt: ý kiến khoản 4 Điều 35</p> <p>Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ, trường hợp mở rộng phạm vi bảo hiểm, mở rộng quyền lợi bảo hiểm, thay đổi quy định về loại trừ bảo hiểm thì DNBH có phải đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí hay không.</p>	
	<p>5. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận việc sửa đổi, bổ sung cơ sở và phương pháp tính phí của doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	<p>PTI: Quy định “Bộ tài chính có văn bản ghi nhận...” không hiểu như thế nào? Có chấp thuận hay không? Có gửi cho DNBH hay không?</p> <p>Đề nghị sửa: Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận</p> <p>OPES:</p> <p>Đảm bảo tính nhất quán và phù hợp với Khoản 1 Điều 35, đề nghị sửa lại:</p> <p>“5. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn</p>	<p>Tiếp thu: Sửa lại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 35 thành: “Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận cơ sở và phương pháp tính phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.”</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ơ sở tính phí.</p> <p>Bảo Việt: Đề xuất quy định rõ trường hợp chi thay đổi các nội dung quy định về điều khoản, không làm ảnh hưởng đến phương pháp, cơ sở tính phí thì không cần đăng ký với Bộ cho gian lược thủ tục và phù hợp với Luật kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>- Đề xuất cho phép và hướng dẫn bổ sung theo hướng không phải bắt cứ thay đổi nào về phí/cơ sở tính phí đều phải trình Bộ Tài chính. Bộ Tài chính nên đưa ra những hạn mức mà trong phạm vi này thì DNBH có thể sửa đổi cơ sở tính phí mà không cần trình BTC. Như vậy có thể trao quyền chủ động hơn cho DNBH.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi đề quy định được rõ ràng và chặt chẽ hơn "Trường hợp sửa đổi, bổ sung mà ảnh hưởng đến phí bảo hiểm như sửa đổi tỷ lệ phí, quyền lợi bảo hiểm, bổ sung thêm loại trừ của các sản phẩm thì DNBH phải thực hiện đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí.</p> <p>- Đề xuất chi cần quy định đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực là đủ (không cần quy định về các sản phẩm đã triển khai trước 01/10/2012)</p> <p>Chubb:</p> <p>Công ty kiến nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại quy định "các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe đã triển khai trước ngày 01 tháng 10 năm 2012", do về thời gian là không phù hợp. Đồng thời, quy định này chưa thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 110 của dự thảo Nghị định (như trích dẫn bên dưới), cả về thời điểm triển khai sản</p>	<p>tháng 12 năm 2024.</p> <p>8. Biểu phí của sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống, sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã triển khai trước ngày 01 tháng 10 năm 2012, sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài sẽ được tiếp tục triển khai đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.</p> <p>9. Trong thời gian 2 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện rà soát và đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Bộ Tài chính. Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực đã đáp ứng phương pháp, cơ sở tính phí theo quy định của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không phải thực hiện đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Chúng tôi không rõ mốc thời gian “01 tháng 10 năm 2012” mà Dự thảo đang quy định là áp dụng cho các sản phẩm nào.</p> <p>Kính đề nghị làm rõ hoặc chỉnh sửa lại cho phù hợp</p> <p>AIG:</p> <p>Chúng tôi cho rằng quy định phải đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực như ở đây là quá rộng:</p> <p><u>Trường hợp thay đổi (sửa đổi, bổ sung) các sản phẩm bảo hiểm này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định tại Điều này.</u></p> <p>Hiện tại, Luật Kinh Doanh Bảo hiểm chi quy định Bộ Tài Chính chấp thuận đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí. Do đó, với các sản phẩm đã được phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực (trong đó có phê chuẩn phương pháp, cơ sở tính phí), chúng tôi đề nghị doanh nghiệp không phải đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí nếu có thay đổi về sản phẩm nhưng không làm thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí (ví dụ, thay đổi các nội dung, từ ngữ của Quy tắc bảo hiểm mà không làm thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí).</p> <p>Chúng tôi đề nghị sửa đổi Khoản 6 Điều 35 như sau:</p> <p>Điều 35. Thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm</p> <p>6. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>theo quy định tại Điều này.</p> <p>MAPLIFE:</p> <p>Với các thay đổi của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022, hầu như tất cả các Công ty Bảo hiểm sẽ cần cập nhật lại Quy tắc điều khoản, các biểu mẫu đi kèm và do vậy sẽ rơi vào trường hợp sửa đổi, bổ sung như quy định tại Dự thảo. Và do vậy sẽ dồn khối lượng công việc vào Bộ Tài chính khi phải xem xét và chấp thuận. Bên cạnh đó quy định như dự thảo sẽ không thống nhất với quy định tại khoản 4.</p> <p>Sửa đổi câu “Trường hợp thay đổi (sửa đổi, bổ sung) các sản phẩm bảo hiểm này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định tại Điều này” thành “Trường hợp thay đổi cơ sở và phương pháp tính phí của các sản phẩm bảo hiểm này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định tại Điều này”.</p> <p>Daiichi:</p> <p>Đề nghị điều chỉnh theo hướng chỉ thay đổi sản phẩm bảo hiểm mà làm thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí thì mới phải thực hiện thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Điều 35 của dự thảo Nghị định.</p> <p>Bởi vì có những trường hợp sửa đổi QTDK đã được MOF phê duyệt trước đây nhưng không làm thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí thì việc phải thực hiện thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm là không cần thiết.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p><u>luật của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.</u></p> <p>2. Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhân tài bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhân tài bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm.</p> <p>3. Trường hợp tái bảo hiểm cho công ty mẹ ở nước ngoài hoặc các công ty trong cùng tập đoàn mà công ty này không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính văn bản của cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài nơi công ty nhận tái bảo hiểm đóng trụ sở chính xác nhận công ty nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài bảo đảm khả năng thanh toán tại năm tài chính liên kế năm nhận tái bảo hiểm.</p>	<p>đã đáp ứng điều kiện</p> <p>Nội dung này không phù hợp, khó triển khai → Đề nghị bỏ.</p> <p>Bảo Việt Nhân thọ: Quy định “10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm” là không chính xác với loại hình tái bảo hiểm Surplus, chỉ đúng với loại hình Quota Share. Đề nghị sửa đổi cho phù hợp. PVI: Đề nghị làm rõ nội dung quy định: “Các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất...” để các doanh nghiệp có cơ sở thực hiện. Cụ thể: Tiêu chí, cách thức xác định tương đương.</p> <p>Vụ HTQT: Đề nghị làm rõ quy định về việc không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm tại khoản 3 Điều 36 do theo cam kết CPTPP, các doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về hệ số tín nhiệm ngoài các điều kiện chung về cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm</p>	<p>định: đang hoạt động hợp pháp, khả năng thanh toán</p> <p>- Bảo lưu: vì đối với loại bình tái bảo hiểm mức dôi (surplus), việc tính % trên mỗi hợp đồng tái bảo hiểm là khả thi.</p> <p>- Sẽ giải trình và nghiên cứu thêm khi có tài liệu cụ thể</p>
	Mục 5 CHUYÊN GIAO DANH MỤC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM		
	Điều 37. Thủ tục và hồ sơ chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm		
	<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài muốn chuyên giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp chuyên giao) phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị chuyên giao theo mẫu do Bộ</p>	<p>Bộ Tư pháp: Điều 91 Luật KDBH có 04 trường hợp chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, khoản 1 điều 37 dự thảo Nghị định mới chi quy định thủ tục, hồ sơ đối với DNBH, chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài muốn chuyên giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm mà chưa bao quát hết được</p>	<p>Giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau: - Điều 91 Luật KDBH năm 2022 quy định 4 trường hợp chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm, trong đó có 1 trường hợp là theo yêu cầu của Bộ Tài chính và 3 trường hợp gồm thu hẹp</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Vấn phòng Bộ:</p> <p>Tại khoản 3 Điều 93 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định “Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm”.</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm a khoản 1 Điều 37 lại quy định thành phần hồ sơ là “Văn bản đề nghị chuyển giao theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định”. Chưa phù hợp về thẩm quyền và thống nhất theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Do đó, đề nghị dự thảo Nghị định quy định cụ thể biểu mẫu Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính.</p>	<p>doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài muốn-chuyên giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp chuyên giao) phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:...</p> <p>Về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo có ý kiến như sau:</p> <p>Các biểu mẫu trong dự thảo Nghị định như hồ sơ thay đổi địa điểm, tăng vốn điều lệ, thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động... đều quy định theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Do đó, đề nghị giữ nguyên dự thảo.</p>
	<p>đ) Văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp nhận chuyển giao với bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm về việc giảm số tiền bảo hiểm hoặc quyền lợi bảo hiểm và các nghĩa vụ khác theo hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bộ Tài chính quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật kinh doanh bảo hiểm mà giá trị tài sản thấp hơn so với dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.</p>	<p>HHBHVN, BVNT:</p> <p>Trong thực tế, doanh nghiệp bảo hiểm rất khó đạt được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm khi quyền lợi của họ bị giảm đi.</p> <p>Đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc làm rõ trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì xử lý như thế nào.</p> <p>Daiichi: Đề nghị làm rõ là việc chuyển giao HEDBH không phải và khác với việc chuyển giao HEDBH trong các giao dịch mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (m&a). Việc quy định phải có thỏa thuận với từng bên mua bảo hiểm có thể dẫn đến việc chuyển giao danh mục theo yêu cầu của BTC sẽ không bao giờ thực hiện được.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <p>- Theo quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022: “4. Trường hợp không đồng ý với việc chuyển giao, bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm”. Như vậy, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã có quy định trường hợp hai bên không thỏa thuận được, bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>bảo hiểm, doanh nghiệp chuyên giao phải hoàn lại cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm đã nhận tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm đối với bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe; số nào lớn hơn giữa phí bảo hiểm đã nhận và giá trị hoàn lại đối với bảo hiểm nhân thọ.</p>	<p>nhánh DNBH Phi nhân thọ NN hoặc bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện HDBH trong trường hợp sau đây: 4. Bên mua bảo hiểm không đồng ý chuyển giao danh mục HDBH quy định tại khoản 4 điều 92 của Luật này.</p> <p>Theo khoản 4 điều 27 luật KDBH: 4. Trường hợp đơn phương chấm dứt thực hiện HDBH theo quy định tại khoản 4 điều 26 của Luật này, bên mua bảo hiểm được nhận lại giá trị hoàn lại hoặc phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian còn lại của HDBH phù hợp với từng sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>Trường hợp giá trị tài sản thấp hơn so với dự phòng nghiệp vụ của danh mục HDBH được chuyển giao, số tiền bên mua bảo hiểm nhận lại được tính toán trên cơ sở tỷ lệ giữa giá trị tài sản và DPNV của danh mục HDBH được chuyển giao.</p> <p>Do đó, đề nghị điều chỉnh lại điểm b khoản 3 điều 37 cho phù hợp với khoản 4 điều 27 Luật KDBH.</p>	<p>định tại điểm b khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định.</p>
		<p>BVNT:</p> <p>Việc trả số nào lớn hơn giữa phí bảo hiểm đã nhận và giá trị hoàn lại sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - không công bằng đối với DNBH vì DN có thể phải chịu lỗ khi số phí bảo hiểm đã nhận lớn hơn nhiều so với giá trị hoàn lại (chẳng hạn, các năm đầu hợp đồng khi đó DN chưa thể thu hồi đc các chi phí đã bỏ ra). - không công bằng giữa các khách hàng tham gia bảo hiểm, đó là khách hàng hủy hợp đồng thì được nhận giá trị hoàn lại trong khi những khách hàng ko đồng ý chuyển giao thì có thể được nhận số tiền lớn hơn (khi phí bảo hiểm lớn hơn giá trị hoàn lại). đặc biệt, với hợp đồng chia lãi thì việc khách hàng ko đồng ý chuyển giao và được hưởng số tiền lớn hơn giá trị hoàn lại sẽ trực tiếp làm giảm 	<p>Tiếp thu ý kiến của BVNT: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	Mục 6 TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
	<p>Điều 38. Vốn điều lệ tối thiểu</p> <p>1. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe: 750 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm hưu trí: 1.000 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí: 1.300 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh) và bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 500 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>3. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>4. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo</p>	<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị làm rõ cơ sở/căn cứ xác định mức vốn điều lệ tối thiểu và mức vốn được cấp nêu tại dự thảo Nghị định.</p> <p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung phân tích cơ sở xây dựng các mức về vốn điều lệ tối thiểu.</p> <p>AIG: Mức độ an toàn vốn của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào vốn điều lệ tối thiểu, mà phụ thuộc nhiều hơn vào tỷ lệ an toàn vốn/ biên khả năng thanh toán. Chúng tôi đề xuất giữ nguyên quy định về vốn điều lệ tối thiểu ở mức 300 tỷ VND như các quy định của pháp luật hiện nay.</p> <p>TMIV: DNBH hiện hành có phải tăng vốn không?</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định vì lý do như sau:</p> <p>- Việc xác định mức tăng vốn điều lệ của dự thảo quy định căn cứ theo mức độ lạm phát trong 10 năm qua. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2021 là khoảng 32%. Trong khi đó, Nghị định 46/2007/NĐ-CP đã quy định mức vốn pháp định đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 300 tỷ đồng, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 600 tỷ đồng. Theo tỷ lệ lạm phát, mức vốn hiện nay phải khoảng 400 tỷ đồng đối với doanh nghiệp phi nhân thọ, 750 tỷ đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.</p> <p>- Bên cạnh đó, đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là có liên quan đến quyền và lợi ích của số đông người tham gia bảo hiểm. Do đó, các doanh nghiệp bảo hiểm phải có năng lực tài chính vững mạnh, đảm bảo có nguồn lực tài chính sẵn sàng khi xảy ra những biến động lớn nhằm đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm.</p> <p>- Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 cũng đã đặt ra lộ trình 05 năm để các</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này) và bảo hiểm sức khỏe: 250 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 300 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 250 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng Việt Nam</p> <p>3. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có số vốn được cấp thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều này thì trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phải bổ sung đủ vốn được cấp theo quy định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và đầu tư: Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung phân tích cơ sở xây dựng các mức về vốn được cấp tối thiểu.</p>	<p>nhánh nước ngoài là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nước nguyên xứ.</p> <p>Đối với chi nhánh tái bảo hiểm nước ngoài, tiếp thu bổ sung tăng vốn tối thiểu đối với chi nhánh tái bảo hiểm nước ngoài bằng mức vốn của doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>“2. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng Việt Nam”</p> <p>Giải trình. Việc xây dựng vốn điều lệ tối thiểu được kế thừa từ quy định vốn pháp định trước đây. Việc tăng vốn điều lệ so với quy định cũ từ 25%-30% căn cứ theo tỷ lệ lạm phát trong 10 năm qua.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>2. Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:</p> <p>a) Dự phòng phí chưa được hưởng: Được sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;</p> <p>b) Dự phòng bồi thường: Được sử dụng để bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;</p> <p>c) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất: Được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ phải lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều ... và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh xác nhận.</p> <p>Trong trường hợp tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ thực hiện như sau:</p> <p>Trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được xác định như sau:</p> <p>Trách nhiệm giữ lại = Trách nhiệm bảo hiểm gốc + Trách nhiệm nhận tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm - Trách nhiệm tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm.</p>	<p>nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, hoặc <u>trách nhiệm giữ lại trong trường hợp tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm</u>, theo quy định tại Điều ... và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh xác nhận.</p> <p>Bảo hiểm Bảo Việt: Trường hợp tái bảo hiểm, DNBH chỉ trích lập dự phòng tương ứng với trách nhiệm giữ lại. Do vậy, BHBV đề nghị cần nhắc quy định rõ tại dự thảo Nghị định: "<i>Trường hợp nhượng tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ phải lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với trách nhiệm giữ lại theo quy định tại Điều...</i>"</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p> <p>và khoản 3 Điều 41 như sau:</p> <p>Đưa đoạn "<i>và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh xác nhận</i>" tại khoản 3 lên Khoản 1.</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Đề xuất của Bảo hiểm Bảo Việt không phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 97 Luật KDBH việc trích lập dự phòng nghiệp vụ phải "<i>tương ứng với phần trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm</i>"</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	xác, đầy đủ hơn và được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi áp dụng.		
	<p>Điều 42. Phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ</p>	<p>BIC: Kiến nghị hướng dẫn trích lập dự phòng phi trong trường hợp đơn bảo hiểm chia kỳ tại khoản 1 Điều 42 hoặc Phụ lục</p> <p>Khoản 2 Điều 42 về Dự phòng bồi thường</p> <p>MIC: Đề nghị bổ sung các phương pháp khác theo đề xuất của Chuyên gia tính toán trong trường hợp chuyên gia tính toán là thành viên (Associate) của Hiệp hội hội tính toán theo Điều 33.</p> <p>Về dự phòng IBNR:</p> <p>BIC: Đề nghị giải thích khái niệm “<i>phi bảo hiểm thu được</i>” vì chưa được quy định tại bất kỳ văn bản nào.</p> <p>Liberty: Nhằm thuận tiện trong việc quản lý đối chiếu số liệu trên tài khoản doanh thu phát sinh trong kỳ, đề nghị qui định theo phi bảo hiểm <u>phát sinh</u> vì phi bảo hiểm thu được là số cộng dồn của năm trước.</p> <p>TMIV: Về trích lập dự phòng IBNR cần bổ sung bao gồm các chi phí có thể phát sinh liên quan đến tồn thất bao gồm: Chi phí giám định, chi phí thu đòi (nếu có chi định khi có tồn thất). Trong công</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định về trích lập dự phòng trên cơ sở phi bảo hiểm năm bởi vì phi bảo hiểm thu theo kỳ nhưng nếu xảy ra tồn thất thì vẫn phải chi trả theo cả hợp đồng bảo hiểm (không chia kỳ).</p> <p>Tiếp thu ý kiến của MIC. Sửa đổi khoản 4 Điều 41 như sau “<i>Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ được phép lựa chọn các phương pháp trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại khoản ... Điều này hoặc phương pháp khác cho kết quả thân trọng hơn và đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định tại Điều ... trước khi áp dụng.</i>”</p> <p>Tiếp thu ý kiến của BIC, Liberty. bỏ “<i>thu được</i>”, sửa đổi thành “<i>3% đến 5% phi bảo hiểm trong năm tài chính đối với nghiệp vụ bảo hiểm</i>”</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>hiêm trong hợp đồng bảo hiểm có tham gia chia lãi;</p> <p>đ) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Được sử dụng để bảo đảm mức lãi suất cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí;</p> <p>e) Dự phòng bảo đảm cân đối: Được sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do có biến động lớn về tỷ lệ tử ro, lãi suất kỹ thuật.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ phải lập các loại dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều ... tương ứng với từng loại hình sản phẩm triển khai và phải được chuyên gia tính toán của doanh nghiệp xác nhận.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ được chủ động lựa chọn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại khoản ... Điều ... hoặc các phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ khác đầy đủ, chính xác hơn và đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn theo quy định tại Điều ... trước khi áp dụng</p> <p>5. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ phải thường xuyên đánh giá phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ, bảo đảm trích lập đầy đủ dự phòng để đáp ứng trách nhiệm bảo hiểm đã cam kết.</p> <p>Trường hợp thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ thực hiện theo quy định tại Điều..... Trường hợp thay đổi cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (trừ trường hợp giám lãi suất kỹ thuật để đáp ứng quy định tại điểm ... khoản ... Điều ...), doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có văn bản đề nghị Bộ</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>trong kỳ của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung hoặc bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm hưu trí tự nguyện.</p> <p>b) Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung (áp dụng đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung) được tính theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, hoặc: - Tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. <p>Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá và lựa chọn phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung để bảo đảm các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>c) Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết đơn vị (áp dụng đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị) là tổng số các khoản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số các đơn vị đầu tư của bên mua bảo hiểm tại ngày định giá nhân với giá mua của đơn vị quỹ tại ngày định giá; - Tổng số phí bảo hiểm đã nhận được từ bên mua bảo hiểm tại ngày định giá sau khi trừ đi các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm mà phần còn lại này dùng để mua các đơn vị quỹ nhưng chưa được thực hiện. d) Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí (áp dụng đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí) là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập. đ) Dự phòng cho các quyền lợi bảo hiểm khác ngoài quyền lợi về rủi ro bảo hiểm và quyền lợi đầu tư. <p>3. Dự phòng phí chưa được hưởng: được tính trên phí bảo hiểm gộp theo các phương pháp quy định tại</p>	<p>đồng này không?</p> <p>-Khoản 3 Điều 44:</p> <p>Bảo Việt: Đề xuất bỏ “đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống”. Dự phòng này cần yêu cầu trích lập với mọi khoản phí có thời điểm trích lập dự phòng sớm hơn thời điểm kết thúc kỳ phí.</p> <p>- Khoản 4 Điều 44:</p> <p>BVNT: Đề xuất bỏ “đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống”. Dự phòng này cần yêu cầu trích lập với mọi khoản phí có thời điểm trích lập dự phòng sớm hơn thời điểm kết thúc kỳ phí.</p> <p>Điểm b Khoản 5 Điều 44 :</p> <p>BVNT: Khái niệm “là giá trị hiện tại của phần lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai” là không chính xác đồng thời cũng không tương thích với quy định “được tính bằng tài sản của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi trừ đi công nợ của quỹ”. Giá trị hiện tại của phần lãi chia trong tương lai đã được ngầm định trong dự phòng toán học rất thận trọng. Đề nghị bỏ cụm từ “là giá trị hiện tại của phần lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai”.</p> <p>Đề nghị xem xét điều chỉnh tăng mức dự phòng lãi chưa công bố lên 20% nhằm giúp doanh</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Đối với hợp đồng có thời hạn trên 1 năm, doanh nghiệp trích lập dự phòng toán học trong đó đã tính toán xác suất xảy ra các sự kiện bảo hiểm, đảm bảo đối với các hợp đồng trên 1 năm.</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Đối với hợp đồng có thời hạn trên 1 năm, doanh nghiệp trích lập dự phòng toán học trong đó đã tính toán xác suất xảy ra các sự kiện bảo hiểm, đảm bảo đối với các hợp đồng trên 1 năm.</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên Tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b, khoản 5 Điều 44 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>Dự phòng cho phần lãi chưa công bố là giá trị hiện tại của phần lãi để chi trả phần lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai nhằm đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều ..., được tính bằng tài sản của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi trừ đi công nợ của quỹ, nguồn vốn hỗ trợ từ chủ sở hữu và lãi đã phân bổ trong năm hiện tại</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên. Mức 20% là quá cao, không phù hợp với</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>phòng tích lũy đã công bố chia cho chủ hợp đồng chia lãi tính đến năm tài chính hiện hành</p> <p>Cơ sở trích lập dự phòng chia lãi áp dụng tương tự như cơ sở trích lập dự phòng toán học. Chuyên gia tính toán có trách nhiệm bảo đảm việc trích lập dự phòng chia lãi đáp ứng trách nhiệm cam kết tại hợp đồng bảo hiểm và quy định pháp luật.</p> <p>b) Dự phòng cho phần lãi chưa công bố:</p> <p>Dự phòng cho phần lãi chưa công bố là giá trị hiện tại của phần lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai nhằm đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều ... được tính bằng tài sản của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi trừ đi công nợ của quỹ, nguồn vốn hỗ trợ từ chủ sở hữu và lãi đã phân bổ trong năm hiện tại. Việc trích lập dự phòng này phải đảm bảo nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức trích lập hàng năm của dự phòng này không được vượt quá 10% tổng thặng dư của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi phát sinh trong năm đó; - Tổng giá trị của dự phòng cho phần lãi chưa công bố tại mọi thời điểm không được vượt quá 0,5% nhân với thời hạn còn lại trung bình của các hợp đồng có tham gia chia lãi nhân với tổng mức trách nhiệm của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi tại thời điểm đó. <p>6. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trích lập dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết. Mức trích lập tương ứng với chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>7. Dự phòng bảo đảm cân đối:</p>	<p>Ngoài ra việc lãi suất kỹ thuật tối đa không vượt quá 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm trở lên là quá thận trọng trong khi trái phiếu của Chính phủ VN có rủi ro vô cùng nhỏ. Đề xuất nên sửa giới hạn 80% thành 95%.</p> <p>FWDA:</p> <p>Một số doanh nghiệp đang áp dụng phương pháp dự phòng nghiệp vụ bằng giá trị hoàn lại cộng một khoản dự phòng cho rủi ro bảo hiểm (bảng Phí chấm dứt hợp đồng nhân với Tỷ lệ rủi ro Từ vong/ Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn tại thời điểm tính dự phòng).</p> <p>Nếu dùng phương pháp dự phòng nghiệp vụ khác giữa 2 phương pháp đề xuất: lớn hơn phương án 1) Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung; và nhỏ hơn phương án 2) Tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung thì có vi phạm nghị định hướng dẫn không?</p> <p>Cần làm rõ về việc doanh nghiệp có phải chi được áp dụng một trong 02 phương pháp được liệt kê hay không.</p> <p>Bảo Việt:</p> <p>Việc trích lập dự phòng theo phương pháp nào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Do đó, Nhà nước cần có cơ chế để đảm bảo các doanh nghiệp trích lập đủ dự phòng đồng thời được đối xử bình đẳng trước pháp luật</p>	<p>đảm quyền lợi khách hàng và tác động thị trường.</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa lại điểm b, khoản 2 Điều 44 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>b) Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung: <i>Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản cho các hợp đồng xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ.</i></p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá và lựa chọn phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung để bảo đảm các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải trích lập các loại dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều ... và phải được chuyên gia tính toán xác nhận.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ động lựa chọn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (đối với cả trách nhiệm bảo hiểm gốc và trách nhiệm nhận tái bảo hiểm) theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này hoặc các phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ khác chính xác, đầy đủ hơn và đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn theo quy định tại Điều ... trước khi áp dụng.</p>		
	<p>Điều 46. Phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe</p> <p>1. Dự phòng toán học:</p> <p>Dự phòng toán học được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai. Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động lựa chọn phương pháp trích lập như: phương pháp phí bảo hiểm gộp, phương pháp phí bảo hiểm thuần, các phương pháp khác theo thông lệ quốc tế.</p> <p>2. Dự phòng phí chưa được hưởng: được tính theo các phương pháp quy định tại điểm ... khoản ... Điều ... Nghị định này, áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống.</p> <p>3. Dự phòng bồi thường:</p> <p>a) Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích theo phương pháp</p>	<p>Khoản 1 Điều 46</p> <p>FWDA: Điều 46 Khoản 1 không quy định mức tối thiểu cho dự phòng bảo hiểm sức khỏe với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm. Như vậy, chúng tôi có thể hiểu phương pháp trích lập dự phòng toán học cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe không quy định mức tối thiểu bằng kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 như quy định trước đây không? Đề nghị làm rõ quy định về phương pháp dự phòng để đảm bảo việc tuân thủ và áp dụng quy định pháp luật một cách thống nhất.</p> <p>Khoản 2 Điều 46:</p> <p>FWDA: Phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe chưa có quy định cụ thể. Đề nghị làm rõ quy định về phương pháp dự phòng để đảm bảo việc tuân thủ và áp dụng quy định pháp luật một cách thống nhất.</p> <p>Điểm a Khoản 3 Điều 46:</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì quy định tại Luật KDBH đã phân định rõ việc miễn khai sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ. Do đó, khoản 1 Điều 46 bỏ giới hạn của quy định trước đây.</p> <p>Tiếp thu, bổ sung tham chiếu</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>năm TC hiện tại giữ lại trong năm TC hiện tại ứng với trách nhiệm giữ lại cho khiếu nại chưa giải quyết phải lập vào năm TC hiện tại</p>		
	<p>Điều 47. Dự phòng nghiệp vụ đối với tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm</p> <p>1. Đối với tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ: Bao gồm các loại dự phòng theo quy định tại Điều ... Nghị định này.</p> <p>2. Đối với tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ: Bao gồm các loại dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều ... Nghị định này.</p> <p>3. Đối với tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm sức khỏe: Bao gồm các loại dự phòng theo quy định tại Điều ... Nghị định này.</p>	<p>Khoản 2 Điều 47</p> <p>Bảo Việt: Đề xuất cho phép giảm trừ dự phòng đối với phân trách nhiệm đã nhượng tái bảo hiểm</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định, đảm bảo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Luật KDBH.</p>
	<p>Điều 48. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện đăng ký phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ với Bộ Tài chính trước khi thực hiện.</p> <p>2. Hồ sơ đăng ký hoặc đề nghị thay đổi phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đăng ký hoặc thay đổi phương pháp, cơ</p>	<p>Prudential: Kiến nghị Ban Soạn Thảo làm rõ: Trường hợp DNBH không có thay đổi (so với hiện tại) về Phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ hoặc Nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm hoặc Phương pháp phân chia thắng dư trong BHNT thì DNBH có phải thực hiện lại đăng ký lại theo quy định tại Điều 48, 59 và 61 của dự thảo Nghị định này hay không?</p> <p>Điểm b Khoản 2 Điều 48</p> <p>Bảo Việt: Quy định này có ưu điểm là dự phòng trích lập sau khi thay đổi phương pháp, cơ sở sẽ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến. Bổ sung thêm điều khoản về việc doanh nghiệp có phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm, Phương pháp phân chia thắng dư đã phù hợp với quy định tại Nghị định này thì không phải đăng ký lại. Thời hạn đăng ký lại là trong vòng 6 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, áp dụng cho năm tài chính từ 1/1/2023.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>“Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, tài liệu giải trình phải chứng minh được phương pháp, cơ sở trích lập mới phản ánh chính xác, hợp lý hơn so với phương pháp, cơ sở trích lập cũ về trách nhiệm, phù hợp với thông lệ được áp dụng phổ biến trên thế giới và dự phòng trích lập theo phương pháp, cơ sở trích lập mới phải không thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định”</p> <p>MAP: “chính xác hơn” nhưng cho kết quả “nhỏ hơn” so với phương pháp cũ thì có được không? Đề nghị cho phép “đăng ký” thay vì “đề nghị chấp thuận” như Điều 58 Nghị định 73</p> <p>MIC: Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận thế nào.</p>	
	<p>Điều 49. Hạn mức chung về đầu tư</p> <p>1. Đầu tư vào chứng khoán của 01 tổ chức phát hành không quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ.</p> <p>2. Đầu tư không quá 20% tổng số tiền đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của 01 tổ chức phát hành, trừ trái phiếu Chính phủ.</p>	<p>BIC, PTI: Trường hợp mua cổ phần công ty trên 10%, góp vốn thành lập công ty có phần trên 10% có bị giới hạn quy định này không?</p> <p>BHBV: Đối với tổ chức phát hành là Tổ chức tín dụng, BHBV đề nghị Ban soạn thảo cần nhắc quy định cụ thể tỷ lệ đánh giá này đã có hay không loại trừ phần tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ.</p> <p>Đề nghị giải thích giá trị chứng khoán đang lưu hành tính theo giá nào; Trái phiếu Chính phủ có bao gồm tin phiếu kho bạc, trái phiếu chính quyền địa phương, v.v... QĐ tại khoản 1 Điều 49 có áp dụng với phần vốn của DNBH khi đã góp vào các quỹ đầu tư (quỹ mờ, đóng, quỹ thành viên) mà chiến lược đầu tư của các quỹ cho phép đầu tư trên 10% vào giá trị chứng khoán lưu hành</p> <p>Prudential, BIC, MAP, PTI, BHBV: Kiến nghị làm rõ “tổng số tiền đầu tư” định nghĩa và theo quỹ hay toàn công ty. Đề xuất làm rõ để dễ thực hiện và đảm bảo tuân thủ và nhất quán với từ ngữ trong Điều 99 – Quy định chung về đầu tư, Luật</p>	<p>Tiếp thu ý kiến. Bộ Điều 49 tại dự thảo.</p> <p>Quy định hạn mức đầu tư hiện đang quy định theo quy mô doanh nghiệp bảo hiểm. Đối với các quỹ liên kết chung, liên kết đơn vị, hưu trí đã có quy định giới hạn riêng.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>2019 thì việc xác định “chứng khoán đang lưu hành” theo quy định sẽ rất nhiều loại và thay đổi theo từng thời điểm. Giả sử một doanh nghiệp có vốn điều lệ nhỏ, có nhu cầu phát hành trái phiếu, việc đầu tư 10% tổng giá trị chứng khoán tức trái phiếu đó, thì 10% trái phiếu là hạn mức khá thấp nếu so với tổng giá trị đầu tư của tất cả các quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm. Và quy định luật cũng chưa đề cập chứng khoán đang lưu hành này có bao gồm luôn chứng khoán đang được phát hành không. Việc hạn mức với một con số cụ thể áp dụng chung cho tất cả các quỹ trong khi đã có hạn mức cụ thể áp dụng cho từng quỹ rồi sẽ gây khó khăn, chông chéo trong thực tiễn áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>BVNT, Chubb life: Đề xuất bỏ quy định này</p> <p>PTI đề xuất bỏ khoản 1</p> <p>KBNN: đề nghị bỏ sung “<i>tin phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>” vào các trường hợp loại trừ khỏi hạn mức đầu tư của DNBH.</p> <p>MB Ageas: Đề nghị bỏ sung trái phiếu chính quyền địa phương, công trái, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh vào nhóm Trái phiếu Chính phủ do bản chất giống nhau</p>	
	<p>Điều 51. Nguồn vốn nhân rủi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm</p> <p>1. Nguồn vốn nhân rủi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ các khoản tiền dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm phi nhân thọ, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo</p>	<p>VACPA, PWC: - Làm rõ hơn khoản tiền dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên này được duy trì tại tài khoản loại nào, có cần duy trì trong tài khoản riêng và tính số dư trung bình tháng hay số dư cuối kỳ.</p> <p>- Làm rõ tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tính theo số dư tại thời điểm nào.</p> <p>Khoản 1 Điều 51</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Việc quản lý chi tiết do doanh nghiệp chủ động thực hiện để đảm bảo quy định.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Điều 52. Đầu tư vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều... Nghị định này, nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được thực hiện đầu tư trực tiếp bởi doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc thông qua ủy thác đầu tư và chỉ được đầu tư tại Việt Nam trong các lĩnh vực sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài: <ol style="list-style-type: none"> Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế; Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế; Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 35% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm; Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản tối đa 10% vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: <ol style="list-style-type: none"> Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế; 	<p>các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam không thấp hơn 5% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm".</p> <p>AIA, BVNT, BHBV: Trong các liệt kê về danh mục đầu tư dự phòng nghiệp vụ, chúng tôi nhận thấy Dự thảo chưa liệt kê danh mục đầu tư vào chứng khoán phái sinh/hợp đồng phái sinh như đã được quy định tại Điểm d Điều 99.3 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm. Đề nghị bổ sung</p> <p>Bảo Minh, Cathay life, BVNT, Prudential, MAP, MIC, MB Ageas, HHHB: Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Nghị định chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 99 Luật KDBH 2022, vì vậy đề nghị sửa lại cho phù hợp</p> <p>Điểm b Khoản 2 Điều 52</p> <p>BVNT: Trong Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chỉ có định nghĩa về hoạt động "Nhận tiền gửi" của tổ chức, cá nhân, không có định nghĩa về việc "Gửi tiền".</p> <p>Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: "13. Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tin phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận".</p> <p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Làm rõ các nghiệp vụ được phép đầu tư, BVNT kính đề xuất Bộ Tài chính nêu rõ việc "Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng" tại Nghị định này là tương ứng với hoạt động "Nhận tiền gửi" theo quy định của Khoản 13. 	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 156 Luật KDBH 2022, điều 98 Luật KDBH có hiệu lực hết ngày 31/12/2027, trong đó không quy định chứng khoán phái sinh, hợp đồng phái sinh.</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật KDBH 2022, khoản 3 Điều 99 có hiệu lực từ 1/1/2028.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Prudential đề xuất làm rõ ý như sau:</p> <p>“Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài chỉ được phép đầu tư chứng chỉ quỹ của các quỹ đầu tư mà tài sản đầu tư theo chính sách đầu tư của quỹ chỉ bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản.</p> <p>KBNN: đề nghị bỏ “trái phiếu kho bạc” để thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật quản lý nợ công về các công cụ nợ của Chính phủ</p> <p>BHBV: Đề nghị bỏ sung quy định thời điểm xác định hạn mức đầu tư là tại thời điểm cuối mỗi quý của năm tài chính.; Bỏ cụm từ “Mua” tại khoản 1 Điều 52 và cho phép không hạn chế đối với chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác tại tổ chức tín dụng; bỏ sung hướng dẫn về đầu tư vào các Quỹ đầu tư.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Kho bạc Nhà nước về bỏ “trái phiếu kho bạc” để thống nhất với quy định của Luật quản lý nợ công</p> <p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Việc tuân thủ hạn mức đầu tư phải thực hiện mọi thời điểm. Việc đầu tư của DNBH phải tuân thủ quy định về danh mục đầu tư tại Điều 98 Luật KDBH năm 2000</p>	
<p>Điều 53. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuộc đối tượng được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại pháp luật đầu tư và pháp luật về quản lý ngoại hối. 2. Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm thực hiện đầu tư ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập bởi các tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định của Bộ Tài chính. 3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. 4. Có quy trình nội bộ, cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài 	<p>VACPA: Khoản 2, Điều 53 của Dự thảo Nghị định có nêu “không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu”. Tuy nhiên theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700 và 705, không có dạng ý kiến kiểm toán “ngoại trừ trọng yếu”. Khi KTV đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ thì vẫn đề dẫn đến ý kiến đó đã phải là sai sót hoặc giới hạn phạm vi có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC. Do đó Dự thảo Nghị định nên bỏ từ “trọng yếu” trong đoạn này.</p> <p>PTI: Khoản 2, Điều 53: Đề nghị làm rõ: Các khoản đã đầu tư trước khi Nghị định này có hiệu lực và có kế hoạch tăng vốn thêm khi Nghị định có hiệu lực thì phần vốn tăng thêm có phải áp dụng điều kiện này không?</p> <p>Khoản 4, Điều 53: Đề nghị làm rõ: Các khoản đã</p>	<p>Tiếp thu ý kiến VACPA, sửa lại “ngoại trừ trọng yếu”.</p> <p>Tiếp thu. Bỏ sung khoản 2 Điều 53” Quy định này chỉ áp dụng với đầu tư ra nước ngoài lần đầu.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>hoặc A+ theo AM Best hoặc xếp hạng tương đương đương trở lên: tối đa 70% số tiền đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>d) Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán xếp hạng AA-theo S&P, Fitch hoặc Aa3 theo Moody's hoặc A+ theo AM Best hoặc xếp hạng tương đương trở lên: tối đa 50% số tiền đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>đ) Mua cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ niêm yết: tối đa 15% số tiền đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận thực hiện (hoặc điều chỉnh, chấm dứt) hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:</p> <p>a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo Điều lệ công ty về việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tiến hành thực hiện hoặc điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>c) Tài liệu giải trình về việc thực hiện hoặc điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài:</p> <p>Đối với trường hợp tiến hành thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài, tài liệu phải nêu rõ: Quốc gia dự kiến đầu tư, mục tiêu đầu tư, hình thức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, quy mô vốn đầu tư, tiến độ thực hiện đầu tư, dự kiến hiệu quả đầu tư; hợp đồng hoặc bản thỏa thuận với đối tác (nếu có).</p> <p>Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô nguồn vốn đầu tư và hình thức đầu tư ra nước ngoài, tài liệu phải nêu rõ tình hình, kết quả thực hiện đầu tư, các khó khăn, thuận lợi (nếu có) và phương án điều chỉnh.</p> <p>d) Quy trình nội bộ về đầu tư ra nước ngoài, bao gồm nội dung về cơ chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội</p>	<p>xuất phương án tương ứng cho Việt Nam.</p> <p>NHNN: Các nội dung về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm tại dự thảo Nghị định không thống nhất với quy định tại Nghị định 135. Liên quan đến nội dung này, Theo khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định 135/2015/NĐCP quy định: "1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể về loại, tiêu chí lựa chọn công cụ đầu tư ở nước ngoài trong từng thời kỳ. 2. Nhà đầu tư chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định".</p> <p>Từ các nội dung trên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Bộ Tài chính:</p> <p>(i) Rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định và Nghị định 135 về các nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh bảo hiểm để quy định thống nhất, phù hợp và tương thích; hoặc:</p> <p>(ii) Trường hợp cần thiết, đề nghị có quy định hướng dẫn tổng thể về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh bảo hiểm (điều kiện, hạn mức, công cụ đầu tư....) tại dự thảo Nghị định đồng thời bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định về điều khoản thay thế, bãi bỏ quy định hướng dẫn liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh bảo hiểm tại Nghị định 135.</p> <p>Tổng cục thuế đề nghị sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 54 "Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước Việt</p>	<p>Tiếp thu. Các quy định về đầu tư gián tiếp hiện đang ổn định, áp dụng chung cho lĩnh vực tài chính. Để đảm bảo tính thống nhất, tránh nhầm lẫn, sửa đổi khoản 2 Điều 54 về hạn mức đầu tư ra nước ngoài theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Trong đó, tại khoản 2 Điều 54 chỉ quy định hạn mức đầu tư theo các công cụ đầu tư đã được Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 10/2016/TT-NHNN, cụ thể:</p> <p>"b) Hạn mức Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua trái phiếu, tin phiếu, kỳ phiếu của Chính phủ: không hạn chế; - Trái phiếu, tin phiếu, kỳ phiếu của các tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế: Standard & Poor's, Moody's Investors Service và Fitch Ratings: tối đa 50% số tiền đầu tư ra nước ngoài; - Mua cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ niêm yết: tối đa 15% số tiền đầu tư ra nước ngoài." <p>Tiếp thu một phần. Chỉnh sửa lại như</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>a) Thu phí bảo hiểm gốc;</p> <p>b) Thu phí nhận tái bảo hiểm, phí nhận nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>c) Thu hoa hồng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>d) Thu phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>đ) Thu phí giám định tổn thất không kê giám định hồ giữa các đơn vị thành viên hạch toán nội bộ trong cùng một doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán độc lập;</p> <p>e) Thu phí quản lý hợp đồng (leading fee) của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>3. Các khoản phải chi để giám thu phát sinh trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Hoàn phí bảo hiểm, phí tái bảo hiểm, phí nhận nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Giám phí bảo hiểm, giám phí tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>c) Phí tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>d) Hoàn hoa hồng tái bảo hiểm, hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>đ) Giám hoa hồng tái bảo hiểm, giám hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.</p> <p>4. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: Thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm quy định tại....</p> <p>5. Doanh thu hoạt động tài chính:</p> <p>a) Thu hoạt động đầu tư theo quy định tại ... Nghị</p>	<p>gồm:</p> <p>a) Hoàn phí bảo hiểm, hoàn phí nhận tái bảo hiểm, hoàn phí nhận nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Giám phí bảo hiểm, giám phí nhận tái bảo hiểm, giám phí nhận nhượng tái bảo hiểm ;</p> <p>d) Hoàn hoa hồng bảo hiểm, Hoàn hoa hồng tái bảo hiểm, hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>đ) Giám hoa hồng bảo hiểm, Giám hoa hồng tái bảo hiểm, giám hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.</p> <p>MB Ageas: Đề nghị cần nhắc trình bày theo cấu trúc tại Điều 68 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, 4 nhóm doanh thu chính, chi tiết các doanh thu thuộc từng nhóm. Riêng doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm đề nghị có thêm mục các khoản phải chi để giám thu phát sinh trong kỳ</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ngoài có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm, việc nợ phí phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm và chi được áp dụng khi bên mua bảo hiểm có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm;</p> <p>đ) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư có thỏa thuận thời hạn đóng phí bảo hiểm tối thiểu, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm đã đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm trong thời gian đóng phí tối thiểu.</p> <p>2. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:</p> <p>a) Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần: Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp thời hạn bảo hiểm dưới 30 ngày, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm.</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.</p> <p>b) Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ: Thời hạn</p>	<p>DNBH có thể thỏa thuận việc BMBH có thể đóng khoản phí BH ban đầu, chứ không thể đóng đủ các khoản phí BH cho từng thành viên của nhóm. BMBH có thể đóng đủ khoản phí BH theo thỏa thuận với DNBH. Đề nghị cho phép ghi nhận doanh thu khi HDBH nhóm đã được giao kết, giống như các DNBH phi nhân thọ.</p> <p>Manulife:</p> <p>Trên thực tế, đối với phí bảo hiểm tái tục/hoặc các kỳ phí sau kỳ phí lần đầu tiên bên mua bảo hiểm có thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí để thanh toán khoản phí bảo hiểm. Mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí nhưng hợp đồng của bên mua bảo hiểm vẫn duy trì ở trạng thái hiệu lực và công ty bảo hiểm vẫn có trách nhiệm đền bù nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra. Vì vậy doanh thu cần được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán doanh thu phù hợp với chi phí từ nghĩa vụ phát sinh mà không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Đề xuất đoạn 2 điểm đ, Khoản 1, Điều 56: "<u>Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư có thỏa thuận thời hạn đóng phí bảo hiểm tối thiểu, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm đã đóng đã phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm trong thời gian đóng phí tối thiểu, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền</u>".</p> <p>Đề xuất bổ sung thêm cụm từ "không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền" để làm rõ điểm đ, khoản 1, Điều 56</p> <p>Prudential: Mục 1đ) Doanh thu số phí bảo hiểm của sản phẩm liên kết đầu tư chi được ghi nhận trên cơ sở thực thu thay vì cơ sở dự thu, không nhất quán với chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu. Đề xuất chỉnh sửa lại Mục 1đ như sau:</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p> <p>quá trình áp dụng không có vướng mắc.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Manulife, Prudential, bù chữ "đã đóng"</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ngành bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tác (hay hợp đồng bảo hiểm bao) về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp.</p> <p>3. Đối với trường hợp quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này, việc nợ phí phải được thực hiện theo các quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp nợ phí có tài sản bảo đảm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài và bên mua bảo hiểm thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.</p> <p>b) Trường hợp nợ phí có bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm, tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm phải có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh và phải có hợp đồng bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm.</p> <p>4. Trường hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hạch toán vào doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm khoản thu phí bảo hiểm gốc được phân bổ theo tỷ lệ đồng bảo hiểm.</p> <p>5. Trường hợp nhận tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán vào doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận.</p> <p>6. Trường hợp tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán phí tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ</p>	<p>56 và bỏ điểm d khoản 1 Điều 56</p> <p>WTW: Đề nghị tách nội dung quy định về “thời hạn thanh toán phí bảo hiểm” tại khoản 2 điều 56 thành 1 điều khoản riêng về “Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm” để phù hợp với nội dung chính của điều khoản. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ “thời gian gia hạn” tại điểm c khoản 1 nếu theo thỏa thuận giữa các bên có buộc phải coi là “nợ phí” hay chỉ quyền tự do của DNBH và NDBH điều chỉnh, gia hạn thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.</p> <p>- Đối với khoản 2 :</p> <p>ABIC: Đề nghị xác định doanh thu dựa trên loại hình. BHSK được triển khai cả ở nhân thọ và phi nhân thọ nên có cùng loại hình BHSK nhưng có cách xác định doanh thu khác nhau.</p> <p>Đề nghị có quy định hướng dẫn về khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp chậm thanh toán phí bảo hiểm vì đây là thực tế tương đối phổ biến trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm mà An lệ 37 năm 2020 ban hành. Hiện nay điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định 3/2021/NĐ-CP có quy định trường hợp này. Bên cạnh đó có trường hợp không đóng đủ phí theo thỏa thuận do lỗi sai sót, khách quan.</p> <p>AIG: Chúng tôi cho rằng các quy định tại Khoản 2, Điều 56 của Dự thảo Nghị định là trái với các quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022 cũng như Bộ Luật Dân Sự. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời hạn đóng phí bảo hiểm là tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa các bên. Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022 lần Bộ Luật Dân Sự đều không áp đặt hoặc đưa ra giới hạn cho việc thỏa thuận thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Luật không bắt buộc thời hạn được thỏa thuận chỉ là 30 ngày hoặc không 	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>tục thanh toán của các doanh nghiệp lớn, có sự tập quyền, chuyên môn hóa, đòi hỏi cao về bộ chứng từ thanh toán.</p> <p>- Tại điểm b Khoản 2 Điều 56: ABIC: Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, ABIC đề nghị bổ sung quy định thời điểm xuất hóa đơn cho khách hàng đối với kỳ thu phí bảo hiểm tiếp theo vì hiện nay đang áp dụng hóa đơn điện tử nên thời điểm xuất hóa đơn rất quan trọng. BIC: bổ sung “Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được thỏa thuận thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng <u>trừ trường hợp các bên có thỏa thuận thay đổi về số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm</u>” và bổ sung hướng dẫn hạch toán doanh thu, thời hạn thanh toán trong trường hợp thay đổi số tiền bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm</p> <p>MIC, MSIG, PTI, TMIV: DBNH và BMBH có được thỏa thuận thay đổi đóng phí từ một lần thành theo kỳ không? Đề xuất bỏ “Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được thỏa thuận thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng” để đảm bảo linh hoạt.</p> <p>- Đối với điểm c Khoản 2 Điều 56: VBI, HHNH: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022: “a) Bên mua bảo hiểm vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, trừ hợp đồng bảo hiểm nhóm.” Theo đó, tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 vẫn đang quy định mở đối với trường hợp hợp</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Ý kiến tham gia</p> <p><i>nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận và người bảo hiểm cam kết bồi thường cho người được bảo hiểm những tổn thất hàng hải thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo cách thức và điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng.</i>”, đồng thời, điều khoản thanh toán phí của bảo hiểm hàng hải cũng quy định “Người được bảo hiểm có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm cho người bảo hiểm ngay sau khi ký kết hợp đồng hoặc ngay sau khi được cấp đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác” (Điều 319). Như vậy, Bộ luật hàng hải cho phép các bên có thể chủ động thoả thuận về điều khoản thanh toán phí bảo hiểm đối với các đơn bảo hiểm có rủi ro liên quan đến hàng hải, trong đó có hàng hoá vận chuyển đường biển.</p> <p>Đề đàm bảo phù hợp với quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Bộ luật hàng hải năm 2015, thông lệ thị trường quốc tế, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và bên mua bảo hiểm khi tham gia giao thương trên thị trường quốc tế và vẫn đảm bảo quyền lợi và sự tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Bảo Minh đề xuất sửa đổi quy định như sau:</p> <p><i>“Trường hợp bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng có nhiều chuyên hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm cho khách hàng có nhiều chuyên du lịch tham gia bảo hiểm trong năm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc (hay hợp đồng bảo hiểm bao) về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được</i></p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>bảo hiểm.</p> <p>Đề nghị sửa thành “<i>thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng hoặc quý kế tiếp.</i>” Do khoản phí bảo hiểm hàng hóa thường rất nhỏ, có thể từ vài chục nghìn đến vài triệu đồng, việc yêu cầu thanh toán phí hàng tháng là phát sinh rất nhiều thủ tục và chi phí thanh toán.</p> <p>- Điểm a khoản 3 Điều 56:</p> <p>BIC, WTW: quy định nợ phí có tài sản bảo đảm không thể triển khai được nên kiến nghị BTC xem xét quy định điều kiện nợ phí khác.</p> <p>- Khoản 4 Điều 56:</p> <p>ABIC: Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm xác định ghi nhận doanh thu.</p> <p>BIC: Đề nghị quy định cụ thể thời điểm ghi nhận doanh thu của hợp đồng bảo hiểm và nhận tái bảo hiểm. Kiến nghị tách bạch quy định về xác định doanh thu và quy định về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm để dễ phân biệt.</p> <p>- Khoản 5 Điều 56:</p> <p>OPES đề xuất bổ sung ghi nhận kịp thời hơn cho tái bảo hiểm tạm thời. “<i>Trường hợp nhận tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán vào doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận (đổi với hợp đồng tái có định) hoặc có xác nhận của bên nhận tái về việc nhận tái bảo hiểm (đổi với hợp đồng tái tạm thời).</i>”</p> <p>SGL: Kiến nghị bổ sung thêm mục (e) quy định</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Bồi thường bảo hiểm gốc đối với bảo hiểm phi nhân thọ; trả tiền bảo hiểm đối với bảo hiểm nhân thọ;</p> <p>b) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>d) Chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi khen thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác trong hợp đồng đại lý bảo hiểm;</p> <p>đ) Hoa hồng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>e) Chi cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm: Chi hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi khác theo quy định;</p> <p>g) Chi giám định tổn thất;</p> <p>h) Chi phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;</p> <p>i) Chi xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>k) Chi phí quản lý hợp đồng (leading fee) của công ty bảo hiểm đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm (nếu các bên có văn bản thỏa thuận về khoản chi này);</p> <p>l) Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm: Chi đào tạo và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyên dụng đại lý, chi quản lý tổ chức hệ thống đại lý bảo hiểm cá nhân bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho tổ chức thực hiện quản lý đại lý bảo hiểm, chi quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm cá nhân;</p> <p>m) Chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất;</p>	<p>sự quan tâm đúng mức đối với khoản thanh toán phù hợp dành cho đại lý bảo hiểm cá nhân có thực hiện quản lý đại lý theo quy định tại hợp đồng đại lý. Đề nghị bổ sung khoản "<i>Chi quản lý chất lượng đại lý</i>" trong "<i>Chi quản lý đại lý</i>" tại điểm 1 khoản 3 Điều 57.</p> <p>BHBV: Đề nghị bổ sung đại lý tổ chức cũng được các chi hỗ trợ ban đầu.</p> <p>Manulife:</p> <p>+ Tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm đều có phát sinh các khoản mục chi phí này trên thực tế.</p> <p>Trên thực tế, doanh nghiệp bảo hiểm tổ chức hệ thống đại lý cá nhân thành các tổ, nhóm đại lý mà trong đó các đại lý có kinh nghiệm lâu năm làm quản lý đại lý phải có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bán hàng, giám sát và hỗ trợ các đại lý khác. Nội dung hoạt động chung của từng cá nhân cũng như của các tổ, nhóm đại lý này gồm: Thực hiện các hoạt động đại lý; và thực hiện các hoạt động quản lý đại lý như hỗ trợ tuyên dụng, phát triển đội ngũ (như tổ chức hội thảo tìm ứng viên); hỗ trợ, định hướng và hướng dẫn các kỹ năng mềm về kinh doanh bảo hiểm cho đại lý mới trong việc giới thiệu, chào bán, thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm thông qua các cuộc họp/hội thảo, các cuộc đào tạo thực địa (dẫn dắt các đại lý mới đi gặp khách hàng và đào tạo tại chỗ/đào tạo thực địa về các kỹ năng/kinh nghiệm bán hàng cho đại lý mới). Việc bổ sung quy định rõ các loại chi phí trên thực tế này sẽ giúp giải đáp nhiều thắc mắc của doanh nghiệp bảo hiểm và không phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau từ các cơ quan/tổ chức liên quan.</p> <p>Đề nghị xem xét, bổ sung các loại chi phí sau vào</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p> <p><i>thuần trong hợp đồng đại lý lý bảo hiểm.</i>"</p> <p>Theo các quy định này thì Quản lý đại lý, quản lý chất lượng đại lý không thuộc hoạt động đại lý bảo hiểm; không nằm trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.</p> <p>Đối với các khoản hỗ trợ khác dành cho đại lý theo đề nghị Manulife, OPEs, Daiichi: chi trực tiếp dành cho đại lý liên quan đến thường doanh số thì có thể đề. Nhưng các khoản chi như dành cho kênh đại lý độc quyền, hỗ trợ kênh phân phối thì không được.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>b) Chi phí cho việc thu hồi khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nay thu hồi được;</p> <p>c) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>Ý kiến tham gia</p> <p>dùng chi cho hoạt động đại lý bảo hiểm, hoạt động quản lý đại lý bảo hiểm và chương trình phúc lợi khách hàng phù. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với kênh đại lý tổ chức: chi độc quyền, chi phát triển mạng lưới, hỗ trợ ban đầu, hỗ trợ tiếp thị, các chương trình thi đua... - Đối với kênh đại lý cá nhân: chi hỗ trợ phát triển kinh doanh thương xuyên, thường xuyên dụng, thường tăng trưởng, thường chất lượng cho các cấp quản lý đại lý, tổng đại lý, chi thường/mua bảo hiểm theo thâm niên... - Chi cho các chương trình chăm sóc khách hàng, hội thảo khách hàng và các quyền lợi khách hàng khác <p>OPES: Đề nghị bổ sung khoản chi phí đại lý tổ chức “<i>chi tìm kiếm, giới thiệu, tư vấn, thăm định lựa chọn đối tác đại lý bảo hiểm tổ chức; chi phí gia nhập hệ thống trả cho đại lý bảo hiểm tổ chức; chi quản lý tổ chức hệ thống đại lý bảo hiểm tổ chức bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho đại lý bảo hiểm tổ chức, chi quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm tổ chức</i>”</p> <p>Bảo Minh: Đề nghị điều chỉnh thống nhất với thuật ngữ tại Luật như sau:</p> <p>“3. Số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:</p> <p>i) Chi xử lý hàng bồi thường 100%-tài sản bị thiệt hại được thu hồi sau khi đã thay thế hoặc bồi thường toàn bộ theo giá trị của tài sản.</p> <p>4. Các khoản phải thu để giám chi phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là các khoản phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hạch toán chi phí theo quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các khoản chi phải đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chi tối đa 2% số phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính để chi cho các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Kinh doanh bảo hiểm. 	<p>toán khác chi phí tính thuế. HHBH: Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ thuật ngữ “<i>biện pháp đề phòng</i>”</p>	
	<p>Điều 59. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam với Bộ Tài chính các nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trước khi áp dụng. 2. Hồ sơ đăng ký và thay đổi bao gồm các tài liệu sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Văn bản đề nghị đăng ký hoặc thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này; b) Tài liệu giải trình về các nguyên tắc phân bổ dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp. Trường hợp thay đổi thì hồ sơ còn bao gồm tài liệu giải trình sự thay đổi. 3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận. 	<p>MAP: Khoản 1 Điều 59: Có lẽ thiếu từ “đăng ký”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến. Bổ sung từ “đăng ký”</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>doanh nghiệp.</p> <p>3. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.</p> <p>5. Việc phân chia phân lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định. Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, người đại diện phân vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phân lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phân lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phân vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Tổng cục thuế: Hiện nay, một số công ty bảo hiểm đang thực hiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, do đó đề đảm bảo chặt chẽ từ khâu phân phối lợi nhuận, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, Cục QL BH rà soát hướng dn nội dung tại ND phụ</p>	<p>Tiếp thu.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	giải thích rõ lý do.		
	<p>Mục 7 - KHẢ NĂNG THANH TOÁN VÀ KHỎI PHỤC KHẢ NĂNG THANH TOÁN</p> <p>Điều 63. Khả năng thanh toán</p> <p>Điều 64. Biên khả năng thanh toán tối thiểu</p> <p>Điều 65. Biên khả năng thanh toán</p> <p>Điều 66. Nguy cơ mất khả năng thanh toán</p> <p>Điều 67. Khỏi phục khả năng thanh toán</p>	<p>Bộ Tư pháp: Các quy định về khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp được quy định tại các điều từ điều 109 đến điều 116 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên, tại các điều khoản này không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về khả năng thanh toán và khỏi phục khả năng thanh toán cũng như việc áp dụng các biện pháp kiểm soát đặc biệt. Việc Khoản 3 điều 67 dự thảo Nghị định viện dẫn đến Điều 80 Luật KDBH cũng không chính xác. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và làm rõ cơ sở pháp lý của việc quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định</p>	<p>Giải trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>- Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 156 Luật KDBH năm 2022: “Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83... của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027”.</p> <p>- Theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10: “2. Doanh nghiệp bảo hiểm được coi là có đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 của Luật này và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định của Chính phủ”.</p> <p>- Do Nghị định số 73/2016/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023, vì vậy việc quy định khả năng thanh toán và khỏi phục khả năng thanh toán từ Điều 63 đến Điều 67 tại dự thảo Nghị định để áp dụng trong khoảng thời gian từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2027.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ngành bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số lớn hơn của một trong hai kết quả tính toán sau:</p> <p>a) 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;</p> <p>b) 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.</p>	<p>định?</p>	<p>thể như sau:</p> <p>Quy định về biên khả năng thanh toán tối thiểu tại Điều 64 dự thảo Nghị định kế thừa từ Điều 64 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP. Theo đó, quy định về biên khả năng thanh toán tối thiểu của các DNBH phi nhân thọ vẫn giữ nguyên, không thay đổi so với quy định hiện hành, thực hiện theo khoản 1 Điều 64 dự thảo Nghị định đến hết ngày 31/12/2027.</p>
	<p>2. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe:</p> <p>a) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị, bằng 1,5% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;</p> <p>b) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm hưu trí, bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;</p> <p>c) Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khác và hợp đồng bảo hiểm sức khỏe:</p> <p>- Có thời hạn 05 năm trở xuống: Bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,1% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;</p> <p>- Có thời hạn trên 05 năm: Bằng 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cộng với 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.</p>	<p>BVNT:</p> <p>1. Nên quy định theo lĩnh vực sản phẩm thay vì quy định theo loại hình doanh nghiệp vì một loại hình doanh nghiệp có thể kinh doanh 2 lĩnh vực sản phẩm. Cách quy định này sẽ tạo sự công bằng, bình đẳng trước pháp luật giữa các doanh nghiệp, qua đó tạo sự cạnh tranh bình đẳng. Chẳng hạn, theo dự thảo doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ khi kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ sẽ có yêu cầu về biên khả năng thanh toán khác với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.</p> <p>2. Đề xuất có sự phân biệt giữa trường hợp có tái bảo hiểm và không có tái bảo hiểm.</p>	<p>Giải trình ý kiến của BVNT: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>- Các quy định về khả năng thanh toán và khôi phục khả năng thanh toán từ Điều 63 đến Điều 67 dự thảo Nghị định kế thừa từ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP (từ Điều 63-Điều 67). Do Nghị định số 73/2016/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023, vì vậy việc quy định khả năng thanh toán và khôi phục khả năng thanh toán từ Điều 63 đến Điều 67 tại dự thảo Nghị định đề áp dụng trong khoảng thời gian từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2027.</p>
	<p>Điều 63. Khả năng thanh toán</p> <p>Điều 64. Biên khả năng thanh toán tối thiểu</p>	<p>UBGSTCQG: Đề nghị bỏ các Điều 63, 64, 65, 66 và 67, đồng thời sửa đổi khoản 3 Điều 110 (Hiệu lực thi hành) như sau: "Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2016 của</p>	<p>Giải trình ý kiến của UBGSTCQG: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau: Do Nghị định số 73/2016/NĐ-CP sẽ</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ngoại, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam;</p> <p>c) Bản gốc giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Các giấy phép, quyết định có liên quan trong quá trình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>3. Trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam;</p> <p>b) Bản gốc giấy phép đặt văn phòng đại diện;</p> <p>c) Các giấy phép, quyết định có liên quan trong quá</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>sang chủ thể (2) để dễ dàng tiếp tục hoạt động. Do đó, kiến nghị điều kiện để tổ chức có thể hoạt động đại lý bảo hiểm là duy nhất và không phân biệt loại chủ thể.</p> <p>ABIC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1 Điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý, đề nghị chia thành 2 loại: <ul style="list-style-type: none"> + Loại 1: Tổ chức đăng ký hoạt động đại lý bảo hiểm là nghề chính (thường được gọi tắt là GA) + Loại 2: Các tổ chức khác. ABIC đề nghị các nội dung quy định tại khoản 1 chỉ áp dụng cho Loại 1 để phù hợp với thực tế hoạt động của hệ thống đại lý trên thị trường còn Loại 2 thì không nên quy định các tiêu chuẩn về “bộ phận chuyên trách”, “người đứng đầu bộ phận chuyên trách” hoặc “hệ thống CNTT”.... - Tại điểm e khoản 1: Đề nghị sửa thành: “<i>Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý được căn cứ trên các</i> 	<p>khách hàng lớn, hoặc là ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp thì cần đặt ra yêu cầu về điều kiện cần chặt chẽ về bộ phận chuyên trách, quy trình hoạt động, hệ thống CNTT hơn để nâng cao tính chuyên nghiệp của thị trường nhằm kiểm soát chất lượng hoạt động của các đại lý bảo hiểm tốt hơn.</p> <p>Đối với các tổ chức mà hoạt động đại lý bảo hiểm chỉ là hoạt động thứ yếu, chỉ bán một số sản phẩm bảo hiểm đơn giản, nhỏ lẻ, mang tính chất là hoạt động gia tăng thêm của tổ chức thì không yêu cầu các điều kiện như trên để tạo sự thuận lợi, chủ động cho doanh nghiệp, không tạo sự công kênh trong bộ máy tổ chức hoạt động.</p> <p>- Giải trình: Các điều kiện quy định tại khoản 1 chỉ áp dụng đối với tổ chức hoạt động đại lý là tổ chức tin dụng và tổ chức đăng ký hoạt động đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính. Đối với các tổ chức khác hoạt động đại lý bảo hiểm thì không áp dụng các điều kiện chặt chẽ về nhân sự chuyên trách, bộ phận chuyên trách, hệ thống CNTT.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác, trong đó bao gồm chỉ tiêu tỷ lệ</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p><i>nhau những nghĩa vụ tương ứng với thời gian còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm.</i> "</p> <p>Mục đích của việc tách thành 02 khoản như trên là để các quy định được rõ ràng hơn, tạo điều kiện cho DNBH để nghiên cứu, tham chiếu và áp dụng đúng quy định.</p>	<p><i>nhau những nghĩa vụ tương ứng với thời gian còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm.</i> "</p> <p>Mục đích của việc tách thành 02 khoản như trên là để các quy định được rõ ràng hơn, tạo điều kiện cho DNBH để nghiên cứu, tham chiếu và áp dụng đúng quy định.</p>	
	<p>Khoản 1 Điều 75</p> <p>Điều 75. Điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm</p> <p>Điều kiện của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức đăng ký hoạt động đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>a) Phải thành lập bộ phận chuyên trách để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm;</p>	<p>UIC, Bảo Việt: Đề nghị bỏ sung định nghĩa về ngành nghề kinh doanh chính. Hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào định nghĩa về ngành nghề kinh doanh chính.</p> <p>Bảo Việt: Ngoài ra, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ, DNBH có phải có trách nhiệm kiểm tra việc đại lý đáp ứng điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm hay không (trước khi ký kết hợp đồng đại lý hay không). Trường hợp trong quá trình hoạt động đại lý phát hiện đại lý tổ chức không đáp ứng điều kiện quy định (Cơ quan nhà nước hoặc DNBH phát hiện) các khoản chi phí hoa hồng, hỗ trợ DNBH đã chi trả cho đại lý tổ chức có được coi là hợp lý, hợp lệ hay không.</p> <p>FWDA: Các điều kiện áp dụng với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng và tổ chức khác có sự khác nhau. Cụ thể, các tiêu chuẩn đối với đại lý tổ chức là ngân hàng khác khắt khe hơn so với đại lý tổ chức thông thường khác.</p> <p>Việc phân biệt các điều kiện là không hợp lý, gây bất bình đẳng giữa các tổ chức cùng thực hiện</p>	<p>Tiếp thu. Cơ quan soạn thảo đã sửa lại Điều 75 như sau:</p> <p><i>"Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các điều kiện sau:</i></p> <p><i>1. Điều kiện của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài"</i></p> <p>Giải trình. Điểm e Khoản 2 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 quy định đại lý bảo hiểm có nghĩa vụ: <i>"e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô"</i>;</p>
			<p>Giải trình. Việc phân biệt điều kiện đối với 2 nhóm tổ chức hoạt động đại lý trên cơ sở xác định tính chất, mức độ, quy mô hoạt động đại lý bảo hiểm, tính chuyên nghiệp của từng nhóm.</p> <p>Đối với các tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm chuyên nghiệp, bán các sản</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>ALA: Điều 75 Dự thảo Nghị Định quy định về điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm, trong đó, Khoản 1 Điều này quy định về “điều kiện của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức đăng ký hoạt động đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính”. Chúng tôi cho rằng việc phân nhóm dựa trên ngành nghề kinh doanh là chưa phù hợp căn cứ vào các cơ sở sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc 01 tổ chức đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là đại lý bảo hiểm cũng không thể hiện bản chất kinh doanh của chính doanh nghiệp đó, không thể hiện chính xác nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp đó trên thực tế. - Các quy định tại Luật Doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh đã có sự thay đổi. Theo đó, thay vì kiểm soát doanh nghiệp dựa trên ngành nghề kinh doanh được “đóng khung” tại giấy chứng nhận đăng doanh, thì cơ quan quản lý nhà nước xác định bản chất của doanh nghiệp dựa trên thực tế hoạt động và các giao dịch phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ và nhu cầu của khách hàng, thị trường. <p>ALA Việt Nam nhận thấy yêu cầu về tổ chức hoạt động của đại lý tổ chức cần được tiếp cận dựa trên bản chất hoạt động của đại lý tổ chức đó và nên được chia thành 02 nhóm: (i) nhóm đại lý tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động đại lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; và (ii) nhóm đại lý tổ chức có thực hiện một hoặc một số các hoạt động đại lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm. Cách phân loại trên cũng là cách tiếp cận của Bộ Tài Chính khi quy định về các khoản thưởng, hồ</p>	<p>Tiếp thu. Cơ quan soạn thảo đã sửa lại Điều 75 như sau:</p> <p><i>“Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các điều kiện sau:</i></p> <p><i>1. Điều kiện của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài”</i></p> <p>Việc thực hiện một hoặc một số hoạt động theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật KDBH đều là hoạt động đại lý bảo hiểm, do đó, không thể quy định điều kiện khác nhau đối với doanh nghiệp thực hiện một số hoặc doanh nghiệp thực hiện tất cả các nội dung hoạt động này.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>động đại lý bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022.</p>	<p><i>ứng các điều kiện sau đây: a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; c) Có nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này."</i> Như vậy, cá nhân và nhân viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.</p> <p>Đoạn b khoản 1 Điều 75 quy định điều kiện đối với người đứng đầu bộ phận chuyên trách thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm. Trong trường hợp người này có trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm thì phải đáp ứng điều kiện giống cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật KDBH.</p>
	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 75</p>	<p><u>OPES</u> đề nghị làm rõ khái niệm "chứng chỉ bảo hiểm" này vì các quy định tại Điều 96, 97 lại chỉ đề cập đến khái niệm chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo bảo hiểm nước ngoài cấp. Cơ sở đào tạo bảo hiểm VN có cấp chứng chỉ này không?</p>	<p>Giải trình. Chứng chỉ bảo hiểm được quy định cụ thể tại Thông tư do Bộ Tài chính ban hành</p>
	<p>Điểm a, b Khoản 1 Điều 75</p>	<p>BIC:</p> <p>Đề xuất quy định tại điểm a, b chi áp dụng cho Trụ sở chính của Tổ chức tín dụng - đại lý bảo hiểm, vì nếu quy định này áp dụng cho từng chi nhánh của Tổ chức tín dụng thì hầu như không Tổ chức nào có thể đáp ứng được.</p>	<p>Tiếp thu. Cơ quan soạn thảo đã sửa lại khoản 1 Điều 75 như sau:</p> <p><i>"Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các điều kiện sau:</i></p> <p><i>1. Điều kiện của tổ chức hoạt động đại</i></p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>cũng ảnh hưởng đến việc phục vụ khách hàng và hạn chế khả năng tiếp cận sản phẩm bảo hiểm của các khách hàng có nhu cầu.</p> <p>→ Vì vậy, đề xuất cho phép tổ chức tín dụng chủ động trong việc quyết định số lượng nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm tại mỗi chi nhánh, văn phòng giao dịch.</p> <p>Kiến nghị sửa điểm c, Điều 75, Dự thảo như sau:</p> <p>c) Tổ chức phải có tối thiểu 03 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm. Đối với tổ chức tín dụng thì <u>phải đảm bảo</u> các <u>mỗi</u> chi nhánh, văn phòng giao dịch thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có tối thiểu 03 số lượng nhân viên phù hợp được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà tổ chức tín dụng làm đại lý.</p>	
		<p>Prudential: Việc đưa ra yêu cầu phải có tối thiểu 3 nhân viên liệu có cần thiết và có lợi cho khách hàng không? Nhiều khả năng những ràng buộc như vậy sẽ hạn chế khả năng tiếp cận của các công ty bảo hiểm hoạt động tại tất cả các khu vực của Việt Nam. Ở một số địa điểm và các đại lý tổ chức mới thành lập, khó để có thể đáp ứng được ngay lập tức số lượng nhân viên này cho đại lý tổ chức đó. Bên cạnh đó quy mô của đại lý tổ chức tại một số nơi cũng không cần thiết phải có số lượng nhân viên như vậy để thực hiện hiệu quả các hoạt động của đại lý, Trong khi đó các hoạt động đại lý cũng phải tuân theo các yêu cầu khác, không phân biệt có phải nhân viên trực tiếp thực hiện hay không.</p> <p>Đề xuất bỏ các yêu cầu này.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>hiêm, theo đó đại lý bảo hiểm có thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động đại lý bảo hiểm. Và việc ký kết, theo dõi, thực hiện hợp đồng bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ là thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, và doanh nghiệp bảo hiểm đã có các hệ thống công nghệ thông tin phù hợp cho việc giao kết, quản lý hợp đồng bảo hiểm, quản lý đội ngũ đại lý bảo hiểm, hạch toán doanh thu chi phí, trích lập dự phòng... theo quy định pháp luật. Việc đại lý tổ chức thiết lập hệ thống công nghệ thông tin, nếu có, chỉ là phục vụ cho tổ chức hoạt động kinh doanh hàng ngày của họ, cũng như phục vụ cho yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm theo hợp đồng đại lý mà đại lý tổ chức đó ký kết với doanh nghiệp.</p> <p>Do vậy, quy định tại điểm d) dự thảo Nghị định rằng đại lý tổ chức “phải có hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, bảo đảm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan tới hợp đồng bảo hiểm khai thác qua tổ chức đại lý để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ, hạch toán doanh thu, chi phí và trích lập dự phòng của doanh nghiệp bảo hiểm theo đúng quy định pháp luật...” là chưa phù hợp.</p> <p>Công ty kiến nghị bỏ điểm d khoản 1 Điều 75 này.</p>	
	<p>Điểm e, khoản 1, điều 75</p>	<p>BIC:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiến nghị BTC quy định rõ nội dung “Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do DNBH ban hành” để DNBH thực hiện. + Đề xuất áp dụng các điều kiện trong Khoản 1, Điều 75 cho những Đại lý, Tổ chức tín dụng có quy mô doanh thu bảo hiểm lớn (trên 300 tỷ 	<p>Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi khoản 1 Điều 75 theo hướng chỉ áp dụng cho ngân hàng thương mại, chi nhánh nước ngoài.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>hình bảo hiểm mà tổ chức tín dụng làm đại lý.</p>	<p><u>Đề xuất 1:</u> Hiện tại, có rất nhiều TCTD đã được NHNN cấp Giấy phép hoạt động có ngành nghề kinh doanh bảo hiểm, việc cấp phép ngành nghề đại lý bảo hiểm đã được NHNN thẩm định.</p> <p>Do vậy, không cần phải bổ sung điều kiện làm đại lý bảo hiểm đối với các TCTD đã được NHNN cấp phép hoạt động đại lý bảo hiểm, chỉ cần dẫn chiếu đến Giấy phép NHNN cấp cho TCTD có cho phép hoạt động đại lý bảo hiểm.</p> <p><u>Đề xuất 2:</u> Đề nghị quy định rõ các điều kiện được quy định tại Điều 75 có thời hạn áp dụng như thế nào đối với các đại lý tổ chức đang hoạt động đã đáp ứng các điều kiện theo Luật KDBH hiện hành.</p> <p>Đối với CC ĐLBH đang quy định thời hạn chuyển tiếp được tiếp tục sử dụng đến hết 31/12/2025 tại Khoản 2 Điều 157 Luật KDBH → Đề đảm bảo tính khả thi trên thực tế khi NE có hiệu lực, đề nghị bổ sung làm rõ quy định về thời hạn chuyển tiếp đối với Điều 75 này, đồng thời đảm bảo nhất quán với quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật KDBH.</p> <p><u>Đề xuất 3:</u></p> <p>Một số quy định tại Điều 75 không phù hợp với thực tế ngân hàng, đề nghị xem xét:</p> <p>Điểm a, Khoản 1, Điều 75 dự thảo quy định: “a) Phải thành lập bộ phận chuyên trách để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm;”</p> <p>TCTD hoạt động theo quy định của Luật các TCTD, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ. Hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD được tổ chức thành 3 tuyến bảo vệ độc lập. Như vậy, hoạt động kinh doanh của TCTD thường xuyên được giám sát, quản lý</p>	<p>hoạt động của tổ chức hoạt động đại lý được giao từ Luật do vậy việc phải có quy định này là cần thiết.</p> <p>Tiếp thu, bổ sung điều khoản chuyển tiếp như sau: “<i>Tổ chức đang thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều này kể từ ngày 01/07/2023</i>”.</p> <p>Giải trình:</p> <p>Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động bán bảo hiểm qua ngân hàng phát triển mạnh với 17/18 doanh nghiệp nhân thọ có triển khai sp bảo hiểm qua ngân hàng và doanh thu khai thác mới có tỷ trọng trên 34% doanh thu khai thác mới, và doanh thu từ hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng cũng là kênh đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu của ngân hàng. Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn của nhân</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>từng TCTD.</p> <p>Đề nghị quy định như ND/2016/ND-CP chi cần đảm bảo nguyên tắc nhân viên trong TCTD làm đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà TCTD làm đại lý.</p> <p>Điểm d, Khoản 1, Điều 75:</p> <p>Đề nghị xem xét thay thế cụm từ “đề phục vụ các hoạt động nghiệp vụ, hạch toán doanh thu, chi phí và trích lập dự phòng của doanh nghiệp bảo hiểm” bằng cụm từ “đề phục vụ hoạt động đại lý bảo hiểm” vì đây là điều kiện của đại lý bảo hiểm, việc kết nối thông tin/chưa sẽ thông tin qua hệ thống công nghệ giữa đại lý bảo hiểm là nhằm đảm bảo hoạt động đại lý bảo hiểm thông suốt. Trách nhiệm của DNBH trong việc tuân thủ các quy định về KDBH không thể là điều kiện của đại lý bảo hiểm.</p> <p>Điểm e, Khoản 1, Điều 75:</p> <p>“e) Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý được xây dựng căn cứ trên các Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành trong đó bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu.”</p> <p>Trên thực tế, chính sách chi trả thưởng sẽ áp dụng chính sách thúc đẩy bán, ghi nhận thu nhập của đại lý bảo hiểm theo từng thời kỳ mà không phải xây dựng trên tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do DNBH ban hành. Do đó, đề nghị xem xét bỏ nội dung này hoặc sửa đổi theo hướng: chi áp dụng Điểm e) này đối với HDBH nhân thọ, không</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>2. Đối với các tổ chức khác hoạt động đại lý bảo hiểm:</p> <p>a) Tổ chức phải có tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm;</p> <p>b) Có quy trình giám sát việc tuân thủ điều kiện hoạt động và nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với các nhân viên trong tổ chức thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm.</p>	<p>Ý kiến tham gia</p> <p>của người dân. Trong khi thị trường bảo hiểm tiêu dùng tại Việt Nam vẫn đang có tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm rất thấp, việc phát triển kênh phân phối, đặc biệt là đại lý, cần cả phát triển chiều sâu (các đại lý hoạt động chuyên nghiệp) và chiều rộng (mạng lưới đại lý không chuyên nhưng rộng khắp để phân phối các sản phẩm bảo hiểm cơ bản, đơn giản).</p> <p>Trên thực tế, phần lớn các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng hoặc có ngành nghề đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính đều xem đại lý bảo hiểm là một hoạt động phụ trợ, gia tăng giá trị cho khách hàng cho hoạt động kinh doanh chính của họ. Các sản phẩm phân phối qua kênh này thường là các sản phẩm gián đơn, phí thấp. Ví dụ, các công ty dịch vụ du lịch, lữ hành, tư vấn du học, hãng hàng không... kết hợp phân phối sản phẩm bảo hiểm du lịch như là một dịch vụ cộng thêm cho khách hàng.... Tuy nhiên, nhờ mạng lưới rộng khắp của các tổ chức này mà các sản phẩm bảo hiểm đơn giản, cơ bản có thể tiếp cận được nhiều nhất với người tiêu dùng tại Việt Nam.</p> <p>Chúng tôi ủng hộ việc có các quy chuẩn đề bảo đảm các đại lý đáp ứng các điều kiện cần thiết để giới thiệu và chào bán các sản phẩm bảo hiểm (như quy định hiện hành về đào tạo, thi và cấp chứng chỉ đại lý). Tuy nhiên không nên đưa ra các quy định cứng nhắc về số lượng nhân viên như quy định tại dự thảo Nghị định, và nên đề doanh nghiệp và đại lý quyết định dựa trên nhu cầu kinh doanh thực tiễn của từng đại lý, mức độ phức tạp của các sản phẩm mà đại lý phân phối, và số lượng khách hàng tiềm năng cần mua bảo hiểm tại đại lý.</p>	<p>Ý kiến tiếp thu, giải trình</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Khoản 3, Điều 75</p> <p>3. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải duy trì và tuân thủ các điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp không đáp ứng một trong các điều kiện thì tổ chức đó không được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài trong vòng 5 ngày kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm. Sau 6 tháng kể từ ngày thông báo mà tổ chức đó vẫn không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định thì doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm và các bên hoàn trả cho nhau những nghĩa vụ tương ứng với thời gian còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm.</p>	<p>định mới:</p> <p>“3. Đối với các tổ chức đang có hoạt động đại lý bảo hiểm chưa đáp ứng điều kiện quy định tại Điều này và các quy định liên quan tại Luật Kinh doanh bảo hiểm thì có nghĩa vụ điều chỉnh để đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện trong vòng 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.”</p> <p>FWDA: Quy định trường hợp tổ chức đại lý không đáp ứng một trong các điều kiện nêu tại Khoản 1 và 2, Điều 75 trong đó bao gồm điều kiện phải duy trì “tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý”, thì tổ chức đó không được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.</p> <p>Tuy nhiên, trên thực tế sẽ phát sinh những trường hợp không lường trước được ví dụ: một đại lý nghỉ việc, nghỉ dài hạn do ốm, bệnh, từ vong ..., dẫn đến tổ chức đại lý chưa thể kịp thời bổ sung nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý để đủ số lượng tối thiểu. Trong những trường hợp này, việc không cho phép tổ chức đại lý vẫn có thể tiếp tục thực hiện hoạt động đại lý với những nhân viên còn lại.</p> <p>Do đó, quy định tại Khoản 3 này sẽ hạn chế khả năng bán và giới thiệu sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm. Đồng thời, cũng ảnh hưởng đến việc phục vụ khách hàng có nhu cầu tham gia bảo hiểm hạn chế khả năng tiếp cận sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>Tương ứng với đề xuất về Điều 75, Khoản 1, Điểm c phía trên. Đề xuất cho phép tổ chức hoạt động đại lý được chủ động quyết định số lượng nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo</p>	<p>Tiếp thu. Quy định về nhân viên tối thiểu đã có ý kiến tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Tài chính.</p> <p>c) Tổ chức phải có tối thiểu 03 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm. Đối với tổ chức tín dụng thì mỗi chi nhánh, văn phòng, giao dịch thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có tối thiểu 03 nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà tổ chức tín dụng làm đại lý.</p> <p>d) Có hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, bảo đảm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan tới hợp đồng bảo hiểm khai thác qua tổ chức đại lý để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ, hạch toán doanh thu, chi phí và trích lập dự phòng của doanh nghiệp bảo hiểm theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>đ) Có quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng việc thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm của các nhân viên trong tổ chức đại lý. Quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng phải đảm bảo các nội dung tối thiểu sau: đảm bảo các nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý tuân thủ đúng các nguyên tắc hoạt động đại lý, các nội dung được ủy quyền tại hợp đồng đại lý và quy định của pháp luật có liên quan; cho phép doanh nghiệp bảo hiểm tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát đối với chất lượng hoạt động đại lý của nhân viên trong tổ chức đại lý; việc xử lý vi phạm đối với các nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý khi trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý.</p> <p>e) Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý được xây dựng căn cứ trên các Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành trong đó bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu.</p> <p>2. Đối với các tổ chức khác hoạt động đại lý bảo hiểm:</p> <p>a) Tổ chức phải có tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực</p>	<p>Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC. Để đảm bảo có tính khả thi trên thực tế khi Nghị định có hiệu lực, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung làm rõ quy định về thời hạn chuyển tiếp đối với Điều 75 này, đồng thời đảm bảo nhất quán với quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>thì mỗi chi nhánh, văn phòng, giao dịch thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có tối thiểu 03 nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà tổ chức tin dụng làm đại lý.</p> <p>...</p> <p>e) Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý được xây dựng căn cứ trên các Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành trong đó bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu.</p> <p>2. Đối với các tổ chức khác hoạt động đại lý bảo hiểm:</p> <p>a) Tổ chức phải có tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm ;</p>	<p>DNBH phải ban hành tiêu chí này khi nào?</p> <p>Khoản 2.a: Trong trường hợp Chi nhánh thực hiện hoạt động đại lý có cần đáp ứng điều kiện nhân sự tối thiểu không?</p> <p>- Các điều kiện áp dụng đối với đại lý trong điều khoản này áp dụng từ thời điểm ND có hiệu lực hay có thời hạn chuyên tiếp?</p>	
	<p>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 75</p>	<p><u>Daiichi:</u></p> <p>Ở đây có thể hiểu rằng Khoản 1 và Khoản 2 Điều 75 có sự phân biệt giữa tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính và không phải là ngành nghề kinh doanh chính. Tuy nhiên, việc phân biệt vào ngành nghề kinh doanh chính để xác định điều kiện đối với tổ chức kinh doanh đại lý bảo hiểm là không phù hợp. Việc tổ chức phải đáp ứng các điều kiện theo Khoản 1 là phù hợp cho hoạt động đại lý bảo hiểm, không phân biệt ngành nghề và quy mô doanh nghiệp.</p> <p>Tổ chức đăng ký hoạt động đại lý bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh chính và tổ chức khác</p>	<p>Việc phân biệt điều kiện đối với 2 nhóm tổ chức hoạt động đại lý trên cơ sở xác định tinh chất, mức độ, quy mô hoạt động đại lý bảo hiểm, tinh chuyên nghiệp của từng nhóm.</p>
	<p>Khoản 3 Điều 75</p>	<p><u>Daiichi:</u></p> <p>Đề nghị bổ sung quy định “trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong Hợp đồng đại lý bảo hiểm” nhằm</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>trong đó bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu” đối với các đại lý BH Nhân thọ.</p> <p>Cụ thể, điều chỉnh diễn giải tại điểm e khoản 1 Điều 75 như sau:</p> <p>“e) Có chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ cho các nhân viên trong tổ chức đại lý. <u>Đối với đại lý bảo hiểm nhân thọ, chính sách chi trả thưởng, hỗ trợ được xây dựng căn cứ trên các Tiêu chí đánh giá chất lượng khai thác do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành trong đó bao gồm tỷ lệ duy trì hợp đồng tối thiểu.</u>”</p>	
	<p>Điều 75 về Điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm</p>	<p>Báo Minh:</p> <p>Điều kiện hoạt động đại lý đối với tổ chức tại Điều 75 dự thảo là quy định mới. Trong đó, đặt ra nhiều tiêu chuẩn, điều kiện chặt chẽ và không dễ đáp ứng đối với nhiều đại lý tổ chức trên thị trường. Việc áp dụng ngay lập tức quy định này sẽ dẫn tới một lượng lớn đại lý tổ chức không đáp ứng quy định, gây biến động cho thị trường KDBH.</p> <p>Bỏ sung điều khoản chuyển tiếp, cụ thể: Bỏ sung khoản 5 Điều 75 dự thảo như sau:</p> <p>“5. Đối với các tổ chức đang có hoạt động đại lý bảo hiểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng điều kiện quy định tại Điều này và các quy định liên quan tại Luật Kinh doanh bảo hiểm thì có nghĩa vụ điều chỉnh để đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện trong vòng 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến bỏ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>điều lệ là tổ chức:</p> <p>b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</p>		
	<p>Điều 77. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>8. Tài liệu đối với cổ đông cá nhân:</p>	<p>UBGSTC: Khoản 8 Điều 77 (Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm): Đề nghị bổ sung như sau: "Tài liệu đối với cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân..."</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tiêu đề khoản 8 Điều 77 như sau:</p> <p>"8. <u>Tài liệu đối với cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân...</u>"</p>
	<p>Điều 78. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều..... Nghị định này.</p>	<p>PAC:</p> <p>Kiến nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định rõ ràng hơn về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Điều 78 dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ về danh mục hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động của DNMGHB.</p> <p>Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động của DNMGHB thực hiện theo quy định tại Điều 17 dự thảo Nghị định. Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung dẫn chiếu Điều 17</p>
	<p>Điều 78. Hồ sơ, trình tự, thủ tục ghi nhận thông báo về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p>Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều..... Nghị định này.</p>	<p>VPB: Đối với Điều 78 dự thảo Nghị định Tại Điều 77 dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ nội dung về hồ sơ của thủ tục cấp Giấy pháp thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, do đó đề nghị đơn vị chỉnh sửa nội dung và tên Điều 78 từ "Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều này" thành "Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều... Nghị định này".</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa lại Điều 78 như sau:</p> <p>"Điều 78. <i>Hồ sơ, trình tự, thủ tục ghi nhận thông báo về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện</i></p> <p><i>Hồ sơ-trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại các điều 17 Nghị định này.</i></p>
	<p>Điều 82. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động</p>	<p>Bộ GTVT:</p> <p>Điều 82 khoản 1 điểm a: đề nghị rà soát làm rõ</p>	<p>Tiếp thu và trình sửa như sau điểm a khoản 1 Điều 82:</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>1. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p>	
	<p>Điều 85. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc)</p>	<p>Thanh tra Bộ: Tại Điều 26, Điều 85 Dự thảo Nghị định quy định về việc bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Thanh tra Bộ thấy: Các chức danh nêu trên tùy thuộc quy định và loại hình của từng doanh nghiệp bảo hiểm và chức danh nêu trên có thể tương đương nhau. Vì vậy, nên sử dụng dấu gạch chéo, không nên đề trong ngoặc đơn có thể sẽ phù hợp hơn.</p>	<p>Ghi nhận và rà soát thực hiện theo quy định hiện hành.</p>
	<p>Điều 86. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu được quy định tại Điều ... Nghị định này;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với tổng số tiền từ 400 triệu đồng trở lên trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>c) Có Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác;.</p> <p>d) Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều ... Nghị định này;</p>	<p>VPB: Đối với thủ tục mở chi nhánh, Văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (Điều 86). Đề nghị đơn vị bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính và việc Bộ Tài chính chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của doanh nghiệp.</p> <p>Thanh tra Bộ: Tại Điều 87 Dự thảo Nghị định, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm các quy định về trình tự, thủ tục về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm, chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa lại dự thảo theo Công văn gửi Phòng PTTT ngày 15/9, cụ thể:</p> <p><i>“Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</i></p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu được quy định tại Điều 94 Nghị định này;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với tổng số tiền từ 400 triệu đồng</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			<p>theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các hiện diện thương mại khác.</p> <p>c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác theo quy định pháp luật.</p> <p>d) Bảng chứng chứng minh doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>đ) Lý lịch tư pháp theo mẫu do pháp luật quy định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp; bản sao thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, lý lịch, bản sao văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ, kinh nghiệm của người dự kiến được bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện;</p> <p>đ) <u>Mã định danh điện tử cá nhân. Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu do pháp luật quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, sở</u></p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>lệ doanh nghiệp môi giới bảo hiểm về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>c) Bảng chứng về quyền sử dụng địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p> <p>Điều 90. Tiêu chuẩn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều ... Nghị định này. 2. Có văn bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên; 3. Có văn bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm hoặc chứng chỉ bảo hiểm hoặc có chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, trưởng bộ phận nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm tại doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước hoặc nước ngoài; hoặc Giám đốc chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 	<p>Bộ Nội vụ:</p> <p>Nội dung Điều 90 đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đề nghị không quy định lại</p>	<p>Giải trình. Khoản 3 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Khoản 1 Điều 138 Luật KDBH giao Chính phủ quy định: <i>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ</i>.</p> <p>Vì vậy, dự thảo quy định tại Điều 90. Tiêu chuẩn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật là phù hợp.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>4. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tôn thất bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên phù hợp với yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực giám định;</p> <p>b) Có chứng chỉ giám định tôn thất bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm thực hiện giám định theo quy định của Bộ Tài chính do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều... Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện giám định tôn thất bảo hiểm (do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều ... Nghị định này cấp);</p> <p>c) Có ít nhất ba năm công tác trong lĩnh vực giám định.</p> <p>5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên;</p> <p>b) Có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm (do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) hoặc chứng chỉ bảo hiểm (do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện hỗ trợ giải quyết bồi thường.</p>		
	<p>Khoản 1 Điều 96</p> <p>Điều 96. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</p> <p>1. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo</p>	<p>Bảo Việt: Đề nghị xem xét bổ sung quy định sau: Điều 96. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</p> <p>1. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành</p>	<p>Giải trình. Đối với bằng tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế có môn học về bảo hiểm, thì tùy thuộc từng trường sẽ có thời gian và chương trình đào tạo khác nhau, nên sẽ có sự không thống nhất về nội dung kiến thức đào tạo về bảo hiểm. Đồng thời, quy định này cũng không bó hẹp do dự thảo Nghị định quy định việc có thể sử dụng</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>b) Có chứng chỉ giám định tôn thất bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm thực hiện giám định theo quy định của Bộ Tài chính do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều... Nghị định này cấp hoặc chứng chỉ bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện giám định tôn thất bảo hiểm (do cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) ;</p> <p>c) Có ít nhất ba năm công tác trong lĩnh vực giám định.</p>	<p>yếu cầu số năm kinh nghiệm sẽ rất khó cho các công ty giám định dẫn đến sẽ khó cho các công ty bảo hiểm khi phải đảm bảo điều kiện này mới được chỉ định giám định.</p> <p>Đề nghị bỏ tiêu chuẩn này.</p>	<p>Vì vậy, dự thảo quy định thông nhất với Luật Thương mại.</p>
	<p>- Khoản 5 Điều 96</p> <p>5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên;</p> <p>b) Có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm (do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) hoặc chứng chỉ ngoại quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) <u>trương</u> <u>bồi</u> <u>thường</u>.</p>	<p>MIC:</p> <p>Khoản 5 Điều 96</p> <p>Từng loại hình sẽ có từng loại chứng chỉ à?</p> <p>Bảo Việt: Các cá nhân đã tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm được đào tạo về công tác giải quyết bồi thường bảo hiểm. Theo quan điểm của BHBV, các cá nhân này cũng đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về văn bằng chứng chỉ để thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Do vậy, BHBV đề nghị điều chỉnh theo hướng như trên.</p> <p>5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm; hoặc</p> <p>b) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên về chuyên ngành khác; và có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm (do cơ sở đào tạo trong nước quy định tại Điều ... Nghị định này cấp) hoặc chứng chỉ bảo hiểm (do cơ sở đào tạo nước ngoài quy</p>	<p>Giải trình. Thông tư của Bộ Tài chính quy định chứng chỉ bảo hiểm phân loại theo các loại hình bảo hiểm là: chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ, chứng chỉ bảo hiểm phi nhân thọ, chứng chỉ bảo hiểm sức khỏe.</p> <p>Giải trình. Theo chương trình đào tạo chuyên ngành bảo hiểm tại các trường đại học hiện nay thì không có nội dung chuyên sâu về giải quyết bồi thường.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>sau:</p> <p>a) Cơ sở đảo tạo thuộc hoặc trực thuộc cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm; hoặc cơ sở đảo tạo do cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm ủy quyền thực hiện đảo tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực bảo hiểm;</p> <p>b) Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS); Học viện nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm ASEAN (AITRI);</p> <p>c) Các tổ chức đảo tạo thuộc các quốc gia có thỏa thuận thừa nhận chứng chỉ bảo hiểm lẫn nhau với Việt Nam;</p> <p>d) Các cơ sở đảo tạo thuộc các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tái bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>đ) Các tổ chức đảo tạo quốc tế khác: Viện Bảo hiểm và Tài chính Úc và New Zealand (ANZIF), Viện Bảo hiểm Hoàng gia Anh (CII), Viện Đào tạo bảo hiểm Canada (IIC), Viện Quản trị rủi ro Anh (IRM), Viện Quản trị rủi ro Úc (RMIA), Viện Giám định Hoàng gia Anh (CILA), Viện Giám định Hoàng gia Úc (AICLA), Học viện Hàng hải Lloyd, Hiệp hội Cơ quan quản trị bảo hiểm nhân thọ (Life Office Management Association - LOMA), Hiệp hội Nghiên cứu và Tiếp thị Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance Marketing and Research Association - LIMRA).</p>	<p>Khoản 1 Điều 97 đề nghị biên tập lại theo hướng quy định rõ tên các cơ sở đảo tạo trong nước được phép đảo tạo và cấp các loại chứng chỉ về bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm. (Bộ Nội vụ)</p> <p>- Diễm d, đ Khoản 2 Điều 97: Nội dung này có được hiểu là cơ sở đảo tạo trực thuộc tập đoàn cung cấp chứng chỉ cho nhân viên của các công ty thành viên cũng được chấp thuận không? (MSIG)</p> <p>- Thực tế không thể liệt kê hết các tổ chức đảo tạo BH mà chính các nước khác đang đảo tạo và được họ công nhận, ví dụ Học viện BII Malaysia.etc. Theo đó, ngoài các tổ chức đảo tạo quốc tế đã nêu, nên chăng đề mở cho các cơ sở đảo tạo được công nhận tại các nước như ASEAN, Japan, Korea...etc. Đề nghị bổ sung thêm hoặc đề mở điều này. (MSIG)</p> <p>- Các nước khác nhau thường có quy định khác nhau về cơ sở đảo tạo bảo hiểm, có thể chỉ là cơ sở đảo tạo bảo hiểm được nhà nước cấp phép, chứ không nhất thiết phải trực thuộc hay được ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước. Đề nghị sửa điểm a khoản 2 theo hướng rộng hơn: "Cơ sở đảo tạo được phép thực hiện đảo tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực bảo hiểm theo quy định pháp luật của nước sở tại". (UIC)</p>	<p>Giải trình. Giữ nguyên như dự thảo do: Các cơ sở đảo tạo trong nước được phép đảo tạo và cấp các loại chứng chỉ bảo hiểm có số lượng rất nhiều và có thể thay đổi theo thời gian (do có cơ sở mới thành lập, cơ sở giải thể...), do đó, việc quy định tên cụ thể của cơ sở là không phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sẽ tổ chức thi các loại chứng chỉ.</p> <p>- Giải trình. Cơ sở đảo tạo trực thuộc tập đoàn cung cấp chứng chỉ cho nhân viên của các công ty thành viên được chấp thuận.</p> <p>- Giữ nguyên như dự thảo do chỉ một số cơ sở đủ tiêu chuẩn, có nội dung chứng chỉ đảo tạo tương ứng với các yêu cầu chứng chỉ đảo tạo của Việt Nam mới được chấp nhận. Các cơ sở quy định tại dự thảo là các cơ sở được thừa nhận và sử dụng rộng rãi. Bên cạnh đó khuyến khích việc đảo tạo tại các cơ sở ở Việt Nam là cần thiết để chuẩn hóa kiến thức theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.</p>
			<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>2. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định quy định cho phép DNBH Việt Nam cung cấp bảo hiểm qua biên giới cho khách hàng ở nước ngoài. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định (Bảo Việt).</p>	<p>2. Việc DNBH cung cấp bảo hiểm qua biên giới cho khách hàng ở nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KDBH.</p>
	<p>Điều 98. Đối tượng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm môi giới bảo hiểm qua biên giới</p>	<p>1. Về tên gọi đề nghị sửa lại thành "đối tượng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới" để bao quát hết các loại hình dịch vụ bảo hiểm được cung cấp qua biên giới (Vụ HITQT).</p> <p>2. Đề nghị sửa lỗi chính tả: "Điều 98. Đối tượng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm <u>Q</u> môi giới bảo hiểm qua biên giới"(UIC).</p>	<p>Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa lại như sau:</p> <p>Điều 98. Đối tượng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới</p>
	<p>Khoản 1 Điều 98</p> <p>1. Đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới (sau đây gọi là cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới) là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài có trụ sở chính tại quốc gia mà Việt Nam và quốc gia đó đã ký kết các điều ước quốc tế về thương mại trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.</p> <p>...</p>	<p>Đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>1. Đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới (sau đây gọi là cung cấp dịch vụ bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài có trụ sở chính tại quốc gia, <u>vùng lãnh thổ</u> mà Việt Nam và quốc gia, <u>vùng lãnh thổ</u> đó đã ký kết các điều ước quốc tế về thương mại trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.</p> <p>Lý do: Hiện nay và có thể trong tương lai, Việt Nam không chỉ ký kết các điều ước quốc tế với các quốc gia mà còn ký kết với các vùng lãnh thổ như Đài Loan (Công ty Fubon).</p>	<p>Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa lại như sau:</p> <p>"1. <u>Đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới (sau đây gọi là cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới) là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài có trụ sở chính tại quốc gia, <u>vùng lãnh thổ</u> mà Việt Nam và quốc gia, <u>vùng lãnh thổ</u> đó đã ký kết các điều ước quốc tế về thương mại trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam</u>".</p> <p>Căn cứ: Công văn số 0622/BTM-PC ngày 26/01/2007 của Bộ Thương mại thông báo danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thỏa thuận tới huệ quốc và ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với Việt Nam.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>thành lập theo quy định pháp luật của nước ngoài hay bao gồm cả tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam và nước ngoài? Kiến nghị Ban soạn thảo điều chỉnh nội dung quy định rõ ràng hơn (PAC).</p> <p>3. Thực tế nhiều công dân VN đi du lịch và công tác tại nước ngoài, có thể phát sinh sử dụng dịch vụ y tế (hoặc dịch vụ liên quan khác) tại nước ngoài, số tiền chi trả lớn, công ty bảo hiểm không có mối quan hệ trực tiếp với các đơn vị cung cấp dịch vụ đó (ví dụ: bệnh viện) để tiến hành bảo lãnh thanh toán. Để khắc phục và tạo thuận tiện cho khách hàng (đặc biệt là khi số tiền lớn nằm ngoài khả năng có thể thanh toán của khách hàng khi đang ở nước ngoài), các công ty bảo hiểm cần hợp tác với các đối tác nước ngoài (VD: công ty cứu trợ quốc tế) để uỷ quyền cho đối tác này bảo lãnh thanh toán cho khách hàng.</p> <p>Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới, đồng thời sửa khoản 2 Điều 98 như sau:</p> <p>“2. Đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm cung cấp qua biên giới là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. <u>Không giới hạn đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</u>” (Bảo Việt).</p>	<p>3. Dự thảo chỉ quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, không giới hạn đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.</p> <p>3. Dự thảo chỉ quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, không giới hạn đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.</p>	<p>3. Dự thảo chỉ quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, không giới hạn đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.</p> <p>3. Dự thảo chỉ quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, không giới hạn đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.</p>
<p>Khoản 3 Điều 98</p> <p>3. Các dịch vụ tái bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải quốc tế, bảo hiểm hàng không quốc tế, môi giới tái bảo hiểm quốc tế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và thông lệ tốt nhất.</p>	<p>1. Hiện nay không có khái niệm chính thức thế nào là “thông lệ tốt nhất”, và cũng không có cơ quan nào xác định và công nhận “thông lệ tốt nhất”. Đề nghị xem xét chi dùng từ “thông lệ quốc tế” (UIC).</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>1. Khái niệm “thông lệ tốt nhất” (best practice) đã được sử dụng từ Luật KDBH sửa đổi năm 2010 và không có vướng mắc gì.</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>1. Khái niệm “thông lệ tốt nhất” (best practice) đã được sử dụng từ Luật KDBH sửa đổi năm 2010 và không có vướng mắc gì.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;</p> <p>c) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên kế trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.</p> <p>3. Các điều kiện về khả năng xử lý tổn thất:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài phải ký quỹ tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam tại ngân hàng thanh toán của ngân hàng đó cam kết thanh toán trong trường hợp trách nhiệm của các hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua biên giới tại Việt Nam vượt quá mức ký quỹ bắt buộc. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài mất khả năng thanh toán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Tiền ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được rút toàn bộ tiền ký quỹ khi chấm dứt trách nhiệm đối với các hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài phải có quy trình giải quyết bồi thường trong đó nêu rõ thủ tục, trình tự xử lý tổn thất và thời hạn trả tiền bồi thường cho bên mua bảo hiểm tại Việt Nam. Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài hoặc đại diện được ủy quyền phải có mặt tại nơi xảy ra tổn thất trong thời hạn bốn mươi tám giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo tổn thất. Thời hạn giải quyết bồi thường tối đa theo quy định</p>		

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải môi giới cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.</p>	<p>bảo hiểm cho các rủi ro liên quan tới: (1) Vận tải biển quốc tế và vận tải hàng không thương mại quốc tế, với phạm vi bảo hiểm bao gồm bất kỳ hoặc toàn bộ các khoản mục sau: hàng hóa vận chuyển, phương tiện vận chuyển hàng hóa và bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ đó; và (2) Hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế; Dịch vụ môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm; Dịch vụ tư vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường. Tại cột Đối xử quốc gia, Việt Nam cam kết đối với phương thức 1 như sau:</p> <p>Không hạn chế.</p> <p>Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì trong quá trình soạn thảo, xem xét, cân nhắc các quy định tại dự thảo trên cơ sở các nội dung mà Việt Nam đã cam kết để đảm bảo các điều kiện đạt ra không tạo thành hạn chế trong thực tế triển khai trong khi vẫn đảm bảo các mục tiêu quản lý chung (Bộ Công Thương).</p> <p>2. Đây là nội dung quy định về phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ của Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam. Tuy nhiên, khoản 2 hiện đang nêu Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam có thể được hiểu là mở rộng phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Đề nghị Cục QLGSBH cân nhắc điều chỉnh “cung cấp dịch vụ bảo hiểm” thành “cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm” (Vụ IIIQT).</p>	<p>2. Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo do:</p> <p>Cụm từ “dịch vụ bảo hiểm” đã bao gồm hoạt động “môi giới bảo hiểm” (quy định tại Điều 98). Mặt khác, đây là quy định kế thừa tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP và không có vướng mắc gì trong quá trình thực hiện cho đến nay.</p>
<p>Khoản 3 Điều 101</p> <p>Cá nhân, tổ chức nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo</p>	<p>Trong một số hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, Việt Nam đã cam kết không hạn chế cung cấp qua biên giới đối với dịch vụ hỗ trợ bảo hiểm như dịch vụ tư vấn, tính phí, đánh giá rủi</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>Quy định này nhằm áp dụng và duy trì các biện pháp vi lý do an toàn, thận</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Điều 104. Cơ chế phối hợp về quản lý, giám sát chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>4. Việc ký kết, tham gia thỏa thuận quốc tế về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài có thể thực hiện song phương, nhiều bên hoặc đa phương theo các khuôn khổ hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế của Hiệp hội các cơ quan quản lý bảo hiểm Thỏa thuận quốc tế.</p>	<p>Bộ ngoại giao:</p> <p>Đề nghị cân nhắc sửa như sau: “<i>Việc ký kết thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài...</i>”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, điều chỉnh như sau:</p> <p>4. <u>Việc ký kết thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài</u> <u>Việc ký kết, tham gia thỏa thuận quốc tế về hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài</u> có thể thực hiện song phương, nhiều bên hoặc đa phương theo các khuôn khổ hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế của Hiệp hội các cơ quan quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS), bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế.</p>
	Chương VI - QUỸ BẢO VỆ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM		
	QUỸ BẢO VỆ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	<p>Thanh tra Chính phủ: Chương VI quy định về Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm nên đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm phù hợp với việc quy định trích nộp Quỹ từ 01/01/2023 theo Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>- Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>Không có căn cứ pháp lý để bổ sung quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm do Luật Kinh doanh bảo hiểm chi giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ (<i>điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022</i>).</p>
	<p>Điều 106. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p>	<p>Bộ Tư pháp: Theo quy định hiện hành, các DNBH có nghĩa vụ trích nộp vào Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, kể</p>	<p>Giải trình. Hiện nay, tổng số tiền nợ quỹ của các doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (gọi tắt là</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			<p>thảo đã bổ sung quy định về xử lý số tiền nộp chậm theo hướng tính lãi bằng 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm DNBH nộp Quỹ tính trên số tiền chậm nộp, sau 1 năm, nếu DNBH vẫn chưa hoàn thành việc nộp Quỹ thì Bộ Tài chính sẽ yêu cầu tổ chức tín dụng nơi DNBH nêu trên đang mở tài khoản thực hiện phong tỏa tài khoản để truy thu số tiền nợ Quỹ và số tiền lãi do chậm nộp và quy định này phù hợp với khoản 3 Điều 10 Luật TCTD năm 2010: <u>TCTD có trách nhiệm từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</u></p>
	<p>Điều 106. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p> <p>1. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm do Bộ Tài chính quản lý, quyết định sử dụng đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng mục đích.</p> <p>2. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được quản lý và sử dụng riêng theo từng loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.</p>	<p>Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam: Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được thành lập để bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán. Nguồn để lập Quỹ được trích lập theo tỷ lệ phần trăm trên phí bảo hiểm áp dụng đối với tất cả hợp đồng bảo hiểm nên Quỹ sẽ có lượng tiền bổ sung lớn và cần thiết ngoài việc Bộ Tài chính quản lý, cần có đơn vị Kiểm toán Nhà nước tham gia công việc giám sát định kỳ hàng năm. Vì vậy, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam có đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm vào quy định này là có sự tham gia giám sát việc quản lý quỹ của Kiểm toán Nhà nước.</p>	<p>- Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau:</p> <p>+ Nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán đối với các Quỹ có nguồn thu từ ngân sách nhà nước. Nguồn thu của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm, không phải có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.</p> <p>+ Hiện nay, Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được quản lý giám sát bởi Hội đồng Quản lý Quỹ gồm: Lãnh đạo Cục QLBH, Lãnh đạo Vụ PC và Lãnh đạo Hiệp hội Bảo hiểm và thực hiện bởi Ban điều hành Quỹ là các cán bộ của Cục QLBH. Hàng năm, Quỹ đều</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>đáp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng.</p> <p>...</p> <p>Điều 107. Nội dung chi của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p> <p>1. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được chi cho các nội dung sau:</p> <p>...</p> <p>b) Bổ đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyên giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.</p>		
	<p>Điều 108. Hạn mức chi trả của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p> <p>....</p> <p>2. Đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe:</p> <p>a) Quỹ chi trả tối đa 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.</p>	<p>ABIC đề xuất sửa lại “<i>Quỹ chi trả 90% số tiền bảo hiểm...</i>” do việc sử dụng thuật ngữ “<i>Số tiền bảo hiểm</i>” phù hợp với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe.</p>	<p>- Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu một phần theo hướng sửa dự thảo Nghị định nhằm quy định phù hợp với đặc thù của từng loại hợp đồng bảo hiểm.</p>
	<p>Chương VIII – Điều khoản thi hành</p>		
	<p>Điều 110. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</p> <p>2. Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Chương III Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2018 của Chính</p>	<p>Bộ VHTTDL: Đề nghị cân nhắc bãi bỏ hiệu lực đối với Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và Nghị định số 48/2018/NĐ-CP của Chính phủ do cần thực hiện xây dựng Nghị định xử phạt mới.</p>	<p>Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Nghị định này thay thế Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, Chương III Nghị định số 151/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 80/2019/NĐP-CP chứ không thay thế Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và Nghị định số 48/2018/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>bảo các quy định này.</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung sau:</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ Điều 30, 31, 33 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.</p>	
	<p>3. Trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Cơ sở dữ liệu được xây dựng và vận hành.</p>	<p>1. Câu này chưa rõ nghĩa, "Cơ sở dữ liệu" nào? (Công ty UIC).</p> <p>2. Đề nghị cân nhắc quy định rõ "Cơ sở dữ liệu được xây dựng và vận hành" ở đây là cơ sở dữ liệu nào? (Bộ TTTT).</p> <p>3. Hiện nay, Chính phủ đang đẩy mạnh việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, do đó việc cung cấp, chia sẻ, minh bạch thông tin về bảo hiểm; việc xây dựng và vận hành CSDL phải cần thiết thực hiện sớm, đề nghị nghiên cứu sửa đổi thời hạn bắt đầu thực hiện cung cấp thông tin kể từ ngày 01/01/2028 tại mục c khoản 3 Điều 8 và nội dung: "Trong thời gian 5 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. CSDL được xây dựng và vận hành." quy định tại khoản 3 Điều 110 theo hướng dẫn nhanh tiến độ thực hiện (Bộ Xây dựng).</p>	<p>1&2. Tiếp thu: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ quy định CSDL được xây dựng và vận hành trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.</p> <p>3. Giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo cụ thể như sau: Đối với mục c khoản 3 Điều 8, cơ quan quản lý và các doanh nghiệp cần thời gian chuẩn bị về nhân sự, hệ thống... để cung cấp các thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm,... vì vậy cần thời gian chuyển tiếp để thực hiện.</p>
	<p>4. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm đã triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm bảo hiểm hưu trí có trách nhiệm rà soát, thực hiện đầy đủ quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và hướng dẫn tại Nghị định này ngoại trừ quy định có liên quan tới quyền lợi bảo hiểm và các khoản phí tính cho khách hàng. Các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí được phê chuẩn trước thời điểm 01/01/2023 chưa đáp ứng quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và hướng dẫn tại Nghị định này được tiếp tục triển khai đến hết</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất làm rõ nội dung điều khoản này cần được hiểu theo cách nào sau đây:</p> <p>Cách 1: Các sản phẩm thuộc nghiệp vụ liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí được phê chuẩn trước 01/01/2023 chưa đáp ứng quy định tại Luật KDBH và Nghị định này được tiếp tục triển khai đến hết 31/12/2024 tức là trước thời điểm 31/12/2024 không cần sửa bất kỳ điểm nào bao gồm quyền lợi, phí và tất cả các nội dung khác liên quan đến sản phẩm.</p> <p>Cách 2: Các sản phẩm thuộc nghiệp vụ liên kết</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Prudential:</p> <p>Phát triển các sản phẩm mới rất phức tạp và mất nhiều thời gian. Điều này bao gồm thời gian để đào tạo cho lực lượng đại lý, và các yêu cầu khác được quy định tại Nghị định này và Thông tư liên quan. Khoảng thời gian 6 tháng là không đủ để thực hiện một quá trình chuyển đổi được diễn ra suôn sẻ với tất cả các yêu cầu được đáp ứng đầy đủ. Chúng tôi đề nghị một khoảng thời gian dài hơn để đảm bảo không làm gián đoạn phục vụ khách hàng.</p> <p>Sửa đổi Điều khoản cho một mốc thời gian hiệu lực duy nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.</p> <p>SunLife: Đề nghị làm rõ nội dung quy định tại Khoản 4.</p> <p>Chúng tôi đọc hiểu như sau: Các sp thuộc nghiệp vụ hưu trí, liên kết đầu tư được áp dụng như nội dung đã được phê duyệt cho đến ngày 30/6/2023. Sau ngày này, ngoài nội dung liên quan đến quyền lợi bảo hiểm và phí tính cho khách hàng, việc phân phối các sp ngày phải đáp ứng quy định của Luật, ND mới (có bao gồm Biên khả năng thanh toán 200% hay ko?). Các sp này sẽ ko được tiếp tục kinh doanh sau ngày 31/12/2024.</p> <p>Tuy nhiên, chúng tôi đề xuất thời gian chuyển tiếp 2 năm (đến ngày 31/12/2024) cho phép được tiếp tục triển khai các sản phẩm được phê duyệt trước ngày có hiệu lực của Luật mới mà không phân ra mốc thời gian 6 tháng. Lý do: DNBH cần thời gian để điều chỉnh hệ thống, sửa đổi quy trình, thống nhất các nội dung phối hợp với các bên có liên quan (đại lý, đối tác, kênh phân phối, kênh thanh toán...) hoặc xây dựng sản phẩm bảo hiểm</p>	

STT	Nội dung	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>tất cả những nội dung thay đổi khác của luật KDBH.</p> <p>Hanwha: Đề xuất áp dụng thời gian chuyển tiếp 02 năm cho tất cả sản phẩm thuộc tất cả nghiệp vụ bảo hiểm, không phân biệt sản phẩm truyền thống hay sản phẩm liên kết đầu tư cũng như không phân biệt thời gian áp dụng cho từng nội dung trong quy tắc, điều khoản sản phẩm để các doanh nghiệp bảo hiểm có đủ thời gian điều chỉnh hệ thống, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 (“LKDBH”) và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>Manulife: Công ty đề xuất nhằm tránh gây hoang mang/khó hiểu cho khách hàng khi cùng một sản phẩm nhưng lại có những thông tin được hiển thị khác nhau, hoặc có hai bộ quy tắc điều khoản khác nhau.</p> <p>Đề xuất là tất cả các sản phẩm được phê duyệt trước 1/1/2023 có thể bán đến hết năm 2024 mà không cần thay đổi bất kỳ nội dung gì (điều khoản và điều kiện, giá trị quỹ tối thiểu, bảng minh họa bán hàng, tài liệu giới thiệu sản phẩm....).</p> <p>Daiichi:</p> <p>Nghị định này đã có Phụ lục hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí và phụ lục triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư.</p> <p>Do đó, cần quy định rõ Các văn bản hướng dẫn sản phẩm hết hiệu lực.</p> <p>Nghị định này có bãi bỏ các văn bản sau hay không?</p> <p>- Thông tư 115/2013/TT-BTC Hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>thời điểm 01/01/2023 chưa đáp ứng Luật KDBH và hướng dẫn tại Nghị định này được triển khai đến hết ngày 31/12/2024” có ý nghĩa gì? Có mâu thuẫn với quy định ngay liền trước trong Khoản 4 Điều 110 này không?</p> <p>Datiichi:</p> <p>(ii) Khoản 4 Điều 110 Dự thảo Nghị định lại quy định yêu cầu phải rà soát các nội dung với các sản phẩm liên kết đầu tư và hưu trí đã triển khai đảm bảo thực hiện đầy đủ quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 và Nghị định này (trừ quyền lợi sản phẩm và các khoản tinh phí cho khách hàng), trong vòng 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí <u>được phê duyệt trước 1/1/ 2023 chưa đáp ứng quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và hướng dẫn tại Nghị định này được tiếp tục triển khai đến hết ngày 31/12/2024</u> ". Như vậy điều khoản này chưa được rõ ràng giữa nội dung trước và sau: sản phẩm không đáp ứng quy định của Luật KDBH và Nghị định sẽ được tiếp tục triển khai trong 6 tháng hay đến 31/12/2024?</p>	
	<p>5. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai và tham gia các sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội trong thời kỳ tới.</p>	<p>Bộ GTVT: Đề nghị xem xét lại quy định này vì Điều 88 Luật KDBH giao Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện cho các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các sản phẩm bảo hiểm vì mục tiêu an sinh, xã hội phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện kinh tế trong từng thời kỳ.</p> <p>Bộ TNMT: Dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể về việc triển khai và tham gia các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các sản phẩm bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội</p>	<p>Giải trình. Luật KDBH quy định Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai và tham gia các sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Hiện nay, chính sách bảo hiểm nông nghiệp đã được quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các Quyết định</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>tin.</p> <p>Đề đảm bảo DNBH có thể cung cấp được thông tin phục vụ công tác quản lý giám sát và tránh việc DNBH không tuân thủ do không có khả năng cung cấp, đề nghị rà soát quy định theo hướng phân loại thành: (1) Thông tin cung cấp; (2) Thông tin có thể cung cấp (nếu có).</p> <p>BHIBV xin báo cáo tình trạng cung cấp dữ liệu như sau:</p> <p>Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về Bên mua bảo hiểm: chưa có nội dung phù hợp với Bên mua bảo hiểm là Tổ chức. - Thông tin về Đối tượng thụ hưởng bảo hiểm: nên có thêm "Mối quan hệ với Người được bảo hiểm". a. Thông tin về bên mua bảo hiểm: <p>Các thông tin DNBH có thể cung cấp được:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Với KH cá nhân: Họ tên, Ngày tháng năm sinh (nếu có), thông tin về HDBH. 2. Với KH tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ, mã số thuế (nếu có), thông tin về HDBH. <p>Các thông tin như mã số định danh/CCCD/CMND, giới tính hiện tại BHBV không thể thu thập được (đặc biệt là với đơn khách hàng tổ chức).</p> <p>Thông tin về người được bảo hiểm: Các thông tin như giới tính, mã số định danh/CCCD/CMND, nghề nghiệp, ngày yêu cầu không thể thu thập được/hoặc không đầy đủ do có nhiều sản phẩm thủ công, DNBH không thể thu thập được hết thông tin</p> <p>a. Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin mua bảo hiểm: Bên được bảo hiểm 	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>Phạm vi báo hiêm"</p> <p>e. Bảo hiêm trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin mua bảo hiêm: Bên được bảo hiêm cần thiết bổ sung hơn bên mua bảo hiêm. - Thông tin về loại hình trách nhiệm được bảo hiêm: đã có thông tin trong mục "Loại trách nhiệm được bảo hiêm". - Số tiền báo hiêm: Sử dụng khái niệm Hạn mức trách nhiệm. - Phạm vi bảo hiêm: đã có thông tin trong mục "Loại trách nhiệm được bảo hiêm". - Thời điểm tôn thất, thời điểm bồi thường: Chi cung cấp được thông tin theo năm. - Nguyên nhân bồi thường: Chi cung cấp được thông tin cơ bản, chưa cung cấp được thông tin chi tiết. - Giá trị tôn thất: Không cung cấp được, chi cung cấp được thông tin số tiền bồi thường. <p>Đề xuất sửa:</p> <p>"e. Bảo hiêm trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại trách nhiệm được bảo hiêm (trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm sản phẩm, trách nhiệm công cộng...) - Thông tin bên mua được bảo hiêm - Thông tin về loại hình trách nhiệm được bảo hiêm - Phạm vi địa lý được bảo hiêm - Số tiền báo hiêm Hạn mức trách nhiệm - Phạm vi báo hiêm - Thời hạn bảo hiêm". <p>g. Bảo hiêm tín dụng và rủi ro tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại hình bảo hiêm: Sản phẩm bảo lãnh nằm ở mục bên dưới, bổ sung các sản phẩm đặc thù khác 	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>cung cấp được thông tin theo năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân bồi thường: Chi cung cấp được thông tin cơ bản, chưa cung cấp được thông tin chi tiết. - Giá trị tồn thất: Không cung cấp được, chi cung cấp được thông tin số tiền bồi thường. <p>Đề xuất sửa:</p> <p>"h. Bảo hiểm nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại hình bảo hiểm (Bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản...) - Thông tin bên mua bảo hiểm - Mô tả: loại cây trồng/vật nuôi; Thời; Nguyên gốc; Đặc điểm nhận dạng - Giá trị bảo hiểm - Số tiền bảo hiểm - Địa điểm bảo hiểm - Phạm vi bảo hiểm - Thời hạn bảo hiểm" <p>h. Bảo hiểm bảo lãnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại hình bảo hiểm: bổ sung một số sản phẩm đã có trên thị trường. - Hợp đồng cơ sở: thông tin này không đầy đủ theo từng hợp đồng bảo hiểm, và tùy theo DNBIH sẽ có những thông tin không cần thu thập. - Số tiền bảo hiểm: bổ sung khái niệm Hạn mức bảo lãnh. - Phạm vi bảo hiểm: đã có thông tin trong mục "Loại hình bảo hiểm". - Thời điểm yêu cầu bồi thường, thời điểm bồi thường: Chi cung cấp được thông tin theo năm. - Nguyên nhân bồi thường: Chi cung cấp được thông tin cơ bản, chưa cung cấp được thông tin chi tiết. 	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức vận chuyển: đường bộ, đường thủy, đường không, đa phương thức - Thông tin bên được mua bảo hiểm - Thông tin hàng hóa vận chuyển - Loại Tên hàng hóa, mã hiệu - Phương thức đóng gói - Số container (nếu có), số seal - Trọng lượng, số lượng (nếu có) - Hãng xá hay khác - Hãng đóng container nguyên/container chung ^{chung} - Hóa đơn thương mại/số phiếu giao hàng/Hợp đồng mua bán/LC (nếu có) - Số tiền bảo hiểm - Giá trị bảo hiểm - Thời hạn bảo hiểm - Hành trình vận chuyển (Tên phương tiện vận chuyển (nếu có), số vận đơn (nếu có), ngày khởi hành, ngày đến (nếu có), cảng xếp hàng, cảng dỡ hàng, chuyển tải) - Phạm vi bảo hiểm - Thời điểm tổn thất, giá trị tổn thất, nguyên nhân tổn thất - Giải quyết bồi thường: + Từ chối bồi thường: + Giải quyết bồi thường: số tiền bồi thường, thời điểm bồi thường" <p>d. Bảo hiểm tàu</p> <p>Đề xuất sửa:</p> <p>"d. Bảo hiểm tàu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại tàu: tàu biển, tàu thủy nội địa sông, tàu cá - Thông tin bên mua được bảo hiểm - Thông tin về tàu - Tên tàu 	

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>nằm sản xuất, giá trị xe do phi bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe cơ giới không tính trên các yếu tố này nên không thu thấp.</p>	
	<p>Nội dung khác</p>	<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính theo mẫu số 01/ĐGTD-BC ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP đề cơ quan có thẩm quyền năm được tổng quan, số lượng, tên thủ tục hành chính dự kiến sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Đề nghị quy định đầy đủ các bộ phận cấu thành của Thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định này mà không giao tiếp Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Đề nghị rà soát một số tài liệu trong các thủ tục hành chính của dự thảo NEĐ do cơ quan nhà nước cấp, nhiều nội dung của thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định có tính liên thông nhưng chưa được rà soát, xác định rõ các thủ tục hành chính có tính liên thông để giảm thiểu các loại hồ sơ, tài liệu giấy tờ.</p> <p>- Đối với mỗi thủ tục hành chính, cần quy định rõ cách thức thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Đối với cách thức nộp trực tuyến, đề nghị bổ sung quy định về hình thức hồ sơ điện tử để phù hợp với quy định pháp luật hiện</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính của Nghị định.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã quy định các thủ tục hành chính trên dự thảo Nghị định.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung quy định: “Khi các loại giấy tờ về pháp lý, nhận dạng, cư trú của công dân thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân thì Bộ Tài chính có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước”.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung quy định: “Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; nộp trực tiếp</p>

STT	Nội dung	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>VPB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát 26 thủ tục hành chính tại Nghị định với phương thức thực hiện, đánh giá tác động thủ tục hành chính. - Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính, có quy định “văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính” là hình thức Quyết định hay công văn, đề nghị quy định rõ. - Đề nghị rà soát các báo cáo đảm bảo quy định Nghị định 09/2019/ND-CP - Đề nghị thực hiện thủ tục trình Bộ ra Quyết định công bố Thủ tục hành chính ngay khi Nghị định ban hành. <p>Bộ GTVT, VPB: Các văn bản như mẫu đăng ký, đề nghị, v.v...thuộc hồ sơ đã do Nghị định quy định thì không được giao tiếp cho Bộ Tài chính quy định</p>	<p>Tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự thảo</p>
		<p>KBNN: tại khoản 5 Điều 8 Luật DNBH quy định “chính phủ quy định chi tiết về điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với bảo hiểm bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều này”. tuy nhiên dự thảo chưa quy định chi tiết điều này</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên dự thảo. Đã có dự thảo Nghị định riêng về bảo hiểm bắt buộc</p>
		<p>Bộ Nội vụ: Tại một số điều, khoản, điểm của dự thảo Nghị định quy định “hoặc các tài liệu tương đương” là chưa rõ (ví dụ: điểm a khoản 6 Điều 13; điểm a khoản 7 Điều 14; điểm a khoản 2 Điều 15,...). Vì vậy, đề nghị rà soát quy định cụ thể, tránh cách hiểu không thống nhất, bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ nguyên quy định. Việc quy định tài liệu tương đương do các tài liệu này không đồng nhất và tùy từng trường hợp mà có các tài liệu khác nhau.</p>
		<p>Bộ Quốc Phòng: Đề nghị sửa căn cứ của các phụ lục để cập nhật</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN PHỤ LỤC TRIỂN KHAI BẢO HIỂM HƯ TRÍ

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến của doanh nghiệp	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	Phụ lục Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	Bảo Việt: Đề xuất chuyển sang thông tư hướng dẫn để khi cần sửa đổi, bổ sung thì chỉ sửa đổi bổ sung thông tư, không ảnh hưởng đến Nghị định.	Giải trình: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật kinh doanh bảo hiểm đã quy định Chính phủ quy định chi tiết các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ. Do vậy, việc hướng dẫn nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí được Chính phủ hướng dẫn và không chuyển xuống quy định tại Thông tư.
Mục Phụ lục Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	Trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, người được bảo hiểm bắt đầu nhận quyền lợi bảo hiểm hưu trí khi đạt đến tuổi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, nhưng không dưới 55 (năm mươi lăm) tuổi đối với nữ và 60 (sáu mươi) tuổi đối với nam, trường hợp pháp luật có quy định khác về độ tuổi nghỉ hưu thì thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật đó về độ tuổi nghỉ hưu.	<p>Dalichi: Thống nhất sản phẩm bảo hiểm hưu trí hay sản phẩm hưu trí tự nguyện.</p> <p>Bảo Việt: Đề xuất cập nhật theo tuổi nghỉ hưu mới, độ tuổi 55/60 đã thay đổi nên không cần đề cập vào nghị định để tránh gây khó hiểu</p> <p>Đề xuất sửa đổi cho phù hợp với quy định về tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật hiện hành</p> <p>MIC: Tại Điều 169 Bộ luật Lao động 2019 quy định về tuổi nghỉ hưu của nam và nữ: <i>“2. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035”</i></p> <p>→ Đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp với BLLĐ</p>	Tiếp thu và sửa đổi thống nhất tại dự thảo Tiếp thu Sửa tại dự thảo như sau: Trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, người được bảo hiểm bắt đầu nhận quyền lợi bảo hiểm hưu trí khi đạt đến tuổi theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, nhưng không dưới 55 (năm mươi lăm) tuổi đối với nữ và 60 (sáu mươi) tuổi đối với nam, trường hợp pháp luật có quy định khác về độ tuổi nghỉ hưu thì thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật đó về độ tuổi nghỉ hưu
Điều khoản	a) Ngoài quyền lợi bảo hiểm cơ bản, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, doanh	Bộ Y tế	Giải trình: Việc chi trả quyền lợi bảo hiểm

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến của doanh nghiệp	Ý kiến tiếp thu giải trình
Mục Phân Phụ Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thoả thuận về mức hưởng quyền lợi hưu trí mỗi kỳ, số kỳ nhận quyền lợi hưu trí;	<p>khoản 1 này và tài sản hình thành từ lợi nhuận đầu tư của các nguồn trên”?</p> <p>Đề xuất làm rõ hơn trong tương hợp doanh nghiệp bảo hiểm góp vốn vào quỹ thì phân góp vốn góp của doanh nghiệp có là một phần hình thành lên quỹ hưu trí không.</p>	
Mục Phân IV	Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thoả thuận về mức hưởng quyền lợi hưu trí mỗi kỳ, số kỳ nhận quyền lợi hưu trí;	<p>Bảo Việt: Đề xuất làm rõ mức quyền lợi hưu trí cho kỳ đầu tiên ko bị hạn chế, có thể chi trả lên đến 90%?</p>	<p>Giải trình Đề nghị giữ nguyên vì đây là quy định cũ và trong quá trình áp dụng không có vướng mắc.</p>
Mục Phân IV	<p>4. Phí Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động lựa chọn bảng tỷ lệ tử vong và bảng tỷ lệ thương tật toàn bộ vĩnh viễn để tính phí bảo hiểm rủi ro. Trong mọi trường hợp, tỷ lệ tử vong áp dụng không cao hơn 50% bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 và tỷ lệ thương tật toàn bộ vĩnh viễn không cao hơn 10% tỷ lệ tử vong áp dụng.</p>	<p>Sun Life: Đề xuất áp dụng mức tỷ lệ tử vong cho sản phẩm hưu trí tương đương với tỷ lệ tử vong cho sản phẩm liên kết đầu tư khi tính toán phí bảo hiểm rủi ro (đề xuất là tối đa 80% CSO80 cho tỷ lệ tử vong, dựa theo tài liệu BTC đã chia sẻ tại cuộc họp ngày 31/8). Mức nêu tại dự thảo đang thấp hợp mức áp dụng cho sản phẩm liên kết đầu tư.</p> <p>Sản phẩm hưu trí được áp dụng tham định nhóm hoặc tham định đơn giản, do đó rủi ro còn có thể cao hơn tỷ lệ tử vong đối với tham định chuẩn. Trên thực tế hoạt động của Công ty từ năm 2013 tới nay, sản phẩm hưu trí có tỷ lệ tử vong không thấp hơn</p>	<p>Tiếp thu: Sửa tại dự thảo như sau: Phí rủi ro là khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng tối đa 80% bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 để tính phí rủi ro đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro cơ bản của sản phẩm bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm sử dụng tỷ lệ phí rủi ro cao hơn 80% bảng tỷ lệ tử vong CSO, doanh nghiệp bảo hiểm phải giải trình được tình hợp lý, điểm đặc trưng của</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến của doanh nghiệp	Ý kiến tiếp thu, giải trình
Phân loại Phụ lục Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	tài sản hình thành từ nguồn phí bảo hiểm, nguồn đóng góp của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ quy định tại điểm a khoản 1 này và tài sản hình thành từ lợi nhuận đầu tư của các nguồn trên	bảo hiểm và phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi các khoản phí ban đầu (tương tự như Quỹ liên kết đơn vị)	quy định về phí bảo hiểm đã bao gồm phí bảo hiểm đóng thêm.
Điểm Mục Phân Phụ Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của quỹ hưu trí tự nguyện thuộc về người được bảo hiểm.	Bảo Việt: Nguyên tắc này không phù hợp với nguyên tắc Actuary và thực tế triển khai sản phẩm, Đề xuất điều chỉnh thành: "Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn phí bảo hiểm phân bổ cho Chủ hợp đồng của quỹ hưu trí tự nguyện thuộc về Người được bảo hiểm"	<u>Giải trình</u> Đề nghị giữ nguyên vì đây là quy định cũ và trong quá trình áp dụng không có vướng mắc.
Mục Phân Phụ Hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa không quá 20% tổng giá trị tài sản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện.	Bảo Việt: Quy định này có mâu thuẫn với quy định tại Khoản 2, Điều 52 hay không. Cần nhắc tại Điều 52 đưa ra quy định cho từng quỹ chủ hợp đồng và không bỏ quy định về đầu tư tại phụ lục. Theo cách khác, định tại điều 52 chỉ áp dụng với các quỹ truyền thống và phụ lục quy định về đầu tư theo từng quỹ. Đề xuất làm rõ quy định này có mâu thuẫn với Khoản 2 Điều 52 hay không và phương án quy định rõ ràng.	<u>Giải trình</u> Quy định về đầu tư tại dự thảo mục đích tránh rủi ro tập trung và rủi ro đầu tư. Đây là quy định cũ và trong quá trình áp dụng không có vướng mắc.
Khoản Mục Phân Phụ	Việc đầu tư vào cổ phiếu đã phát hành của một doanh nghiệp, trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 5% khối lượng mỗi lần phát hành và không được vượt quá 5% tổng	Bảo Việt: Đề nghị bỏ nội dung này để doanh nghiệp có thể đàm phán được khối lượng và mức lợi suất tốt hơn	<u>Giải trình</u> Quy định về đầu tư tại dự thảo mục đích tránh rủi ro tập trung

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến của doanh nghiệp	Y kiến tiếp thu, giải trình
Điều khoản b) 3 Phụ lục khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	b) Thông tin trong tài liệu giới thiệu sản phẩm chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực và phù hợp với sản phẩm bảo hiểm hưu trí đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.	Bảo Việt: Theo Luật KDBH mới thì điều khoản không được Bộ Tài chính phê chuẩn nữa mà Bộ chỉ phê chuẩn phương pháp, cơ sở kỹ thuật tính phí bảo hiểm. Đề xuất sửa đổi cho phù hợp với quy định về phê chuẩn tại Luật Kinh doanh bảo hiểm mới.	Tiếp thu: Sửa tại dự thảo: Thông tin trong tài liệu giới thiệu sản phẩm chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực và phù hợp với sản phẩm bảo hiểm hưu trí đã đăng ký với Bộ Tài chính.
Phần VII – Phụ lục khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí	5. Thông báo về tình trạng hợp đồng bảo hiểm	Pwc: Cần nhắc làm rõ khung chính sách lập báo cáo của báo cáo kết quả hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện, trong đó làm rõ: <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin nào là thông tin tài chính quá khứ - Thông tin nào là thông tin tài chính, nhưng không phải thông tin tài chính quá khứ - Thông tin nào là không phải thông tin tài chính. - Tương ứng với từng loại thông tin ở trên, cần nhắc nêu rõ chuẩn mực mà doanh nghiệp kiểm toán phải áp dụng để thực hiện là chuẩn mực nào. Cần nhắc làm rõ yêu cầu “xác nhận” là gì theo Luật kiểm toán độc lập và chuẩn mực kiểm toán. - Cần làm rõ cụm từ “dự kiến sẽ phân bổ” có phải đang nói về một loại dự phòng nghiệp vụ được lập tuân theo những quy định hiện hành về dự phòng cho nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí tự nguyện hay không. 	Giải trình: Dự thảo đã quy định mẫu về tình trạng của hợp đồng bảo hiểm hưu trí và thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện do Bộ Tài chính quy định. Vì vậy Đề nghị giữ nguyên vì đây là quy định cũ và trong quá trình áp dụng không có vướng mắc

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến của doanh nghiệp	Ý kiến tiếp thu, giải trình
Phụ lục triển sản bảo hiểm hưu trí	Chi quản lý đại lý bao gồm chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý.	<p>hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác trong hợp đồng đại lý bảo hiểm;</p> <p>1) Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm: Chi đào tạo và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyên dụng đại lý, chi quản lý tổ chức hệ thống đại lý bảo hiểm cá nhân bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho tổ chức thực hiện quản lý đại lý bảo hiểm, chi quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm cá nhân;</p> <p>- Đề xuất điều chỉnh lại nội dung chi được chi trả cho đại lý bảo hiểm hoa hồng bảo hiểm và chi quản lý đại lý cho phù hợp với quy định tại điểm d và l Khoản 3 Điều 57 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Đề phù hợp với thông lệ thị trường, đề xuất làm rõ, sửa cụm từ: "<u>chi quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm cá nhân</u>" thành "<u>chi cho đại lý cá nhân thực hiện quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của đại lý bảo hiểm cá nhân khác</u>".</p>	

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN PHỤ LỤC TRIỂN KHAI NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
Phụ lục	Phụ lục triển khai sản phẩm liên kết đầu tư	Bảo Việt: Đề xuất chuyển sang thông tư hướng dẫn để khi cần sửa đổi, bổ sung thì chỉ sửa đổi bổ sung thông tư, không ảnh hưởng đến Nghị định	Giải trình: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật kinh doanh bảo hiểm đã quy định Chính phủ quy định chi tiết các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ. Do vậy, việc hướng dẫn nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị được Chính phủ hướng dẫn và không chuyên xuống quy định tại Thông tư.
I.2.a	<p>2. Quyền lợi bảo hiểm liên kết đầu tư</p> <p>a. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro: bao gồm quyền lợi tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thoả thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro nhưng phải đảm bảo quyền lợi tối thiểu trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong theo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 125% của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy thuộc vào số nào lớn hơn; - Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí định kỳ: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc năm (05) lần của số phí bảo hiểm cơ bản, tùy thuộc vào số nào lớn hơn; <p>- Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp</p>	<p>Bảo Việt, Manulife, Dai-ichi: Cần làm rõ thêm quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn là bắt buộc hay không và nên có khái niệm về quyền lợi</p> <p>Generali: Đối với thuật ngữ “số phí bảo hiểm cơ bản” cần làm rõ đây có phải là phí bảo hiểm cơ bản của năm hợp đồng đầu tiên?</p>	<p>Tiếp thu: Đã điều chỉnh tại dự thảo</p> <p>Tiếp thu: Đã điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Điều khoản	Kiến nghị	Giải trình
	<p>đầu tư.</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm có thể thỏa thuận thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư nhưng không được vượt quá 4 năm. Việc xác định thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu phải đảm bảo phù hợp với sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho khách hàng và các quy định tại Phụ lục này. Trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm định kỳ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư không bị mất hiệu lực trong thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu.</p>	<p>Cathay: a/Phí bảo hiểm cơ bản: Định nghĩa này không phù hợp với thiết kế chọn phí cơ bản, chọn STBH như tại ULC. Kiến nghị chỉnh sửa: “Phí bảo hiểm cơ bản là khoản phí bảo hiểm: - do khách hàng lựa chọn và số tiền bảo hiểm được lựa chọn dựa trên khoản phí cơ bản này; hoặc - được xác định dựa trên số tiền bảo hiểm do khách hàng lựa chọn. Phí bảo hiểm cơ bản được quy định tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.”</p>	<p>Giải trình: Đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư là linh hoạt đóng phí và phân phí bảo hiểm đem đi đầu tư cho khách hàng căn cứ trên khoản tiền nhận rồi khách hàng có. Việc đưa ra quy định về thời gian đóng phí bắt buộc nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bù đắp phần chi phí ban đầu khai thác bảo hiểm cũng như tạo điều kiện để duy trì hiệu lực hợp đồng bảo hiểm trong một khoảng thời gian nhất định. Do vậy, việc quy định một thời gian đóng phí bắt buộc dài sẽ không đảm bảo được tính linh hoạt đóng phí của sản phẩm bảo hiểm.</p>
		<p>Manulife, Prudential: Công ty đề xuất tăng thời gian đóng phí bắt buộc hoặc quy định thời gian đóng phí theo hướng là thời gian bắt buộc đóng phí tối thiểu thay vì tối đa.</p>	
I.3.b gạch đầu	3. Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư	Bảo Việt: Đề xuất xác định rõ “phí bảo hiểm lần đầu” ở đây là gì, nếu HD đóng phí 1 lần thì chỉ có Phí 1 lần	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	<p>đồng bảo hiểm.</p> <p>Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí định kỳ: Tổng phí ban đầu được khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản trong 5 năm hợp đồng đầu tiên không vượt quá 140% phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư trong đó phí phân bổ vào giá trị tài khoản trong năm hợp đồng đầu tiên không thấp hơn 30% phí bảo hiểm cơ bản. Từ năm hợp đồng thứ 6, doanh</p>	<p>khoản 4 Mục 1 của Phụ lục hoặc bổ sung quy định doanh nghiệp được tính các loại phí khác nếu được Bộ Tài chính chấp thuận khi đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí.</p> <p>Chubb, Manulife, Sunlife, BVNT, Prudential, FWD, MVI: Theo ý kiến của các Công ty, việc không chế phí ban đầu quá thấp đối với hợp đồng đóng phí một lần có thể làm hạn chế sự phát triển của loại định kỳ đóng phí này và chưa bù đắp được các khoản chi phí của Công ty để khai thác hợp đồng bảo hiểm.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Việc quy định tỷ lệ phí ban đầu tối đa được tính toán dựa trên việc đánh giá quyền lợi bảo hiểm cơ bản và đảm bảo thời gian hoàn vốn tối thiểu cho khách hàng đóng phí trong thời gian 10 năm trên cơ sở tổng hợp gia đình về các khoản phí</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
I.4.a đòng thứ 3, 4	<p>không thấp hơn 30% phí bảo hiểm cơ bản. Từ năm hợp đồng thứ 6, doanh nghiệp bảo hiểm không thực hiện khấu trừ khoản phí ban đầu</p> <p>Phí ban đầu được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 1% phí bảo hiểm đóng thêm mỗi năm và tối đa không vượt quá 10 năm hợp đồng đầu tiên.</p> <p>Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đóng phí một lần. Phí ban đầu được khấu trừ tối đa là 10% phí bảo hiểm đóng một lần</p>	<p>Generali, Daiichi, Manulife: Đề nghị vẫn cho tiếp tục thu phí ban đầu sau năm hợp đồng thứ 6 ở mức 2% và phí đóng thêm ở mức 2% do các năm sau vẫn phát sinh các khoản chi liên quan tới việc duy trì hợp đồng</p>	<p>Giải trình và tiếp thu: Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo theo hướng quy định tỷ lệ phí ban đầu được khấu trừ từ năm thứ 6 tới năm thứ 10 của hợp đồng.</p>
I.4(c)	<p>4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm</p> <p>...</p> <p>c. Phí rủi ro là được khấu trừ từ giá trị tài khoản của khách hàng, được dùng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng tối đa 80% bảng tỷ lệ CSO 1980 để tính phí rủi ro đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro cơ bản của sản phẩm bảo hiểm.</p>	<p>Chubb, Manulife, BVNT, MVI: Chúng tôi hiểu rằng quy định tối đa 80% bảng tỷ lệ từ vong CSO 1980 được áp dụng đối với các khách hàng có điều kiện sức khỏe chuẩn theo quy định thẩm định ở mỗi doanh nghiệp bảo hiểm và không áp dụng đối với các khách hàng có điều kiện sức khỏe dưới chuẩn. Trên cơ sở này, Công ty kiến nghị cần làm rõ thêm điểm này trong Nghị định.</p> <p>Manulife và MVI: Đề nghị tăng tỷ lệ COI và thống nhất với giá định tính phí của sản phẩm bảo hiểm truyền thống</p>	<p>Tiếp thu và đã điều chỉnh tại dự thảo đối với việc sử dụng tỷ lệ cao hơn 80% COI. Đối với đề nghị thông nhất tỷ lệ COI dùng trong tính phí của sản phẩm truyền thống là 75%, hiện tại, quy định của sản phẩm truyền thống tỷ lệ từ vong là 75%, tuy nhiên COI đối với sản phẩm liên kết đầu tư bao gồm thêm cả quyền lợi TTTBVV</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
I.4.d	<p>d. Phí hủy bỏ hợp đồng là khoản phí tính cho khách hàng khi hủy bỏ hợp đồng trước ngày đáo hạn để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan.</p>	<p>Generali: Chúng tôi nhận thấy cần điều chỉnh tên gọi của loại phí này thành “phí chấm dứt hợp đồng trước hạn” để phản ánh chính xác hơn sự kiện và hệ quả pháp lý của trường hợp này.</p> <p>Vì theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022 cũng như quy định của Bộ luật Dân sự 2015 thì hủy bỏ hợp đồng nghĩa là hợp đồng không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết và các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trong khi đó, sự kiện này chỉ là chấm dứt hợp đồng trước hạn, hợp đồng vẫn có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết cho đến khi bị chấm dứt. Theo đó, doanh nghiệp chỉ phải chi trả giá trị hoàn lại cho bên mua bảo hiểm.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
	<p>4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm</p>	<p>Daiichi: Câu hỏi: Chưa thấy qui định về phí rút tiền? khoản giảm thu nhập đầu tư từ trường hợp bên mua bảo hiểm vay từ giá trị tài khoản hợp đồng</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
Ý kiến chung		<p>Dai-ichi: Khi kết hợp cùng lúc các giới hạn (Phí phân bổ, COI, giá định rủi ro cho các sản phẩm bộ trợ...) các đánh giá kỹ thuật cho thấy lợi nhuận sản phẩm hiện tại tiến về gần sát 0, gây áp lực rất lớn tới hoạt động kinh doanh.</p> <p>Đề nghị các doanh nghiệp cùng phối hợp với cơ quan quản lý có thêm các đánh giá kỹ thuật và có các giới hạn cũng như lộ trình hợp lý hơn.</p>	<p>Tiếp thu</p>
I.7.a	<p>7. Phân tích nhu cầu khách hàng</p>	<p>Bao Việt: Điều 18 Luật</p>	<p>Tiếp thu và giải trình:</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
	<p>vấn viên cũng là bộ phận của HĐBH liên kết đầu tư là không cần thiết, làm phức tạp bộ HĐBH liên kết đầu tư.</p>		
	<p>Chubb: Theo quy định hiện tại, trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tiến hành phân tích nhu cầu và khả năng tham gia bảo hiểm của khách hàng và khách hàng phải xác nhận về việc hiểu rõ về sản phẩm bảo hiểm mà họ dự kiến mua, nhận thức rõ được quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư mà họ có thể gặp phải và các khoản phí mà doanh nghiệp bảo hiểm tính cho khách hàng. Bảng phân tích nhu cầu khách hàng có xác nhận của khách hàng này là một trong những căn cứ để doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm cho khách hàng, và thường được quy định, hướng dẫn thực hiện chi tiết trong quy trình thẩm định nội bộ của doanh nghiệp. Thêm vào đó, trong quá trình triển khai, đặc biệt với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị thì doanh nghiệp bảo hiểm cũng đã thực hiện các cuộc gọi, khảo sát với khách hàng để kiểm tra kết quả cung cấp thông tin và tư vấn sản phẩm của đại lý bảo hiểm cho khách hàng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và quy trình nội bộ của doanh nghiệp về việc triển khai sản phẩm.</p>		<p>Giải trình: Báo cáo tư vấn là một bộ phận của hợp đồng bảo hiểm là quy định hiện hành của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Đối với sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, việc phân tích nhu cầu là yêu cầu bắt buộc do sản phẩm này có yếu tố đầu tư và khách hàng sẽ hưởng kết quả đầu tư và chịu toàn bộ hoặc một phần từ hoạt động đầu tư của quỹ liên kết đầu tư. DO vậy việc đánh giá nhu cầu và thực hiện báo cáo kết quả tư vấn là cần thiết đối với các khách hàng có nhu cầu tham gia bảo hiểm liên kết đầu tư.</p>
		<p>Việc quy định mới yêu cầu thêm doanh nghiệp bảo hiểm phải có báo cáo kết quả tư vấn cho khách hàng sẽ phát sinh thêm các công tác, thủ tục hành chính bắt buộc mà không cần thiết, nên để doanh nghiệp chủ</p>	

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
		<p>là 1 bộ phận của HĐBH sẽ làm bộ hợp đồng bảo hiểm trở nên rất dài, và phần này không thiết thực cho khách hàng.</p> <p>Một số thông tin trong bảng phân tích có thể không chính xác với khách hàng nhưng nếu là 1 phần của HĐBH thì có thể bị DNBH sử dụng để chống lại KH nếu có tranh chấp sau này.</p> <p>Các nội dung yếu cầu KH xác nhận khá giống với nội dung của tài liệu minh họa bán hàng.</p>	<p>phảm bảo hiểm có yếu tố đầu tư.</p>
I.9	<p>9. Công khai thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư</p>	<p>SunLife: Hiện tại, với tính chất của các sản phẩm đầu tư, Doanh nghiệp bảo hiểm phân phối qua đại lý và không phân phối trực tiếp cho khách hàng, theo đó đại lý sẽ thiết lập Bảng minh họa cho khách hàng, nên việc quy định khách hàng có thể truy cập và tự thiết lập Bảng minh họa là không phù hợp với tình hình thực tế. Đề xuất điều chỉnh quy định này chỉ áp dụng trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm phân phối trực tiếp, không thông qua đại lý. Đối với các kênh bán hàng không trực tiếp, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ xây dựng Bảng minh họa đáp ứng quy định này với mức lãi suất cam kết và các mức lãi suất không vượt quá trung bình lãi suất thực tế trong 5 năm gần nhất (đối với liên kết chung).</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh một số nội dung có liên quan như mức lãi suất tối đa đề sử dụng trên website của DNBH, yêu cầu phân tích tư vấn sản phẩm bảo hiểm đối với bán hàng trực tiếp.</p>
I.9.a	<p>Công khai thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư Doanh nghiệp bảo hiểm công khai thông tin về sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư trên website của doanh nghiệp bảo hiểm và bao gồm tối thiểu các nội dung sau:</p> <p>a. Xây dựng bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm tương ứng với từng sản</p>	<p>Bảo Việt:</p> <p>1. Việc khách hàng tự lựa chọn mức lãi suất để dự thảo có thể sẽ không đem lại nhiều ý nghĩa cho quá trình cân nhắc tham gia HĐBH nếu như KH không phải là người có kiến thức nhất định về dòng sản phẩm (do khách hàng có thể lựa chọn những mức lãi suất quá thấp hoặc quá cao so với thực tế). Vì thế DNBH đề xuất sửa</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo theo hướng quy định về website dự kiến có thời gian là 6 tháng và quy định về mức lãi suất được lựa chọn trong việc xây dựng bảng minh họa tom tắt trên website.</p> <p>Việc xây dựng bảng minh họa tóm tắt tại các trang web của doanh nghiệp hỗ trợ</p>

Điều kiện khảo	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
		<p>Phần mềm có thể phải cần lượng máy chủ lớn bởi số lượng khách hàng là không đoán trước. Vì vậy doanh nghiệp cần phải có thời gian để đầu tư. Với BVNT, do phụ thuộc vào việc triển khai phân cứng (thường kéo dài > 1 năm) cũng như phải xây dựng phần mềm mới.</p> <p>Cathay: a/ Công khai hệ thống bảng minh họa cho khách hàng tự sử dụng là không khả thi vì sản phẩm phức tạp, cần nhiều điều kiện / thông tin để nhập. Kiến nghị công bố thông tin bảng minh họa mẫu, quy tắc điều khoản, và các văn bản khác nếu cần thiết. Việc xây dựng bảng minh họa cho sản phẩm liên kết đầu tư vẫn cần sự tư vấn từ đại lý.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Việc xây dựng bảng minh họa tóm tắt tại các trang web của doanh nghiệp hỗ trợ khách hàng trong việc kết đầu tư đánh giá các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư thông qua đánh giá về giá trị hoàn lại trên nền tảng chung các quyền lợi bảo hiểm cơ bản, quyền lợi đầu tư. Quy định này giúp công khai và minh bạch các quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư.</p>
		<p>Chubb, Manulife, BVNT, Generali, Cathay: Việc quy định bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm phải đảm bảo cho phép khách hàng lựa chọn minh họa mức lãi suất giả định do bên mua bảo hiểm lựa chọn sẽ khó khăn cho doanh nghiệp bảo hiểm trong việc xây dựng bảng minh họa. Theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm phải đầu tư nhiều chi phí để phát triển, nâng cấp hệ thống phục vụ cho việc xây dựng bảng minh họa này. Để xuất bỏ việc lựa chọn lãi suất hoặc quy định một số mức lãi suất cụ thể hoặc chỉ để bảng minh họa mẫu.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo theo hướng quy định về mức lãi suất được lựa chọn trong việc xây dựng bảng minh họa tóm tắt trên website.</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	<p>hiện công khai website của doanh nghiệp về giá bán, giá bán đơn vị của quỹ liên kết đơn vị; giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị của quỹ liên kết đơn vị chậm nhất vào ngày làm việc ngay sau ngày định giá. Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm khách hàng tra cứu được trên website của doanh nghiệp thông tin về giá trị đơn vị quỹ của các tuần liên kế của ba (03) năm trước đó.</p>	<p>giá bán đơn vị của quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị của quỹ liên kết đơn vị"</p> <p>Prudential: Nên thống nhất về thời gian tra cứu là 3 năm hay 5 năm với mục 9b, phụ lục nghị định này.</p> <p>"Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm khách hàng tra cứu được trên website của doanh nghiệp thông tin về giá trị đơn vị quỹ của các tuần liên kế của ba (03) năm trước đó."</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbn triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc</p>
I.10	<p>10. Sản phẩm bảo hiểm bảo trợ</p> <p>b. Trong mọi trường hợp, việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bảo trợ không ảnh hưởng tới quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm chính.</p>	<p>Bảo Việt: - Đề xuất làm rõ Điều b "việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bảo trợ không ảnh hưởng tới quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm chính." có mâu thuẫn với Điều d "việc khấu trừ phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bảo trợ làm ảnh hưởng tới giá trị tài khoản của sản phẩm chính" hay không.</p> <p>- Quy định "Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bảo trợ và việc khấu trừ phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bảo trợ làm ảnh hưởng tới giá trị tài khoản của sản phẩm chính, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo tình trạng hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm để quyết định tiếp tục tham gia các sản phẩm bảo hiểm bảo trợ trong thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm".</p> <p>Đề xuất làm rõ trường hợp khách hàng đã đồng ý trước khi tham gia bảo hiểm bằng văn bản cho DNBH khấu trừ phí bảo hiểm của SPBT thì DNBH có được thực hiện khấu trừ tự động phí rủi ro của SPBT trong trường hợp phí SPBT đóng không đúng đúng thời hạn không?</p>	<p>Tiếp thu và giải trình</p> <p>Cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh lại để làm rõ nội dung liên quan tới khấu trừ phí của sản phẩm bảo hiểm bảo trợ</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
	<p>d. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể thiết kế sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ với phương pháp tính phí bảo hiểm và phân bổ phí bảo hiểm tương tự với sản phẩm bảo hiểm chính và đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng các khoản phí ban đầu, phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ, phí quản lý quỹ, phí hủy bỏ hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hỗ trợ. - Phí ban đầu của sản phẩm hỗ trợ không bao gồm chi phí cố định đã được tính trong cơ sở tính phí của sản phẩm bảo hiểm chính; - Phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ tối đa không vượt quá 130% bảng tỷ lệ rủi ro tương ứng dùng trong cơ sở tính phí. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ và việc khấu trừ 	<p>Điểm b) và c) có thể mâu thuẫn nhau, DN có thể đưa vào trong qui tắc điều khoản sản phẩm để thỏa thuận với khách hàng về việc tự động khấu trừ tài khoản hợp đồng để đóng phí BH.</p> <p>Dai-ichi: Để thuận tiện cho khách hàng, cho phép bên mua bảo hiểm thỏa thuận với DN việc tự động trích từ giá trị tài khoản để đóng phí cho sản phẩm hỗ trợ: “c. Doanh nghiệp bảo hiểm không được tự động khấu trừ từ giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ, trừ khi có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm.”</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p> <p>Đôi với nhóm ý kiến liên quan tới mức trần phí ban đầu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và làm rõ tại dự thảo, đồng thời quy định bổ sung các trường hợp sử dụng tỷ lệ COI cao hơn mức tối đa tại PHụ lục.</p>
<p>Manulife, Generali, FWD, Prudential, Daiichi : Đề xuất tăng Phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ tối đa không vượt quá 150% do chưa có nhiều dữ liệu/kinh nghiệm về độ tin cậy của tỷ lệ rủi ro.</p> <p>Chubb: Đối với các quyền lợi bảo hiểm khác (morbidity) ngoài quyền lợi tử vong, tỷ lệ rủi ro thường có biên động theo thời gian do tác động của điều kiện kinh tế, môi trường sống, biến đổi khí hậu, sự phát triển của y học ... Trong khi hợp đồng bảo hiểm là cam kết dài hạn, các công ty tái bảo hiểm từ chối cam kết giữ phí tái trong dài hạn, dẫn đến các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chịu toàn bộ rủi ro khi tỷ lệ bồi thường có biến động lớn. Để hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp bảo hiểm, cũng như gián tiếp tạo điều kiện để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo hiểm theo nhu cầu đa dạng của khách hàng (doanh nghiệp có thể thu hẹp hoặc dừng khai thác một số nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, bệnh hiểm nghèo,... nếu thấy quá rủi ro), Công ty đề nghị được phép áp dụng quy định</p>			

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Điều khoản	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
		<p>đóng phí, theo đó, quy định về việc thông báo này có áp dụng cho giai đoạn này nữa không?</p> <p>Nhằm đề DNBH hiểu rõ và đáp ứng quy định tại Mục này, kính mong BTC có hướng dẫn cụ thể, bao gồm cả các thác mắc i, ii, iii.</p> <p>Phí rủi ro bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ tối đa không vượt quá 130% bảng tỷ lệ rủi ro tương ứng dùng trong cơ sở tính phí.</p> <p>Đề nghị loại trừ quy định này cho sản phẩm bổ trợ từ vong/ TTB&VV. Cho phép Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bổ trợ này, bằng với phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính để đảm bảo tính thống nhất về phí bảo hiểm rủi ro của cùng một loại rủi ro</p>	
		<p>Đaichibi:</p> <p>Đề nghị làm rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản phí khác tính cho bên mua bảo hiểm không được vượt quá mức phí, tỷ lệ phí tối đa áp dụng tại hợp đồng bảo hiểm chính.” <p>Hay “người được bảo hiểm khác”</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh làm rõ tại dự thảo.</p>
I.11	Mục I – Điểm 11. Chế độ báo cáo	<p>FWD: Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc giãn cách báo cáo đánh giá định kỳ của Chuyên gia tinh toán lên hàng quý thay vì hàng tháng, vì nếu là báo cáo đánh giá thì định kỳ hàng quý mới có ý nghĩa.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbnh triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
	<p>b. Tỷ lệ, số tiền cụ thể và mức tối đa của các khoản phí liên quan đến hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được tính cho khách hàng;</p> <p>c. Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm để đầu tư vào quỹ liên kết chung;</p> <p>d. Cách thức xác định quyền lợi đầu tư từ quỹ liên kết chung;</p> <p>đ. Các lựa chọn để bên mua bảo hiểm thay đổi quyền lợi rủi ro, tỷ lệ phí bảo hiểm phân bổ vào quỹ liên kết chung và thời gian gia hạn nộp phí bảo hiểm.</p>	<p>Vui lòng làm rõ “tỷ lệ phí bảo hiểm phân bổ vào quỹ liên kết chung”.</p> <p>Daiichi: đ. Các lựa chọn để bên mua bảo hiểm thay đổi quyền lợi bảo hiểm rủi ro, tỷ lệ phí bảo hiểm phân bổ vào quỹ liên kết chung và thời gian gia hạn nộp phí bảo hiểm.</p>	
II.3.d	<p>3. Tài liệu giới thiệu sản phẩm</p> <p>d) Cơ sở và định kỳ xác định quyền lợi đầu tư của hợp đồng bảo hiểm từ quỹ liên kết chung</p>	<p>MAP: Quý Bộ vui lòng làm rõ giúp “đ) Cơ sở và định kỳ xác định quyền lợi đầu tư của hợp đồng bảo hiểm từ quỹ liên kết chung” là như thế nào?</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbn triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc</p>
Mục II.3.d	<p>Mục II.3.đ trong Phụ lục Triển khai Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết đầu tư</p> <p>Mục II.4.đ trong Phụ lục Triển khai Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết đầu tư</p>	<p>FWDA: Quy định nội dung trong tài liệu giới thiệu sản phẩm và tài liệu minh họa bán hàng cần điều chỉnh lại để phù hợp hơn.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
II.4.a	<p>4. Tài liệu minh họa bán hàng</p> <p>a. Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung phải được cung cấp cho khách hàng trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và phải có thông tin tối thiểu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính.</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất cung cấp mẫu quy định</p>	
II.4.d	<p>d. Đối với các sản phẩm bảo hiểm cho phép linh hoạt đóng phí sau thời gian đóng phí bắt buộc, minh họa bán hàng minh họa rõ quyền lợi của khách hàng trong ít nhất hai (02) trường hợp: bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí theo thời hạn hợp đồng; bên mua bảo hiểm chỉ đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc.</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất không bắt buộc minh họa trường hợp BMBH chỉ đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc (ví dụ BMBH chỉ đóng 4 năm đầu tiên). Trường hợp này mẫu thuận với việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung là một cam kết dài hạn. Ngoài ra, trong tình huống này, PAV sẽ về 0 rất nhanh (Phí ban đầu 3-4 năm đầu tiên rất cao, nếu KH chỉ đóng phí bảo hiểm 4 năm đầu tiên thì PAV sẽ rất thấp và về 0 sớm).</p> <p>Đề xuất làm rõ quy định về Minh họa này nếu áp dụng thì có thời gian chuyển tiếp là 6 tháng hay 2 năm. Đề xuất là 2 năm, vì ảnh hưởng nhiều đến việc chỉnh sửa hệ thống của DNBH.</p> <p>Manulife: Đề xuất: Minh họa thời hạn đóng phí theo nhu cầu của khách hàng.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	<p>- Các khoản phí phát sinh trong năm chi tiết theo phí rủi ro bảo hiểm và các khoản phí khác;</p> <p>- Tổng số phí bảo hiểm đã đóng và số phí bảo hiểm được phân bổ vào quỹ liên kết chung trong năm báo cáo;</p> <p>- Kết quả đầu tư và lại suất đầu tư công bố từ phân phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết chung.</p>		
	<p>III Bảo hiểm liên kết đơn vị</p>		
<p>III.1.a</p>	<p>1. Tên gọi và thiết kế sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị</p> <p>a. Tên của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phù hợp với tính chất của sản phẩm bảo hiểm và phải đảm bảo có thành tố “Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị” trong tên của sản phẩm bảo hiểm.</p>	<p>SunLife: Đề xuất: Nên quy định rõ đây là tên kỹ thuật và Công ty cần đảm bảo tên kỹ thuật này thể hiện trên Quy tắc và điều khoản để khách hàng có đầy đủ thông tin khi tham gia.</p> <p>Daiichi: Câu hỏi: Quy định tên gọi này áp dụng cho tên thương mại? Nếu áp dụng cho tên thương mại sẽ dài dòng trên các văn bản và khó cho doanh nghiệp khi ghép thành tố này cùng tên thương mại.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định này nhằm xác định rõ tính chất của sản phẩm và áp dụng cho tất cả các tên gọi của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.</p>
<p>III.1.b.</p>	<p>b. Ngôn ngữ sử dụng tại các tài liệu, thông tin liên quan đến sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị là tiếng Việt. Đối với tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, phòng chữ sử dụng là Time New Roman, cỡ chữ tối thiểu là 12 hoặc phông chữ khác với cỡ chữ tương đương và phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.</p>	<p>Dai-ichi: Các sp cần nhắc đồng nhất về quy định cỡ chữ tối thiểu là 12. Sản phẩm hưu trí đang quy định là 13 (điều 6 ngôn ngữ sử dụng của sản phẩm hưu trí)</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
III.4.b gạch đầu dòng thứ nhất	<p>tiêu của quỹ liên kết đơn vị trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm nhận được phí bảo hiểm</p> <p>g. Trong mọi trường hợp, quỹ liên kết đơn vị phải được quản lý và sử dụng đầu tư phù hợp với mục tiêu, chính sách đầu tư và chế độ tài chính áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm</p> <p>Mỗi quỹ liên kết đơn vị không được đầu tư vào quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, trừ trái phiếu Chính phủ</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất làm rõ trái phiếu Chính phủ ở đây có được hiểu bao hàm cả các công cụ khác của Chính phủ không; công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu doanh nghiệp bảo lãnh chính phủ...</p> <p>MAP: Nên sử dụng thông nhất từ “đền bù” hoặc “bồi thường” trong toàn bộ quy định. MAP Life đề xuất nên sử dụng từ “bồi thường” sẽ phù hợp với quy định pháp luật về dân sự.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
III.5	<p>5. Định giá quỹ liên kết đơn vị</p>	<p>Prudential: Cần làm rõ quy định về việc định giá trong thời gian nghỉ lễ để phù hợp với thông lệ thị trường trong thời gian này không có giao dịch.</p>	<p>Giai trình:</p> <p>Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbn triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc. Ngoài ra, thuật ngữ này cũng phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong quỹ đầu tư chứng khoán khi thực hiện phải đền bù cho nhà đầu tư khi định giá sai</p> <p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo.</p>
III.5.a.	<p>5. Định giá quỹ liên kết đơn vị</p> <p>a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải định giá tài sản của quỹ liên kết đơn vị theo định kỳ tối thiểu một tuần một lần, theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ liên kết đơn vị.</p>		

Diện tích Khóa	Nội dung đang được quy định (trong Dự thảo)	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
III.7.a và III.7.b gạch đầu dòng thứ 2	<p>Việc mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể thực hiện thông qua đại lý bảo hiểm hoặc bên mua bảo hiểm trực tiếp thực hiện với doanh nghiệp bảo hiểm tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc trung tâm dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>Có đơn yêu cầu mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị theo mẫu của doanh nghiệp bảo hiểm, trong đó nêu rõ số tiền muốn mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị, tỷ lệ % vào mỗi quỹ liên kết đơn vị và ký tên trên đơn yêu cầu mua thêm đơn vị quỹ liên kết đơn vị.</p>	<p>không con phù hợp và lỗi thời, thậm chí ngăn cản việc áp dụng công nghệ. Do vậy nên cân nhắc cho phép áp dụng các hình thức xác nhận khác bên cạnh ký tên.</p>	Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo
III.7.	<p>a. Bên mua bảo hiểm có quyền mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị cho doanh nghiệp bảo hiểm. Việc mua thêm hoặc bán lại đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể thực hiện thông qua đại lý bảo hiểm hoặc bên mua bảo hiểm trực tiếp thực hiện với doanh nghiệp bảo hiểm tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc trung tâm dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm.</p>	<p>Generali: Với các yêu cầu này, khách hàng cũng có thể thực hiện thông qua giao dịch trực tuyến hoặc gửi yêu cầu bằng văn bản thông qua bưu điện. Do đó, kiến nghị ban soạn thảo xem xét điều chỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thực hiện các giao dịch và phù hợp với xu thế 4.0.</p>	Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo
		<p>Dai-ichi: Trong thực tế DN nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp của KH về việc hỗ trợ các yêu cầu điều chỉnh KH có thể yêu cầu qua ứng dụng/app quản lý hợp đồng, không cần lên tại quầy hoặc qua đại lý. Vì vậy, cân nhắc cho phép Bên mua bảo hiểm được thực hiện thông qua ứng dụng/app quản lý hợp đồng dành cho các khách hàng hiện hữu của DN để tạo sự thuận tiện và tăng trải nghiệm tốt cho khách hàng.</p> <p>Câu hỏi: Việc ký tên có thể hiểu bao gồm chữ ký điện</p>	Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	bảo hiểm, trong đó nêu rõ số đơn vị quỹ liên kết đơn vị muốn bán hoặc tỷ lệ % vào mỗi quỹ liên kết đơn vị muốn bán và ký tên trên đơn yêu cầu bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị.		
III.8	8. Hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị	<p>FWD: Tương tự như ý kiến ở Mục II – Đây chỉ là các điều khoản cơ bản của sản phẩm BH LKĐV chứ không phải là hợp đồng.</p> <p>MAP: Nên bỏ dẫn chiếu cụ thể về số của Luật (số 08/2022/QH15), khi ghi cụ thể như vậy, nếu có Luật sửa đổi bổ sung thì cũng sẽ cần phải sửa đổi Nghị định tại nội dung này.</p>	Tiếp thu và thực hiện điều chỉnh tổng thể theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp khi thực hiện dẫn chiếu Luật.
III.9	9. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị		
III.9.a gạch đầu dòng thứ 2	<p>III Bảo hiểm liên kết đơn vị</p> <p>Điểm 9 – Quyền, nghĩa vụ của BMBH</p> <p>Tạm ngưng đóng phí bảo hiểm sau khoảng thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Sau khi khách hàng ngưng đóng phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, các khoản phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị tài khoản hàng tháng của khách hàng;</p>	<p>FWD: HD chỉ có thể tiếp tục duy trì hiệu lực nếu còn giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm.</p> <p>Daiichi: Đề xuất điều chỉnh thành: a. Quyền của bên mua bảo hiểm Tạm ngưng đóng phí bảo hiểm sau khoảng thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Sau khi khách hàng ngưng đóng phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì, các khoản phí rủi ro bảo hiểm, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ hàng tháng từ giá trị tài khoản của khách hàng</p>	Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo
III.9.a gạch đầu dòng thứ 3	<p>III Bảo hiểm liên kết đơn vị</p> <p>Điểm 9 – Quyền, nghĩa vụ của BMBH</p> <p>Rút một phần hoặc toàn bộ giá trị tài</p>	<p>Cathay: Về bản chất, SPLKĐV không rút từ GTTK được. Do đó, kiến nghị điểm này đổi thay Mua/bán số đơn vị quỹ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p>	Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo

Điều khoản	Nội dung (đang được quy định trong Dự thảo)	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
III.9.b	<p>- Đọc kỹ các tài liệu giới thiệu sản phẩm, tài liệu minh họa bán hàng, các tài liệu khác do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp và ký vào các tài liệu do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp;</p>	<p>Daiichi: Cần nhắc chính lại như sau để linh hoạt hơn cho KH: “Việc tăng hoặc giảm số tiền bảo hiểm có hiệu lực vào năm hợp đồng bảo hiểm kế tiếp hoặc kỳ phí định kỳ kế tiếp sau khi yêu cầu của bên mua bảo hiểm được chấp thuận, tùy theo thỏa thuận;”</p> <p>Generali, MAP: Để phù hợp cho các phương thức giao dịch (cả giấy lẫn điện tử) chúng tôi kiến nghị thay từ “ký” bằng “xác nhận”.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
III.10	<p>10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị</p>	<p>MAP: Nên bỏ dẫn chiếu cụ thể về số của Luật (số 08/2022/QH15), khi ghi cụ thể như vậy, nếu có Luật sửa đổi bổ sung thì cũng sẽ cần phải sửa đổi Nghị định tại nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu và sẽ điều chỉnh đồng nhất với việc dẫn chiếu chung của Nghị định</p>
III.10.b gạch đầu dòng thứ 5	<p>10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị</p> <p>- Thông báo cho bên mua bảo hiểm khi có thay đổi về đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị;</p>	<p>Bảo Việt: Việc thay đổi: Đề xuất bỏ đoạn “khi có trong đánh giá triển vọng thay đổi về đánh giá trong tương lai của các triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư” rất chung chung, không có tiêu chí cụ thể, rất khó áp dụng trong thực tế.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
III.10.b gạch đầu dòng thứ 6, 8	<p>10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị</p> <p>b. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm [...]</p> <p>- Tư vấn và thông tin cho bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại mục Phụ lục này khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn</p>	<p>Chubb: Công ty xin có ý kiến đối với các nội dung của dự thảo như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm phải tư vấn và thông tin cho bên mua bảo hiểm mới các nội dung theo quy định tại Phụ lục này khi có sự thay đổi về bên mua bảo hiểm sẽ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai. Công ty kiến nghị bỏ quy 	<p>Giải trình:</p> <p>Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị với đặc trưng rủi ro đầu tư toàn bộ thuộc về khách hàng. Do vậy, việc khách hàng cần phải được tư vấn đầy đủ về quyền lợi và rủi ro bảo hiểm của sản phẩm để lựa chọn các quỹ liên kết đơn vị để đầu tư là cần</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
III.13. gạch đầu dòng thứ 2	<p>13. Thông báo cho bên mua bảo hiểm về tình trạng hợp đồng</p> <p>...</p> <p>- Kết quả hoạt động của mỗi quỹ liên kết đơn vị mà bên mua bảo hiểm đang nắm giữ các đơn vị quỹ với các nội dung sau:</p> <p>+ Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của quỹ liên kết đơn vị theo quy định của Bộ Tài chính</p>	<p>để khách hàng có thể hình dung được quyền lợi và trách nhiệm theo hợp đồng.</p> <p>Bảo Việt: Đề xuất quy định về mẫu biểu báo cáo tương tự như quy định tại Thông tư 52 và 135</p> <p>Cathay: Điểm này không áp dụng được do sp liên kết đơn vị hoạt động theo mua bán số đơn vị.</p> <p>Pwc, Hội kiểm toán viên hành nghề VN: Cần nhắc làm rõ trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm chưa chia hết kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung cho các chủ hợp đồng (tỷ suất đầu tư > lãi suất công bố) thì DNBH có cần thực hiện chia hết trong kỳ không. Cần nhắc nêu rõ hơn về mức chênh lệch được cho phép giữa tỷ suất đầu tư và lãi suất công bố.</p>	<p>khách hàng và khách hàng sẽ tự lựa chọn quỹ liên kết đơn vị. Quỹ liên kết đơn vị với danh mục đầu tư đa dạng và có chính sách đầu tư khác nhau và có thể đầu tư 100% vào cổ phiếu. Đây là danh mục có biến động lớn trên thị trường chứng khoán. Việc minh họa trong thời gian dài của hơn 20 năm sẽ không phản ánh chính xác được biến động của các quỹ liên kết đơn vị và có thể dẫn tới kỳ vọng sai về kết quả đầu tư cho khách hàng</p> <p>Tiếp thu và bổ sung các mẫu báo cáo</p>
III.14	<p>14. Hội đồng đầu tư</p>	<p>MAP: Vui lòng làm rõ yêu cầu "Một thành viên là luật sư của Doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Công ty mẹ của DNBH". Ở đây nên được hiểu người đó là người lao</p>	<p>Giai trình</p> <p>Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnhb triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc.</p> <p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
			<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
		<p>dùng chung cho toàn bộ hoạt động đầu tư (bao gồm Chủ sở hữu, Liên kết chung, ...) nên việc Hội đồng đầu tư của Quỹ Liên kết đơn vị thực hiện phê duyệt Quy chế, quy trình đầu tư là không phù hợp.</p>	
III.14.a gạch đầu dòng thứ nhất	<p>Thông nhất số tay định giá khi sử dụng nhiều hơn một (01) Công ty quản lý quỹ liên kết đơn vị.</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất làm rõ trong trường hợp DNBH chỉ sử dụng 01 Công ty quản lý quỹ thì Hội đồng đầu tư có cần phê duyệt Số tay định giá hay không?</p>	<p>Giải trình Nội dung này không cần làm rõ tại phần dự thảo do việc định giá quỹ liên kết đơn vị được thực hiện theo quỹ mở. Và theo quy định tại quỹ mở, việc định giá phải có số tay định giá</p>
III.14.a gạch đầu dòng thứ nhất	<p>Mọi thay đổi trong quy chế, chính sách và quy trình đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị phải được Hội đồng đầu tư thông qua trước khi áp dụng</p>	<p>Bảo Việt: Đề xuất sửa đổi "quy chế, chính sách và quy trình đầu tư" thành "chính sách đầu tư".</p>	<p>Giải trình Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbnh triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc.</p>
III.14.b	<p>Một (01) thành viên là luật sư của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc công ty mẹ của doanh nghiệp bảo hiểm, có trình độ chuyên môn về pháp luật trong lĩnh vực đầu tư</p>	<p>Bảo Việt, Prudential: Đề xuất nêu rõ các yêu cầu để chứng minh trình độ chuyên môn tương tự như thành viên về đầu tư, ví dụ như: "có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng". Đồng thời quy định rõ việc chứng minh luật sư có trình độ chuyên môn về pháp luật trong lĩnh vực đầu tư được thể hiện như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>
III.14.c	<p>c. Hội đồng đầu tư phải họp định kỳ hàng quý và có thể họp bất thường theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm</p>	<p>Bảo Việt: Theo quy định thì Hội đồng đầu tư sẽ tiến hành các hoạt động như phê duyệt chính sách, đóng Quỹ Liên kết đơn vị... là thường theo yêu cầu của các hoạt động không DNBH".</p>	<p>Giải trình Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbnh triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	<p>đơn vị và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị và báo cáo về danh mục đầu tư, về định giá và tình hình hoạt động của quỹ liên kết đơn vị theo quy định tại Thông tư này, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và hợp đồng ủy thác giữa doanh nghiệp bảo hiểm và công ty quản lý quỹ.</p>		
III.15.d	<p>15. Công ty quản lý quỹ d. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm với bất kỳ sai sót hoặc tồn thất nào gây ra do việc định giá sai theo hợp đồng ủy thác của doanh nghiệp bảo hiểm về quản lý quỹ liên kết đơn vị.</p>	<p>Đề nghị làm rõ: Prudential: Cần làm rõ phạm vi chịu trách nhiệm của công ty quản lý quỹ.</p>	<p>Giải trình Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành và các dnbn triển khai vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc. Việc phạm vi đền bù sẽ liên quan tới thỏa thuận giữa dnbn và công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.</p>
III.16.a	<p>16. Ngân hàng giám sát a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng ngân hàng giám sát để thực hiện các nhiệm vụ sau: - Lưu ký tài sản của các quỹ liên kết đơn vị theo quy định tại Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;</p>	<p>Bảo Việt, MAP, Cathay, Chubb, Prudential: Thông tư này đã hết hạn và được thay thế bởi thông tư 98/2020/TT-BTC, đề xuất xem lại dự thảo quy định này.</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
III.17. d, đ	<p>năng tài chính của khách hàng, thực hiện khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng từ đó đưa ra tư vấn sản phẩm phù hợp dành cho khách hàng;</p> <p>d. Tuân thủ quy định về báo cáo kết quả tư vấn khách hàng; đồng thời tương thuật quá trình tư vấn, giới thiệu, chào bán và thu xếp hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm thông qua các tài liệu ghi âm hoặc ghi hình quy định tại điểm mục... Phụ lục này;</p> <p>đ. Quá trình thực hiện một trong các hoạt động tư vấn, chào bán và thu xếp việc giao kết sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phải được thu âm hoặc thu hình.</p>	<p>Không đề cập rõ đến đào tạo quy trình tư vấn (chỉ nói là đào tạo kỹ năng và thực hành kỹ năng).</p> <p>Bảo Việt, Prudential, FWD, Chubb, MAP, Hanwha, Daiichi, Hiệp hội ngân hàng: Đề xuất bổ sung - Việc ghi hình hoặc thu âm có thực hiện được hay không thì phải có được sự đồng ý của khách hàng. Khách hàng có thể không đồng ý, dẫn tới việc khách hàng không tiếp cận được và DNBH không khai thác được sản phẩm liên kết đầu tư.</p> <p>- Nếu khách hàng không đồng ý mà vẫn ghi âm, ghi hình thì sẽ xâm phạm quyền nhân thân của khách hàng (quyền của cá nhân đối với hình ảnh của mình được quy định tại Điều 32 Bộ luật dân sự, quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân tại Điều 38 Bộ luật dân sự).</p> <p>- Trường hợp khách hàng đồng ý cho ghi âm, ghi hình thì thủ tục cũng phức tạp, tốn kém chi phí cho DNBH. Các hoạt động tư vấn thường kéo dài, có khách hàng cần tư vấn rất nhiều lần.</p> <p>- Yêu cầu về tiêu chuẩn file ghi âm, ghi hình để có thể sử dụng làm nguồn chứng cứ như thế nào trong trường hợp có phát sinh tranh chấp?</p> <p>- Tăng chi phí cho DNBH khi phải có hệ thống/công cụ/nguồn lực để thực hiện ghi âm, ghi hình, lưu trữ, kiểm tra, sử dụng. Biện pháp bảo hiểm phải được tính toán bổ sung cho phần chi phí này và thực tế khách hàng chính là người phải trả.</p> <p>- Trong khi đó, tài liệu minh họa, giấy yêu cầu bảo hiểm ... đều yêu cầu có chữ ký của khách hàng, thể hiện ý chí của khách hàng tham gia bảo hiểm. Báo cáo đại lý và Báo cáo kết quả tư vấn khách hàng (theo dự</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Việc ghi âm, ghi hình là cần thiết để đánh giá chất lượng tư vấn của đại lý, và giải quyết các tranh chấp phát sinh. Quy định này hiện chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị do sản phẩm này rủi ro thuộc toàn bộ về khách hàng và số phí đem đi đầu tư cao. Trong giai đoạn vừa qua, việc tư vấn sai về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị xảy ra khá phổ biến và tỷ lệ này đặc biệt cao đối với việc phân phối qua ngân hàng. Do vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất giữ nguyên quy định này nhằm nâng cao chất lượng tư vấn của đại lý. Để đảm bảo phù hợp với quy định, dự thảo đã điều chỉnh lại một số nội dung như thông báo cho khách hàng về việc thực hiện ghi âm/hình và bổ sung quy định liên quan tới bảo mật thông tin lưu trữ và quy định cụ thể mục đích sử dụng những tệp file dữ liệu này.</p> <p>Đề đảm bảo dnbnh có đủ thời gian chuẩn bị cơ sở vật chất và đào tạo cho đại lý, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất thời gian áp dụng quy định này là 01/7/2023.</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu giải trình
	liên kết đơn vị khác hoặc của doanh nghiệp bảo hiểm khác.	Nếu chỉ đưa ra con số mang tính chất thống kê để so sánh, đề KH tự đánh giá thì có được không?	vẫn đang thực hiện và không có vướng mắc.
III.18.a	<p>18. Doanh nghiệp bảo hiểm phải xây dựng mẫu phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm và bộ câu hỏi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của khách hàng theo các quy định sau</p> <p>18a. Mẫu phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm bao gồm nội dung tối thiểu như quyền lợi cung cấp của sản phẩm; mức phí bảo hiểm tối thiểu; những yếu tố ảnh hưởng tới quyền lợi bảo hiểm khi khách hàng chấm dứt hợp đồng trước hạn hoặc dừng đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hoặc rút trước giá trị tài khoản hoặc khi khách hàng kê khai không trung thực; các điều khoản loại trừ bảo hiểm; kết quả đầu tư thực tế của từng quỹ liên kết đơn vị trong ít nhất 5 năm hoặc toàn bộ thời gian hoạt động của quỹ nếu thời gian hoạt động của quỹ ít hơn 5 năm; đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị theo quy định tại mục...Phụ lục này; tình hình tài chính của bên mua bảo hiểm và khoản phí bảo hiểm và thời gian đóng phí dự kiến.</p>	<p>Bảo Việt: - Đề xuất đổi với Mẫu phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm: lược bỏ những thông tin trùng với Minh họa bảo hiểm, chỉ cần nêu các thông tin phục vụ cho việc phân tích nhu cầu và khả năng tài chính của KH (các thông tin về tình tài chính của BMBH, khả năng đóng phí bảo hiểm và thời gian có thể đóng phí). Đề xuất bỏ sung mẫu vào văn bản luật để các DNBH thống nhất thực hiện. - Đề xuất làm rõ các sản phẩm thuộc dòng liên kết đầu tư (gồm liên kết chung và Liên kết đơn vị) sẽ cần có 2 tài liệu là: Phân tích nhu cầu tham gia bảo hiểm và Bộ câu hỏi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro?</p> <p>SunLife: Đề xuất bỏ các nội dung “quyền lợi cung cấp của sản phẩm; mức phí bảo hiểm tối thiểu; những yếu tố ảnh hưởng tới quyền lợi bảo hiểm khi khách hàng chấm dứt hợp đồng trước hạn hoặc dừng đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hoặc rút trước giá trị tài khoản hoặc khi khách hàng kê khai không trung thực; các điều khoản loại trừ bảo hiểm; kết quả đầu tư thực tế của từng quỹ liên kết đơn vị trong ít nhất 5 năm hoặc toàn bộ thời gian hoạt động của quỹ nếu thời gian hoạt động của quỹ ít hơn 5 năm; đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị theo quy định tại mục...Phụ lục này” vì các thông tin này đã được đề cập tại Tài liệu giới thiệu sản</p>	<p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p> <p>Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo</p>

Điều khoản	Nội dung đang được quy định trong Dự thảo	Y kiến tham gia	Y kiến tiếp thu giải trình
	<p>tương đối thân trọng về đầu tư; Nhóm cân bằng về đầu tư; Nhóm tương đối mạo hiểm về đầu tư và Nhóm mạo hiểm về đầu tư. <u>Tương ứng với mỗi nhóm khách hàng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tư vấn quỹ liên kết đơn vị trong sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp nhiều quỹ liên kết đơn vị phải xác định mức độ chấp nhận rủi ro và phân loại nhóm khách hàng tương ứng với từng quỹ liên kết đơn vị. Báo cáo kết quả tư vấn phải có sự xác nhận của khách hàng và là một bộ phận của hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị.</u></p>	<p>⇒ Công ty đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung điểm c) này như sau:</p> <p><i>“c. Trên cơ sở các thông tin do khách hàng cung cấp khi trả lời các câu hỏi, doanh nghiệp bảo hiểm phải lập Báo cáo kết quả tư vấn xác định được mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng, chi tiết tới thiểu theo năm (05) nhóm khách hàng sau: Nhóm thân trọng về đầu tư; Nhóm tương đối thân trọng về đầu tư; Nhóm cân bằng về đầu tư; Nhóm tương đối mạo hiểm về đầu tư và Nhóm mạo hiểm về đầu tư. Tương ứng với mỗi nhóm khách hàng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tư vấn quỹ liên kết đơn vị trong sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp nhiều quỹ liên kết đơn vị phải xác định mức độ chấp nhận rủi ro và phân loại nhóm khách hàng tương ứng với từng quỹ liên kết đơn vị. Báo cáo kết quả tư vấn phải có sự xác nhận của khách hàng và là một bộ phận của hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị.”</i></p>	